NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 174 • OCTOBER 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Trung Thu, các em vẽ

Trung Tâm Vân Sơn Hân hạnh giới thiệu bộ Video

Vân Sơn 25 - Hoa Hậu Việt Nam Thế Giới Lần II

Một món quà tinh thần vui vẻ nhất trong dịp lễ Labor Day 1 tháng 9-2003

Đã được phát hành rộng rãi khắp nơi bằng DVD & Video Tape.

Điện thoại: (714) 799-1566 * Fax: (714) 799-1577

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

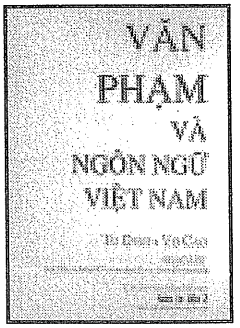

VĂN PHẠM VÀ NGÔN NGỮ VIỆT NAM
TU DINH, VO CAO

Lời nói và chữ viết được gọi chung là ngôn ngữ. Ngôn ngữ là phương tiện thông tin giữa con người với nhau. Thông tin sẽ không chính xác nếu không có **văn phạm**, tức là các nguyên tắc và qui tắc giúp cho một ngôn ngữ trở nên chính xác. Cuốn sách này giúp chúng ta dùng một cách chính xác ngôn ngữ Việt Nam.
Giá 18 Mỹ kim.

KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI

Khảo luận về tác phẩm Kim Dung của VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Bộ sách gồm bốn quyển: quyển thượng, ***Kiều Phong – khát vọng của tự do***; quyển trung, ***Thiên hạ đệ nhất mỹ nhân***; quyển hạ, ***Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo***; quyển kết, ***Thanh kiếm và cây đàn***. Có thể nói Vũ Đức Sao Biển là nhà "Kim Dung học" thông bác về tác phẩm Kim Dung nhất trong số người Việt Nam đọc tiểu thuyết của nhà văn võ hiệp này.
Trọn bộ bốn cuốn 964 trang giá 29 Mỹ kim.

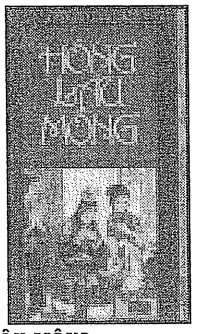

HỒNG LÂU MỘNG

Tiểu thuyết của ĐÀO TUYẾT CẦN, bản dịch VŨ BỘI HOÀNG, TRẦN QUẢNG

Là một bộ tiểu thuyết ra đời dưới triều Càn Long nhà Thanh, Hồng Lâu Mộng được đời sau coi là "tuyệt thế kỳ thư" (pho sách kỳ lạ nhất đời), thật sự phản ảnh toàn diện và sâu sắc gương mặt văn hóa Trung Hoa, là một bách khoa toàn thư về xã hội ấy. Văn hào Lỗ Tấn đã nói: "Từ khi Hồng Lâu Mộng ra đời, tư tưởng và cách viết truyền thống đã bị phá vỡ."
Toàn bộ hai cuốn bìa cứng 1,818 trang, giá 45 Mỹ kim.

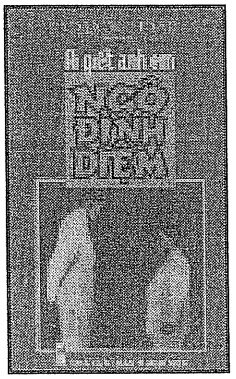

AI GIẾT ANH EM NGÔ ĐÌNH DIỆM

Biên khảo của QUỐC ĐẠI
Một cuốn biên khảo 576 trang, thuật lại đầy đủ các sự kiện cùng nguyên nhân, hậu quả xa gần của cuộc chính biến lật đổ chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm. Với tài liệu phong phú và giọng văn tương đối khách quan, tác giả đã kể lại một cách hấp dẫn các tình huống diễn ra trong chính biến này.
Giá 17 Mỹ kim.

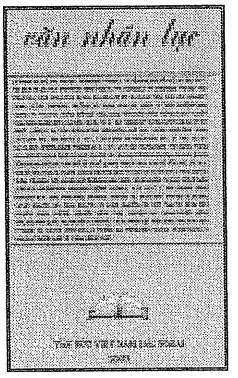

VĂN NHÂN LỤC

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI chủ trương.
Thực hiện bởi NGUYỄN QUANG HUY, NGHIÊU MINH, NGỌC ANH
Đây là một cố gắng đầu tiên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại để giới thiệu các nhà văn nhà thơ ở ngoài nước. Mỗi nhà văn nhà thơ được giới thiệu một cách vắn tắt tiểu sử và tác phẩm đã xuất bản kèm với hình ảnh.
Giá 12 Mỹ kim.

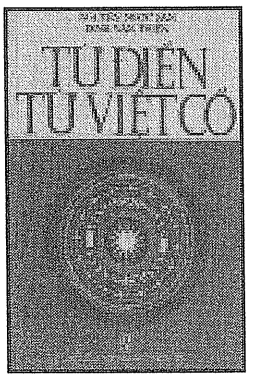

TỪ ĐIỂN TỪ VIỆT CỔ

Do NGUYỄN NGỌC SAN, ĐINH VĂN THIỆN biên soạn
Có nhiều từ ngữ thuần Việt đã có thời gian được sử dụng, nhưng đến nay chúng không còn được dùng mà chỉ còn tồn tại trong các tác phẩm cổ hoặc trong tục ngữ ca dao xưa. Các tác giả đã có công góp nhặt rất nhiều từ cổ như thế, giải thích, với ví dụ minh họa, để làm thành từ điển này.
Giá 10 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name:_____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) & Hội Văn Hóa Ngôn Ngữ Việt Nam (VNLC)

trân trọng giới thiệu

VIETNAMESE INTERNATIONAL FILM FESTIVAL (ViFF)

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM QUỐC TẾ lần thứ nhất

V I F F

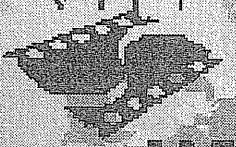

First Edition

Films Beyond Viet Nam

Trình chiếu phim truyện, phim ngắn, phim tài liệu, hoạt họa
do các đạo diễn gốc Việt tại hải ngoại
(Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Đức, Úc) thực hiện

Từ ngày 23 - 26 tháng 10 &
ngày 31 tháng 10 - 2 tháng 11, 2003

tại University of California, Irvine (UCI) campus, HIB 100

hosted by the UCI School of Humanities and Film & Video Center (FVC) at UCI

Lễ Khai Mạc diễn ra tại Rạp Edwards University 6, Irvine, 6:30 PM, Thứ Năm 23 tháng 10

Lễ Bế Mạc diễn ra tại thính đường HIB 100, UCI, 4:30 PM, Chủ Nhật 2 tháng 11

Để biết thêm chi tiết,
xin vào trang nhà www.VietFilmFest.com

Giá vé: $7 đồng hạng, $5 đặc biệt cho sinh viên, học sinh, quý vị cao niên (60+),
Hội viên VAALA hoặc mua trước tại trụ sở VAALA (714) 891-8172
Lễ Khai Mạc và Lễ Bế Mạc (có tiếp tân sau buổi chiếu phim): $20
Vé bán tại cửa 1 tiếng trước khi bắt đầu chiếu phim.

ViFF được bảo trợ bởi:

Nhật Báo Người Việt, Saigon TV, OC Weekly, OC Register, Asian Week, Tạp Chí Thế Kỷ 21, Việt Báo, Climax Global, Henry Fonda Theater, UCI Cross Cultural Center, UCI VSA, UCI VAC, Saigon Broadcasting Television Network (SBTN), Van Son Entertainement, Yeo's, Viet Nam California Radio (VNCR), Kicon.com, Phật Giáo Hòa Hảo, Bamboo Bistro, Brodard Restaurant, Phương Xe Khách, Ngụy Vũ và Hành Trình Biển Đông Foundation, Dr. Andrew Doanh Nguyễn & Linh Pharmacy, Dr. Nguyễn Nghị Luận, Dr. Quách Nhứt Trí, Dr. Steven Bùi, Dr. Michael Đào, Dr. Peter Nguyễn, Dr. Đỗ Cường Dũng, Dr. Nguyễn Hùng, Dr. Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm.

VAL DESIGNS (714) 227-0324

TRUNG TÂM VŨ LỤA
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

VŨ KHẮC KHOAN

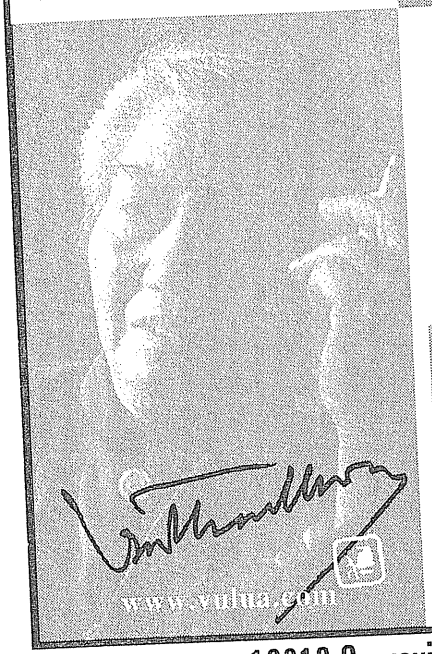

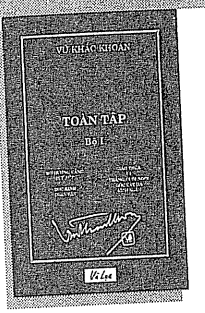

toàn tập
Bộ I
Giá 60Mỹ Kim
(trọn bộ)

Gồm 3 tác phẩm:

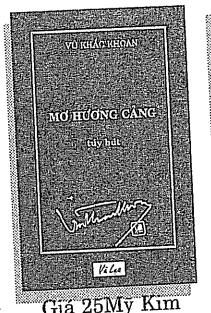

Giá 25Mỹ Kim

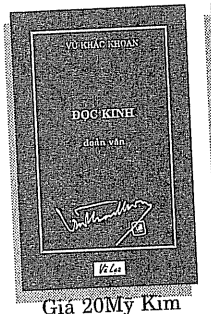

Giá 20Mỹ Kim

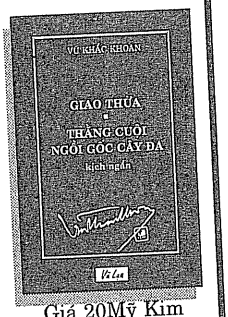

Giá 20Mỹ Kim

Địa chỉ liên lạc: 12612 Groveview St. Garden Grove. CA. 92840 . 714-308-1251

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

* Thành thật * Phục vụ vui vẻ
* Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

Nhớ đón nghe đài

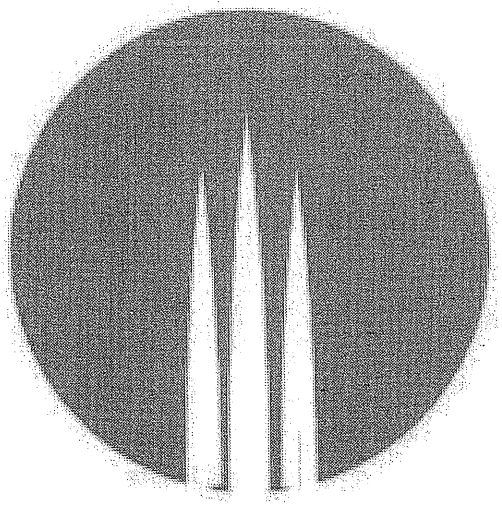

VNCR

Nhớ đón nghe đài **SAN DIEGO AM 1240**

Mỗi thứ bảy & chủ nhật hàng tuần từ 12 PM – 7 PM

với chương trình đặc biệt phong phú và sống động

Quý vị có thể bắt nghe từ TIJUANA, qua SANTEE lên tận MISSION VIEJO

Bắt đầu phát thanh ngày thứ bảy 25 tháng 10 năm 2003

Xin liên lạc: VNCR (714) 891 8142 - (714) 891 - 8152

BAN BIÊN TẬP

Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

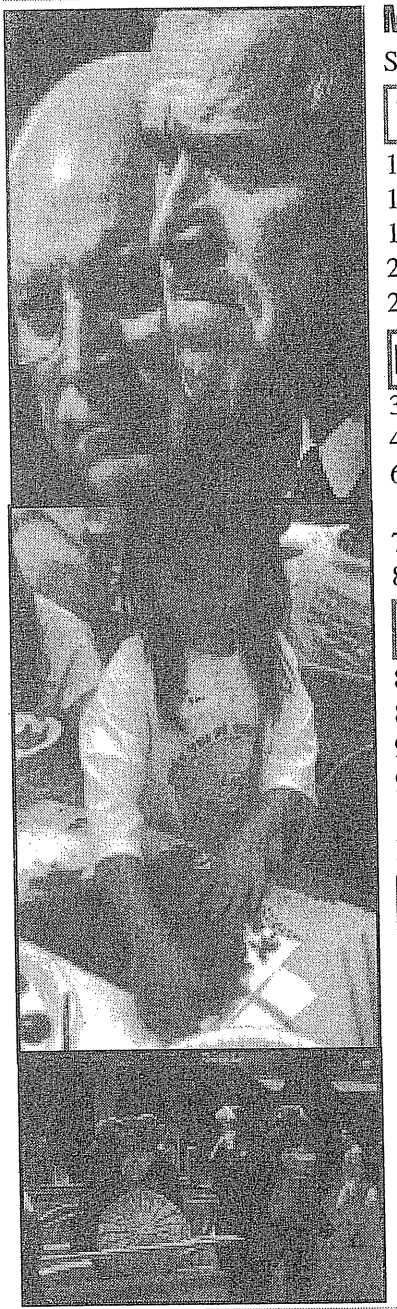

MỤC LỤC

Số 174 – Tháng Mười 2003

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

11. WTO: tranh chấp nước giàu, nước nghèo – **Ngô Nhân Dụng**
14. Kinh tế, nhìn từ châu Á – **Phạm Đỗ Chí**
18. Vay nợ để phát triển – **Nguyễn Quốc Khải**
24. New York: 11/9 năm 2003 – **Vũ Quí Hạo Nhiên**
27. Chiến tranh Iraq và Chính trị Mỹ– **Cỗ Lũy**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA - KHOA HỌC

38. Tưởng nhớ nhà văn Phạm Duy Tốn – **Trần Ngọc Ninh**
42. Đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật Giáo Hoa Kỳ – **Jeffrey Paine**
67. Xem tranh thiếu nhi tìm lại sự trong sáng đã đánh mất – **Phạm Phú Minh**
75. Người xưa, đất cũ – **Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh**
81. Đi tìm những hình bóng quá khứ – **Thế Uyên**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

86. Bữa ăn tối ở rừng lá – **Thảo Trường**
89. Thấy – **Trần Doãn Nho**
93. Ông "30" – **Võ Đình**
95. Luận về BIP – **Khổng-Có_Chi**
101. Dưới thời Husak tại sao chúng ta khiếp sợ đến thế – **Nguyễn Bách Việt**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA - KHOA HỌC

112. EdvardTeller và bom khinh khí – **Nguyễn Đức Tường**

THƠ

96. Ta với người hai nẻo một mà thôi – **Huỳnh Liễu Ngạn** 111. Tưởng niệm ngày mất nhà văn Nhất Linh – **Khoa Hữu**. 11. Đưa người – **Lý Thừa Nghiệp**. 100. Tình chán – **Nguyễn Văn Cường** 106. Bạn và trăng – **Trần Mộng Tú** 120. Hạ thu yên – **Nguyễn Hà Tuệ**

MỤC THƯỜNG LỆ

7. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư trị sự 46. Sổ tay – Ngô Nhân Dụng
54. Đời sống quanh ta – Thanh Thảo, Trần Quán Niệm và Từ Nguyên

Bìa: Tranh đoạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh Trung thu. *Hàng trên (trái-phải)*: **Chinh Nguyen** (giải nhất, nhóm III) **Collen Phong** (giải nhất, nhóm I); *Hàng dưới (trái-phải)*: **Louna Nguyen** (giải nhất, nhóm II), **Yolanda Nguyen** (giải nhì, nhóm III)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày: **Lê My**
Hí họa: **Babui**

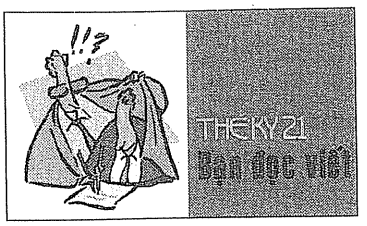

Sao không "Viết về Sài Gòn"?

Là một độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21, tôi thấy những bài đăng trên tờ báo có giá trị cao, giúp tăng thêm nhiều kiến thức cho tôi. Mong Thế Kỷ 21 tiếp tục cung cấp món ăn tinh thần hấp dẫn cho độc giả.

Số báo số 173 vừa rồi, nhìn hình bìa chụp Hồ Gươm tuyệt đẹp, nhưng đọc chủ đề "Viết về Hà Nội" sao tôi thấy trong lòng ngại ngùng! Với một kiến thức hạn hẹp nhưng lòng thì rất thành thật, tôi xin nói với quý vị câu này: tại sao Thế Kỷ 21 không có một số chuyên đề "Viết về Sài Gòn"? Miền Nam và thủ đô Sài Gòn của chúng ta há không có một chỗ đứng nào trong lòng những nhà văn, nhà báo và của tất cả mọi người hay sao?

Tôi công nhận rằng Hà Nội là đất ngàn năm văn vật, địa linh nhân kiệt, nhưng đồng thời dân tộc Việt Nam cũng có một cuộc Nam Tiến rất lừng lẫy mới tạo nên một đất nước hình chữ S như ngày nay, trong đó Sài Gòn nổi lên như một đô thị giàu có, hiền hòa và bao dung. Vẫn biết vùng đất mới chưa ghi đậm dấu ấn trong lòng dân tộc như đất cũ hàng ngàn năm, nhưng sao cứ nói mãi về quá khứ, trong khi chính Sài Gòn trong vai trò thủ đô của Miền Nam trong hai chục năm mới có khả năng mở ra nhiều tiềm lực lớn lao cho Việt Nam.

Cố nhạc sĩ Y Vân khi viết "Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi!" là đã xứng tụng một cách xứng đáng những tính cách quý báu của Sài Gòn chứ không chỉ ca ngợi cảnh đẹp chung chung. Qua những cảnh ngựa xe nhộn nhịp, làm ăn thịnh vượng, nhạc sĩ cảm được vẻ đẹp tinh thần và tình cảm lành mạnh vui tươi toát ra từ đô thị đó.

Khi nhà văn Mai Thảo mất, nhà văn Võ Phiến đọc điếu văn, trong đó có câu "Đời anh có hai cuộc di cư, một là từ Bắc xuống Nam, lần hai là từ Đông sang Tây." Lần ra đi trước, Bắc xuống Nam, phải hàm nghĩa là có Sài Gòn trong đó, Sài Gòn cưu mang, Sài Gòn vỗ về và xây đắp nên cuộc sống mới, và phải nói tất cả thành tựu văn chương của một đời nhà văn Mai Thảo là từ thành phố đó. Lần đi theo hướng Đông Tây không để lại dấu ấn gì, chỉ là chạy trốn để tồn tại nốt quãng đời còn lại. Sài Gòn đã *làm nên* ít nhất là ba thế hệ người cầm bút, người làm chính trị, nghệ thuật, thương mại, kỹ nghệ... trong thời gian nó đóng vai trò thủ đô của xứ miền Nam.

Vậy mà không một số báo VIẾT VỀ SÀI GÒN! Chúng ta đã tệ bạc với nó quá chăng? Có cần phải lắng lòng lại để thấy ít nhất cả một thế hệ thứ nhất di cư hải ngoại, một cách trực tiếp hay gián tiếp, đều do Sài Gòn đào tạo nên? Và ngày nay cứ xúm nhau "Viết về Hà Nội"! Thưa quý vị, nói một cách thành thật, đối với hầu hết chúng tôi ra đi từ miền Nam, Hà Nội chẳng là cái gì cả! Con tôi, năm nay 19 tuổi, lớn lên trên đất Mỹ, khi thấy số báo vừa rồi đã hỏi tôi: "Sao các bác không viết về Sài Gòn mà viết về Hà Nội vậy ba?"

Tôi xin chuyển câu hỏi ấy

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

đến tất cả quý vị.

Tu Phan (*Chicago, IL*)

Đi Hà Nội chuyến nữa

Về Hà Nội, đọc lại Lô Sơn Yên Tỏa của Trần Doãn Nho vẫn thấy hay. Một bút ký sống động, tả Hà Nội bằng những gặp gỡ, đối thoại, qua đó người đọc thấy hiển hiện tính chất Hà Nội qua từng loại người: cô bán báo, cô sinh viên, người nhân viên khách sạn... Cũng qua đó, thấy sự thay đổi của Hà Nội từ lần đến Hà Nội đầu thập niên 80 và lần đến sau cách khoảng mười năm. Bây giờ thì chắc thay đổi còn nhiều hơn nữa, cảnh trí cũng như con người, đề nghị tác giả Trần Doãn Nho làm một chuyến "du Hà Nội" để cống hiến độc giả một thành phố Hà Nội của ngày hôm nay.

Phương (*Internet*)

Giống có nguy cơ bị tiêu diệt?

Nếu không có bài của Nguyễn Huệ Chi "Hà Nội Trong Mắt Người Trí Thức" thì người ta có thể thắc mắc: chẳng lẽ ngày nay Hà Nội không còn một người nào đáng gọi là trí thức nữa hay sao, chẳng lẽ sự nghiền nát trí thức của đảng cộng sản qua những người như Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Phan Khôi... và nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đã đủ sức nghiền nát luôn cả những lớp người thuộc các thế hệ kế tiếp hay sao, những tinh hoa Thăng Long đã hun đúc nên hàng ngàn năm đành vĩnh viễn tan rã dưới mấy mươi năm cai trị tàn bạo của cộng sản hay sao?... Dĩ nhiên trí thức đây là chỉ hạng người có học vấn cao, nhưng chỉ bằng cấp không thì không đủ. Đó phải là người thấy ra được những vấn đề của thời đại mình và xướng xuất lên một cách độc lập với tất cả tinh thần trách nhiệm của mình, kiểu như Nguyễn Mạnh Tường đặt vấn đề dân chủ trong việc cải cách ruộng đất vậy.

Nguyễn Huệ Chi đề cập đến một vấn đề cũng hiền lành thôi, Hà Nội, với truyền thống của nó, cảnh quan của nó, con người của nó. Nhưng qua bài đó, ông khẳng định kẻ trí thức của đất Thăng Long chưa phải là một giống nòi bị tuyệt diệt, vì ông nhìn Hà Nội với một trí óc và tâm hồn tinh tường mà phải là người thừa kế thứ thiệt của đất cố đô ngàn năm mới có thể có được. Bùi Bích Hà, Trần Doãn Nho, Phạm Xuân Đài, những người từ miền Nam tới, có những cảm nhận cũng tinh, nhưng thường là cạn, ngoài bề mặt. Cũng những vấn đề ấy, Nguyễn Huệ Chi giải thích đến nguồn đến ngọn một cách sâu sắc đáng ngạc nhiên. Chẳng hạn về chuyện "thanh lịch," Phạm Xuân Đài chỉ mô tả cử chỉ ngôn ngữ của người Hà Nội bây giờ để cho thấy là "thanh lịch, đúng là chuyện thuộc về lịch sử, đó là thứ xa xỉ ngày nay," trong khi Nguyễn Huệ Chi bảo "muốn hiểu thanh lịch của người Tràng An thực sự thì phải hiểu từ bản chất" và cho thấy cả một quá trình thành hình tính chất đó nơi kinh đô khác với nông thôn như thế nào. Và nhìn hiện tại: *"Hà Nội bây giờ mất thanh lịch đi nhiều. Sự tăng dân số một cách cơ học quá nhanh và quá lớn đã làm văn hóa truyền thống của Hà Nội phai nhạt đi. Cấu trúc gia đình cũ của Hà Nội bị phá vỡ cũng là một nguyên nhân quan trọng. Vào khoảng sau 1954, một ngôi nhà từ đời ông đời cha để lại bị chia xẻ thành năm bảy cái nhà con, cho rất nhiều hộ từ đâu đâu về ở, khiến cho ứng xử của họ không còn giống như khi ngôi nhà ấy còn là một biệt thự êm đềm, trong đó có tôn ti, có nhường nhịn, có đi nhẹ nói khẽ nữa. Trật tự văn hóa đã thay đổi. Để trở lại thanh lịch như mong muốn thì phải chờ thời gian xác lập lại trật tự hợp với quy luật. Không phải bằng giáo dục một cách 'nhân vi' mà được. Ngày xưa tôi thấy bố tôi nói, người ta đi ngoài đường không nói những lời sỗ sàng, bây giờ thì chuyện ấy có nhiều, nhất là với những người trẻ tuổi."* Phạm Xuân Đài đã nhìn thấy và tiếc những cái biệt thự xinh đẹp bị nhiều hộ ở chung làm cho nhếch nhác tiêu điều, nhưng Nguyễn Huệ Chi thì nhìn thấy từ đó lý do làm tiêu tan đi sự thanh lịch.

Tôi nghĩ rằng "Hà Nội Trong Mắt Người Trí Thức" của Nguyễn Huệ Chi là bài quan trọng của số báo "viết về Hà Nội" này.

Nguyễn Tư Cách (*Houston*)

Khi lịch sử đã lùi đủ xa

Loạt bài về Nguyễn Văn Tường của tác giả Nguyễn Quốc Trị cho thấy việc chép sử quả thật không đơn giản. Việc chép sai, thậm chí cố tình bóp méo sự thật là chuyện có thể xảy ra, nhất là trong sử Việt Nam mấy thế kỷ qua là thời gian đầy các tranh chấp phe phái. Phe nào cũng ghi lại những gì có lợi cho phe mình, và tô đậm những bất lợi cho phía đối nghịch. Nội tình dân tộc càng chia rẽ thì việc đó càng nhiều. Chắc chắn chúng ta cần nhiều công trình để làm sáng tỏ những khuất tất của lịch sử.

Chỉ nhìn qua một hậu bán thế kỷ 20, nhiều

lúc tôi nghĩ chắc con cháu chúng ta khó có một hình ảnh thực của những gì đã xảy ra nếu dựa vào những trang sử. Tình thế quá rắc rối, đến độ nhiều khi ngay người đương thời cũng phải phân vân không biết đâu là sự thật, chứ đừng nói người đời sau chỉ được xem tài liệu của hoặc phe này hoặc phe kia, hoặc không thuộc phe nào cả nhưng vẫn phải tùy thuộc vào tài liệu của các phe ấy. Nội một cái việc bà Học Phi vợ của vua Tự Đức mà tác giả Nguyễn Quốc Trị đã nêu ra biết bao là điều ngớ ngẩn của vô số "học giả" thi nhau chép lại các tài liệu sai lầm, nói gì đến những xung đột quốc cộng đẫm đầy máu của nửa thế kỷ qua! Ngay những việc xảy ra trong một phe, chẳng hạn việc lật đổ chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm ở miền Nam cách đây 40 mươi năm mà giờ đây cũng đã đầy những sách vở nói những điều trái nghịch nhau, thì hiện tại lớp người dưới 50 tuổi đọc các tài liệu ấy chắc chắn đã bắt đầu bối rối rồi, mặc dù nhân chứng của thời ấy vẫn còn sống đầy rẫy ra đó. Dĩ nhiên người ta phải đặt ra các tiêu chuẩn như trung thực, công tâm, nhưng khó lắm, mỗi người là sản phẩm của thời đại mình, cái sự thiên lệch nó đã nằm ngay trong sự sống của họ rồi. May ra khi thời gian đã lùi đủ xa, người đời sau nhìn lại thì sự khách quan mới có cơ được bảo đảm hơn.

Thành ra "duyệt xét lại lịch sử" có lẽ là một việc mà thế hệ nào cũng phải làm, với một giả thiết rằng lịch sử đời nào cũng có thể bị ghi sai.

Trần Tiến Hồng (*Florida*)

Hình ảnh Hà Nội

Xem những tấm ảnh của Tôn Nữ Thu Nga chụp tại Hà Nội đăng trên *Thế Kỷ 21* số vừa rồi thì thấy nhiếp ảnh gia này chỉ chụp hai đề tài: một là những hình ảnh đã trở thành cổ điển của thành phố này như hồ Gươm, tháp Bút và hai là các hình ảnh hơi lam lũ của những người trên đường phố. Bức Hà Nội đêm mưa cho thấy một phố vắng ướt nước với ba người đàn bà đạp xe thồ những sọt hàng nặng, bức khác hai người đàn bà đang gánh cũng những sọt khá nặng (căn cứ vào độ cong của đòn gánh), bức thứ ba "nhẹ nhàng" hơn chụp cô gái đang chở hoa trên xe đạp, có lẽ là một cô bán hoa. Tất cả đều được chụp từ phía sau.

Là một nhà nhiếp ảnh nghệ thuật, dĩ nhiên Tôn Nữ Thu Nga có thể không có ý định làm một phóng sự hình ảnh về Hà Nội mà chỉ chọn những khía cạnh nào mình thích, diễn tả một nét đẹp riêng tư hoặc một chủ đề nào đấy. Nhưng tôi nghĩ một số báo về Hà Nội thì nên có những bức ảnh đa dạng hơn, diễn tả nhiều khía cạnh của cuộc sống nơi thành phố ấy hơn. Nghe nói phố phường Hà Nội ngày nay thay đổi nhiều lắm, không phải theo "con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội" mà là do tiền và theo cách làm ăn của các nước đế quốc tư bản. Tôi vì không có điều kiện để đi về xem, cũng muốn thấy vài hình ảnh trên báo để xem những người kế vị ông Hồ Chí Minh đã xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" tới mức nào. Té ra cũng chỉ thấy những hình ảnh lam lũ, những công việc cực nhọc đè nặng lên đôi vai những người đàn bà! Có phải Thế Kỷ 21 cố tình "bóp méo sự thật" hay nơi đó, ngoài một ít biểu hiện hào nhoáng của thiểu số nhiều tiền bạc, thực chất cuộc sống của người dân "vẫn tiếp tục con đường bác đã đi," nghĩa là nghèo nàn, lạc hậu, bưng bít?

Nguyễn Đình Hoạt (*Seattle, WA*)

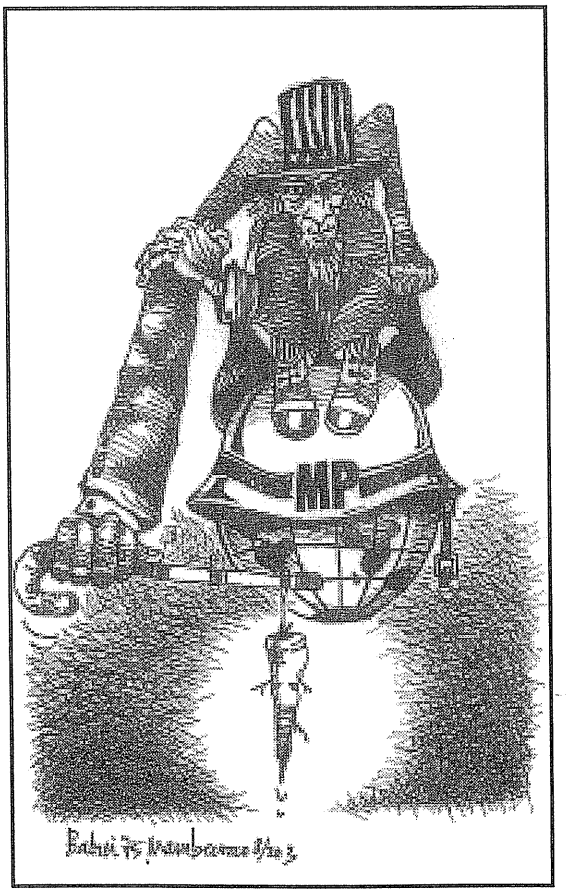

Thưa Quý bạn đọc,

Theo như đã loan báo cách đây mấy tháng, số tháng Mười này là số tưởng niệm nhà thơ Bùi Giáng, nhưng vì gặp phải một số điều không thuận lợi, số báo ấy chưa ra được trong thời gian này. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin hẹn vào một dịp khác chúng ta sẽ đến với nhà thơ khả ái và tài hoa của chúng ta.

Nhưng cơ duyên đưa đẩy, trong số này độc giả sẽ được tiếp cận với một nguồn suối tươi mát bất ngờ, đó là tranh của các em thiếu nhi Việt Nam trong cuộc thi vẽ nhân dịp Trung Thu năm nay, được nhật báo Người Việt, đài phát thanh VNCR và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts & Letters Association, viết tắt VAALA) tổ chức vào ngày 7 tháng Chín 2003 tại trụ sở của báo Người Việt, miền Nam California. Hy vọng tranh, hình ảnh cuộc thi cùng bài tường thuật trong số báo này sẽ mang lại cho quý vị một chút ngạc nhiên và vui vẻ khi thấy khả năng nghệ thuật của các em bé Việt Nam ra đời tại hải ngoại.

Và theo ông Tu Phan trong bức thư đăng đầu mục này thì chúng ta nên nghĩ đến một số báo "viết về Sài Gòn." Chúng tôi thấy những điều ông Tu Phan viết rất đúng, xin mời quý bạn đọc và văn hữu tham gia góp ý kiến cũng như bài vở để tiến tới thực hiện một số báo như vậy.

Chủ bút

Tòa soạn và bạn đọc
Hộp thư trị sự

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Hà Tuệ, Lâm Lễ Trinh, Cung Vĩnh Viễn, Chu Vương Miện, Lý Thừa Nghiệp, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Ninh, Thảo Trường, Võ Đình, Hoàng Sa, Xuân Đỗ, Nguyễn Đức Tường, Cổ Lũy, Vũ Quí Hạo Nhiên, Nguyễn Quốc Khải, Phạm Đỗ Chí, Nguyễn Ái Nhân.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Tang Tu Lien, Italy – Thuy Armstrong, Belgium – Dinh Sinh Long, CA – Tran Bien CA – Nguyen Viet Thanh, CA – Pham K Tien, CA – Le Dang Hac, TX – Le Ngoc Minh,CA – Hoang Tong, CA – Ho Lan Anh, CA – Phan Lien, New Caledonia – Le Quang Thong, Germany –– Nguyen Van Tru, AZ – Truong Van Thanh, CA – Phan Van Diep, CA – Tran Nhu, CA – Nguyen Van Cung, CA – Hoang Khanh Le, TX – Chu Vuong Mien, CA – Hoang Khanh Chau, TX – Luu Phuong, TX – Tran Duc Ai, CA – Pham Duc Chu, VA – Lam Van Yen, CA – Nguyen Van Hai, KY – Nguyen Phi Hung, Germany – Phan Ngoc Bau, LA – Hong Van Tan, CA – Tran Loi, CA – Nguyen Nguyen Phuong, CO – Nguyen Thi Thu Huong, CANADA – Le Hieu Liem, CA -Ta Anh Tuyet, FL-Tran Ai, CA-Vu Gia An, VA - Nguyen Dat, Canada - Do Charles, CA - Phung Van Phuc, MN - Pham Phuong Minh, CA-Vo Trong Diec, CA- Nguyen Van Hien, CA- Tran Khanh Toan, OK- Pham Toan, NY-Nguyen Thi Le, LA. – Nguyen Phuong, England -Nguyen Thi Tiet,

Germany - Sushi Bar, Germany.

ĐỘC GIẢ MỚI

Ngo Thi Bach Tuyet, Australia – Hong Cau, CA – Le Thanh Phong, CA – Nguyen Sy Than, CA – Nguyen Thuong Vu, CA –Mai Restaurant, Singapore. Phan Van Thuong, CA.- Vo Cung, NC (bao tang)

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Nguyen Thi Le LA – Nguyen Cong Thuan NY – Phan Hong Dieu, IL (dia-chi dieu chinh).

NGÔ NHÂN DỤNG

WTO
TRANH CHẤP NƯỚC NGHÈO, NƯỚC GIÀU

Năm 1999 hội nghị Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) ở Seattle diễn ra trong hỗn loạn vì những lực lượng chống Toàn cầu hóa kinh tế. Các tổ chức ngoài chính phủ (NGO) từ các công đoàn Mỹ tới các nhóm thanh niên từ nước khác đến, họ chống hiện tượng toàn cầu hóa, coi đó là mặt trận sau cùng của kinh tế tư bản trên đường thống trị thế giới. Hai năm sau, hội nghị WTO ở Doha được bình an, 146 quốc gia đồng ý sẽ họp ở Cancun. Năm nay, sau ba ngày hội nghị lại ngưng không thể thảo luận được bản nghị trình ước định ở Doha, nhưng lần này ngoài các tổ chức tư của xã hội công dân còn có 21 quốc gia "đang phát triển" đứng ra lập thành một mặt trận chống lại Tây Âu, Mỹ và Nhật Bản.

Vấn đề chính khiến hội nghị Cancun tan vỡ là xung đột quyền lợi giữa các nước giầu và các nước nghèo trong việc bãi bỏ trợ cấp nông sản của các nước giầu, được diễn tả qua hình ảnh bi đát ngay từ ngày đầu, khi một nhà nông Hàn quốc mổ bụng tự sát để gửi một thông điệp cảnh cáo tới các nước giầu cũng như đại biểu của các nước nghèo. Ông Lee Kyung Hae chết với tấm biển trên ngực ghi hàng chữ "WTO Giết các Nhà Nông."

Tại sao các chính phủ Tây Âu, Mỹ và Nhật trợ cấp các nhà nông trong xứ họ lại có thể "giết" các nhà nông ở xứ nghèo? Vì đa số dân xứ nghèo làm ruộng, sản phẩm họ làm ra không thể cạnh tranh với nông sản từ các xứ giầu khi nhà nông ở Mỹ, Pháp, Nhật được chính phủ các nước đó giúp đỡ. Tổ chức WTO giả thiết là để cổ động thương mại tự do giữa các nước. Tại hội nghị Doha hai năm trước, các nước đã đồng ý khi họp lại ở Cancun thì sẽ bàn hai vấn đề chính: Mở cửa các nước nghèo cho hàng hóa, tiền vốn và dịch vụ của các nước giầu vào, đồng thời giảm bớt những trợ cấp của các chính phủ nước giầu cho nhà nông của họ. Bây giờ, các nước nghèo phản đối: Những nước giầu muốn hàng chế hóa công nghiệp của họ được bán tự do, đầu tư tiền vốn tự do và mở các chi nhánh dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, v.v. tự do ở các nước nghèo, nhưng không chịu giảm thuế nhập cảng nông phẩm, không chịu ngưng trợ cấp nhà nông giầu có của họ để nông dân các nước nghèo có thể cạnh tranh ngang sức và tự do.

Muốn thấy tình trạng nhà nông xứ nghèo có thể sạt nghiệp vì nước giầu trợ cấp nông dân của họ, chúng ta có thể nhìn vào một trường hợp tiêu biểu: nông dân xứ Ethiopia. Đó là một xứ ở miền sa mạc Sahara thường xuyên bị nạn đói vì nhiều vùng gặp hạn hán. Chính phủ Mỹ đã có một chương trình viện trợ rất hào hiệp cho Ethiopia cũng như nhiều nước khác. Năm ngoái nước Mỹ đã viện trợ hơn hai triệu tấn lúa mì cho các nước nuôi dân và năm nay sẽ tăng lên đến ba triệu. Trong năm nay Ethiopia được chính phủ Mỹ viện trợ 500 triệu đô la thực phẩm, có thể coi là một ơn huệ lớn. Nhưng chính phủ Mỹ chỉ viện trợ cho Ethiopia 5 triệu để cải thiện

nông nghiệp xứ này. Trong tháng trước, một phóng viên nhật báo *Wall Street* đã tới thăm một nông dân Ethiopia và thấy ông ta đang than thở vì hàng trăm bao lúa mì và bắp mà ông ta sản xuất ra đang nằm chết trong kho. Vì hàng ngàn bao lúa mì và bắp của Mỹ đã xuống bến Djibouti chờ xe chuyên chở đi phân phát cho dân Ethiopia ở các vùng khác! Không bán được nông sản, nhà nông Ethiopia sẽ không có tiền để làm vụ mùa sang năm!

Và chương trình viện trợ thực phẩm của chính phủ Mỹ, bắt đầu với đạo luật PL- 480 năm 1954 mà nhiều người Việt Nam đã từng nghe nói, thực ra chỉ là một chương trình trợ cấp cho các nhà nông Mỹ, ở những tiểu bang chuyên về nông nghiệp. Nhà nông Mỹ sản xuất số lúa mì gấp đôi nhu cầu trong nước, cho nên chính phủ phải giúp mua nông phẩm, nếu không họ sẽ phá sản. Mà họ đi bỏ phiếu chọn dân biểu, nghị sĩ, cũng như các ông tổng thống! Nhiều nhà nông Mỹ bán một phần ba sản phẩm cho chính phủ Mỹ, nếu không được thì họ cũng phá sản.

Năm ngoái, chính phủ George W. Bush cũng chiều theo áp lực của các tiểu bang nông nghiệp mà tăng trợ cấp cho nhà nông. Năm tới, chính phủ Mỹ sẽ mua 81 triệu đô la gạo để viện trợ cho các nước, từ Ethiopia đến Việt Nam! Viện trợ Mỹ đã tạo nên một tập quán xấu trong dân các nước nhận viện trợ, giống như những người quen lãnh trợ cấp xã hội. Ông Mesfin Abebe, một cố vấn cho thủ tướng Ethiopia nói, "Nhiều người xứ tôi không quan tâm đến chuyện mưa hay hạn hán ở Ethiopia nữa, miễn là trời mưa ở các tiểu bang Iowa và Washington là được!"

Tại sao các nước giầu như Mỹ và Âu châu không viện trợ tiền mặt cho các nước nghèo để họ tự do mua nông phẩm xứ họ khi cứu đói? Vì chính trị nội bộ trong các nước giầu. Các chính phủ Mỹ, Nhật Bản, Pháp, đều phải chiều ý các nông dân. Nông sản viện trợ đã như vậy, thì các khoản viện trợ khác còn kiên cố hơn nữa. Trong một năm, tính đến cuối tháng Chín, chính phủ Mỹ mua và đem đi viện trợ cho các nước 2.6 tỷ mỹ kim nông phẩm, các món tiền đó chính là để trợ giúp các nhà nông Mỹ. Nhưng con số đó vẫn còn nhỏ so với số tiền trợ cấp khác cho nhà nông lên tới 21.4 tỷ mỹ kim! Một nhà nông Mỹ nói với phóng viên nhật báo *Wall Street* rằng: "Tôi không nghĩ tôi phải chịu trách nhiệm về vấn đề của các nước nghèo. Tôi đổ mồ hôi ngày đêm để có miếng ăn." Ông Jim Thompson ở tiểu bang Washington có lý, ông mới bán 20,000 đô la đậu xanh cho chính phủ Mỹ. Trong khi đó ông Bashada Iffa, một nông dân trồng đậu ở Ethiopia hỏi: "Tại sao chính phủ Mỹ lại viện trợ đậu xanh? Ở xứ tôi thiếu gì?" Cuối cùng thì trách nhiệm là ở các nhà lãnh đạo, xứ nghèo cũng như xứ giầu!

Chính những món tiền trợ cấp nông dân ở các nước giầu khiến nông dân các nước nghèo không đủ sức cạnh tranh, khi xuất cảng cũng như trong thị trường nước họ. Và đó là thông điệp mà ông Lee Kyung Hae muốn lên tiếng ở Cancun. Một năm, các nước Mỹ, Nhật Bản và Âu châu trợ cấp cho các nhà nông của họ hơn 300 tỷ mỹ kim, tính trung bình mỗi ngày gần một tỷ.

Năm nay chính phủ Brazil đã đứng đầu một nhóm 21 quốc gia, gọi là "G21-thêm" đứng lên đối đầu với các đại biểu nước giầu. Nhóm 21 này có cả Trung Quốc và Ấn Độ, họ gồm hơn một nửa dân số thế giới và nuôi hai phần ba nhà nông cả thế giới. Họ nói thẳng: Nếu các nước giầu không giải quyết việc trợ cấp nhà nông ở xứ họ, thì chúng tôi không bàn các vấn đề khác, như đầu tư, dịch vụ, v.v.. Đây là lần đầu tiên có một tập hợp của các nước nghèo trong Tổ chức Mậu dịch Thế giới đủ sức mạnh chống lại các nước Âu châu, Mỹ và Nhật Bản. Mới đầu người

BBC

Vụ kiện cá Basa là bài học đầu tiên cho Việt Nam

ta không tin, vì trong Tổ chức Mậu dịch Thế giới các nước nghèo cũng được lợi, có khi lợi nhiều hơn các nước giầu nếu việc trao đổi thương mại thế giới tự do hơn. Mậu dịch tự do làm lợi cho dân thành phố, những nhà buôn và chủ nhân các xí nghiệp xuất cảng ở Trung Quốc cũng như ở Brazil hay Việt Nam. Và chính phủ các nước nghèo thường không "sợ" nông dân thấp cổ bé miệng của họ như chính phủ các nước giầu, cho nên không ai ngờ Nhóm 21 này lại hành động cương quyết thế. Đại diện thương mại của Mỹ, ông Robert Zoellick đã gạt bỏ, coi thường nhóm 21, ông nói: Một cuộc tập hợp của sự tê liệt, bế tắc. Nhật Bản và Âu châu thì cương quyết không nhượng bộ, chỉ chịu xóa bỏ một số trợ cấp cho nhà nông lấy lệ cho đẹp mắt, chứ không thay đổi chính sách. Khối các nước giầu trong 146 quốc gia thuộc WTO, họ chỉ chiếm 20% dân số thế giới, lâu nay vẫn dựa vào các cuộc thảo luận kín để làm áp lực và mua chuộc chính phủ các nước nghèo, chiếm 80% dân thế giới. Nay các nước Brazil, Ấn Độ và Trung Quốc cùng 18 quốc gia khác đã đòi phải thảo luận công khai, minh bạch chuyện trợ cấp nông sản trước khi bàn các vấn đề khác. Đây là một thắng lợi của nông dân các nước nghèo, vì lâu nay chính phủ của họ vẫn không quan tâm đến quyền lợi của nhà nông. Và cuộc tập hợp Nhóm 21 này được các tổ chức NGO thúc đẩy và hỗ trợ, cho thấy khi xã hội công dân hợp tác được với nhà nước thì quyền lợi của đa số dân chúng được bảo vệ.

Việt Nam hiện nay đang bàn luận rất nhiều về chuẩn bị gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Nhưng các chính phủ độc tài thường dễ bị các nước giầu làm áp lực, trong các cuộc đàm phán mật. Các chính quyền cai trị những nước nghèo thường đại diện cho quyền lợi các nhóm dân thành phố hơn là nông dân. Gia đình, con cái các cán bộ đảng cầm quyền có những nhu cầu kinh tế khác hẳn nông dân chân lấm tay bùn. Các chính phủ cộng sản thường mắc một căn bệnh là họ coi việc gia nhập các tổ chức quốc tế như một thành tích chính trị, chứ không quan tâm tới hậu quả kinh tế. Một thí dụ là xứ Cam Bốt, được gia nhập WTO trong kỳ họp này. Cam Bốt được vô thì hai năm tới chắc Việt Nam cũng được. Nhưng chính phủ Hun Sen ở Cam Bốt đã quá nóng lòng xin vô WTO nên đã chịu "đầu hàng" một cách quá dễ dãi trước các yêu sách của những nước giầu.

Thí dụ, chính phủ Hun Sen đã đồng ý Cam Bốt không nhập cảng các loại thuốc Tây "không nhãn hiệu" (generic) sau năm 2007, trong khi các nước khác trong WTO được phép mua các thứ thuốc rẻ tiền này cho đến năm 2016! Các nước giầu cũng ép Cam Bốt phải giảm thuế quan nhập cảng xuống chỉ còn tối đa 60%, trong khi đó nước Mỹ vẫn đánh thuế đến 121% và các nước Âu châu thì đánh thuế nhập cảng nông phẩm tới 252%. Trong khi các nước giầu trợ cấp hàng tỷ đô la mỗi ngày cho nông dân của họ, thì chính phủ Hun Sen hứa sẽ không trợ cấp cho nhà nông Cam Bốt!

Trong khi 80% dân Cam Bốt là nông dân, chính quyền Hun Sen không bảo vệ họ! Chỉ vì chế độ cộng sản cai trị xứ này coi việc gia nhập WTO như một phần thưởng danh dự, chứ không nhìn thấy và lo lắng cho các vấn đề của dân. Trong thực tế, thuế nhập cảng của nhiều món hàng vào Cam Bốt hay Việt Nam là zero, nếu người nhập cảng biết đút lót! Cho nên việc gia nhập WTO hay không cũng chẳng quan trọng gì đối với người dân không có tiền mua đồ nhập cảng. Chỉ có nông phẩm của họ chịu thua vì không cạnh tranh được với hàng nhập cảng "miễn thuế nhờ hối lộ" mà thôi. Hàng dệt may của Cam Bốt hiện chiếm 80% giá trị hàng xuất cảng, đến cuối năm tới các hạn ngạch xuất cảng sẽ bị WTO chấm dứt. Và dân Cam Bốt làm sao cạnh tranh nổi khi, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, nạn tham nhũng đã làm cho giá thành hàng dệt may ở Cam Bốt tăng lên vượt bực! Cam Bốt đã thế, chắc Việt Nam cũng theo gần kịp. Một nước mà chính quyền độc quyền cai trị, xã hội công dân không được phép phát triển, báo chí không được tự do thì không ai có cơ hội góp ý kiến để bảo vệ quyền lợi đa số dân chúng. Ông Hun Sen đã coi các thành tích tổ chức Hội nghị Apec, gia nhập WTO là các phần thưởng cho chế độ của ông ta. Việt Nam cũng đem chuyện tổ chức hội nghị Apec, Sea Game ra khoe khoang cho dân nghèo cảm thấy cũng được vinh dự! Các viên chức cán bộ cao cấp được dịp đi nước ngoài, tiêu tiền viện trợ của Ngân hàng Thế giới hay Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Nhưng các quyền lợi thiết thực của dân nghèo thì ai lo?

KINH TẾ, NHÌN TỪ CHÂU Á

PHẠM ĐỖ CHÍ
Phuket, Thailand

HỘI NGHỊ TÀI CHÍNH KHỐI APEC

Hội nghị các bộ trưởng tài chính thuộc 21 nước trong khối Châu Á -Thái bình dương đã nhóm họp trong hai ngày 4-5 tháng 9 tại vùng biển nghỉ mát nổi tiếng Phuket của Thái Lan, dưới sự chủ tọa của Thủ Tướng Thaksin trong lễ khai mạc trang trọng bên trong hội trường và không khí lễ hội tưng bừng bên ngoài của khu du lịch đẹp nhất đảo vối các dịch vụ chu đáo chuyên nghiệp. Tuy nhiên các nhà lãnh đạo tài chính Á châu và các chuyên gia tháp tùng ít có thì giờ ngắm biển hay nhìn cờ quạt rầm rộ như đám khách du lịch bên đường thích thú vối cảnh quan bất ngờ. Đầu óc họ nặng chĩu với vấn đề tỷ giá đang gây sôi nổi từ vài tuần nay cho các nền kinh tế phía bên này Thái bình dương so với đồng đô la Mỹ.

Ảnh BBC

Thật vậy các tiền baht, won, đô la NT của Thái, Hàn Quốc và Đài Loan đã đạt mức cao nhất từ 13 tháng qua với tiền Mỹ, và đồng thời chỉ số chứng khoán của các nước này cũng phục hồi nhanh chóng lên mức cao tương tự. Kỳ họp cũng ghi đậm dấu hãnh diện của các nước Đông Á đang phục hồi mạnh về kinh tế tài chính, nhất là nước chủ nhà với ngay chính TT Thaksin luôn tươi cười tuyên bố việc đã trả xong nợ IMF trước kỳ hạn. Tuy nhiên cái "đinh" của buổi họp là câu hỏi: "Liệu Trung Quốc (TQ) có ấn định lại tỷ giá để cho đồng yuan (nhân dân tệ) lên giá hay thả nổi cho lên giá theo chiều hướng thị trường không?" Ông Snow, Bộ trưởng tài chính Mỹ, đã ghé đây với cùng câu hỏi sau khi dừng chân ở Bắc Kinh và Tokyo để hợp lực với Nhật cố thuyết phục TQ thay tỷ giá để làm giảm thu xuất khẩu của họ và giúp Mỹ lẫn Nhật cải thiện cán cân mậu dịch. Riêng với Mỹ, áp lực của giới công đoàn và sản xuất công nghệ lại càng nặng nề với tình trạng khó kiếm việc làm trầm trọng trước năm bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Quĩ IMF cũng có lời khuyến cáo tương tự khi nhận định mức lượng dự trữ ngoại tệ càng ngày càng lên cao của TQ.

Nhưng qua những lời tuyên bố chính thức hay trong hành lang hội nghị, rõ ràng TQ chưa muốn làm ngay chuyện này. Một phần vì lý do chính trị không muốn tỏ ra bị lệ thuộc áp lực chính trị của Mỹ sau chuyến viếng thăm "xã giao" của ông Snow hay trong kỳ hội nghị APEC này. Phần khác vì chính lý do kinh tế là sau vài tháng vừa qua thất thu ngoại tệ - nhất là về du lịch - do dịch SARS, TQ muốn giữ nguyên tỷ giá thấp này ít lâu để tiếp tục bán hàng mạnh và gây thêm ảnh hưởng chiếm lĩnh thị trường và đầu tư FDI, nhất là với các nước ASEAN. Điều rõ rệt nhất là với chính sách này TQ lại càng là môi trường hấp dẫn FDI nhất vì ngoài các cơ hội đầu tư ngoại quốc và tiềm năng xuất khẩu cao sẵn có, nay lại có thêm triển vọng thu lợi tài chính nếu tiền *yuan* lên giá trong tương lai. Và điều trớ trêu là dòng chảy tư bản càng vào nhiều thì áp lực lên giá cho đồng *yuan* lại càng cao. Vòng luẩn quẩn này chỉ có lợi cho TQ: họ sẽ là con voi khổng lồ về kinh tế trong tương lai gần như sẽ bàn dưới đây.

Thay vì đổi tỷ giá lúc này, TQ và các nước

với điều kiện - theo lời tuyên bố của ông Giám đốc quĩ IMF— là AMF sẽ là cơ chế hỗ trợ thêm các phương tiện tài chính cho IMF chứ không nhằm tách riêng Á Châu ra khỏi các liên lạc tài chính với khối Âu Mỹ.

Nhưng bên lề các cuộc thảo luận chính thức về tài chính, giới quan sát viên quốc tế thấy rõ mối ưu tư chung là các vấn đề kinh tế vùng và thế giới rộng lớn hơn, như (i) tăng cường các liên lạc kinh tế vùng; (ii) vai trò của một "Cộng Đồng Các Nền Kinh Tế Á Châu" với sức mạnh kinh tế được coi là sẽ ngang ngửa hay hơn cả Cộng Đồng Âu Châu trong tương lai không xa; và (iii) vấn đề hội nhập kinh tế với ảnh hưởng chính trị và quân sự "độc tôn" của con voi Mỹ đi kèm theo sự xuất hiện ngày càng rõ nét của con voi kinh tế mới TQ và các cố gắng mới gây ảnh hưởng chính trị trong vùng.

Hai vấn đề đầu trên đây cho thấy mối lưu tâm chung để đi đến việc thiết lập khối mới ASEAN (gồm 10 nước) + TQ + Nhật Bản + Hàn quốc hùng mạnh để tạo thế chân vạc với hai khối kinh tế khác trên thế giới là Âu Châu và Mỹ+ Canada+ Mexico. Buổi họp riêng của các Bộ trưởng kinh tế vùng của ASEAN mới tổ chức vào tuần trước ở Cambodia cho thấy tổ chức này kém dần hữu hiệu và mất đi ý nghĩa ban đầu (nhằm mục đích chính trị thay vì thuần túy kinh tế). Vai trò lãnh đạo của Indonesia với nền kinh tế yếu kém và thiếu ổn định sẽ khó đưa ASEAN đi xa. Trái lại cả TQ và Nhật Bản đều nức lòng muốn tham gia hiệp hội kinh tế với ASEAN đang phục hồi mạnh sau khủng hoảng kinh tế 1997-98.

Vấn đề thứ ba mới là chuyện nhức đầu chiến lược cho chuyến họp thượng đỉnh sắp tới giữa các nguyên thủ quốc gia của APEC vào tháng 10 tại Bangkok. Con voi Hoa Kỳ sẽ tiếp tục mối quan tâm hàng đầu về nạn khủng bố quốc tế và thuyết phục sự ủng hộ của APEC, có lẽ ít chuyên tâm hơn về kinh tế vì chính họ cũng chưa có các biện pháp thuyết phục để đưa kinh tế Mỹ ra khỏi các khó khăn (thí dụ nạn thất nghiệp) dù đã gần ngày bầu cử sơ bộ Tổng thống Mỹ vào tháng 2/2004, nói gì đến chuyện củng cố vai trò lãnh đạo kinh tế APEC. Trái lại con voi TQ sẽ nức lòng về những thành công kinh tế của mình và lo xây dựng một hình ảnh lãnh tụ kinh tế vùng bên cạnh Nhật Bản. Các nước Á Châu có thể sẽ tự đặt câu hỏi: nên nghiêng về voi nào lúc này, Hoa kỳ hay TQ?

Thật ra câu trả lời không nhất thiết phải là chọn lựa bên nào. Chính sách ngoại giao uyển chuyển khéo léo từ nhiều năm của chính nước chủ nhà Thái Lan có thể là một bài học quí. Tăng cường các mối quan hệ chính trị, kinh tế và cả quân sự với Hoa Kỳ sẽ giúp các nước Á Châu có được đòn bẩy quan trọng và thế mạnh để duy trì quan hệ và ngay cả mối giao thương tốt đẹp với TQ. Nhất là sẽ giúp duy trì hòa bình và các tương quan ổn định dài lâu cho lục địa này. Chính sách mới của Nhật Bản đặc biệt lưu tâm đến ASEAN cũng không ngoài mục đích này. Và sẽ giúp chính Hoa Kỳ đặt lại ASEAN lên một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách ngoại giao vốn ngắn hạn theo chu kỳ bầu cử Tổng thống của họ.

Dấu hiệu mới: Đảo ngược khủng hoảng tiền tệ Châu Á 1997-98?

Tin từ Cancun (Mexico) của hội nghị của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cho biết hội nghị được kéo dài do áp lực của các nước đang phát triển, dẫn đầu bởi Thái Lan, yêu cầu các nước tiên tiến công nghệ cắt giảm trợ nông cũng như các rào cản thuế quan để giúp các nước nghèo tăng xuất khẩu, nhất là về nông sản. Các tin cho thấy các nước kém hay đang mở mang đã bắt đầu có "phong độ" mới và chịu khó nghiên cứu các vấn đề chiến lược cho một "trật tự kinh tế thế giới" mới thể hiện rõ ràng hơn quyền lợi và tiếng nói của nhóm mình. Điều này rõ rệt nhất trong trường hợp của Thái Lan, mới bị khủng hoảng tài chính trầm trọng cách đây năm năm và đang chập chững phục hồi kinh tế với các chính sách kích cầu táo bạo (có thể sẽ lại gây khó khăn kinh tế vĩ mô trong tương lai!) nhưng vừa tự hào trả hết nợ trước hạn cho IMF và đang cố gắng tô điểm cho vai trò tự cường tự lực quan trọng của mình cho ra mặt nước tổ chức hội nghị thượng đỉnh APEC vào tháng 10.

Đồng thời là tin trong cuối tuần rồi, IMF lại lên tiếng cảnh báo về một dấu hiệu tiền tệ mới ở các nước Đông Á, hiện tượng tích lũy nhanh chóng dự trữ ngoại tệ có thể "gây đe dọa" cho ổn định tài chính thế giới, qua lời tuyên bố của kinh tế gia trưởng Ken Rogoff của IMF. Thoạt

nghe những người quan tâm đến châu Á lại lo ngại cho một khủng hoảng mới gì đây cho lục địa đang lên về kinh tế nhưng cũng gây lắm sôi nổi này, cho cả tin vui lẫn buồn.

Nghe kỹ lại và bình tâm suy nghĩ thì lần này tin IMF là tin vui cho các nước châu Á đang trên đà hồi phục kinh tế sau khủng hoảng 1997-98 và tăng xuất khẩu mạnh mẽ, gây dư thừa cán cân thương mại và tích lũy dự trữ ngoại tệ — dấu hiệu tốt nhất của ngoại thương— tăng 170 tỷ đô la Mỹ (USD) lên đến 1 ngàn tỷ vào cuối năm 2002. Hiện tượng này tiếp tục vào năm nay, điển hình là hai con voi lớn Nhật Bản và Trung Quốc tiếp tục tăng dự trữ, riêng TQ thêm được 60 tỷ USD vào quỹ ngoại tệ của họ trong 6 tháng đầu năm 2003.

Nhưng đối với IMF thì sự tăng nhanh tích lũy dự trữ của các nước châu Á chỉ là mặt trái phản ánh mức thất thu khổng lồ của cán cân vãng lai của kinh tế Hoa Kỳ, lên tới 136 tỷ USD chỉ riêng trong quý một năm nay, tức là một nhân tố quan trọng có thể gây ra bất quân bình tài chính thế giới trong vài tháng nữa hay chậm lắm là năm tới đúng vào mùa bầu cử Tổng Thống Mỹ. Trong câu chuyện bình thường, chúng ta không khỏi thắc mắc về những phê bình rắc rối này của mấy ông kinh tế gia "lắm chuyện," nhất là các cảnh báo của IMF trong đủ mọi trường hợp.

Tại sao lại như vậy?

Lúc trước khi các nước Đông Á đang sắp khủng hoảng vì mang số nợ ngắn hạn bằng đô la quá cao, IMF cảnh giác không nên bán dự trữ ngoại tệ để cố bảo vệ tỷ giá khỏi đi xuống so với đô la; các nước không nghe và mất gần hết số dự trữ ngoại tệ trước khi cuối cùng bị thị trường bắt buộc phá giá trên 100% và đi vào khủng hoảng kinh tế. Lần này, cũng các nước này nhân đà phục hồi kinh tế và xuất siêu lo tăng dự trữ thật nhiều ngoại tệ dư thừa, lên tới năm lần số nợ ngắn hạn theo số của IMF, để đề phòng "cơn mưa" ngày nào. Và IMF đang la làng hộ các nước Âu Mỹ, nhất là Hoa Kỳ, vì các nước Á châu này để tiếp tục bán hàng mạnh cho kinh tế lên nhanh lại không chịu cho tiền của mình lên giá nhanh so với đô la. Và chuyện trớ trêu là để làm như vậy, họ lại cho các ngân hàng trung ương mua đô la thêm vào hầu giữ giá cho đồng đô la, và như vậy quỹ dự trữ lại càng tăng thêm.

IMF đưa ra hai khuyến cáo: về phần Mỹ cần bớt chi tiêu để giảm thất thu cán cân thương mại; về phần Á châu cần cho mức cung cầu của thị trường tự do ấn định tỷ giá nhiều hơn và cho phép các ngoại tệ mạnh của Á châu lên giá. Khuyên Mỹ thì Mỹ ít nghe hơn vì TT Bush cũng đang lo cho chuyện tranh cử của mình và cần kinh tế Hoa kỳ phục hồi chắc chắn và nhanh chóng hơn. Quay sang Á châu, IMF mới khuyên như trên là bớt dự trữ đô la đi và nên dùng tiền để trả các món nợ cao tiền lãi.

Phản ứng từ châu Á

Nhật Bản đang có cơ hội hiếm hoi từ nhiều năm nay là mới nhìn thấy các dấu hiệu kinh tế phục hồi nên không dễ cho tiền yen lên quá nhanh làm mất đà xuất khẩu của họ. TQ thì không muốn tỏ ra bị áp lực chính trị của Hoa Kỳ, mặc dù quốc hội Hoa Kỳ đang đe dọa sẽ áp đặt mức thuế quan nhập khẩu 27% nếu TQ không chịu cho đồng nhân dân tệ lên giá đúng mức.

Trong thực tế, các nước Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan đã cho các tỷ giá liên hệ của mình lên đến mức cao nhất từ trên một năm nay. Đồng Á châu mạnh nhất là tiền baht của Thái lan đã tăng 5,5% so với đồng đô la và gần đạt mức cao nhất từ ba năm nay. Tiền mạnh lên giá cũng phản ánh tình trạng kinh tế đang lên của các nước này, dựa theo chỉ số chứng khoán lên cao đến mức kỷ lục từ năm, sáu năm nay của các nước này, tức là trở lại mức của các năm1997-98. Như vậy là một tình trạng khả quan đảo ngược lại hiện tượng khủng hoảng tài chính của các năm đó.

Ảnh hưởng gì cho Việt Nam ?

- Phản ứng thích hợp của hệ thống ngân hàng về chính sách dự trữ ngoại tệ theo các thay đổi tỷ giá. Vì triển vọng xuống giá của đô la Mỹ và lên giá của các đồng tiền mạnh Á châu, nhất là nếu tiền nhân dân tệ của TQ sau cùng bị áp lực phải lên giá, Ngân hàng Nhà nước cũng như các ngân hàng thương mại quốc doanh và tư nhân có thể nghĩ đến việc duyệt lại khối dự trữ ngoại tệ và cơ cấu thành phần của nó, cũng như cơ cấu các món nợ bằng ngoại tệ.
- Hưởng lợi thương mại từ việc tiền lên giá của các nước Á châu. Đã từ lâu có một

khuynh hướng là VN nên phá giá thêm tiền Đồng (trong đó có ý kiến của người viết[1]) để khuyến khích ngoại thương và nâng cao mức giá nội địa cho nông sản. Nay việc đó có thể thực hiện được qua việc các tiền Á châu lên giá và giữ tiền Đồng trượt giá từ từ như trong vài tháng nay. Điều quan trọng là ngoài thuận lợi tỷ giá, cần tăng gia nỗ lực tiếp cận thị trường (nhất là Hoa kỳ) và các cải tổ cơ cấu trong nước cho kịp thách đố hội nhập. Ngoài ra, qua bài học vụ kiện cá tra và basa, cần giữ chủ động các thương lượng chống các hàng rào phi quan thuế.

Các vấn đề chiến lược cho kỳ họp APEC. Cùng với các nước Á châu, VN sẽ phải đối phó với nhiều đề xuất kinh tế tài chính mới trong cuộc họp thượng đỉnh vài tuần tới đây, ngoài chuyện tiếp tục họp bàn chống khủng bố và phong tỏa tài chính các tổ chức liên hệ:

Việc áp dụng một chế độ ấn định tỷ giá linh hoạt hơn trong tương lai. VN không phải chịu áp lực nhiều về vấn đề này như các nước khác.

Việc lập cơ chế mới Quĩ Tiền Tệ Á Châu (Asian Monetary Fund—AMF). Đây là lúc thích hợp nhất cho ra đời tổ chức này với sự ủng hộ của Nhật Bản và TQ vì các nước ASEAN và Hàn quốc đang dư dả ngoại tệ để đóng góp và có tư thế mạnh với các nước Âu Mỹ và IMF.

Việc thương thuyết bỏ bớt trợ nông trong hàng ngũ APEC, nhân đà trợ lực của kỳ họp WTO vừa rồi. VN có thể được hưởng rất nhiều mối lợi trực tiếp và trước mắt với các mặt hàng nông sản.

Việc thương thuyết sơ thảo về một hiệp hội tương lai : ASEAN+Hàn Quốc +Trung Quốc +Nhật Bản. Tổ chức này sẽ đóng vai trò quan trọng về thương mại thế giới, nhất là với Mỹ, và sẽ ảnh hưởng sâu xa đến thế chính trị vùng. TQ và Nhật Bản đều dựa vào VN, là nước đông dân sau Indonesia trong nhóm ASEAN, để thúc đẩy ý kiến này. VN sẽ đạt được các nhường nhịn gì về kinh tế và thương mại trong vai trò này, chẳng hạn với Nhật Bản còn duy trì rất nhiều hàng rào quan thuế và phi quan thuế với hàng xuất khẩu VN?

[1] Xin xem Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình và Vũ Quang Việt (chủ biên), "
Những Vấn Đề Kinh Tế Việt Nam: Thử Thách Của Hội Nhập"
, Thời Báo Kinh Tế Sài gòn xuất bản, 2002.

PHẠM DUY TỐN ...

chế nhạo cái gì ở mình và mong ước những điều gì.

Chuyện Tiếu Lâm không phải chuyện luân lí.

Chúng ta biết ơn Cụ Phạm Duy Tốn đã để lại cho chúng ta tiếng khóc và tiếng cười của Cụ. Cụ là một nhà cách mệnh bị bó tay vì thời thế và đã cố gắng làm được một cái gì.

Cái gì ấy đã được tiếp tục bởi các con của Cụ trên những con đường mà Cụ cũng không ngờ, nhưng vẫn với tinh thần dân tộc và xã hội của Cụ.

TRẦN NGỌC NINH
2003

Ghi chú bổ túc

Ở một đoạn trên, tôi có viết rằng ông Phạm Duy Tốn đã đặt ra danh từ TIẾU LÂM.

Điều này có lẽ đúng ở Việt nam. Nhưng xét

tiếp theo trang 42

lại thì vào khoảng năm 221 sau Kitô, ở Trung Hoa trong thời nhà (Đông) Hán, có Hen-tan Chun (Hàm-đan Thuần) đã viết một tập truyện cười, nhan đề TIẾU LÂM. Sách này không còn nữa, nhưng nhiều truyện (thoại) đã được lấy in lại trong đời T'ang và Sung (Đường, Tống), dưới tên là TIẾU LÂM QUẢNG KÝ và nhiều tựa đề khác. Đời Ming (Minh) và Ching (Thanh), sách cười rất được hoan nghênh. Tên "Tiếu Lâm" còn được một tác giả Fu-bai Chu-jen (Phù-Bạch Chủ-nhân: "Ông Cạn Chén") dùng với những truyện mới. Những sách Văn Chương – Sử lớn của Trung Quốc và Đài Loan nay có một mục về truyện Tiếu Lâm.

Trần Ngọc Ninh

Chú thích

(1) Đặng Thái Mai - *Văn Thơ Cách Mạng Việt Nam Đầu Thế Kỷ XX* - Hà nội: Nhà xb. Văn Học, 1974: 127

VAY NỢ ĐỂ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Tác giả, ông Nguyễn Quốc Khải, hiện là giáo sư tại School of Advanced International Studies tại Johns Hopkins University, Washington, DC. Trước đây ông làm việc tại Ngân Hàng Thế Giới.

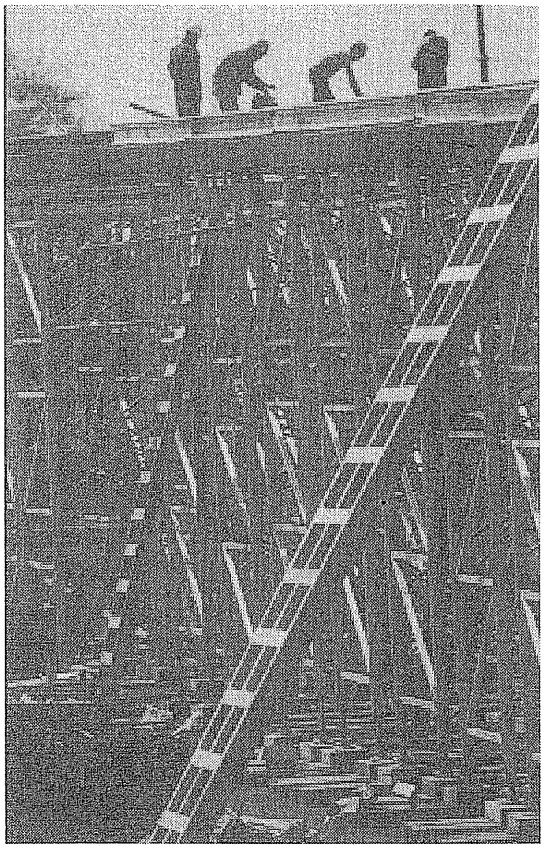

Freeimages

Tiền luôn là một yếu tố không thể thiếu cho phát triển

Sau tình trạng suy thoái kéo dài 8 tháng, kinh tế của Hoa-Kỳ bắt đầu phục hồi nhưng rất chậm vào tháng 11 năm 2001 theo National Bureau of Economic Research. Tuy nhiên từ đó đến nay sự phát triển đo lường bằng tổng sản lượng nội địa (gross domestic product = GDP) vẫn còn yếu kém và ở khoảng mức độ 2.4 % vào năm 2002 và 3.0 % theo dự đoán cho năm 2003. Không những thế số người có việc làm tiếp tục giảm. Theo con số thống kê của Bộ Lao Động, từ tháng 3, 2001 đến cuối tháng 8, năm 2003, 2.8 triệu người đã bị mất việc. Mức phát triển cho năm 2004 tương đối khá hơn và sẽ ở vào khoảng 3.9 %, nghĩa là chưa đạt được mức phát triển trước thời kỳ suy thoái, khoảng 4.1% - 4.4% cho những năm cuối của thập niên 90.

Nguyên do của sự trì trệ kinh tế trong năm 2002 và đầu năm 2003

Hoa Kỳ tiêu biểu là một nền kinh tế tiêu thụ. Tuy nhiên trong những tháng vừa qua mức cầu nội địa của Hoa-Kỳ bị suy giảm ngoại trừ khu vực nhà ở. Dân Hoa-Kỳ cảm thấy nghèo đi vì giá thị trường chứng khoán giảm một cách đáng kể trong những năm vừa qua. Chỉ số trung bình của Dow Jones Industrial từ 11,250 vào tháng 1 năm 2000 xuống còn dưới 8,000 vào tháng 2, năm 2003 trước khi Hoa-Kỳ đổ quân vào đánh Iraq và ngoi lên được trên 8,500 vào tháng 5 vừa qua, sau khi Hoa-Kỳ chấm dứt những trận chiến lớn tại Iraq. Chiến tranh quy ước tân kỳ trong ba tuần đã biến thành chiến tranh du kích có thể kéo dài vài năm khiến hi vọng chiến thắng vẻ vang của Hoa-Kỳ và sự tin tưởng vào nền kinh tế tan dần theo số binh sĩ tiếp tục chết mỗi tuần tại Iraq.

Lý do thứ hai khiến cho sức tiêu thụ nội địa của Hoa-Kỳ yếu kém là nạn thất nghiệp vẫn còn ở mức cao trong khoảng 6.1%-6.4% mặc dù GDP đã tăng. Các xưởng máy của Hoa-Kỳ hiện còn hoạt động xa dưới mức toàn khả năng. Trong giai đoạn kinh tế mới phục hồi thông thường các công ty gia tăng sản xuất bằng cách tăng năng suất thay vì gia tăng số nhân công. Số người thất nghiệp là 6.35 triệu, tương đương

với tỉ lệ thất nghiệp trung bình là 4.5% vào tam cá nguyệt thứ hai của năm 2001. Con số này tăng lên 8.6 triệu người tức khoảng 5.9% vào tam cá nguyệt cuối cùng của năm 2002. Số người thất nghiệp giảm đôi chút vào tam cá nguyệt đầu của năm 2003 là 8.4 triệu, tương đương với tỉ lệ 5.8% vì một số người bỏ cuộc, không tìm việc làm nữa.

Những tiểu bang bị ảnh hưởng của nạn thất nghiệp và kinh tế trì trệ nhiều nhất là California, Washington, Oregon và vùng biên giới của Texas. Kế đến là những tiểu bang kỹ nghệ thuộc vùng đông bắc Hoa-Kỳ là Michigan, Pennsylvania, và Ohio. Tiếp theo là Wisconsin và Minnesota. North Carolina là một tiểu bang nông nghiệp bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi nước ngoài trong hai ngành dệt và chế tạo đồ đạc .

Người ta phải nhận rằng hiện nay giai đoạn tạm không mướn thêm nhân công kéo dài đã quá lâu từ tháng 11 năm 2002 tới nay. Điều này chứng tỏ những nhà kinh doanh Hoa-Kỳ còn do dự trong việc khuếch trương đầu tư trước những điều kiện kinh tế chưa tốt đẹp mặc dầu lãi suất đã xuống rất thấp. Một số điểm chính khác liên quan đến sự phát triển kinh tế sẽ được phân tích ở phần sau là ngân sách quốc gia thâm thủng, cán cân thương mại (trade balance) và tài khoản vãng lai (current account balance) thiếu hụt, mức tiêu thụ của khu vực tư yếu, đe dọa suy giảm giá cả (deflation).

Ngoài ra, tình hình kinh tế thế giới không sáng sủa ảnh hưởng không ít vào kinh tế của Hoa-Kỳ. Mức tăng trưởng của Liên Hiệp Âu Châu (European Union) ở mức 1.5 %, 1.0% và 0.9% lần lượt cho các năm 2001, 2002, và 2003. Các con số tương tự của Nhật Bản là -1.4%, 0.9%, và 0.6% và của thế giới là 2.2%, 2.9% và 3.1% .

Hai động cơ thúc đẩy nền kinh tế Hoa-Kỳ hiện nay: khu vực nhà ở và tài chánh công

Thị trường nhà ở phát triển nhờ vào lãi suất thấp. Đầu tư vào nhà ở tăng 9.4% trong ba tháng cuối cùng của năm 2002 và dự đoán 11% cho năm 2003. Khoảng 1.6 triệu căn nhà mới xây trong năm 2001, và 1.7 triệu căn nhà mới cho năm 2002. Theo dự đoán, số nhà mới xây cho năm 2003 sẽ giảm xuống còn 1.63 triệu . Số nhà hiện hữu và mới xây bán trên thị trường đạt được hoặc gần tới con số kỷ lục trong 30 — 40 năm vừa qua theo Bộ Phát Triển Gia Cư và Thành Thị (U.S. Department of Housing and Urban Development). Lãi suất cố định trong 30 năm vay tiền mua nhà giảm xuống tới 5.21% vào giữa tháng 6, mức thấp nhất từ thập niên 1960s đến nay. Trong tháng 7, lãi suất này tăng hơn một bách phân lên đến 6.28% , báo hiệu hoạt động của khu vực nhà ở bắt đầu giảm.

Mức tiêu thụ và đầu tư của chính phủ liên bang tăng khoảng 11% hàng năm dựa theo tam cá nguyệt cuối cùng của năm 2002 nhưng giảm xuống 0.9% dựa theo ba tháng đầu của năm 2003. Vào giữa tháng 4, 2003 Quốc Hội Hoa-Kỳ đã chấp thuận một ngân khoản 79 tỉ Mỹ kim để trang trải chi phí chiến tranh tại Iraq . Theo TNS Robert C. Byrd (DC, W-VA), riêng công trình tái xây dựng Iraq sẽ tốn khoảng 1 tỉ Mỹ kim mỗi tuần. Không có hi vọng bán dầu của Iraq để lấy tiền trang trải để tái thiết quốc gia này trong năm nay, năm tới và có thể cả trong năm 2005 như một số người mong đợi. Ông L. Paul Bremer, Viên Toàn Quyền dân sự Hoa-Kỳ tại Iraq, ước tính rằng phí tổn để đáp ứng nhu cầu điện là 2 tỉ Mỹ kim. Sửa chữa và cải thiện những cơ sở sản xuất dầu tốn trong khoảng 5 tỉ - 10 tỉ Mỹ kim. Nâng cấp hạ tầng cơ sở tốn trong khoảng 16 tỉ - 30 tỉ Mỹ kim. Hiện nay Hoa-Kỳ đóng góp 95 % tổng số viện trợ cho Iraq . Tin mới nhất cho biết chi tiêu về quốc phòng tăng 45.9%, một con số lớn nhất kể từ khi có chiến tranh Hàn Quốc vào năm 1951 .

Biện pháp giảm thuế mới 2003 để khuyến khích tiêu thụ và đầu tư

Để khuyến khích khu vực tư nhân và chính phủ tiểu bang tiêu thụ và đầu tư thêm, chính phủ Bush vào đầu năm 2003 đã đệ trình quốc hội một kế hoạch giảm thuế trên tiền lời cổ phần (dividents) và lợi nhuận trên số vốn (capital gain) để kích thích kinh tế phát triển trị giá 726 tỉ Mỹ kim cho 10 năm tới. Kế hoạch này đã được Quốc Hội thông qua và trở thành luật vào tháng Năm 2003 sau khi Thượng Viện gồm cả ba thượng nghị sĩ Cộng Hòa đã cắt giảm xuống còn 350 tỉ Mỹ kim. Trong đó có 320 tỉ Mỹ Kim thuộc phần giảm thuế và 30 tỉ Mỹ kim thuộc các mục khác. Những biện pháp này sẽ được áp dụng trong ba tới năm năm tới và có thể kéo dài thêm theo những nhà lập pháp Cộng Hòa đã muốn nếu đa số Quốc Hội chuẩn y. Điều này còn phụ thuộc

vào tình trạng kinh tế và ngân sách quốc gia trong vài năm tới.

Theo đạo luật vừa kể, thuế suất đánh vào tiền lời cổ phần và lợi nhuận trên số vốn giảm xuống còn 15% đối với đa số người trả thuế cho tới năm 2008. Theo điều khoản "hoàng hôn" (sunset clause), thuế suất 15% này rất có thể sẽ được áp dụng cho những năm tiếp sau. Ngoài ra đạo luật còn giảm thuế suất cho mọi giới, thi hành ngay việc giảm thuế cho giới trung lưu và những người có lợi tức cao mà trước đây dự trù cho áp dụng vào năm 2006. Những cặp vợ chồng sẽ được hưởng thêm tiền thưởng. Tín dụng (credit) cho trẻ con sẽ tăng từ 600 Mỹ kim lên đến 1,000 Mỹ kim ngoại trừ những gia đình giầu có. Các cơ sở kinh doanh nhỏ sẽ được tăng đôi chút trợ cấp về chi phí và chiết cựu (depreciation) áp dụng cho những đầu tư mới thực hiện trong năm 2004. Sau hết Đạo Luật Giảm Thuế 2003 còn dành 20 tỉ Mỹ kim để tài trợ cho những chính phủ địa phương đang bị thiếu hụt ngân sách trong các năm 2003-2004 và 10 tỉ Mỹ kim dành cho dân với lợi tức thấp.

Phần lớn những nhà lập pháp thuộc Đảng Dân Chủ chống đối đạo luật này vì cho rằng nó ưu đãi giới giầu có, không kích thích được kinh tế trong ngắn hạn, và sẽ làm ngân sách quốc gia thiếu hụt thêm, nhất là chi tiêu của chính phủ đang gia tăng vì chiến tranh tại Iraq và Afghanistan và chương trình chống khủng bố trong và ngoài nước Mỹ. Thêm vào đó, chương trình giảm thuế 1.35 nghìn tỉ Mỹ kim đã được Quốc Hội chấp thuận vào năm 2001 vẫn tiếp tục gây ảnh hưởng vào ngân sách quốc gia và kinh tế Hoa-Kỳ.

Những nhà lập pháp thuộc Đảng Cộng Hòa và chính quyền Bush cho rằng các chương trình giảm thuế sẽ giúp cho mức cầu trong nước gia tăng và nhờ vậy sẽ đưa nền kinh tế đi lên và như vậy sẽ tạo thêm việc làm. Hơn 15 tuần lễ sau khi Tổng Thống Bush tuyên bố Hoa-Kỳ chấm dứt những trận chiến lớn ở Iraq, điều Đảng Cộng Hòa hi vọng có dấu hiệu thành tựu. Những con số mới nhất do Bộ Thương Mại Hoa-Kỳ công bố vào ngày 28.8.2003 cho thấy mức tiêu thụ của dân chúng, chiếm 2/3 của nền kinh tế, tăng 3.8% trong tam cá nguyệt thứ hai của năm nay, từ tháng 4 — tháng 6, tức là trong thời gian căng thẳng nhất của cuộc chiến Iraq. Xe hơi và máy móc gia dụng là hai món hàng bán chạy nhất.

Ngược lại, có một điều bất lợi là dịch vụ tái tài trợ nợ mua nhà (mortgage refinancing), một nguồn tài chánh chính của giới tiêu thụ trong hơn một năm nay, giảm mạnh mẽ vì lãi suất gia tăng trong tháng 8 năm 2003. Một trong những lý do là Office of Management and Budget của Tòa Bạch Ốc công bố trong tháng 7 rằng sau khi loại trừ thặng dư của Quỹ An Sinh Xã Hội, ngân sách cho tài khóa 2004 (1.10.2003 — 30.9.2004) sẽ còn thiếu hụt khoảng 455 tỉ Mỹ kim.

Sau 18 tháng liên tiếp giảm mọi phí tổn, giới kinh doanh bắt đầu gia tăng vào khoảng 7.1 % chi tiêu và đầu tư cũng trong tam cá nguyệt thứ hai của năm 2003. Riêng về máy móc và nhu liệu điện toán (software), chi tiêu trong thời gian này tăng 8.2 %. Giới kinh doanh vẫn tiếp tục hạn chế hoặc đình hoãn việc mướn thêm nhân công. Nạn thất nghiệp vẫn duy trì ở mức 6.2 %. Tình trạng của thị trường nhân công rất có thể không thay đổi cho tới năm 2004.

Chính sách thuế khóa

Do những chương trình cắt giảm thuế và gia tăng chi tiêu như đã trình bầy ở trên, mức độ thâm thủng ngân sách liên bang sẽ ngày càng tăng. Ngoài ra ngân sách quốc gia còn chịu ảnh hưởng của sự suy yếu của nền kinh tế khiến tiền thuế thu nhập giảm. Kết quả là mức độ thiếu hụt ngân sách có thể lên đến 400 tỉ Mỹ kim cho tài khóa 2003 (tháng 10, 2002 — tháng 9, 2003). Dù kinh tế phát triển mạnh mẽ trong tài khóa 2004, người ta tin rằng ngân sách liên bang sẽ tiếp tục bị thâm thủng.

Theo Sở Ngân sách Quốc Hội (Congressional Budget Office = CBO), trong bảy tháng đầu của tài khóa 2003, ngân sách liên bang đã bị thiếu hụt 202 tỉ Mỹ kim, gấp ba lần so với tài khóa 2002. Cũng theo CBO, ngân sách cho cả tài khóa 2003 sẽ thiếu hụt khoảng 300 tỉ Mỹ kim, so với 246 tỉ Mỹ kim căn cứ vào một dự đoán trước đó. Nếu kể cả phí tổn vào khoảng 50 tỉ Mỹ kim liên quan đến chương trình cắt giảm 350 tỉ Mỹ kim đã được Quốc Hội phê chuẩn vào tháng 5, ngân sách sẽ thiếu hụt khoảng $350 tỉ Mỹ kim. Trong trường hợp kinh tế tiếp tục phát triển chậm, con số này có thể sẽ vượt lên $400 tỉ Mỹ kim. CBO cũng dự đoán là ngân sách quốc gia sẽ thiếu hụt tổng cộng khoảng 1.4 nghìn tỉ Mỹ kim trong 10 năm tới. Tuy nhiên trên thực tế, mức thiếu hụt ngân sách có thể sẽ lên đến

7.4 nghìn tỉ Mỹ kim thay vì 1.4 ngìn tỉ Mỹ kim, nếu kể cả việc chi tiêu 2.4 nghìn tỉ Mỹ kim từ quỹ An Sinh Xã Hội (social security) trước đây thặng dư và 3.6 nghìn tỉ sẽ thiếu thêm, nếu (1) việc giảm thuế cho năm vừa qua trở thành vĩnh viễn; (2) Quốc Hội thông qua kế hoạch tài trợ thuốc men theo toa bác sĩ trong chương trình Medicare và bãi bỏ thuế tối thiểu đang áp dụng cho 30 triệu người trả thuế. Ngân sách sẽ thâm thủng hơn thế nữa nếu sau ngày 1.10.2005, Hoa-Kỳ còn tiếp tục chi tiêu vào Iraq .

Như đã tiên đoán được sự kiện này, Thượng Viện đã chấp thuận nâng nợ tối đa của chính phủ liên bang từ 1 nghìn tỉ Mỹ kim lên đến 7.6 nghìn tỉ Mỹ kim trong cùng một ngày Quốc Hội chuẩn y chương trình giảm $350 tỉ Mỹ kim thuế.

Chính sách tiền tệ

Quỹ Dự Trữ Liên Bang của Hoa-Kỳ (The Federal Reserve), đóng vai trò của một ngân hàng trung ương, đã theo đuổi một chính sách tiền tệ nới rộng trong hai năm qua. Thật vậy Quỹ Dự Trữ Liên Bang đã giảm lãi suất trên quỹ liên bang (Fed funds) từ 6.5% vào cuối năm 2000 xuống còn 1.25% vào tháng 11 năm 2002 và 1% vào tháng 6, 2003. Trên thực tế, lãi suất ròng (real interest rate) của quỹ liên bang trở thành âm, vì mức lạm phát tính thế chỉ số giá tiêu thụ (consumer price inflation) ở khoảng 2.1%, cao hơn cả lãi suất. Quỹ Dự Trữ Liên Bang còn có thể hạ lãi suất nữa cho tới 0% như tại Nhật Bản hoặc đổ thêm tiền vào thị trường bằng một trong vài cách khác như mua lại tài sản của khu vực tư.

Quỹ Dự Trữ Liên Bang lo ngại về trường hợp suy giảm giá cả (deflation) hơn là nạn lạm phát (inflation). Theo Bộ Lao Động, chỉ số giá tiêu thụ (consumer price index = CPI) giảm 0.3% trong tháng 4 vừa qua. Chỉ số giá tiêu thụ cơ bản (core CPI), không bao gồm giá nhiên liệu và thực phẩm, không thay đổi liên tục trong hai tháng 3 và tháng 4 vừa qua. Trong 12 tháng từ tháng 5, 2002 đến tháng 4, 2003, chỉ số giá tiêu thụ cơ bản chỉ tăng 1.5%, một mức thấp nhất trong 37 năm vừa qua. Giá nhà, quần áo, và xe hơi giảm trong tháng tư.

Một điểm son của nền kinh tế trì trệ hiện nay là lợi tức ròng sau thuế (real after-tax income) của những người có việc làm gia tăng. Lý do giản dị là mức lạm phát rất thấp và trong một số trường hợp như đã trình bầy ở trên, giá tiêu thụ giảm.

Với lãi suất âm như hiện nay, các nhà máy còn hoạt động xa dưới mức toàn khả năng, và nếu giá dầu tiếp tục hạ, và mức cầu nội địa thấp, giá tiêu thụ nội địa tiếp tục giảm sẽ có thể đưa tới nạn giảm giá cả. Đây là một vấn đề khó đối phó với những hậu quả kinh tế đáng kể: giới tiêu thụ tạm ngưng mua hàng để chờ giá xuống thấp hơn; mức lời của các công ty giảm; giá trị của bất động sàn và tài sản dưới nhiều hình thức đi xuống; gánh nặng nợ nần của các cơ sở kinh doanh và tư nhân ngày càng khó thanh toán; nợ ròng ngân hàng gia tăng; hệ thống ngân hàng bị đe dọa.

Một trong những khó khăn của nền kinh tế của Hoa-Kỳ hiện nay với lãi suất quá thấp là việc thu hút vốn ngoại quốc để tài trợ sự thiếu hụt ngân sách quá lớn sẽ không dễ dàng như trước. Một điều xa vời nhưng vẫn có thể xẩy ra là đồng Mỹ kim có thể mất giá đáng kể nếu những nhà đầu tư muốn đem tiền đổ vào những nơi khác thay vì Hoa-Kỳ.

Đồng Mỹ kim mất giá so với hầu hết những tiền tệ chính, đặc biệt là đồng Euro. Vào tháng 5 vừa qua, đồng Mỹ kim hạ xuống dưới hối suất US$1.17/ Euro. Đây là mức khởi đầu khi đồng Euro phát hành vào năm 1999. Từ đầu năm 2002 đến tháng 5 năm 2003, đồng Mỹ kim giảm giá 28% so với đồng Euro. Từ cuối tháng 5 đến tháng 8, năm 2003 đồng Mỹ kim tăng giá 9% so với đồng Euro vì có những dấu hiệu cho thấy GDP của Hoa-Kỳ tăng trong khi đó kinh tế của khu vực Euro giảm hoặc không thay đổi. Tuy nhiên, nhiều nhà kinh tế cho rằng không lâu đồng Mỹ kim sẽ tiếp tục mất giá trở lại vì thiếu hụt của tài khoản vãng lai (current account) của Hoa-Kỳ ngày càng lớn hơn và đến cuối năm 2004 lên đến 800 tỉ Mỹ kim, tương đương với 7% của GDP. Hơn nữa, ngân sách thâm thủng như đã bàn ở trên cũng sẽ là một yếu tố làm đồng Mỹ kim mất giá.

Theo dự đoán của the Economist Intelligence Unit, trong 6 tháng còn lại của năm 2003, đồng Mỹ kim tiếp tục giảm giá so với đồng Euro ở mức trung bình là US$1.20/Euro. Xác suất để đồng Mỹ kim mất giá ở mức US$1.30/ Euro hay hơn nữa là 40% cũng theo dự đoán này.

Lo ngại về kinh tế trì trệ của Hoa-Kỳ với ngân sách thiếu hụt lớn lao, lãi suất thấp, và

đồng Mỹ kim giảm giá, các nhà đầu tư gồm cả chính phủ và các ngân hàng trung ương ngoại quốc giảm đầu tư vào Mỹ hoặc có khuynh hướng chuyển từ đầu tư trực tiếp (foreign direct investment) qua mua trái phiếu (bonds) hoặc cổ phần (equities).

Cán cân thương mại và tài khoản vãng lai

Thâm thủng về cán cân thương mại về hàng hóa đạt tới mức cao nhất 48.5 tỉ Mỹ kim vào tháng 12 năm 2002, sau đó hạ dần xuống 44.3 tỉ Mỹ kim vào tháng 2 năm 2003 rồi lên lại 47.1 tỉ Mỹ kim vào tháng 3 năm 2003. Số lượng hàng nhập cảng giảm ngoại trừ dầu hỏa vì hai lý do. Thứ nhất là nhu cầu nội địa yếu kém. Thứ hai là giá trị của đồng Mỹ kim giảm làm cho giá hàng nhập cảng gia tăng. Thặng dư về cán cân thương mại dịch vụ giảm từ 4.3 tỉ Mỹ kim trong tháng 10 năm 2002 xuống còn 3.7 tỉ Mỹ kim vào tháng 3 năm 2003. Lý do chính là dịch vụ du lịch và thu nhập về hành khách giảm do ảnh hưởng của vấn đề an ninh.

Thâm thủng về thương mại nói chung là nguyên nhân chính làm cho tài khoản vãng lai thiếu hụt nhiều hơn. Ngoài ra kể từ đầu năm 2002 đến nay, cán cân lợi tức đầu tư bị thâm thủng vì tiền lời và lợi nhuận cổ phần trả cho những khoản vốn đầu tư ngoại quốc tại Hoa-Kỳ gia tăng, trong khi đó tiền lời và lợi nhuận cổ phần trả cho những khoản vốn đầu tư của Hoa-Kỳ tại ngoại quốc cũng gia tăng nhưng ít hơn. Mặt khác tiền tư nhân chuyển nhượng ra nước ngoài nhiều hơn.

Dự đoán kinh tế cho năm 2004

Những biện pháp nhằm kích thích kinh tế phát triển vừa được thông qua trong năm 2003 hi vọng sẽ bắt đầu có kết quả vào giữa năm 2003 và mạnh hơn vào đầu năm 2004. Biện pháp giảm thuế đã bắt đầu có hiệu lực trên ngân phiếu lương bổng từ tháng 7 vừa qua và trong các tháng tới và một lần nữa vào tháng 3 năm 2004. Tuy nhiên biện pháp giảm thuế lợi tức không phải là thuốc thánh trị bá bệnh. Giới tiêu thụ chắc chắn sẽ không đem tiêu hết lương phụ trội do thuế suất giảm. Họ sẽ bỏ một phần vào chương mục tiết kiệm. Vì vậy mức cầu nội địa hi vọng sẽ gia tăng một cách từ từ vừa phải vào cuối năm 2003 và trong năm 2004.

Yếu tố quan trọng có thể làm cho mức cầu nội địa mạnh hơn là thị trường việc làm. Một số nhà kinh tế tin rằng số việc làm sẽ không gia tăng cho tới đầu năm 2004. Lý do là nhiều cơ sở kinh doanh tại Hoa-Kỳ còn đang gặp phải hai khó khăn là các nhà máy hoạt động dưới xa khả năng toàn phần và gánh nặng nợ nần tài chánh chồng chất. Quan trọng hơn nữa là một số việc làm, nhất là về ngành công nghệ, sẽ vĩnh viễn mất đi vì nhiều công ty chuyển phần vụ sản xuất công nghiệp ra hải ngoại, nhất là vùng Viễn Đông gồm cả Ấn Độ và Trung Hoa. Thị trường việc làm sẽ còn gặp khó khăn ngay cả trong năm 2004 và có thể trong các năm kế tiếp cho đến khi Hoa-Kỳ phát triển ra một kỹ thuật mới và tạo ra khu vực kinh tế mới như trong thập niên 90 với cuộc cách mạng viễn thông và Internet.

Tài khoản vãng lai (current account) sẽ tiếp tục thâm thủng hơn trong năm 2004 khoảng 5% của GDP so với 4.9% cho năm 2003, mặc dù đồng Mỹ kim giảm giá giúp cho hàng xuất cảng của Hoa-Kỳ cạnh tranh mạnh hơn trong năm 2003. Đồng Mỹ kim sẽ có thể tiếp tục giảm giá trong năm 2004 vì ảnh hưởng của tài khoản vãng lai và ngân sách quốc gia thiếu hụt.

Một yếu tố khác quan trọng ảnh hưởng đến tình hình chính trị và kinh tế của Hoa-Kỳ là cuộc chiến tiếp diễn ở Iraq dưới hình thức du kích. Với chi phí trên 1 tỉ Mỹ kim và 5-7 sinh mạng lính Mỹ mỗi tuần, nhân dân Hoa-Kỳ bắt đầu thấy tình trạng hỗn loạn hiện nay như đã tiên đoán trước khi Hoa-Kỳ bắn chiếc hỏa tiễn đầu tiên vào Iraq. Chiếm thành dễ hơn là giữ thành. Chiếm thành dễ hơn là chiếm được lòng dân. Sự bất ổn sẽ làm giảm sư chi tiêu và đầu tư. Bao lâu nữa Hoa-Kỳ mới tái hồi được trật tự thật sự tại Iraq, có cần phải đem thêm quân vào Iraq nữa hay không, vẫn còn là những dấu hỏi lớn.

Cuộc chiến vùng Vịnh vào năm 1991 tổn phí khoảng 61.1 tỉ Mỹ kim theo giá hiện hành theo Congressional Research Service. Nếu tính theo giá của năm 2002, chi phí này lên tới 79.9 tỉ Mỹ kim. Tuy nhiên Hoa-Kỳ chỉ phải trả 20.8% của tổng số phí tổn. Phần còn lại do các nước Saudi Arabia, Kuwait, và Nhật Bản chịu . Trái lại, Hoa-Kỳ gần như đơn thân độc mã tham chiến lần này. Hoa-Kỳ sẽ phải chịu mọi phí tổn chiến tranh và xây dựng lại Iraq. Do đó ngân sách Hoa-Kỳ Lợi nhuận do xuất cảng dầu hỏa của chính Iraq có thể dùng trang trải một phần chi phí.

Nhưng hiện tại Iraq còn trong tình trạng bất an, cố gắng này chưa thực hiện được.

Một điểm khác biệt giữa hai cuộc chiến Vùng Vịnh 1990 -1991 và Iraq 2003 liên quan đến sự khác biệt về giá dầu hỏa. Khi quân đội Iraq xâm lăng Kuwait vào tháng 8, năm 1990, giá dầu thô tăng từ 15 Mỹ kim / thùng lên 40 Mỹ kim / thùng vào tháng 10 năm 1990. Giá dầu tiếp tục ở mức cao trong hơn một năm sau như một thứ thuế đánh vào người tiêu thụ trên toàn thế giới để giúp trang trải phí tổn chiến tranh cho Hoa-Kỳ qua hai nước sản xuất dầu là Saudi Arabia và Kuwait. Nhiều người tin rằng giá dầu đã làm cho thế giới rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế vào đầu thập niên 90.

Trái lại, vài tháng trước khi chiến tranh Iraq bắt đầu, giá dầu thô trên thị trường quốc tế giảm từ khoảng 31 Mỹ kim / thùng vào tháng 2- 2003 xuống còn 25 Mỹ kim / thùng vào tháng 4- 2003. Sau khi quân Mỹ chiếm được Baghdad, giá dầu thô tăng dần dần trở lại và ở mức 28.2 Mỹ kim / thùng vào ngày 8.8.2003, vẫn còn ở dưới giá vào đầu năm. Do đó chiến tranh Iraq đã không gây ra xáo trộn về tiếp tế và giá cả dầu như một số người đã tiên liệu. Đây có phải là một may mắn hay một xếp đặt khéo léo là một câu hỏi rất thú vị cho mọi người.

Với những điều kiện mô tả trên đây và trong hoàn cảnh lãi suất tăng trở lại và kinh tế thế giới trì trệ, mức phát triển kinh tế của Hoa-Kỳ tính trên căn bản GDP cho năm 2004 sẽ sáng sủa hơn 2003, khoảng 3.9 %. Con số này khá hơn 0.3% cho năm 2001 trong tình trạng kinh tế suy thoái, nhưng kém hơn những năm cuối của thập niên 90 với mức phát triển kinh tế hàng năm trong khoảng 4.1% -4.4% . Kinh tế của Hoa-Kỳ sẽ lớn mạnh trong năm 2004 với ngân sách thiếu hụt và cán cân thương mại thâm thủng. Chính sách kinh tế hiện nay của Hoa-Kỳ là vay nợ để phát triển.

6 tháng Chín, 2003

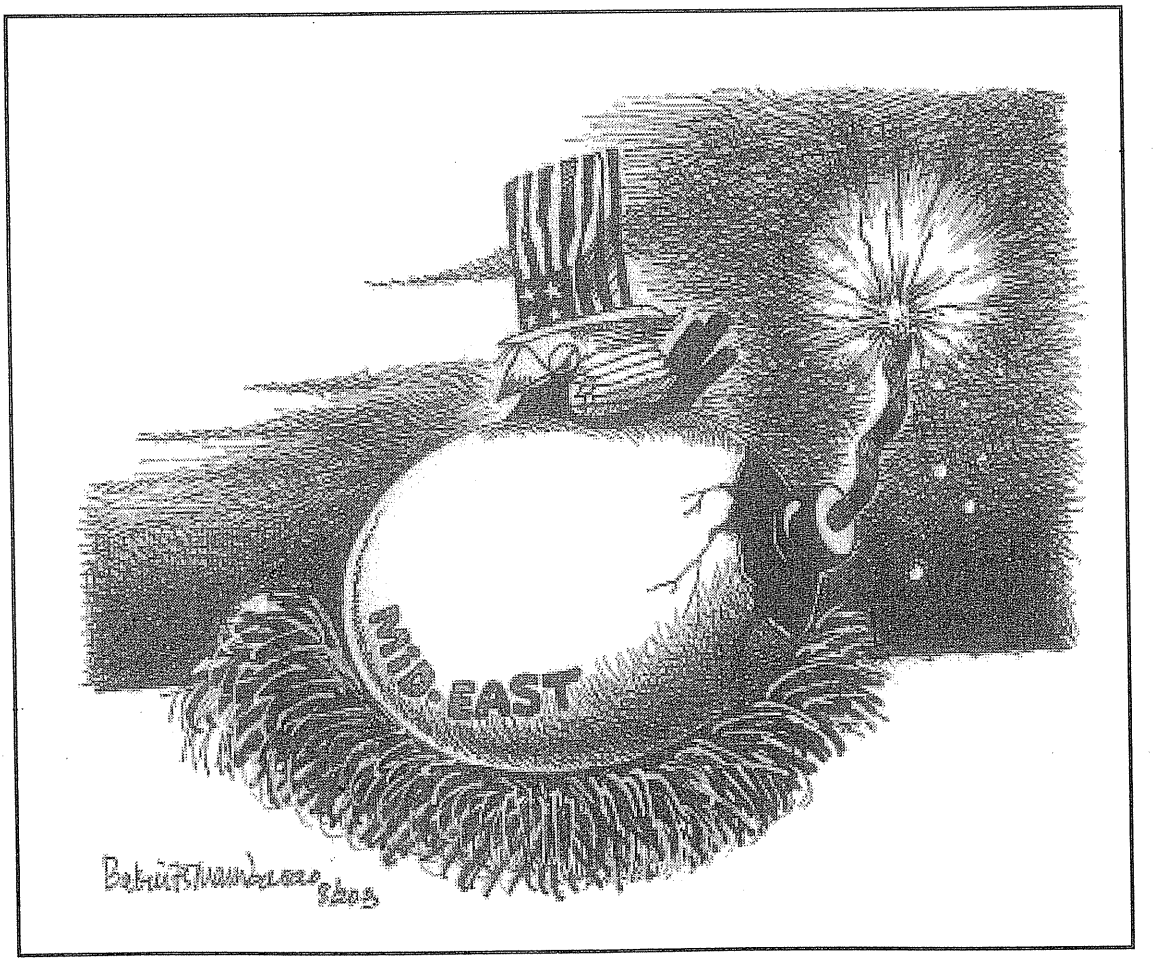

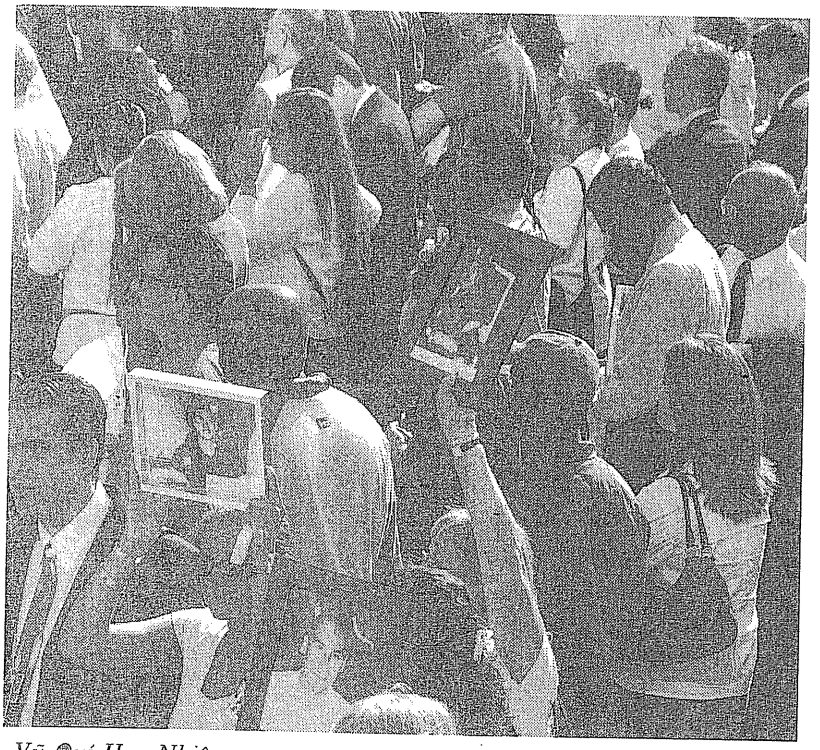

Vũ Quí Hạo Nhiên

NEW YORK 11/9 2003

Vũ Quí Hạo Nhiên

LTS: Tác giả, phóng viên nhật báo Người Việt và đài phát thanh VNCR (California), là người Việt Nam duy nhất được cấp thẻ phóng viên vào buổi lễ tưởng niệm 11 tháng 9 tại New York. Một bản khác của bài viết này đã đăng trên báo Đàn Chim Việt (Ba Lan).

Trong một phút, một thành phố, thậm chí cả một tiểu bang, hoàn toàn im lặng.

Chỉ có tiếng chuông văng vẳng từ các nhà thờ, các đền, các chùa.

Phút đó là lúc 8 giờ 46 sáng ngày 11 tháng 9 năm 2003, thành phố đó là thành phố New York, tiểu bang đó là tiểu bang New York.

Hai năm trước, vào phút ấy, một chiếc máy bay đầu tiên lao vào World Trade Center (WTC), bắt đầu cuộc tấn công quy mô của quân khủng bố vào đất Hoa Kỳ.

Phút im lặng đã diễn ra trong buổi lễ tưởng niệm nạn nhân vụ khủng bố, tổ chức tại Ground Zero, nơi trước đây là hai tòa nhà cao nhất thế giới. Bây giờ, chỉ còn một cái hố.

Dưới đó, xếp dọc theo chu vi cũ của hai tòa nhà WTC là những tấm bạt do con em các nạn nhân vẽ. Những nét vẽ đơn sơ, những dòng chữ mộc mạc. "Con nhớ bố cõng con trên vai." "Mẹ ở mãi trong lòng con."

Đến cuối buổi lễ, người ta sẽ xuống viếng cái hố sâu bảy tầng. Hai phiến đá cốt lõi sẽ bao trùm hoa. Một hàng gác danh dự của cảnh sát London sẽ đứng dàn chào rồi ra về trong tiếng vỗ tay của người New York.

Bên kia đường West Street, đối diện khán đài, lan can lầu 10 tòa nhà World Financial Center được biến thành sân khấu của các đài truyền hình. Các ký giả truyền hình tường trình từ trên đó, lấy buổi lễ làm phông.

Đường West Street có sáu làn xe, bị chặn bớt chỉ còn ba làn xe. Một chiếc xe chạy qua, người hành khách giơ lên một chiếc máy hình, cố gắng chụp cho được một góc buổi lễ. Một người messenger chạy xe đạp qua cũng giơ máy quay phim, vừa đạp xe vừa quay.

Quanh khu vực hành lễ, an ninh rất chặt chẽ.

Bắt đầu từ 5 giờ sáng, cảnh sát đã tập hợp quanh WTC, điều khiển các luồng xe ra khỏi khu này. Các phóng viên đã xin phép trước, có thẻ vào cửa, vẫn phải xét tên lại, phải vào cửa

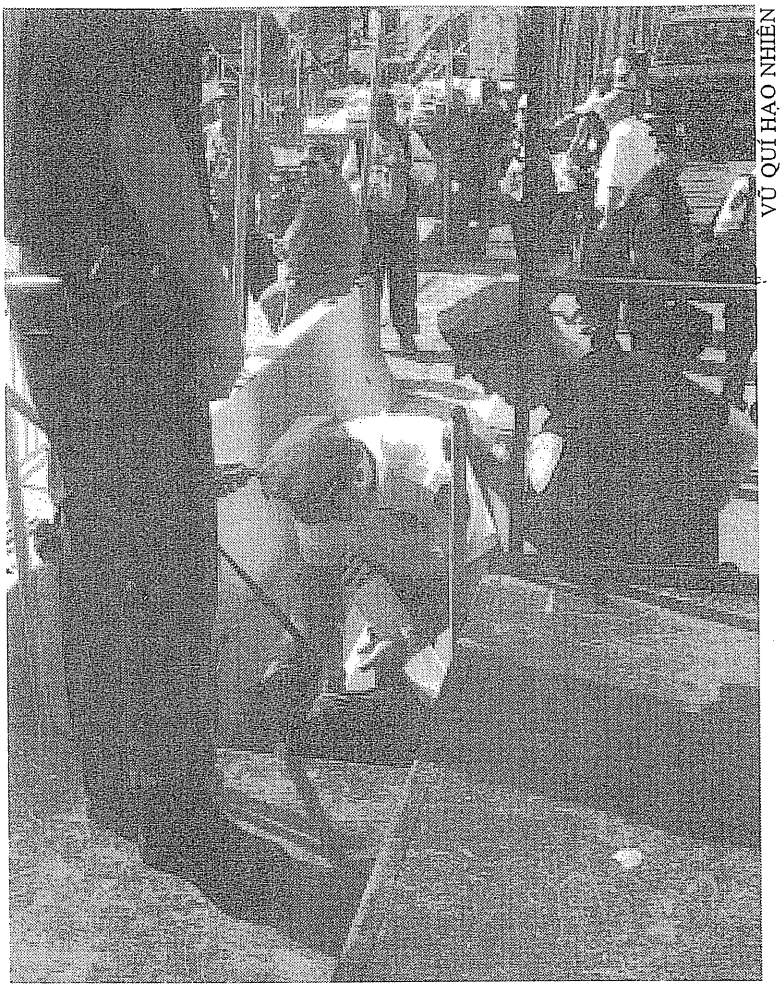

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Cảnh sát đưa chó đến khám một túi sách bỏ rơi dưới gầm bục đứng các phóng viên

riêng, và đến đó lại phải xét giấy thêm lần nữa.

Không phận quanh WTC cấm bay. Khoảng 6 rưỡi sáng, trực thăng cảnh sát bay tuần, chập chờn trên không. Gần bắt đầu lễ, chiếc trực thăng mới bỏ đi.

Nửa chừng lễ, cảnh sát bỗng giải tán một phần bục đứng dành cho phóng viên. Họ mang chó săn đến khám một túi sách nằm chơ vơ dưới gầm bục. Không có gì nguy hiểm, họ tịch thu túi sách cùng một cây monopod chụp ảnh.

Buổi lễ được dành toàn bộ cho nạn nhân và người thân của họ. 200 em, con cháu các nạn nhân, thay phiên lên khán đài đọc tên từng người quá cố.

Trời nắng. Hội Hồng Thập Tự dựng một lều phát nước uống. Ban tổ chức đi phát khăn giấy cho thân nhân lau những giọt nước mắt không cầm được.

Thân nhân mang theo ảnh người qua đời, giơ cao lên, hướng về phía bục đứng của các máy truyền hình.

Ông Richard Rieb đi cùng với cháu ngoại Dylan Garcia. Bố em, ông David Garcia, đã thiệt mạng trên lầu 94, khi chiếc máy bay đâm vào lầu 92. Ông bảo tôi, "Không một ngày trôi qua mà tôi không nghĩ đến ngày 11 tháng 9. Càng nghĩ lại càng thương cháu. Lúc đầu chúng tôi còn không biết giải thích thế nào cho cháu hiểu về bố cháu."

Anh Frank Song, di dân Hàn Quốc, đến tưởng niệm anh ruột, một chuyên viên công phiếu tại Cantor Fitzgerald. Anh nói với tôi, "Anh tôi là Daniel Song, lúc mất mới có 34 tuổi. Tương lai sáng lạn, bỗng cuộc sống bị cắt đứt." Anh lại lạc quan: "Chắc chắn là bây giờ chúng ta biết thế giới không an toàn như chúng ta đã tưởng. Nhưng chúng ta cần phải tự hào vì đã tự vực dậy được từ thảm cảnh này."

Ngày 11 tháng 9 có ý nghĩa đặc biệt với các cộng đồng di dân. Một số cộng đồng đã phải đối đầu với hiện tượng bài trừ Hồi Giáo sau ngày 11 tháng 9.

Cộng đồng Ấn Độ bị tác động đặc biệt. Vài tuần sau vụ khủng bố, một người Sikh, ông Balbir Singh Sodhi, đã bị giết tại Mesa, bang Arizona. Bà Veena Merchant, Chủ Bút tuần báo News India Times, cho tôi biết, "Có những người Sikh để râu, quấn khăn, bị tấn công, lại có những người Ấn khác, không khăn, không râu, cũng bị đánh, bị giết. Điều đó chứng tỏ là có sự thù ghét vì chủng tộc, vốn có sẵn, nay lợi dụng vụ 11 tháng 9 mà thi thố bằng hành động."

Cộng đồng Đông và Đông Nam Á, may mắn không bị những phản ứng như thế, nên kinh tế

là ảnh hưởng chính.

Anh Ngô Sĩ Nghị, một chuyên viên máy y tế tại bệnh viện Jacobi, New York, cho tôi biết, "Trong sở tôi có TV, xem TV cũng thấy buồn. Tôi hên, ra trường có việc làm, nhưng rất nhiều bạn bè không có việc làm mà cũng chẳng có hy vọng tìm ra việc. Với tôi, tình trạng thất nghiệp này 100% là hậu quả vụ khủng bố."

Anh Weisi Yan, phóng viên Epoch Times, một tờ báo tiếng Hoa xuất bản trên 20 nước, giải thích cho tôi ảnh hưởng đối với cộng đồng người Hoa. "Có hai khía cạnh. Trước hết, Phố Tàu ở gần WTC, nên ảnh hưởng kinh tế là tức khắc và nặng nề. Thứ hai, trước nay người Hoa vẫn cho nước Mỹ là nơi an toàn hầu như lý tưởng, nay thì cái cảm giác an cư lạc nghiệp đó không còn nữa."

Cô Lương Minh Châu, một thông dịch viên tiếng Pháp tại Manhattan, đồng ý. "Sau ngày 11 tháng 9, nước Mỹ đã tỏ ra cũng bất an như các nước khác. Bù lại, vụ khủng bố khiến cho nước Mỹ nhận được nhiều thiện cảm từ thế giới. Trong những ngày đó, tôi đã không nghĩ đến tôi là người Việt, người Pháp, hay người Mỹ, mà thực sự nghĩ tôi đã trở thành công dân của cả địa cầu. Tiếc thay, với chiến tranh Iraq, chính phủ Bush đã làm tiêu tan hết các thiện chí này."

Nhưng tại Ground Zero, những nhận định, những phân tích, những lời bình, không nhập vào được bầu không khí trang nghiêm.

Trên khán đài, các em nhỏ đọc tên nạn nhân. Loa phóng thanh phát tiếng các em xuống dưới đáy hố sâu.

Và từ lòng chảo ấy, những tên nạn nhân vang lại vọng về.

2792 tên người.

Như những lời nhắc nhở.

Người xưa, đất cũ

tiếp theo trang 88

ngụ tại phố Thượng Kiệm để tiện bề làm ăn. Hồi nhỏ, mỗi lần vào chơi trong các chàn chiếu của người Tàu tôi có cảm tưởng như lạc vào một thế-giới xa lạ, đồng thời cũng có một vài kỷ-niệm khó quên. Kỷ-niệm thứ nhất là hồi tôi mới bảy, tám tuổi, có một lần được theo thân-phụ đi dự tiệc tại một chàn ở Trì-chính. Đối với tôi các món ăn thiệt lạ và hết sức ngon. Đây có lẽ là lần đầu tiên trong đời tôi được đi dự một bữa tiệc thuần-tuý Trung-hoa nhưng vì đã quá lâu ngày, nay nghĩ lại không biết đã được ăn những món gì và đồ ăn được nấu theo kiểu nào, có thể là Quảng-đông hay Hải-nam, nhưng đối với tôi lúc đó thì chỉ có chắc một điều là rất lạ và cầu-kỳ không đơn-giản như đồ ăn Việt-nam. Kỷ-niệm thứ hai là thỉnh thoảng cùng các bạn đi đá bóng tại một bãi cỏ ở chàn Trì-chính tôi vừa nói ở trên. Bãi này vốn dùng để phơi chiếu, cỏ mịn và xanh rờn, rộng hơn sân cỏ trước Phương đình nhà thờ Lớn rất nhiều.

Với ba khu chợ có đình có quán, cùng với bến tầu sông Trì-chính và hàng trăm cửa hàng, việc buôn-bán trong vùng cũng sầm-uất lắm. Vào những ngày phiên chợ, người tứ xứ kéo về mua bán, kể cả những người Mường từ rừng núi Nho-quan và Hoà-bình, nên phố xá ồ-ào, đông nghẹt, nhiều khi phải chen nhau mà đi. Vào mấy phiên chợ trước Tết Đoan-ngọ (tức Tết Tháng Năm), chỗ nào cũng thấy kẹo mứt, đường phèn, đường cát, dưa hấu và các loại trái cây ăn để "giết sâu bọ." Những phiên chợ trước Tết Nguyên-đán thì ôi thôi! đông hết chỗ nói. Tôi chưa từng thấy đâu bày bán nhiều và đủ loại cam, quýt và bưởi như ở chợ Tết Phát-diệm. Trên bến dưới thuyền đều đỏ ối những cam là cam.

(Còn tiếp)

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

CHIẾN-TRANH IRAQ VÀ CHÍNH-TRỊ MỸ

CỔ LŨY

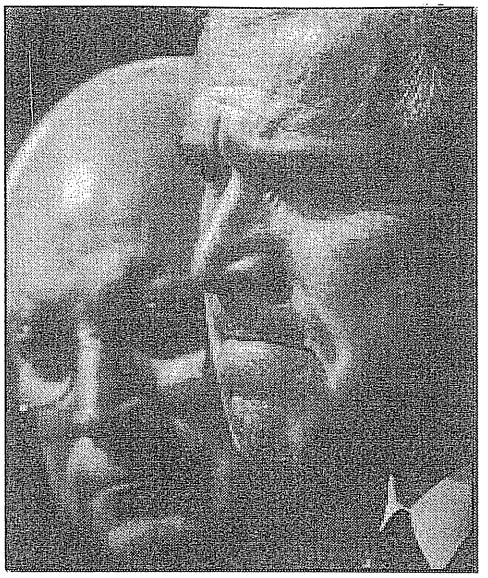

Ảnh AP

Ngày 1 tháng Năm vừa qua, sau khi tốc chiến tốc thắng đạp đổ chế-độ Saddam Hussein tàn-bạo trong vòng sáu tuần lễ, tổng-thống George Bush hân-hoan tuyên-bố những xung-đột lớn ở Iraq đã chấm dứt. Chiến-tranh đã tạm ngưng.

Nhưng hơn một trăm ngày sau đó những tính-toán bi-quan có thể đang thành hình với tình-trạng bất-ổn và những trì-trệ trong công-cuộc tái-thiết. Những chống-đối lực-lượng chiếm đóng Mỹ trước đây thường bị gạt qua một bên và xem là hành-động tuyệt-vọng của những người "trung-thành" với chế-độ Saddam Hussein hoặc "khủng-bố." Từ tháng Bẩy và nhất là tháng Tám chống-đối "giải-phóng" Mỹ lan rộng hơn: từ những bắn sẻ và khủng-bố, những biểu-tình bất-bạo-động lẫn bạo-động lên đến mức pháo-kích và nổ bom lớn nhắm vào không riêng quân-đội chiếm-đóng mà cả ống dẫn dầu, dẫn nước và mọi người lẫn tổ-chức tham-gia công-tác dân-sự—với dấu-hiệu cho thấy chống-đối thật-sự của cả dân-chúng Iraq bất-mãn vì chiếm-đóng, tình-trạng trì-trệ và những khó-khăn hàng ngày, với cả trơ-lực từ người A-Rập và Hồi-giáo bên ngoài (quân-đội Mỹ ở Iraq nhìn thấy "kẻ thù ở khắp mọi nơi," nhưng không biết rõ kẻ thù là ai). Trong khi đó ở Afghanistan (A-Phú-Hãn) gần cạnh, du-kích Taliban tụ-tập thành đơn-vị cả trăm người công-khai tấn-công những định-chế nhà nước như đơn-vị cảnh-sát và quân-đội có Hoa-Kỳ bảo-trợ, và Tổng-thống Hamid Kharzai cùng chính-quyền trung-ương chỉ quanh quẩn ở thủ-đô Kabul mà thôi.

Tướng John Abizaid tổng-chỉ-huy mới Bộ Chỉ-huy Trung-ương (CentCom) gồm cả mặt-trận Iraq tuyên-bố chiến-tranh du-kích đã thành hình: những người chống-đối buộc Hoa-Kỳ phải chú-trọng nhiều vào an-ninh với những biện-pháp quân-sự mạnh hơn là công-cuộc tái-thiết và thành-lập chính-quyền mới. Cả hai điều này có thể sẽ đưa đến oán-ghét và chống-đối Mỹ rộng-lớn hơn ở Iraq và khắp thế-giới Hồi-giáo. Hiện nay hơn một nửa người Mỹ muốn rút quân ra khỏi Iraq. Chính-quyền Bush đang nỗ-lực ngoại-giao để "quốc-tế-hóa" chiếm-đóng và tái-thiết Iraq— cũng là nỗ-lực để tránh tiếng một mình thất-bại ở đây cũng như ở Afghanistan.

Những khó-khăn lớn-lao về quân-sự và chính-trị ở Iraq và Afghanistan hậu-chiến này ảnh-hưởng tiêu-cực vào vị-thế chính-trị của chính-quyền Bush ở trong nước cũng như trên trường quốc-tế, trong khi mùa bầu-cử tổng-thống Mỹ 2004 đang lần lần đi tới.

Trước chiến tranh, trong những tuyên bố công khai tổng thống George W. Bush cùng các nhân vật quan trọng trong chính quyền ông đã đưa ra ba lý do chính để cấp tốc tấn công Iraq và lật đổ ông Saddam Hussein: 1) giải giới toàn bộ lò vũ khí có tầm sát hại lớn (WMD) của ông Saddam; 2) giảm thiểu mối đe dọa khủng bố quốc tế; và 3) triển dương dân chủ ở Iraq và những khu vực lân cận.

Đây là những lý do hay mục tiêu vĩ đại đưa ra biện minh cho cuộc tấn công "đơn phương và vội vã" của chính quyền Bush (cho đến nay nhiều người và ngay cả giới truyền thông vẫn không phân biệt tấn công "đơn phương và vội vã" —mà các nước Pháp, Đức, Nga trong Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc và đa số dân chúng thế giới phản đối— và nỗ lực chung của thế giới qua LHQ để giải quyết vấn đề Saddam Hussein và WMD —mà đa số dân chúng thế giới và LHQ ủng hộ, như trong chiến tranh chống Taliban và Al Qaeda ở Afghanistan). Với chiến tranh du kích mở rộng, với số thương vong Mỹ xảy ra hàng ngày, với tình trạng tái thiết kinh tế chính trị không mấy kết quả, với dư luận thế giới chống đối không ngừng, những lý do nêu ra nay đã quay trở lại ám ảnh chính quyền Bush.

VŨ-KHÍ CÓ TẦM TÁC-HẠI LỚN (Weapons of Mass Destruction, WMD)

A. Trước chiến tranh

Trước khi tấn công Iraq, trong giai đoạn sửa soạn tâm lý và dư luận chính trị trong nước cũng như thế giới, lý do chính quyền Bush thường đưa ra là mối đe dọa nguy hiểm của WMD (bao gồm vũ khí hóa học, sinh học và nguyên tử) từ phía Iraq. Nếu Iraq tấn công Hoa-Kỳ bằng WMD, tai họa lớn lao sẽ xảy ra gấp bội những tai họa trong vụ tấn công 11 tháng Chín năm 2001 —và tổng thống có quyền sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đánh phủ đầu (preemptive strike) nhằm ngăn chặn đe dọa WMD. Theo giáo sư Michael T. Klare ở Massachusetts (xin xem lời giới thiệu về ông Klare của Cổ-Lũy trong bài "*Dầu hỏa, Khủng-bố và An-ninh của Mỹ,*" THẾ-KỶ 21, tháng Năm, 2003) nếu WMD là mối bận tâm lớn lao của tổng thống Bush, ông đã bận tâm không đúng chỗ. Những tài nguyên

AFP

dồi dào của Mỹ —quân lực, tiền bạc và thế lực, ảnh hưởng chính trị lớn lao trên toàn thế giới– có thể được sử dụng đúng chỗ hơn: Bắc-Hàn hoặc Hồi-Quốc (Pakistan). Bất cứ ai có chút ít hiểu biết về mối đe dọa WMD trên thế giới cùng các giả thiết quốc phòng của Mỹ hoặc theo rõi tin tức quốc tế đều thấy là mối đe dọa WMD lớn nhất trong giai đoạn hiện nay nằm ở Bắc-Hàn cộng sản và Pakistan. Hai nước này là đe dọa lớn nhất vì nhiều lý do (xin xem bài *Nhìn Lại Chiến-Tranh Của Mỹ Ở Iraq,* THẾ-KỶ 21, tháng Bảy 2003). Cả hai có nhiều WMD gấp bội Iraq; ngược lại, Iraq không có vũ khí nguyên tử, ít nhất là cho đến giai đoạn này (giới khoa học và tình báo quốc tế đều xác nhận phải vài năm nữa, và với điều kiện thuận tiện nhất, Iraq mới đủ khả năng). Iraq có thể có vài vũ khí hóa học và sinh học và khoảng một tá phi đạn loại Scud. Từng được sử dụng trong chiến tranh Kuwait (1990-1991) ngày nay không chắc Iraq còn giữ được những phi đạn này, và cũng không chắc nếu còn những phi đạn này có sử dụng được không, hoặc tầm hiệu lực quân sự đi đến đâu. Cho đến nay, với gần cả 150 ngàn lính, với đủ khí cụ tối tân cùng chuyên viên khoa học kỹ thuật và tình báo ở ngay trong Iraq Hoa-Kỳ vẫn chưa thấy một dấu vết nào về vũ khí hóa học, sinh học hay hạch nhân. Tháng Năm vừa qua, thất vọng vì chính quyền Bush không đưa nổi một bằng chứng về WMD thượng nghị sĩ thâm niên và lão thành Robert Byrd (Dân chủ, West Virginia) tuyên bố trước Thượng viện là chính quyền dùng WMD "đánh lừa" dân chúng Mỹ để đơn phương xâm lăng Iraq, và nhiều người trong giới truyền thông nhại chữ WMD thành chữ Weapon of *Mass Distraction* khi nói về vũ khí ông Bush dùng để đánh lạc dư luận quần chúng về những trì trệ kinh tế trong nước, hoặc

Weapon of *Mass Deception* để nói về vũ khí đánh lừa dân chúng ủng hộ chiến tranh Iraq. Từ tháng Sáu và nhất là trong tháng Bảy vừa qua WMD bắt đầu thành vấn đề chính trị khó khăn cho chính quyền Bush. Mối đe dọa WMD cấp bách của Iraq là lý do chính hai chính quyền Mỹ (tổng thống Bush) và Anh (thủ tướng Tony Blair) đưa ra để đơn phương tấn công Iraq và lật đổ Saddam Hussein ngay tức khắc. Tổng thống Bush trong diễn văn hàng năm về Tình hình Liên bang trước quốc hội đầu năm 2003 tuyên bố: "Chính quyền Iraq đã âm mưu phát triển anthrax, hơi độc và vũ khí nguyên tử hơn một thập niên." Tháng Mười trước đó ở Ohio, ông tuyên bố chế độ Saddam Hussein "hiện có trong tay và sản xuất vũ khí hóa học và sinh học. Và chế độ đang tìm kiếm vũ khí nguyên tử." Tháng Tám trước đó, phó tổng thống Dick Cheney nói trước hội Cựu Chiến binh Viễn chinh: "Nói một cách giản dị, không còn nghi ngờ gì nữa, Saddam Hussein hiện có WMD. Rõ ràng Saddam Hussein đang thu thập những vũ khí này để sử dụng chống lại những nước bạn, những đồng minh và cả chúng ta." Tháng sau đó tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld tuyên bố với các phóng viên: "Ta biết là họ có WMD. Hoàn toàn không có chút nghi ngờ gì về WMD." Bên kia bờ Đại-Tây-Dương, ông Tony Blair cả quyết giới quân sự Iraq "có thể tấn công bằng vũ khí hóa học và sinh học trong vòng 45 phút." Nhưng trước đó tình báo thuộc bộ Ngoại giao, và nhất là Cơ quan Tình báo Quốc phòng (Defense Intelligence Agency, DIA, thuộc bộ Quốc phòng) báo cáo: "Không có tin tức đáng tin cậy nào cho thấy Iraq đang sản xuất hoặc tàng trữ vũ khí hóa học, hay Iraq đã hoặc sẽ thiết lập cơ sở sản xuất vũ khí hóa học ở đâu." Cũng trong tháng Chín, trước Liên-Hiệp-Quốc ông Bush tuyên bố Iraq mua những ống nhôm có cường độ cao nhằm gia tăng phẩm chất uranium để có thể chế bom nguyên tử "trong vòng một năm." Mười-hai ngày sau, ông Blair tiết lộ tài liệu cho thấy Iraq "tìm mua số lượng uranium lớn từ Phi châu," và "có thể sản xuất bom nguyên tử trong vòng từ một đến hai năm." Ông Bush nhắc lại điều này trong diễn văn Tình hình Liên bang 2003 và cả quyết "chính phủ Anh đã biết được Saddam Hussein tìm mua số lượng uranium lớn ở Phi châu mới đây" để sản xuất bom nguyên tử, dù CIA đã báo cho Bạch-ốc là tài liệu không đáng tin cậy.

B. Ai chịu trách nhiệm?

Đầu tháng Bảy vừa qua lúc ông Bush đang thăm viếng Phi châu, WMD trở thành xì-căng-đan lớn với nghi vấn là tổng thống dùng tài liệu không đáng tin cậy, hoặc cố ý đánh lừa dư luận quần chúng và quốc hội —và cả thế giới— để mở cuộc tấn công vội vã vào Iraq mà không đi qua thủ tục hợp pháp LHQ. Câu chuyện mở đầu với ký giả Ý Elisabetta Burba khi bà nhận được tài liệu về Iraq tìm mua uranium ở Nigeria từ một nguồn đáng tin cậy. Bà qua tận Nigeria điều tra vì tài liệu có vẻ là giả mạo (chữ ký của người đã nghỉ việc tòa lãnh sự hơn mười năm trước; danh hiệu các cơ quan liên hệ không có thực) và quá thô thiển vì nó nói đến năm trăm tấn uranium mà không hề nhắc nhở đến phương cách chuyên chở di chuyển. Sau đó bà không dám đăng tin trên tuần báo *Panorama* vì sợ mất uy tín nghề nghiệp và mất việc ở đây; bà nhận có gởi một cóp-pi cho tòa đại sứ Mỹ ở Ý. Tiếp theo là vai trò của đặc sứ Joseph Wilson IV, một nhà ngoại giao chuyên nghiệp đã về hưu với kinh nghiệm lâu năm về vùng Phi châu. Tháng Hai 2002 ông Wilson được bí mật cử bởi phó tổng thống Dick Cheney, qua giám đốc CIA George Tenet, đến Phi châu điều tra việc Iraq lùng mua uranium ở đây. Cuối tuần lễ đầu tiên tháng Bảy vừa qua, ông Wilson qua phỏng vấn trên truyền hình NBC toàn quốc xác nhận sau chuyến công du ở Phi châu ông đã báo cáo cho CIA, bộ Ngoại giao, Quốc phòng , phó tổng thống cùng Bạch ốc chuyện Iraq tìm mua uranium ở châu Phi không có thực. Tổng tống Bush, với khuyến cáo của CIA, đã không nhắc đến việc Iraq tìm mua uranium Phi châu trong diễn văn tháng Mười 2002 ở Cincinnatti, Ohio— nhưng sau đó lại nhắc đến việc không có thực này trong diễn văn quan trọng hàng năm về Tình hình Liên bang cuối tháng Giêng 2003. Cố vấn an ninh quốc gia Condoleezza Rice, đang cùng thăm viếng Phi châu với tổng thống, hấp tấp đổ lỗi ngay cho giám đốc CIA George Tenet đã không kiểm soát cẩn thận tin tức tình báo để đến nỗi tổng thống dùng tài liệu không có thực trong Diễn văn Tình hình Liên bang. Bà cũng xác nhận là không nhận được báo cáo nào về hoạt động của Iraq vở Phi châu từ giới tình báo.

Ông Tenet cũng vội vàng "nhận tội" một cách hơi bất thường; nhưng sau đó khi điều trần trước Ủy ban Tình báo Thượng viện ông xác nhận tin tức về việc Iraq tìm mua uranium ở Phi châu không đáng tin cậy hoặc giả mạo đã được chuyển miệng và bằng văn thư đến bộ Ngoại giao, Quốc phòng, phó tổng thống và Hội đồng An ninh Quốc gia (dưới quyền bà Rice) cùng người viết diễn văn cho tổng thống, trước khi diễn văn hoàn tất (sau khi sửa đi sửa lại 24 lần) để tổng thống đọc ngày 28 tháng Giêng 2003. Ba ngày trước đó, khi các nhân vật cao cấp nhất trong chính quyền họp bàn lần chót về diễn văn, không một ai phản đối việc nhắc nhở chi tiết Iraq và uranium ở Phi châu trong diễn văn. Sau những gặng hỏi và điều tra của Thượng viện và giới truyền thông giữa tháng Bảy ông Stephen Hadley, nhân vật thứ nhì sau bà Rice trong Hội đồng An ninh Quốc gia, nhận là đã "quên" bẵng hai văn thư về hoạt động không đáng tin cậy của Iraq ở Phi châu nhận từ ông Tenet. Người đứng đầu nhóm viết diễn văn cho tổng thống, ông Michael Gerson, cũng "quên" và bà Rice cũng "quên" bẵng là đã nhận được văn thư. Cuối tháng Bảy, sau khi có tin "vui" từ Iraq là hai con trai của Saddam Hussein đã bị bắn chết, bà Rice và tổng thống nhẹ nhàng nhận "trách nhiệm hoàn toàn" về những sai lạc trong diễn văn. Hai nhân vật chủ chiến nhất ở Iraq là phó tổng thống Dick Cheney và tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld thì hoàn toàn im lặng. Kết quả là không một ai bị khiển trách; không một ai từ chức hay bị cách chức vì lỗi lầm to lớn này. Theo luật hiến pháp Mỹ tổng thống có thể bị bãi nhiệm vì lỗi lầm to lớn hay cố ý đánh lừa dân chúng và quốc hội, nhất là trong chiến tranh (tổng thống chỉ có quyền tuyên chiến sau khi quốc hội cân nhắc sự việc và tin tức tình báo và cho phép tổng thống tuyên chiến). Dư luận dân chúng nhất là phe đảng Dân chủ khá chua chát khi nhắc lại vụ tổng thống Dân chủ Bill Clinton bị đa số Cộng hòa đưa ra xử trước Quốc hội nhằm bãi nhiệm ông vì dám nói dối không có liên hệ tình dục với cô Monica Lewinsky trước đây. Nghị sĩ Bob Graham (Dân chủ, Florida) và cũng là một ứng viên tổng thống đặt câu hỏi, "Tại sao, sau mấy tuần lễ chối cãi, tổng thống quay trở ngược lại và nay nhận rằng tổng thống đã đưa ra toàn quốc một điều hoàn toàn sai lạc để đi vào chiến tranh? Nếu tổng thống nghĩ rằng nhận lỗi sẽ chấm dứt những nghi vấn, ông hoàn toàn sai lầm. Đây chỉ gây thêm nhiều nghi vấn về những che dấu ở Bạch ốc mấy tuần qua nhằm che chở cho tổng thống khỏi vướng tội." Nghị sĩ Dân chủ John Rockefeller, phó chủ tịch ủy ban tình báo Thượng viện, tuyên bố sau điều trần của ông Tenet, "Ông Tenet và CIA đã bị dùng làm vật tế thần để che chở cho tổng thống và các cố vấn an ninh của ông." Nghị sĩ Pat Roberts (Cộng hòa, Kansas), chủ tịch ủy ban tình báo Thượng viện tuyên bố, "Chúng tôi sẽ theo đuổi điều tra chuyện này cho tới cùng." Các thăm dò dư luận quần chúng cho thấy hơn một nửa người Mỹ tin rằng chính quyền cố ý "thổi phồng" hay phóng đại bằng chứng về WMD để đơn phương đi vào chiến tranh Iraq một cách vội vã. Chắc chắn phe Dân chủ sẽ tiếp tục nắm lấy vấn đề WMD để tấn công tổng thống Bush trong mùa bầu cử 2004 vì một lợi điểm chính của ông Bush là dân chúng tín nhiệm xem ông là người "thành thật." Bên kia bờ Đại-Tây-Dương ông Tony Blair đang bị dân chúng Anh đòi phải từ chức vì những "thổi phồng" về WMD và nhất là sau cái chết, bị xem như tự sát, của ông David Kelly chuyên viên bộ quốc phòng Anh về WMD sau khi ông tố cáo với đài BBC rằng chính quyền Anh phóng đại tin tức về WMD từ Phi châu. Điều trần về cái chết của ông Kelly, ông Jonathan Powell đổng lý văn phòng của ông Blair mới đây cho biết ông đã gửi điện thư cho ông Blair tháng Chín năm ngoái xác nhận rằng tài liệu về WMD ở Iraq "không cho thấy đe dọa nào cả và chắc chắn không phải là đe dọa cấp bách" và cũng "không cho thấy Saddam Hussein có ý định tấn công những nước láng giềng

AFP

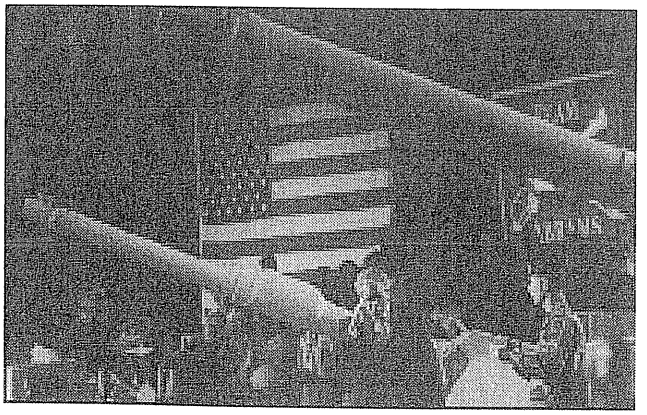

và chắc chắn không có ý định tấn công Tây phương."
Bây giờ, sáu tháng sau khi tấn công chớp nhoáng và xâm chiếm Iraq mà không có một dấu hiệu gì về WMD, tổng thống và các nhân vật cao cấp trong chính quyền cả quyết là Iraq có "chương trình," hay kế hoạch sản xuất WMD (chứ không phải "25 ngàn lít anthrax, 38 ngàn lít chất độc botulinum và 500 tấn hơi độc mù-tạc, sarin và VX," như tổng thống xác nhận trước chiến tranh) —một điều ai cũng biết, nhưng không đủ yếu tố "đe dọa cấp bách" để dân chúng, quốc hội và dư luận thế giới cho phép chính quyền đơn phương qua mặt LHQ đánh phủ đầu Iraq. Nặng nhất có lẽ là tuyên bố của ông Paul Wolfowitz, thứ trưởng quốc phòng và một trong những kiến trúc sư chính của chiến tranh Iraq, trên tờ nguyệt san *Vanity Fair* đầu tháng Sáu: "Tôi không hề bận tâm về chuyện có hay không có WMD. Sự thật là, phần lớn bởi những lý do hành chánh, chúng tôi thỏa thuận chọn cái cớ WMD vì [giới lãnh đạo chính quyền] dễ đồng ý với nhau hơn cả." Quốc hội Anh đã mở màn điều tra những tuyên bố về WMD trước chiến tranh của chính quyền Blair, và đầu tháng Chín cố vấn cao cấp và thân cận nhất của ông Blair, ông Allaster Campbell (cũng là nhân vật gắn liền với tuyên bố "45 phút") đã từ chức —và hơn một nửa dân chúng Anh cũng đòi ông Blair từ chức. Trong khi ở Hoa-Kỳ hai phát triển đáng ngạc nhiên là việc truy lùng WMD ở Iraq, từ giữa tháng Sáu, được trao trọn vào tay giám đốc CIA George Tenet, người nhận trách nhiệm về những tuyên bố đao to búa lớn nhưng sai lạc về WMD của những nhân vật nòng cốt chính quyền Bush. Những nhân vật này nay kêu gọi thế giới hãy kiên nhẫn chờ đợi bằng chứng về WMD —dù trước đây chính họ không kiên nhẫn để cho phái đoàn thanh tra LHQ làm công tác này. Ông Tenet cũng chọn một chuyên viên trong phái đoàn thanh tra LHQ, ông David Kay mà trước đây chính quyền Bush không tin tưởng chút nào để cầm đầu nhóm 1400 chuyên viên Mỹ truy lùng WMD ở Iraq sau khi tướng James Conway, chỉ huy Thủy quân Lục chiến Mỹ ở đây, cho những tin tức tài liệu về WMD ở Iraq là hoàn toàn sai lạc. Tháng Chín phái đoàn truy lùng WMD dưới quyền ông David Kay và tướng Keith Dayton thuộc DIA sẽ đưa ra phúc trình đầu tiên về WMD ở Iraq như đã hứa hẹn, nhưng hai người dạm trước rằng tin tình báo về WMD từ trước đến nay dựa vào các báo cáo sai lạc của những người Iraq lưu vong mà chính quyền tin tưởng hoàn toàn. Điều này chắc chắn sẽ gây ra nhiều sôi nổi trên chính trường Mỹ và quốc tế—nhất là trong cái bối cảnh một nước loại Thế giới thứ Ba chậm tiến như Iraq với một tỉ đô-la ngân sách quốc phòng có thể biến thành đe dọa cấp bách cho đại siêu cường độc nhất trên thế giới với hơn bốn trăm tỉ đô-la dành cho ngân sách quốc phòng. Đầu tháng Chín, gần đến ngày kỷ niệm hai năm sau vụ 11 tháng Chín cùng với những khó khăn mỗi ngày một rõ rệt về an ninh và tái thiết ở Iraq chính quyền Bush có vẻ như muốn cho "chìm xuồng" WMD, lý do chính đi vào chiến tranh Iraq, và quay ra nhấn mạnh lý do chống khủng bố để duy trì dư luận dân chúng ủng hộ chiến tranh bắt đầu lung lay.

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm chiếm Iraq và lật đổ ông Saddam là điều cần phải làm để ngăn chặn Iraq chuyển WMD cho khủng bố chống Mỹ. Đây là mối lo chính đáng, nhưng Pakistan với dân chúng và giới lãnh đạo tôn giáo, giới quân sự và tình báo vừa thân khủng bố vừa chống Mỹ mới dễ chuyển WMD hơn là Iraq. Ông Saddam và giới lãnh đạo Iraq không có liên hệ với giới Hồi giáo cực đoan; đúng ra, Saddam Hussein có lập trường chống đối phe Hồi giáo cuồng tín từ lâu và những nhóm này xem ông là kẻ thù vì Saddam quá nặng về phần đời hơn phần đạo.

CHỐNG KHỦNG-BỐ

A. Trước chiến tranh

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm chiếm Iraq và lật đổ Saddam Hussein là đỉnh cao và thành công lớn lao của cuộc chiến chống khủng bố. Không có bằng cớ về liên hệ giữa Saddam và Al Qaeda, Taliban hoặc bin Laden, chính quyền đưa ra lý luận mơ hồ rằng thái độ thù nghịch của Saddam đối với Mỹ nuôi sống và làm hứng khởi đe dọa khủng bố chống Mỹ. Dựa vào đây chính quyền kết luận rằng nếu triệt hạ được Saddam khủng bố quốc tế sẽ thấm đòn nặng và khả năng khủng bố sẽ yếu hẳn đi.

Trong diễn văn Tình hình Liên bang tháng Giêng vừa qua tổng thống Bush tuyên bố rõ rệt rằng Saddam Hussein trợ giúp, bảo vệ khủng bố kể cả các thành viên Al Qaeda, và có dính líu vào vụ 11 tháng Chín. Điều này có đúng phần

nào: Iraq , cũng như đa số các nước Hồi giáo A-Rập, đều trợ giúp tiền bạc cho các nhóm Palestine chống Do-Thái—nhưng không phải là Al Qaeda hay Taliban ở Afghanistan Sau chiến tranh, phóng viên của tờ *Los Angeles Times* có đi thăm một trại huấn luyện của nhóm Hồi giáo cực đoan Ansar al Islam ở phía bắc Iraq và tìm thấy bằng cớ là thành viên Al Qaeda có đến đây sau khi chạy trốn khỏi Afghanistan. Nhưng điểm đáng chú ý là trại huấn luyện này nằm trong khu vực tự trị của người thiểu số Kurd có không quân Hoa-Kỳ và Anh tuần hành bảo vệ, và Saddam Hussein không có quyền hành gì trong vùng. Như đã nói ở trên, liên hệ giữa Saddam và Al Qaeda —nếu có liên hệ nào đó— là một liên hệ thù nghịch. Những tổ chức, phong trào Hồi giáo cực đoan, khủng bố đều có mục tiêu lật đổ bất cứ chính quyền trong thế giới Hồi nào không chịu theo Hồi giáo chính thống và thay vào đó bằng chính quyền Hồi giáo cực đoan (ví dụ như ở Iran và Algerie). Theo lý thuyết của Al Qaeda, những chính quyền nặng phần đời thế tục hơn phần đạo như chính quyền đảng Baath của Saddam, chính quyền ở Ai-Cập (Egypt) , Jordan và Saudi Arabia phải bị đạp đổ. Ngay trước chiến tranh Bin Laden có kêu gọi người A-Rập và Hồi giáo nói chung khắp mọi nơi đứng lên chống Mỹ vì lý do chủng tộc và tôn giáo, một thánh chiến chống lại người da trắng Ki-tô giáo xâm lăng mà hoàn toàn không nhắc nhở gì đến Saddam Hussein

B. Ai giúp khủng bố?

Cũng giống như trong tường hợp WMD nói trên, mối lo ngại của chính quyền Bush về liên hệ giữa Saddam và khủng bố đã đặt không đúng chỗ. Từ sau vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín 2001, giới truyền thông, viên chức chính quyền nhất là trong giới tình báo, và dân chúng Mỹ nhất là thân nhân của các nạn nhân khủng bố đã đưa ra nhiều bằng chứng về liên hệ trực tiếp giữa Saudi Arabia và Al Qaeda cùng với Taliban. Theo ông Robert Baer, nguyên chuyên viên CIA ở Trung-Đông hơn 21 năm (nhà xuất bản Crown Books sắp ra mắt tập *Sleeping With the Devil* của ông về liên hệ giữa chính quyền Saudi, Mỹ và khủng bố Hồi giáo), Saudi Arabia có một chính quyền quân chủ giầu sụ (vì đứng hàng đầu về dầu hỏa) nhưng thối nát mục rữa, và từng liên tục hỗ trợ tiền bạc cho khủng bố Hồi giáo khắp thế giới để được yên thân trong nước (Bin Laden, Al Qaeda, 15 trong số 19 người cướp máy bay ngày 11 tháng Chín và phần lớn 650 người khủng bố Hồi giáo bị bắt ở Afghanistan rồi giam giữ ở căn cứ Guantanamo Bay đều có gốc gác từ Saudi Arabia). Nhiều người rõ là Saudi Arabia có đến một phần tư tổng số dự trữ dầu hỏa toàn thế giới và cung cấp cho Hoa-Kỳ khoảng một phần năm số dầu thô cần dùng. Nhưng ít người biết rằng Saudi Arabia là nước độc nhất có khả năng sản xuất dầu thô thặng dư quan trọng —khoảng hai triệu thùng mỗi ngày— để giữ thị trường quân bằng khi có khủng hoảng. Với số lượng dầu thô này Saudi Arabia thực sự ảnh hưởng lớn lao vào giá cả dầu trên thế giới bằng quyết định số lượng dầu bán ra, và ảnh hưởng trực tiếp đến cả những nước không mua dầu Saudi (nếu cơn khủng hoảng dầu 1973-1974 kéo dài thêm hai tháng, và nếu không có dầu Saudi kỹ nghệ Nhật đã sụp đổ hoàn toàn và kinh tế Nhật đã suy thoái; số dầu thô dự trữ chiến lược của Mỹ cũng chỉ kéo dài được 70 ngày theo mức tiêu thụ phí phạm hiện nay). Ngay sau ngày 11 tháng Chín Saudi Arabia đồng ý chuyển đến Hoa-Kỳ chín triệu thùng dầu thặng dư để trấn an dư luận và giữ giá dầu, và kinh tế Mỹ ở mức ổn định — cũng như trước đây Saudi Arabia đã "cứu" Hoa-Kỳ bằng dầu hỏa thời 1973-1974, trong tám năm chiến tranh Iraq-Iran giữa thập niên 1980, và chiến tranh Mỹ-Iraq 1990-1991. Hoa-Kỳ từng dựa cậy vào dầu hỏa Saudi, nhưng nay mọi sự đã thay đổi.

Ngày nay triều đại Saud ở Saudi Arabia có vua Fahd ibn Saud nằm liệt giường từ 1982, các em vua, vừa em ruột lẫn em cùng cha khác mẹ, tranh dành kèn cựa nắm quyền hành và hàng ức đô-la lợi tức dầu hỏa cùng mười đến mười-hai ngàn hoàng tử ngồi không xài phí tiền bạc. Trong khi đó lợi tức đồng niên của dân chúng đi từ 28,600 đô-la xuống còn 8,600 đô-la một năm trong vòng hai-mươi năm qua. Saudi Arabia là một nước có sinh số cao nhất thế giới (với gần một nửa dân số ở tuổi cần có công ăn việc làm) và cũng là nước xử trảm dân chúng cao nhất; một nước không có hiến pháp với lực lượng cảnh sát tham nhũng hủ lậu và ngân sách an ninh quốc phòng chiếm gần một nửa lợi tức quốc gia để trang bị chống lại kẻ thù của triều đại ở bên trong lẫn bên ngoài Saudi Arabia. Một trong

những kẻ thù của triều đại là phái Hồi giáo khắc khổ Wahhabi, Al Qaeda và Bin Laden ở ngay trong nước. Các giới lãnh đạo Wahhabi khắp nước đều công khai kêu gọi thánh chiến chống lại Tây phương —bao gồm cả hoàng gia Saud ung thối bại hoại đã cho phép Hoa-Kỳ lập căn cứ quân sự gần thánh địa Hồi giáo Mecca và Medina. Những trường học thuộc đền thờ Wahhabi là nơi nuôi dưỡng Hồi giáo cực đoan. Những khủng bố gần đây ở Bali (Nam-Dương, với hơn hai trăm du khách thiệt mạng, đa số là người Tây phương) , Phi-Luật-Tân, Bosnia, Chechnya (nơi cả phụ nữ cũng mang bom quyết tử), Kenya và Hoa-Kỳ đều phát nguồn từ đây— và gián tiếp từ hoàng gia Saud đã cúng tiền bạc cho người thuộc giáo phái Wahhabi và Al Qaeda để mua lấy yên thân trong nước. Báo cáo của Hội đồng Bảo an LHQ cho thấy trong vòng thập niên vừa qua Saudi Arabia đã chuyển hơn năm trăm triệu đô-la cho Al Qaeda. Năm 1997 một nhân vật cao cấp trong hoàng gia chuyển một trăm triệu đô-la cho Taliban. Ngay sau những tấn công khủng bố tòa đại sứ Mỹ ở Kenya và Tanzania năm 1998 tổ chức bởi Bin Laden từ các căn cứ Afghanistan hoàng gia tiếp tục viện trợ cho Taliban và Pakistan nước đồng minh chính với Bin Laden và Taliban. Năm 2000 có báo cáo là Saudi Arabia viện trợ dầu hỏa cho Pakistan và Afghanistan với trị giá hai triệu đô-la một ngày. Từ 1994 Hoa-Kỳ biết Saudi Arabia tài trợ cho Pakistan phát triển chương trình vũ khí nguyên tử tổng cộng lên tới hơn một tỉ đô-la. Sau vụ 11 tháng Chín dư luận báo chí và dân chúng Mỹ ồn ào vì phát giác vợ đại sứ Saudi ở Hoa-Kỳ chuyển một trăm triệu đô-la cho Al Qaeda qua các tổ thức từ thiện Hồi giáo. Saudi Arabia mới bắt đầu để ý đến thành viên Al Qaeda sau vụ khủng bố đầu tháng Năm ở ngay thủ đô Riyadh giết hại 35 người phần lớn là chuyên viên da trắng làm việc cho chính phủ.

Cuối tháng Bảy tập phúc trình 900 trang gồm các điều tra của Quốc hội liên quan đến vụ 11 tháng Chín được phát hành hạn chế trong số các đại diện dân cử và nhân viên cao cấp trong chính quyền. Điểm đặc biệt là phúc trình kiểm duyệt bỏ trống 27 trang về liên hệ giữa chính quyền Saudi và những người khủng bố cướp máy bay đâm vào Trung tâm Thương vụ Thế giới và Ngũ-giác-đài. Một nhân vật chính quyền cao cấp (dấu tên) nói 27 trang này cho thấy "những liên hệ rất trực tiếp, rất rõ rệt" giữa viên chức Saudi và hai người cướp máy bay từng ở San Diego, California. Một nhân vật khác (cũng dấu tên) nói những trang bị kiểm duyệt đục bỏ này "lên án rõ rệt không những những tổ chức hay cá nhân mà cả chính quyền Saudi có dính dáng đến vụ khủng bố." FBI nêu tên hai người, Omar al-Bayoumi và Osama Bassnan bị xem là nhân viên tình báo Saudi, đã giúp tiền bạc và nơi ăn chốn ở tại San Diego cho hai người cướp máy bay cũng gốc Saudi trước khi xảy ra vụ 11 tháng Chín. Bassnan và al-Bayoumi có liên hệ trực tiếp với Al Qaeda và được dùng làm người chuyển tiền bạc cho những người cướp máy bay và các người Saudi cực đoan khác. FBI cũng nói rằng al-Bayoumi ngoài mặt là nhân viên hàng-không dân sự Saudi tiếp nhận "nguồn tài chính không hạn chế" từ Saudi Arabia. Bassnan cùng gia đình nhận trợ cấp tiền bạc lớn lao từ công chúa Haifa al-Faisal, vợ của hoàng tử Bandar bin Sultan, đại sứ Saudi ở Hoa-Kỳ. Sau 11 tháng

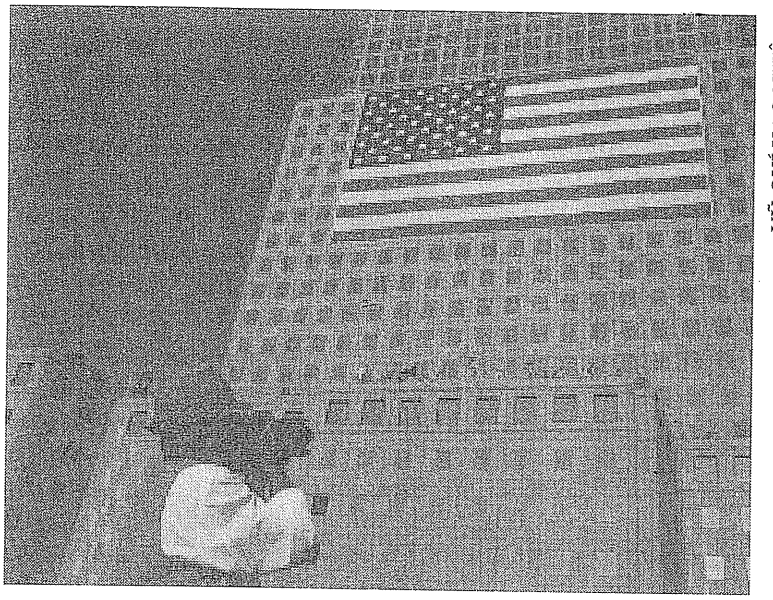

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Tại buổi lễ tưởng niệm 11/9/2003, phóng viên Nat Valentine chụp hình tòa nhà World Financial Center đối diện WTC.

Chín, trong khi mọi người Hồi giáo và A-rập ở Hoa-Kỳ đều bị theo rõi, soi mói, làm khó dễ hoặc bắt giữ, Bassnan và al-Ayoumi đều được thong thả ra khỏi Hoa-Kỳ đi về Saudi Arabia và biến mất. Một nhân vật cao cấp nữa là hoàng tử Nayef ibn Abdulaziz, tổng trưởng nội vụ Saudi, bị FBI xem là một trong những nhân vật chính quyền cao cấp mà FBI có bằng cớ là "qua nỗ lực cá nhân và chức vụ chính thức chuyển hàng trăm triệu đô-la qua các hội thiện đáng nghi ngờ cũng như các hội đoàn bề mặt đến các nỗ lực tài trợ vụ 11 tháng Chín và các hành động khủng bố khác." Một phái đoàn gồm những nhân vật cao cấp thuộc FBI, bộ Ngân khố và Hội đồng An ninh Quốc gia đầu tháng Tám đã lên đường qua Saudi Arabia để điều tra "cho đến tận gốc rễ." Theo nghị sĩ Susan Collins (Cộng hòa, Maine), chủ tịch Ủy ban Công quyền ở Thượng viện, có vô số bằng chứng là "các viên chức cao cấp thuộc chính quyền và hoàng gia Saudi có liên hệ đến việc ủng hộ những tổ chức Saudi có hai mục tiêu rõ rệt —làm việc thiện và chuyển tiền bạc đến các tổ thức khủng bố." Ủy ban Công quyền đang điều tra về việc Saudi Arabia tài trợ khủng bố và bà Collins cho biết thêm, " Không có dấu hiệu gì cho thấy họ thực tình ngăn chặn hay điều tra những tổ chức đáng nghi ngờ này. Có lẽ phải nói là họ 'cố ý làm ngơ.' Họ không muốn biết, họ không điều tra, họ không làm chút gì để xem tiền bạc đi đến đâu. Tôi nghĩ là ở mức nào đó họ cố ý không muốn tìm hiểu."

Đích thân ngoại trưởng Saudi đã đến Hoa-Kỳ yêu cầu tổng thống Bush giải mật 27 trang bị đục bỏ trong phúc trình của Quốc hội để làm sáng tỏ dư luận. Hơn một nửa số nghị sĩ trong Thượng viện cũng yêu cầu tổng thống giải mật. Cho đến nay tổng thống vẫn khăng khăng không chịu giải mật viện cớ "an ninh quốc gia." Mọi người đều ngạc nhiên về thái độ của tổng thống.

C. Những liên hệ nguy hiểm

Theo chuyên viên CIA Robert Baer thái độ này không có gì khó hiểu. Từ cả bao nhiêu thập niên (hơn bốn thập niên, đối với gia đình Bush) hầu hết những nhân vật có quyền lực và tiếng tăm ở Hoa-thịnh-đốn đều nắm chức vụ cao ở các công ty Mỹ làm ăn lớn với Saudi Arabia. Một số lượng tiền bạc to lớn khủng khiếp (khoảng 20 tỉ, với mức gia tăng 70 phần trăm hàng năm), và những liên hệ móc nối chính trị cần thiết để làm ăn lớn di chuyển giữa Saudi Arabia và Hoa-Kỳ: Hoa-Kỳ mua dầu Saudi và bảo vệ an ninh cho Saudi Arabia; Saudi Arabia mua vũ khí, dịch vụ xây cất, hệ thống truyền thông, và máy móc dụng cụ khai thác dầu. Thử lấy thí dụ Carlyle Group, một công ty đầu tư tư nhân năm 1987 (cuối thời tổng thống Ronald Reagan và đầu thời tổng thống Bush bố) mới thành lập đã có giao kèo hàng trăm triệu đô-la với Saudi Arabia. Trong mười năm qua chủ tịch công ty là ông Frank Carlucci, nguyên cố vấn an ninh quốc gia và sau là tổng trưởng quốc phòng trong chính quyền Reagan-Bush. Cố vấn luật pháp cao cấp của Carlucci là James Baker, tổng trưởng ngoại giao dưới thời Bush (ông Bush cũng là một cố vấn cho Carlucci). Một cố vấn cao cấp nữa là Arthur Levitt, chủ tịch Ủy hội Tiền tệ thời tổng thống Bill Clinton. Nguyên thủ tướng Anh John Major hiện là chủ tịch Carlyle ở châu Âu. Những nhân vật quyền thế nữa là William Kennard, nguyên chủ tịch Ủy hội Truyền thông; Afsaneth Mashayekhi Beschloss, nguyên thủ quĩ và cầm đầu bộ phận đầu tư của Ngân hàng Thế giới; Richard Darman,nguyên thứ trưởng ngân khố thời ông Reagan và cầm đầu ngân sách thời ông Bush.

Có thể nói hầu hết những nhân vật quyền thế hợp tác với gia đình Bush đều có cơ hội làm ăn lớn với Saudi Arabia. Công ty Halliburton, có thể xem là công ty làm ăn lớn nhất ở Saudi Arabia và Iraq hiện nay, nằm dưới quyền chủ tịch Dick Cheney gần mười năm, giữa thời gian ông ngừng làm tổng trưởng quốc phòng (dưới thời ông Bush bố) và thời gian làm phó tổng thống với ông Bush hiện nay; bà Condoleezza Rice, Cố vấn An ninh Quốc gia hiện nay là một giám đốc đại công ty ChevronTexaco hợp tác với công ty dầu hỏa Aramco của nhà nước Saudi, mới đây cộng tác thêm với công ty Nimir Petroleum để khai thác dầu hỏa ở Kazakhstan; bà Carla Hills một giám đốc ChevronTexaco khác nguyên là Đại diện Thương mại Quốc tế cho ông Bush bố; ông Nicholas Brady, nguyên tổng trưởng ngân khố , và bà Edith Holiday, nguyên phụ tá cho ông Bush bố đều là giám đốc công ty Amerada Hess hợp tác với một số hoàng tử thanh thế nhất trong hoàng gia Saudi khai thác dầu hỏa ở Azerbaijan; nguyên giám đốc CIA thời ông Bush bố John Deutch là một

giám đốc công ty dầu Frontera cũng vừa hợp tác với Amerada Hess và hoàng gia Saudi khai thác dầu Azerbaijan.

Những liên hệ chính trị kinh tế qua lại giải thích tại sao chính quyền hai nước phải nâng đỡ bảo vệ lẫn nhau —theo ông Baer, có khi phải "bịt mũi" làm chuyện này. Nhân vật móc nối giữa hai nước không ai khác hơn là hoàng tử Bandar bin Sultan nói trên, đại sứ Saudi ở Hoa-Kỳ từ năm 1983 (thời Reagan-Bush; quen thân với gia đình Bush đến độ người trong gia đình gọi ông là "Bandar Bush"). Hoàng tử Bandar nổi tiếng là người xài tiền triệu: theo tờ *Washington Post,* ông đặt mười triệu đô-la vào nhà băng ở Vatican theo lời yêu cầu của giám đốc CIA William Casey thời Reagan-Bush để đảng Dân chủ Cơ-đốc Ý có phương tiện tranh cử chống đảng cộng sản Ý; ba-mươi triệu cho thiếu tá Oliver North mua vũ khí cho nhóm Contra chống chính quyền tả phái ở Nicaragua khi luật Boland cấm viện trợ quân sự trái phép; một triệu cho thư viện tổng thống Bush ở Texas; một triệu cho bà Barbara Bush chống mù chữ. Tổng thống Clinton không thân thiện với hoàng tử , nhưng viện đại học tiểu bang Arkansas, quê hương ông Clinton và cũng là nơi ông vừa rời ghế thống đốc để lên làm tổng thống, cũng nhận được hai-mươi triệu của Bandar để lập chương trình nghiên cứu Trung-Đông. Nói chung trong vòng ba-mươi năm qua, không một thư viện tổng thống nào, không một viện nghiên cứu (think tank) chính trị, kinh tế, quân sự,xã hội rải rác khắp Hoa-thịnh-đốn, không một trung tâm, tổ chức có tên tuổi những người quyền thế nào mà không có trợ cấp tiền bạc Saudi. Đường lối hay triết lý ngoại giao của hoàng tử rất là đặc biệt: nếu hoàng gia Saudi chu đáo săn sóc những bạn thân thiết khi họ rời chính quyền trở lại đời sống tư (những người có chức vụ chính trị cao cấp đi theo cùng mỗi nhiệm kỳ tổng thống), kết quả thấy ngay là những người mới bước chân vào chính quyền kế tiếp sẽ thành bạn tốt hơn những người đã ra đi. Như một người bạn tốt hoàng tử Bandar là đại sứ ngoại quốc độc nhất có toán vệ sĩ đặc phái từ bộ Ngoại giao Mỹ thường trực bảo vệ. Với sự lệ thuộc của Hoa-Kỳ vào số lượng dầu hỏa Saudi, với một ức đô-la để trong ngân hàng Mỹ, và thêm một ức đầu tư thị trường chứng khoán Mỹ Saudi Arabia có thừa sức mạnh ảnh hưởng vào kinh tế và chính trị Mỹ, ngay cả đối với những chính quyền không làm ăn đi lại trực tiếp với Saudi Arabia.

Trở lại liên hệ Saddam—bin Laden, trước chiến tranh tin vào lời chính quyền Bush có tới hai phần ba người Mỹ nghĩ rằng Saddam giúp bin Laden và Al Qaeda tấn công Hoa-Kỳ ngày 11 tháng Chín. Trong một họp báo hiếm hoi (trong gần ba năm nhậm chức tổng thống mới một mình gặp gỡ giới truyền thông báo chí bẩy lần) cuối tháng Bẩy, được hỏi về bằng chứng liên hệ giữa Saddam Hussein và Al Qaeda, ông Bush đã trả lời, "Ta cần phải có thì giờ thu thập bằng chứng và phân tích hàng núi những tài liệu mới thu thập được." Như vậy cũng như lý do WMD nói trên, việc tấn công Iraq vội vã và đơn phương vì liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố đều dựa trên bằng chứng mà chính quyền còn đang đi tìm. Cũng giống như nghi vấn về WMD nói trên, liên hệ không có thực giữa Saddam Hussein và khủng bố và nhất là liên hệ có thực giữa Saudi Arabia và khủng bố chắc chắn sẽ được phe Dân chủ khai thác triệt để nhằm tấn công mức "thành thực" của tổng thống Bush trong mùa tranh cử 2004 sắp đến.

Như đã nói ở trên, mới đây chính quyền Bush quay trở lại móc nối chiến tranh Iraq với chiến tranh chống khủng bố. Đây có lẽ là cách đối phó với dư luận dân chúng ủng hộ chiến tranh Iraq bắt đầu lung lay, nhất là không có mấy hy vọng tìm kiếm WMD hoặc vun bón được cây "dân chủ" ở Iraq và toàn vùng —và cái giá phải trả lên quá cao cả về mặt tiền bạc lẫn sinh mạng quân đội chiếm đóng Iraq. Sau ba vụ nổ bom đẫm máu nhằm triệt hạ những người hoặc tổ chức hợp tác với Hoa-Kỳ ở Iraq (tòa đại sứ Jordan, trụ sở cứu trợ LHQ và Đại giáo sĩ Mohammed Bakr Hakim, một lãnh tụ Shiite quan trọng có chủ trương ôn hòa với Mỹ và có người em trong "Hội đồng Nhà nước" Iraq, bị xem là bù nhìn của Mỹ) chính quyền Bush đồng loạt khai thác lý do "chống khủng bố," lại nhập nhằng đồng hóa Bin Laden với Saddam Hussein. Chính quyền đưa ra biện minh chòng tréo rằng du kích và khủng bố gia tăng lớn lao chống đối Hoa-Kỳ và đồng minh làm *lý do* cho cuộc chiến ở Iraq, trong khi các chuyên viên học giả đã cảnh cáo trước chiến tranh rằng khủng bố và du kích chống Mỹ bởi người Hồi giáo ở mức độ rộng lớn sẽ xảy ra như một *hệ quả đương nhiên* nếu Hoa-Kỳ tấn công và xâm chiếm Iraq. Đa số

người Mỹ không theo dõi tin tức đúng đắn vẫn tin lời chính quyền. Theo ông James Steinberg, phó viện trưởng và giám đốc về bang giao quốc tế của viện nghiên cứu Brookings Institution, một viện nghiên cứu chính trị độc lập (không thiên về phe Cộng hòa hay Dân chủ) ở Hoa-Thịnh-Đốn, lý luận nhập nhằng của chính quyền "không trung thực. Iraq không phải là nơi chính quyền phải đương đầu với Al Qaeda. Al Qaeda không có ở đây, và đây cũng không phải là lý do cuộc chiến."

XUẤT CẢNG DÂN CHỦ TỰ DO

Lý do rất lớn —nhưng đến phút chót chính quyền Bush mới đưa ra cho thế giới và dư luận Mỹ biết— để xâm lăng Iraq và lật đổ Saddam là để dọn đường cho dân chúng Iraq (dưới sự hướng dẫn của Hoa-Kỳ) thành lập một chính phủ thật sự dân chủ, như ngọn đuốc soi đường và hứng khởi cho cả thế giới Hồi giáo hồ hởi tiến lên đường dân chủ hóa, với thêm hàm ý (cũng đưa ra phút chót) rằng chuyện này có thể giải quyết tranh chấp đẫm máu trên nửa thế kỷ giữa Do-Thái (có Mỹ hỗ trợ) và Palestine (với khối Ả-Rập Hồi giáo hỗ trợ). Có thể xuất cảng tự do dân chủ đến thế giới Hồi giáo là điều hay, và đáng khuyến khích (tạm gác qua chuyện người Shiite đa số không những chống đối Mỹ chiếm đóng Iraq mà cả nỗ lực mang đến dân chủ kiểu Tây phương mà Hoa-Kỳ nghĩ là dân chúng sẽ hoan nghênh). Nhưng chọn lựa này hơi lạ vì trước đây nhiều nhân vật cao cấp trong trong chính quyền ông Bush hiện thời, đặc biệt như tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và phó tổng thống Dick Cheney, rất là hồ hởi thân thiện với chế độ độc tài khát máu Saddam Hussein trong thập niên 1980 khi Iraq đang gây hấn với Iran. Tổng thống đương nhiệm Ronald Reagan (hai nhiệm kỳ, 1981-1989) với phó tổng thống George W.H. Bush (ông Bush bố) quyết định đứng về phe Saddam trong cuộc chiến tàn khốc tám năm (xin xem bài *Nhìn Lại Chiến-Tranh Mỹ Ở Iraq* nói trên).Nhiều người rất bi quan về ý định xiển dương dân chủ ở "Trung-Đông" của chính quyền Bush vì nó mâu thuẫn với giây liên hệ mật thiết của chính quyền với những chính quyền độc tài chuyên chế trong vùng như Kuwait hay Saudi Arabia. Và gần đây nữa là liên hệ với những chế độ chuyên chế ở những cộng hòa hậu-Sô-viết như Azerbaijan, Kazakhstan và Uzbekistan. Các nhân vật lãnh đạo như Heydar Aliyev,Nursultan Nazarbayev và Islam Karimov ở ba nước nói trên đều cai trị theo kiểu Stalin và từng là tay chân thân cận của đế quốc Sô-viết trước đây. Chỉ ít nặng mùi hơn SaddamHussein chút xíu những nhân vật trên từng là khách quí đến Bạch-ốc để nhận ủng hộ và viện trợ rộng rãi của ông Bush.

A. Đỡ đầu dân chủ

Giữa tháng Tư vừa qua, gần đền thờ cổ kính và những mảnh vụn lịch sử ở vùng Ur, một trong những văn minh lâu đời nhất thế giới, Hoa-Kỳ tổ chức họp mặt đầu tiên giữa người Iraq để sửa soạn cho một chế độ mới. Nhưng cùng lúc các đại biểu đã chọn lựa trước bởi Hoa-Kỳ ngồi nghe các diễn văn dài dưới lều vải vĩ đại mầu vàng tươi —với giây thép gai và máy bay trực thăng bay là là để ngăn chặn những người Iraq khác bên ngoài, nhất là người phái Shiite đa số — Hoa-Kỳ bắt đầu đặt để những lãnh tụ mới cho Iraq. Chín ngày trước đó, không quân Mỹ bay bốn chiếc C-17 khổng lồ đem Ahmad Chalabi và sáu trăm lính "Iraq tự do" ăn lương Ngũ-giác-đài đến vùng này. Đại đa số dân Iraq không biết Chalabi là ai, gốc gác ra sao. Một tay chuyên mở ngân hàng ở Trung-Đông và Thụy-Sĩ với án khổ sai vì lem nhem tiền bạc ở Jordan và đã trốn khỏi Iraq hơn bốn-mươi năm, ông Chalabi chân ướt chân ráo trở về Iraq như người thay thế Saddam Hussein được chọn lựa sẵn bởi phó tổng thống Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và thứ trưởng quốc phòng Paul Wolfowitz —dù có phản đối mạnh mẽ của bộ Ngoại giao, CIA và cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Bush. Từ đó đến nay Chalabi luôn luôn là nhân vật nổi bật trong số 25 người được chọn vào Hội đồng Tư vấn (mới đổi thành Hội đồng Nhà nước) và có lẽ sẽ là tổng thống trong năm tới như Hamid Kharzai được Mỹ chọn ở Afghanistan năm 2002. Điều này có lẽ cũng dễ hiểu. Trong một nước với tinh thần quốc gia cao và chống đối đế quốc mạnh mẽ, nếu Iraq có dân chủ tự do thật sự Hoa-Kỳ sẽ khốn đốn nhiều. Hoa-Kỳ sẽ tính sao nếu Iraq chọn một chính sách dầu hỏa độc lập khác với ý Mỹ như một chính quyền trước đây đã làm? Hoặc giáo phái đa số Shiite nắm chính quyền qua bầu cử hợp hiến, và quyết định liên minh với anh em Shiite láng giềng cầm quyền ở Iran

hay các thế lực Hồi giáo bảo thủ khác chống lại Hoa-Kỳ? Hoặc Iraq, một trong những xã hội A-rập tiến bộ với khuynh hướng xã hội, không chịu đi theo kinh tế thị trường toàn cầu kiểu Mỹ? Hoặc một chính quyền Iraq hợp hiến quyết định tái vũ trang để chạy đua với Do-Thái đã có vũ khí hạch nhân? Liệu Hoa-Kỳ có chấp nhận những giả thiết rất có thể thành sự thật nói trên theo đúng nguyên tắc dân chủ chăng? Mối mâu thuẫn khác có thể là chính sách ngoại giao của Iraq mới. Nếu thực sự có dân chủ tự do, người Ả-Rập phái Shiite đa số sẽ có tiếng nói mạnh mẽ trong chính quyền — đây có nghĩa là Iraq sẽ có liên hệ chặt chẽ hơn với anh em Shiite ở Iran, và Iraq sẽ có một chính quyền với luật lệ nặng Hồi giáo chính thống (Sharia) như Iran. Đây là chuyện đi ngược hẳn lại ý định "dân chủ" của Mỹ.

B. Dân chủ hình thức

Với những khó khăn quân sự (trung bình mười-lăm vụ tấn công và một hai binh sĩ Mỹ thiệt mạng hàng ngày), chính trị và kinh tế (87 tỉ rồi thêm 55 tỉ cho năm tới và không có tiếp sức tiếp viện quốc tế) không dễ gì giải quyết ở Iraq, tình trạng nhì nhằng ở đây (giữa tháng Chín nhiều nghị sĩ Cộng hòa nòng cốt ở Thượng viện bắt đầu đòi hạ từng công tác bộ Quốc phòng ở Iraq để bộ Ngoại giao nắm lấy công tác tái thiết và chính trị) sẽ không phải là lợi điểm cho chính quyền Bush trong mùa bầu cử tổng thống 2004 sắp đến. Không hẳn là ngẫu nhiên khi giữa tháng Bảy Hội đồng Tư vấn Iraq được ông L. Paul Bremmer III, "toàn quyền" Mỹ ở Iraq, biến thành Hội đồng Nhà nước gồm 25 người do Mỹ chọn lựa "đại diện" cho mọi thành phần tôn giáo chủng tộc và địa phương trong nước (ông Bremmer vẫn nắm quyền phủ quyết mọi quyết định của "nhà nước" này). Liên đoàn Các nước A-Rập không công nhận Hội đồng, và Hoa-Kỳ đang vận động ngoại giao ráo riết để LHQ công nhận tính chất "chính danh" của Hội đồng này, nhất là tại trụ sở LHQ ở Nữu Ước. Đây là bước đầu tiên; bước thứ nhì Hội đồng sẽ thành lập một thứ quốc hội hay ủy ban lập hiến để soạn thảo một hiến pháp "bởi người Iraq cho người Iraq" trong vòng một năm (trong tháng Tám Hội đồng vội vã cho ra mắt "nội các" với danh sách 25 tổng, bộ trưởng). Bước thứ ba sau khi có hiến pháp là bầu cử chọn lựa chính quyền Iraq hợp hiến, khoảng giữa 2004 —thời gian này cũng không phải là ngẫu nhiên vì đây nằm ngay trong vòng nửa năm của mùa bầu cử tổng thống Mỹ. Một nhà chính trị cao cấp Iraq cho biết thời khóa biểu ông Bremmer đưa ra rất khó theo cho đúng (Hội đồng Nhà nước không ai đồng ý với ai và hiện nay có chín tổng thống, mỗi người sẽ thay phiên nhau làm tổng thống một tháng), nhưng cuộc bầu cử năm tới ở Hoa-Kỳ có thể là yếu tố thúc đẩy Hoa-Kỳ gấp gáp cho ra mắt chính quyền Iraq để rút quân ra khỏi "vũng lầy" Iraq càng nhanh càng tốt. Cuối tháng Tám (hơn một trăm ngày hậu chiến) số thương vong Mỹ ở Iraq—trung bình một hay hai binh sĩ mỗi ngày—đã lên quá số thương vong sáu tuần đánh chiếm nước này; ngân sách một tỉ đô-la mỗi tuần ở Iraq không đủ chi tiêu và tiền trợ cấp công chức quân nhân Iraq bị giải giới đã cạn dù ngân sách cho Iraq năm nay là khoảng 70 tỉ Mỹ-kim. Giới đại diện dân cử Mỹ bắt đầu phàn nàn, nhất là khi tổng thống muốn đổ thêm gần 90 tỉ vào Iraq và Afghanistan năm tới; giới chính quyền liên hệ đến an ninh và tái thiết ở Iraq bắt đầu đổ trách nhiệm cho nhau. Một viên chức cao cấp trong Hội đồng Nhà nước cho biết, "Điểm chính là chính quyền Bush muốn đưa ra một số kết quả [của cuộc chiến ở Iraq] cho dân chúng Mỹ thấy. Chính quyền không tìm thấy WMD, và nếu không có chính quyền mới, không có bầu cử, không có dân chủ [ở Iraq] trước bầu cử tổng thống Mỹ 2004, [chiến tranh Iraq] sẽ bị xem như một thất bại lớn lao." Chín ứng cử viên tổng thống phe Dân chủ, kể cả những người ủng hộ chiến tranh trước đây, bắt đầu mạnh miệng chỉ trích tổng thống Bush. Ứng cử viên được ủng hộ chính trị và tài chánh mạnh nhất hiện nay, bác sĩ Howard Dean, là người phản đối chiến tranh Iraq từ đầu và là người chỉ trích ông Bush nặng nề nhất. Đầu tháng Chín tuần báo *Newsweek* cho thấy lần đầu tiên, kể từ 11 tháng Chín 2001, tỉ số dân chúng Mỹ không bầu cho ông Bush lên cao hơn số người sẽ bầu cho ông vào nhiệm kỳ tới. Giữa tháng Chín thăm dò dư luận dân chúng do công ty truyền hình CNN, nhật báo *USA Today* và viện nghiên cứu dư luận quần chúng Gallup Polls tổ chức cũng cho thấy gần hai phần ba người Mỹ nghĩ rằng chính quyền không có chương trình kế hoạch rõ rệt ở Iraq.

KHÓC CƯỜI VIỆT NAM

Tưởng nhớ một nhà văn hóa bị lãng quên:

PHẠM DUY TỐN

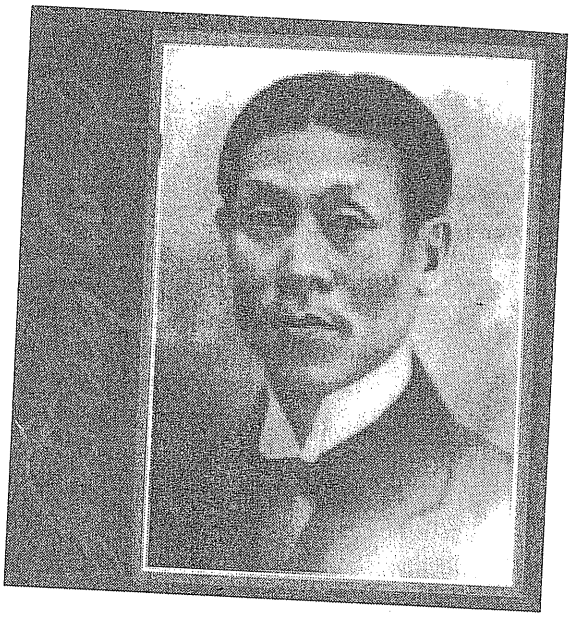

LTS. Sau đây là bài nói chuyện của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh trong buổi tưởng niệm nhà văn Phạm Duy Tốn và giới thiệu sách 'Tuyển Tập Phạm Duy Tốn,' được tổ chức tại nhật báo Người Việt, Nam California vào ngày 30 tháng Tám 2003.

TRẦN NGỌC NINH

Tôi mở đầu buổi tưởng niệm Cụ Phạm Duy Tốn ngày hôm nay, là do sự đề nghị của báo *Người Việt* với *Thế Kỷ 21*, và nhất là vì tình bạn với nhạc sĩ Phạm Duy Cẩn mà cả nước đều biết rằng họ của ông là Phạm Duy, và vì sự kính mến đối với anh của Phạm Duy là Giáo sư Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm, mà phần nhiều dân trong nước chỉ biết là một Đại Sứ Việt Nam tại Pháp quốc. Tôi không được biết con thứ ba của cụ là ông Phạm Duy Nhượng đã quá cố và cũng không được gặp hai bà chị của Phạm Duy (bà Thuận và bà Tý).

Cuộc đời của Cụ Phạm Duy Tốn tuy ngắn ngủi, chỉ có 42 năm, nhưng phải nói là đầy ắp, ít người trong số chúng ta ngồi đây có thể có một đời sống tràn đầy và mãnh liệt như vậy, dưới một bề ngoài thuần hậu kín đáo mà người cùng thời, ai biết cũng phải mến phục, kính nể. Tất nhiên là trong một cuộc đời như thế, phải có những lúc hi vọng chứa chan và những gian truân cơ cực, nhưng Ông giữ một sự khí khái trung trực bất khuất. Bạn bè trong làng báo còn ghi lại một lời nói của Ông, rằng *"nghèo thì nghèo, chớ không khi nào đem chữ ái quốc làm món hàng buôn."*

Thế hệ của Ông, tôi gọi là thế hệ cách mạng bó tay. Hai cuộc khởi nghĩa võ trang của Nguyễn Thiện Thuật và Hoàng Hoa Thám đều đã bị rập tắt. Tiếng gọi của hai nhà Cách mệnh họ Phan từ Tokyo và Paris chỉ lọt về như những tiếng vọng của trùng dương, xa xôi, vắng vẻ, câu được câu chăng. Người Pháp mộ phu đi Tân Thế Giới, biệt tích. Rồi Thế giới Đại chiến nổi lên, dân bị bắt đi làm lính thợ, lính trơn và thợ không chuyên môn, cũng mất tăm. Các báo, cả Tây lẫn Ta, bị kiểm duyệt từ cuối thế kỉ (1898), nay lại bị khóa xích chặt hơn với lệnh thiết quân luật để tránh mọi sự xáo trộn (5-8-1914).

Tôi không kể hết các nghề mà Ông Phạm Duy Tốn đã làm. Trong thời ấy mà ông dám đi vay tiền nặng lãi để kinh doanh, nhưng chỉ ít lâu là thất bại và nợ đìa. Đi làm thì không đâu bền vững, tuy Ông không ngần ngại sang tận Mông-Tự, Trung Hoa làm ở một nhà Băng và lên Quảng Yên khai thác mỏ. Nhưng có Hán học, lại là một trong những người đầu tiên ở Bắc kỳ đi học chữ Pháp ở Trường Thông ngôn (cùng

khóa với ông Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh...), lại không thích đi làm công chức hay tư chức, ông Phạm Duy Tốn đã thử đi dạy học. Ông dạy ở trường Trí Tri ở Hà Nội rồi cùng ông Vĩnh vào Đông Kinh Nghĩa Thục dạy. Khi trường này bị Pháp đóng cửa thì Ông ra làm báo, *Đông Dương Tạp Chí* của Ô. Nguyễn Văn Vĩnh, *Nam Phong* của Ô. Phạm Quỳnh và cả một báo Pháp văn là *Notre Journal* thành *Notre Revue* nữa, rồi có một lúc làm biên tập viên của một tập *Học Báo* để dạy học bằng phương pháp hàm thụ. Bền vững nhất là thời kỳ Chiến tranh, Ông vào Saigon làm chủ bút tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*, một nhật báo do bà Francoise H. Schneider làm chủ nhiệm, có trợ cấp của Phủ Toàn Quyền Đông Dương. Được che chở về phương diện chính trị, các bài xã luận của Ông nhằm vào những vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa. Ông đả kích bọn chetty Ấn độ cho vay nặng lại và rất khắt khe; Ông chống lại bọn gian thương Tàu với những quyền lợi mà chính người bản xứ ở Nam kì, là một thuộc địa đã thành một quận của Đại Pháp, không được hưởng. Quan trọng nhất trong hồi này là việc gây một phong trào cứu lụt năm 1915 ở Miền Bắc, rồi đến một cuộc bút chiến sôi nổi với báo *Nông Cổ Mín Đàm* và bài "Văn minh Giả" mà Ông viết, khá mạnh, để chỉ trích sự ăn mặc lòe loẹt chạy theo thời trang Pháp. Trong cuộc vận động văn hóa nhỏ ấy, Ông mất lòng nhiều độc giả thuộc lớp thượng và trung lưu ở Saigon. Những hoạt động này, thành công hay không thành công, tỏ ra Ông là *một người có chí khí, dám có ý kiến mạnh mẽ sắc bén, dám nói thật nói thẳng và dám đi vào những công việc khó khăn bất vụ lợi nếu có ích chung*. Trong thời thế của năm 1915 ở một thuộc địa còn chưa ổn định, trong một tờ nhật báo thông tin, khó mà có thể làm gì hơn. Tình hình thế giới lúc ấy cũng còn hoàn toàn do các Đế quốc lớn, Anh, Pháp, Nga liên minh chi phối, cả Lenin cũng còn trốn lủi ở Thụy Sĩ viết báo tố Đệ Nhị Quốc tế là đã phản bội Chủ nghĩa Cộng sản. Nay một ông Đặng Thái Mai, cầm đầu Văn hóa ở đất Hà nội, viết rằng các ông Phạm Duy Tốn, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh đều là tay sai của Pháp làm việc phản cách mệnh, thú thực là không hiểu gì về lịch sử cả (1). Năm 1915, khi Phạm Duy Tốn chống lại sự đua đòi ăn chơi theo Pháp ở Saigon, thì Hồ Chí Minh, dưới tên là Nguyễn Tất Thành, còn quanh quẩn dưới chân của Ông Phan Chu Trinh với chủ trương Pháp-Việt Đề Huề để đi đến sự bình đẳng. Còn hai năm nữa ông Luật sư Phan Văn Trường mới viết *Bản Án Chế độ Thực dân Pháp* và đặt ra cái tên Nguyễn Ái Quốc cho Nguyễn Tất Thành đội. Cách mệnh Tháng Mười của nhóm Bôn Sơ vích ở Nga cũng còn lao đao chưa vững vào năm 1917-19 và chắc chắn rằng ông Đặng Thái Mai chưa nghe thấy nói đến Đệ Tam Quốc tế Cộng sản!

Ông Phạm Duy Tốn, có lẽ chán ngán với những lời lẽ không mấy lịch sự trong cuộc bút chiến, đã quay sang làm việc khác.

Năm 1918, trở về Hà Nội, ông cho ra cuốn I của TIỂU LÂM AN NAM. Rồi tiếp theo, cuốn II, lại có một cuốn III.

Sau đó, chịu ảnh hưởng và có lẽ với sự khuyến khích của ông Phạm Quỳnh, ông Phạm Duy Tốn đã đọc một số Contes et Nouvelles của Guy de Maupassant, và có lẽ, Les Contes du Lundi của Alphonse Daudet, rồi viết liền trong sáu tháng ba truyện ngắn, đăng cả trong Nam Phong với lời giới thiệu của Phạm Quỳnh là "Một Lối Văn Mới."

1. *Sống Chết Mặc Bay* (Th. 12, 1918)
2. Con Người Sở Khanh (Th. 12, 1919)
3. *Nước Đời Lắm Nỗi* (Th. 5, 1919)

Trước đó, năm 1914, Ông có viết một *Câu Chuyện Thương Tâm* (Bực Mình) trong Đông Dương Tạp Chí của Nguyễn Văn Vĩnh. Bài này chỉ có một trang ngắn ngủi, là một *sketch*, phác-cấu, chưa thể gọi là một truyện ngắn mà cũng không là một thử bút, tùy bút, *essay*; nhưng về lịch sử văn chương, đây là một sáng tác rất đáng chú ý vì là kết quả của một sự tìm đường khi tác giả có một xúc động phải viết ra, mà không biết viết thế nào cho được.

Ba bài kia, viết năm 1918 và 1919 ngay sau Đệ Nhất Thế Chiến, đã đích thực là những truyện ngắn. Cả ba, cũng như Câu Truyện Thương Tâm năm 1914, lấy một cảnh ngộ đáng buồn trong xã hội an nam làm nền móng hiện thực (gọi theo Phạm Quỳnh là "Tả chân"). Sự hư cấu là lồng hay ráp cảnh ngộ thảm thương ấy vào một tình cảnh thứ hai để làm cho sự phẫn nộ của độc giả phải tăng lên trước một sự tàn nhẫn hay hơn nữa, tán tận lương tâm. Tôi gọi những sáng tác này là tiếng khóc của Ông Phạm Duy Tốn. Đặt vào thời đại, chúng là những tuyệt phẩm. Chúng ta đừng quên rằng đây là thời phôi thai của văn

xuôi mới tiếng Việt. Lúc này Phạm Duy và tôi còn chưa sinh ra đời. Chúng ta cũng lại đều biết rằng truyện ngắn là một thể văn, tuy khai sinh từ Cervantès ở Itpanha và Boccacio ở Itali, nhưng đã chỉ thực sự phát triển từ Guy de Maupassant (1850-1893) rồi bung ra như một vườn hoa đầu mùa hè với trăm hồng nghìn tía và những hình hài làm mây trời lúc rạng đông cũng phải ghen hờn. Theo thiển ý, truyện ngắn, trong văn chương hiện đại của thế giới, là thể văn tinh vi nhất về nghệ thuật ngay sau thơ. Các nhà văn tiền chiến của ta phần nhiều chỉ biết Maupassant, Alphone Daudet, Anatole France và có lẽ cũng chưa có ai, trừ Khái Hưng trong một vài truyện hiếm hoi, đạt được sự tinh vi, rí rỏm hay thi vị của những nhà văn Pháp ấy. Đến 1944-45, Nhất Linh, trong một bài dịch truyện *Con Ruồi* mới biết đến Katherine Mansfield (1888-1923) và nói đến những "truyện không chuyện," nhưng Anton Chekhov (1860-1904) còn xa. Ông Phạm Duy Tốn đã mở đầu dòng văn chương này mà tôi mong rằng các nhà văn Việt Nam sẽ có thể phát triển lên trên những cái nhỏ hẹp nhất thời của một xã hội chậm tiến để đạt tới những tình người sâu sắc vĩnh cửu. Chân trời ở đây hãy còn rất rộng, gần như không biên giới.

TIẾU LÂM AN NAM là một phiêu lưu và khai phá khác của ông Phạm Duy Tốn.

"Tiếu Lâm" là "Rừng Cười" và có lẽ là chữ của ông Phạm Duy Tốn đặt ra. Cái tên Rừng Cười chỉ rằng Ông đã thấy những cây cổ trăm ngàn năm trọng một khu rừng rậm, và như thế tức là ông chỉ có công sưu tập trong dân gian những chuyện cười mà người ta kể cho nhau nghe, từ thuở nào không biết, phần nhiều là ở nhà quê hay ở chợ, và đây thực là tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, cũng có một vài chuyện của giới nhà nho đặt ra, và có thể có những chuyện, không nhiều lắm, của chính ông Phạm Duy Tốn bầy ra rồi kể lại. Việc trồng cây ở rừng là một việc ít ai làm và nếu có, cũng chẳng có bao nhiêu. *Tiếu Lâm An Nam* không phải như những chuyện vui cười của Báo *Phong Hóa*. *Tiếu Lâm An Nam* là cái cười của dân tộc và cũng là tiếng cười của ông Phạm Duy Tốn, tiếng cười trong tiếng khóc. Cuốn sách này là cuốn đầu tiên trong loại nên có thể nhận là trung thực nhất.

Nhiều triết gia Âu Tây đa¡ nói rằng "người là con vật biết cười." Từ ngày ở Hoa Kỳ có ông Walt Disney tạo ra các hoạt họa rất ăn khách của ông, thì con chuột cười, rồi con vịt, con sư tử cũng cười, làm cho trẻ con người lớn trên toàn thế giới văn minh đều tưởng là khắp thiên hạ, muôn loài đều biết cười hết! Tôi xin nhắc lại cái chân lí đầu tiên mà triết học cũng phải công nhận, là chỉ có con người là biết cười, và đó là một điều đáng mừng nhưng cũng là một điều đáng sợ. Vì cái cười của con người ta nó có muôn vàn sắc thái, muôn vàn ý nghĩa, từ cái cười thầm, cười nụ, cười nhạt, cười xòa đến cái cười phá, cười ròn, cười rộ và sự cả cười. Hoạn Thư cười, Tào Tháo cười, Từ Hải cũng cười, Hạng Vũ cũng cười, Bao Tự cũng cười, mỗi cái cười một khác. Cả thế giới này, đã là người thì phải biết cười. Tại Hoa Kỳ, không những người lớn nhất rất giỏi cười trừ, mà người ta còn biết cười như Nguyễn Du tả các quan trong triều, không khác Hoạn Thư.

Bề ngoài thơn thớt nói cười

Mà trong nham hiểm giết người không dao
(ĐTTT 1817)

Chân lí thứ hai về sự cười là do triết gia Bergson lập nên. Bergson nói rằng làm cho người ta cười thì chỉ có con người; không có cái gì không dính dáng đến con người mà có thể thành khôi hài được. Các chuyện tiếu lâm đều là chuyện con người. Cảnh vật không bao giờ làm buồn cười, nhưng cảnh ngộ có thể làm người ta

phì cười là vì cảnh ngộ là của người. Người ta không cười một con mèo, nhưng nếu con mèo mà đeo tràng hạt như sư thì đáng buồn cười. Nếu, như chuyện tiếu lâm số 62 kể, lũ chuột nhắt thấy con mèo đeo tràng hạt lại tưởng rằng mèo đã đi tu và ăn chay thì là một sự lầm tai hại, nhưng không có gì để cười. Người ta chỉ cười khi con chuột già mắng lũ chuột con: "Tao đã bảo mà! Đời nay chúng nó đeo tràng hạt nhưng ăn thịt hết."

Có một chân lí thứ ba, chân lí lớn nhất, không của triết gia nào cả, mà là của dân Việt Nam, mà tôi, một không-triết-gia lập ra, là: Chỉ có con người mới biết chọc cười. Đó là chân lí của chuyện Tiếu Lâm mà tôi lợi dụng những phút còn lại để phân tích.

Tôi không kể đúng như trong sách đâu. Tôi để cho quí vị về nhà đọc, là vì chuyện tiếu lâm cũng như công án thiền, phải có một yếu tố bất ngờ phi lí mà ta có thấy mới bật cười ra được. Công án thiền gọi là "đốn ngộ," "ngộ" cũng chỉ là một tiếng cười rộ mà thôi. "Bản lai chân diện mục là gì?" "Tiếng vỗ của một bàn tay là gì?" Đến khi nhận ra và thấy cái phi lí, phi hữu ấy chẳng là gì khác là cái chân lí tối hậu vĩnh cửu và đích thực mà Đức Phật, rồi Long Thọ, rồi Huệ Năng đã dạy bằng đủ mọi cách, thì bừng lên trong hoan lạc và phá lên cười cho đến ngất đi, nếu ông thầy không quát lên và đánh cho một gậy để hoàn hồn.

Mỗi chuyện tiếu lâm cũng là một công án nhỏ trong đó có một cái phi lí bất ổn khó ngờ được cho xẩy ra trong giữa cuộc đời thường của người ta. Sự đối chọi phải hiền lành về hậu quả, chỉ làm lòi ra một sự thực đáng xấu hổ hay nhiều lắm là một cái đá đít. Người nghe chuyện mà không *đốn tiếu* thì không phải là tiếu lâm.

* Những chuyện cười dễ tạo ra nhất là những sự lỡ lời, tức khí văng tục, và lời chửi tục lại quật ngược về mình, như chuyện gậy ông đập lưng ông, hay vứt vỏ chuối để hại người rồi chính mình lại dẫm vào và ngã lăn ra đất, đầu giáng đúng vào một bãi cứt chó.

* Phức tạp hơn một chút là những chuyện hay chữ lỏng, không tức cười lắm là vì có lẽ là do các ông đồ đặt ra, mà các ông, văn chương chữ nghĩa bề bề, không sống sượng được như những người nhà quê chất phác.

* Theo thiển ý, nói chuyện dùng chữ sai, không hợp tình hợp cảnh, có thể không tục mà cũng tiếu lâm. Ở Hoa Kì, các bà được khuyến khích đi bác sĩ để dò tìm ung thư vú; vì e thẹn, đến bác sĩ thường nói rằng xin được khám "ngực", chụp "ngực", các bác sĩ thường cũng không dám cười. Nhưng một bữa, có một bà, có lẽ là độc giả của *Thế Kỷ 21*, đến một phòng chụp quang tuyến, nhất định đòi cho được bác sĩ ra để nói, và hỏi "Bác sĩ có khám cái nhũ hoa không?" Tiếu lâm.

* Một việclàm rất đúng có thể thành hài hước nếu không hợp thời. Ở Saigon trước 1975, có một người Việt Nam và một người Mĩ là hai bạn thân. Một bữa người Mĩ bảo người Việt Nam: "Tôi nghe nói ở Thủ Đức có một tiệm ăn làm cá ngon lắm, anh có thể dắt tôi đi được không? Tôi không biết gọi, phải nhờ anh đi cùng." Hai người chọn một bữa sáng trăng, lái xe xuống một hàng ăn trên mặt hồ, gọi mấy món cá nhậu với rượu. Ông chủ tiệm thân ra tiếp khách, khoe rằng cá tươi bắt dưới hồ lên, làm món ngay, đặc biệt nhất là món cá nướng chui, ai ăn cũng phải khen ngon. Đêm khuya, trăng tròn chiếu xuống rõ như ban ngày. Hai người dắt nhau ra ngắm ánh trăng dưới hồ và xem cá. Bỗng thấy mấy thỏi như súc sích nhồi *hot dog* nổi lều bều, cá ngoi lên đớp. người Mĩ chỉ xuống hỏi bạn:

- Cá nó ăn gì thế?

Người bạn An Nam nói cho biết.

Người Mĩ vội khạc nhổ và đòi Listerine để súc miệng, váng cả tiệm lên, nhưng nhà hàng An Nam chỉ có một thau nước múc lên ở hồ.

* Trong TIẾU LÂM AN NAM, chuyện súc miệng muộn đến cuối cùng, sau một chuỗi chuyện kinh khủng dắt nhau như thác đổ, mỗi hồi là sự trùng phùng của hai tai nạn bất ngờ nhưng rất thông thường, theo một phương thức mà các fim cười Hollywood thời Buster Keaton và Laurel Hardy rất hay dùng, gọi là xâu gags. Nhưng chuyện An Nam là để giễu, trước hết là những cách chữa bệnh cổ truyền, và sau là sự xấu hổ không phải lỗi của người đã bị tai nạn vì thủ dâm, nhưng không dám khai bệnh ở chỗ nào trong thân thể.

Tôi đã theo chân triết gia H. Bergson phân tích những phương thức chọc cười của TIẾU LÂM AN NAM. Nhưng tôi đã ngừng không đi vào việc tìm hiểu, ngoài sự cười để xả hơi và vui vẻ với nhau, nhân dân Việt Nam chê bai

Xem tiếp trang 17

Đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật Giáo Hoa Kỳ

If the words of the Buddha and the findings of modern science contradict each other, then the former have to go.

(Đức Đạt Lai Lạt Ma)

AP

*** Jeffrey Paine**
(Thế Kỷ 21 chuyển ngữ và chú thích)

Cuối tuần này (14/9/03), một cuộc gặp gỡ bất thường diễn ra tại trường đại học M.I.T: đức Đạt Lai Lạt Ma gặp gỡ trí tuệ con người. Cùng với Đạt Lai Lạt Ma, những Phật tử Tây Tạng và Tây Phương nổi tiếng khác cùng với những nhà thần kinh học, tâm lý học và các học giả khác tham dự một cuộc hội thảo gọi là "Thăm dò Tâm thức" (Investigating the Mind), trong đó những đề tài bao trùm từ ý thức cho đến các trạng thái xúc động được mang ra khảo sát dưới chiếc kính hiển vi tập thể của toàn nhóm.

Từ quan điểm khoa học, cuộc hội thảo hứa hẹn "tìm ra một mảnh đất chung giữa hai truyền thống thực nghiệm mạnh mẽ trên thế giới là Phật Giáo Tây Tạng và ngành hành vi học" (behavioral science). Nhưng từ quan điểm lịch sử, sự kiện có ý nghĩa nhất về cuộc hội thảo có lẽ là việc nó đang diễn ra. Để tham gia nó, đức Đạt Lai Lạt Ma đã phải vượt qua một chặng thời gian tương đương với chừng 1000 năm, trải qua một trong những cuộc hành trình tưởng như chẳng thể nào xảy ra.

Khi Đạt Lai Lạt Ma trốn đi lưu vong ở Ấn Độ vào năm 1959, Tây Tạng là một xứ sở còn nằm ở thời trung cổ, chẳng hề có xe chạy bằng bánh và nhiều người trong số họ chẳng bao giờ nghe nói đến nước Mỹ. Phật Giáo Tây Tạng - vốn bị cấm ngay tại quê hương của nó, nơi mà những kẻ xâm lăng Trung Quốc đã phá hủy 6000 tu viện và giết chết rất nhiều người - hình như bị buộc phải đi theo những tôn giáo bị chinh phục kể từ khi Incas và Aztecz (1) bị quẳng vào thùng rác lịch sử. Cuối cùng, ngay cả sau khi đức Đạt Lai Lạt Ma được cấp hộ chiếu sang thăm Hoa Kỳ vào năm 1978, những người ủng hộ ngài vẫn còn lo lắng sẽ có nhiều chỗ trống trong một phòng hội chỉ chứa khoảng 250 người. Khi người ta gọi các đài truyền hình để hỏi xem họ có muốn phỏng vấn đức Đạt Lai Lạt Ma không, thì câu trả lời thường là câu hỏi "Họ của bà ta là gì vậy?" (2)

Nhưng tối nay (tức tối chủ nhật 14/9/03, *ghi chú của người dịch*) có đến 13 000 người tham dự tại FleetCenter (Boston, bang Massachusetts) trong một cuộc gặp gỡ mà vé bán sạch sành sanh. Ở Hoa Kỳ hiện nay, con số tín đồ Phật Giáo tăng gấp đôi nhanh hơn bất kỳ tôn giáo nào khác, trong đó Phật Giáo Tây Tạng là tăng nhanh nhất. Chỉ riêng khu vực Boston không thôi cũng đã có đến 40 trung tâm Phật Giáo và hai cơ sở báo chí quan trọng, đó là Wisdom Publications và Shambhala (riêng Shambhala đã xuất bản đến 600 tác phẩm) - đặt cơ sở chính ở đây. Vậy thế nào mà chỉ trong có một thế hệ, chúng ta lại mang Phật Giáo Tây Tạng hầu như đã bị tiêu diệt trong xứ sở của nó, vào phát triển rực rỡ ở Hoa Kỳ này?

Trong một nghĩa nào đó, câu chuyện bắt đầu với một nhà văn Công Giáo nổi tiếng là Thomas Merton và chuyến du hành định mệnh của ông sang vùng Hy Mã Lạp Sơn, Ấn độ vào năm 1968. Trước khi viếng thăm, ông ngờ rằng Đạt Lai Lạt Ma là một loại tu sĩ ưa khoa trương và xem Phật Giáo Tây Tạng là một thứ tôn giáo lạc hậu, mê tín với đủ loại ma thuật kể cả tình dục. Giống như những người phương Tây trước đó, Merton đã giải thích sai lầm những bức họa tôn giáo vẽ cảnh giao hợp, mà không biết rằng chúng là biểu tượng cho sự hợp nhất giữa con người và cái thiêng liêng. Thực tế, những người Tây Phương

này không hoàn toàn hiểu lầm khung cảnh thác loạn mà họ nhìn thấy. Không giống như những tông phái Phật Giáo khác, Phật Giáo Tây Tạng thừa nhận các dục vọng và trạng thái xúc động và chuyển hóa chúng để tăng cường cho sự chuyển dịch vào cái mà người Phật tử gọi là lòng từ bi. Tây Tạng có lẽ là một trong những tông phái huyền bí nhất và trần tục nhất của Phật Giáo.

Ở Ấn Độ, Merton bắt đầu hiểu bản chất hai mặt của tôn giáo này khi ông quan sát những người lưu vong Tây Tạng vừa cười vừa hát. Ông ghi nhận, họ đầy cả "cường độ, năng lực và có cả đầu óc hài hước", mặc dầu trong lúc quê hương họ bị tàn phá dữ dội. Ông kết luận rằng nguồn suối tính lạc quan của người Tây Tạng nằm ngay chính trong tôn giáo của họ. Ông ghi lại trong nhật ký: "Những tín đồ Phật Giáo Tây Tạng là những người duy nhất, hiện nay, đã đạt đến trình độ hoàn thiện tâm linh phi thường." Ngược lại, ông tin rằng ở Hoa Kỳ, Thiên Chúa Giáo đã thích nghi với một kỷ nguyên càng lúc càng phồn vinh và trần tục, hiện đang trên đà giảm dần những truyền thống sống động nhất của nó. Merton quyết đoán, nếu tinh chất của Phật Giáo Tây Tạng được chắt lọc ra, nó có thể giúp phục hồi tôn giáo ở Hoa Kỳ trở về sức mạnh vốn có của nó. Về mặt thực hành, Merton trở thành người Mỹ đầu tiên quyết định dành hết thời gian của mình để nghiên cứu Phật Giáo Tây Tạng - cái chết của ông trong một tai nạn ngay trong năm đó đã khiến dự tính của ông đành bỏ dở khi mới bắt đầu. (Trước đó, trước sự bối rối của Merton, một vị lạt ma - người đã trực giác rằng nhà học giả có thể chết sớm - định dạy ông về nghi lễ thực hành trước khi chết của người Tây Tạng - Tibetan pre-death exercises).

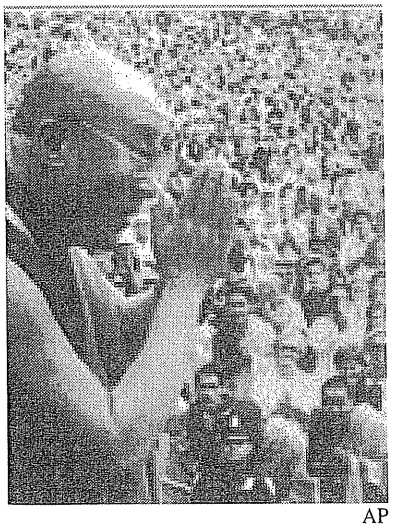
AP

Thực ra, chủ nghĩa thế tục chiến thắng vốn đã là ý thức hệ ngự trị của một Hoa Kỳ giữa thế kỷ 20. Ngay vào lúc Đạt Lai Lạt Ma trốn thoát khỏi Tây Tạng, một bài viết trong tập san "The American Anthropologist" nhận định: "Đối với một nhà trí thức hiện đại, tôn giáo có lẽ là đề tài xa lạ nhất trong thế giới." Hầu hết những nhà báo, học giả, và những nhà bình luận xã hội xem tôn giáo là một chủng loại đang bị đe dọa, mà những lời an ủi vô hiệu của nó bị xem như là lỗi thời bởi tính duy lý đang càng ngày càng gia tăng và bởi sự thịnh vượng toàn thế giới. Vào giữa thế kỷ, những nhà trí thức thực tiễn nhất trí tiên đoán rằng sự tiến bộ về giáo dục và kinh tế sẽ xóa bỏ tính phi lý tôn giáo đồng thời nạn nghèo đói và bất công xã hội khắp nơi trên trái đất, tất cả đều sẽ bốc hơi, tan biến y như những đám mây biến mất vào một ngày nắng ráo.

Dĩ nhiên, giấc mơ thế tục ảo tưởng đó không biến thành sự thật, nên những người tuyệt vọng bắt đầu mơ về một nơi khác. Vào đầu thập niên 1970, khí Geshe Wangyal, Chgyam Trungpa và những lạt ma Tây Tạng lưu vong khác đến xứ sở này, họ rất ngạc nhiên khi được đón tiếp nồng hậu bởi những người thuộc xu hướng phản kháng văn hóa (countercultural types) như Allen Ginsberg, những kẻ đã từng mong mỏi các lạt ma đó giúp họ trở thành các hiền triết đông phương mang đặc trưng Mỹ. Ngoài họ, nhiều người khác - kể cả những người Mỹ tự do, có giáo dục đã gạt bỏ tôn giáo gốc của họ và hoàn toàn không thích bất cứ điều gì có tính thần học - bắt đầu đòi hỏi các thỏa mãn khác gợi lại những gì vốn đã từng được tôn giáo cung cấp. Như Robert Wuthnow, nhà xã hội học trường đại học Princeton, ghi nhận vào năm 1998, đã có nhiều người Hoa Kỳ hơn tự nhận rằng "Họ có đời sống tâm linh nhưng không mộ đạo, sinh hoạt tâm linh họ phát triển nhưng ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống của họ giảm dần." Một số càng ngày càng gia tăng những người bất mãn quay sang các vị lạt Ma Tây Tạng lưu vong, những người không có việc làm và quay sang Phật Giáo Tây Tạng, thứ tôn giáo đã nhổ neo từ Tây Tạng, tự do trở thành Phật Giáo Hoa Kỳ - hay ít nhất cũng tìm thấy sự đồng thuận với người Mỹ.

Các lạt ma Tây Tạng, tiếng Anh vốn còn kém cỏi và không biết gì về cuộc sống hiện đại, lúc đầu có vẻ như là những ứng viên không thích hợp cho vai trò đột nhiên rơi vào tay họ. Nhưng khi họ học được ngôn ngữ Âu Châu và hiểu rõ trạng thái tâm lý của những người phương Tây

gần gũi họ, họ khám phá ra một điều bất ngờ: tôn giáo của họ thích nghi hay dễ dàng phù hợp với một thời đại và nơi chốn trần tục hơn.

Một lạt ma nhận xét: "Những người hiện đại muốn một thứ đạo giáo ít giáo điều, không cực đoan, độc quyền, siêu hình phức tạp mà lại mang tính cách văn hóa ngoại nhập, một thứ đạo giáo có thể hội nhập với đời sống bình thường và thực hành khắp nơi." Những nhà thần học Thiên Chúa Giáo già hơn cho rằng một loại đạo giáo như thế không phải là một tôn giáo, nhưng câu trả lời của người Tây Tạng là: "Không sao cả." Thật vậy, hơn 2.500 năm trước đây, chính Đức Phật đã tuyên bố rằng ngài không có ý định tạo lập một tôn giáo mới nhưng chỉ dạy phương phương thuốc giúp trị sự khổ đau, và không ai cần phải xem những bài giảng của ngài như là tôn giáo.

Trước đây, môn phái Phật Giáo duy nhất phổ biến ở Hoa Kỳ là Zen, và trong tác phẩm bán chạy nhất, "The Way of Zen" (1957), Alan Watts giải thích tính hấp dẫn của nó: "Zen là kho chứa sự khôn ngoan đông phương và nó cho phép (con người) giải tỏa khỏi thế giới phức tạp hiện đại." Tuy nhiên, những lạt ma Tây Tạng, một khi thích nghi được với Hoa Kỳ rồi, cho rằng không có gì mang tính Á Châu đặc thù trong tôn giáo của họ và nó thích hợp với thời hiện đại cũng như đã từng thích hợp với bất kỳ thời đại hoàng kim nào trong quá khứ.

Bắt đầu với Chgyam Trungpa, người đã trốn thoát khỏi Tây Tạng năm 1959, những lạt ma này phát minh cho những môn sinh Mỹ mới của họ một thứ "tôn giáo không thần học" (religion without theology). Để dễ hòa đồng với những đồng đạo mới, Trungpa trả lại áo nhà tu và năm 1970, ông thành lập trung tâm Tây Tạng đầu tiên của Hoa Kỳ gần Barnet, bang Vermont. Cuối thập niên đó, những tác phẩm của ông đã bán được hàng trăm ngàn ấn bản. Những môn sinh Hoa Kỳ đầu tiên hết sức kích động khi khám phá thấy ở trong Phật Giáo Tây Tạng một tôn giáo của kỹ thuật hiện đại, của phương pháp tâm linh: nó cung cấp những nguyên tắc chỉ đạo rõ ràng, thực tiễn, từng bước một để đạt được trạng thái tâm linh cao cả mà hầu như tất cả các tôn giáo đều mong ước.

Các lạt ma như Trungpa bắt đầu không phải bằng cách dạy những chân lý siêu hình mà hướng dẫn về thiền định, một phương pháp tựa như chủng ngừa trong y học, không cần đức tin cũng có kết quả. Bằng cách giới thiệu với những môn sinh Tây Phương của họ những điều thực tế, phi-giáo điều để thực hành, từ khả năng tưởng tượng đến những thực tập lòng từ bi (như quan tâm đến nỗi đau của người khác), những lạt ma này giúp họ kinh qua *hiệu quả* tâm lý của tôn giáo mà không cần *nguyên nhân* siêu hình của nó. Phật Giáo Tây Tạng như vậy có thể lôi cuốn những tín đồ Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo lạc đạo đã không còn đi nhà thờ và bị bỏ rơi về mặt tâm linh, tự tìm lời giải cho những vấn đề then chốt của đời sống riêng của họ. Các lạt ma không đòi hỏi người ta phải cải đạo để hưởng được những lợi lộc của Phật Giáo Tây Tạng; trong thực tế, chính đức Đạt Lai Lạt Ma còn cản trở điều đó.

Lần đầu tiên khi đức Đạt Lai Lạt Ma đến Hoa Kỳ, thông điệp của ngài về mặt trí thức nghe không khác gì những điều mà các vị lạt ma đi trước đã nói. Nhưng ngành truyền thông đặc biệt chú ý đến ngài, và ngài lôi cuốn, lúc đầu là hàng ngàn cho đến sau này là hàng triệu người, hướng về chính nghĩa của Tây Tạng bằng cách đưa ra cái sứ điệp hòa bình và lòng từ bi năng động. Ngài có đủ mọi lý do để thù ghét người Trung Hoa, nhưng thay vào đó, ngài nói về họ với lòng thông cảm và hiểu biết. Dù đang gánh vác đầy trách nhiệm, và bất chấp thảm kịch của Tây Tạng luôn luôn hiện hiện đối với ngài, rõ ràng ngài là một người hạnh phúc, thực sự là một kẻ yêu đời, để toát ra niềm tin cậy rằng tất cả mọi việc rồi đều có thể diễn ra tốt đẹp. Những người tây phương chứng kiến ngài làm nghi lễ tôn giáo trong tinh thần khoan hồng rộng lượng, phấn khởi và thiện ý. (Tuy nhiên, những môn sinh cao cấp được nhìn thấy một phía khác của đức Đạt Lai Lạt Ma. Đối với họ, ngài dạy những thực hành bí truyền lâu đời hàng thế kỷ và làm sáng tỏ những ý tưởng về một vũ trụ đa chiều, điều có thể làm sửng sốt một mục sư giáo phái Nhất Ngôi (Unitarian) hay Tân Giáo (Episcopalian).

Đức Đạt Lai Lạt Ma tỏ ra là ngài hết sức tinh thông trong việc phân biệt cái có tính chất phổ quát ra khỏi cái không mấy cần thiết được gọi là "giáo điều Himalaya." Ngài nổi tiếng về việc ngừng lại giữa chừng và lật ngược một tiền lệ đã có hàng ngàn năm của Tây Tạng mà chẳng hề bối rối (3). Khi một vài phóng viên đồng tính

luyến ái vặn hỏi về quan điểm của ngài đối với đồng tính luyến ái, ngài lên tiếng kết án nó theo quan điểm Phật Giáo chính thức. Rồi ngài dừng lại, suy nghĩ và ném hàng thế kỷ thành kiến ra ngoài cửa sổ: "Nếu hai người không hề tuyên hứa sống đời sống độc thân (vows of chastity) và chẳng có ai hại ai, thì tại sao điều đó lại không được thừa nhận?"

Tương tự, đức Đạt Lai Lạt Ma xuất thân từ một truyền thống chống việc kiểm soát sinh đẻ, nhưng ngài thừa nhận những nguy cơ của nạn nhân mãn, và tin rằng người ta không nên cấm đoán. Ngài cũng chống đối chủ trương xem phụ nữ là loại công dân hạng nhì trong tư tưởng Phật Giáo và ngày nay một giáo sư Phật Giáo tây phương có thể, và rất có thể là một phụ nữ. Ngài còn tuyên bố "Nếu những lời dạy của Phật và những phát kiến hiện đại của khoa học mâu thuẫn nhau, thì những lời dạy đó phải ra đi" (If the words of the Buddha and the findings of modern science contradict each other, then the former have to go). Thử tưởng tượng có vị giáo hoàng công giáo hay một giáo chủ hồi giáo (ayatollah) nào nói một điều tương tự về Tân Ước hay kinh Coran như thế.

Năm 1959, khi Mao Trạch Đông được tin đức Đạt Lai Lạt Ma đã trốn thoát được, ông ta than thở "Nếu vậy thì chúng ta thua mất." Dĩ nhiên, Mao đã lầm, vì ngày nay, tràn ngập người Trung Hoa do chính sách di dân, Tây Tạng đã là một thuộc địa Trung Quốc khiến cho những cơ may giành lại độc lập càng ngày càng mờ nhạt đi. Nhưng không một nhân vật chính trị hay văn hóa nào có thể lôi kéo đến 13 ngàn người đến "Fleet Center (hiện nay ở Boston) - hoặc 50 ngàn đến Central Park ở New York , như ngài đã làm vào năm 1999. Sự tôn kính mà nền văn hóa Trung Hoa gợi nên hàng thế kỷ đã và đang bị thay thế bởi một sự ngưỡng mộ toàn cầu đối với tôn giáo Tây Tạng.

Sự tồn tại của đức Đạt Lai Lạt Ma và tôn giáo của ngài gợi nên câu chuyện "David và Goliath" (4) trong thánh kinh, được cập nhật hóa và được viết lại bằng thứ ngôn ngữ văn-địa lý (geocultural) thời hiện đại. "Chiếc ná" (5) của đức Đạt Lai Lạt Ma trong cuộc tranh đấu không cân sức này đã và đang là thứ vũ khí hầu như chẳng mấy ai nghĩ đến: trong lúc chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo (fundamentalist fanaticism) đang đốt cháy toàn thể các tôn giáo thành ngọn lửa, thì ngài tái định nghĩa tôn giáo là gì và cho nó một vai trò hữu ích, tích cực dùng cho thời đại bạo động của chúng ta."

Ghi chú: Đầu tháng 9/2003, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã thực hiện một chuyến du hành 20 ngày qua năm thành phố Hoa Kỳ là San Francisco, Bloomington, Washington D.C, Boston và New York. Ngài hội đàm với Tổng thống Bush, ngoại trưởng Colin Power, các nhà lập pháp quốc hội Hoa Kỳ và các nhà khoa học tại trường đại học Massachusetts Institute of Technology, tức M.I.T, Boston. Bài trên đây viết về ngài và Phật Giáo Hoa Kỳ nhân chuyến viếng thăm của ngài tại Boston, nguyên văn: "The Buddha of Suburbia - The Dalai Lama's American religion" đăng trên nhật báo Boston Globe số ra ngày 14/9/03. "The Buddha of suburbia" (1990) (tạm dịch là "Ông Bụt ngoại thành") là tựa đề của truyện dài đầu tay của Hanif Kureishi, tác giả Anh lai Pakistan, mô tả sự xung đột văn hóa, chủng tộc của một cuộc hôn nhân dị chủng trong một xã hội đa chủng. Người viết bài này,Jeffrey Paine, là tác giả của "Re-enchantment: Tibetan
Buddhism Comes to the West," phát hành mùa đông năm nay. Ông cũng là tác giả của hai tác phẩm khác: "Father India" và "The Poetry of Our World."

(1) Đế quốc Inca, một vương triều rộng lớn ở trong vùng núi Nam Mỹ, được tạo dựng bởi Quechua, một dân tộc thổ dân Mỹ, vào thế kỷ 15. Đầu thế kỷ 16, đế quốc này bị người Tây Ban Nha chinh phục.
Aztecz, một nền văn hóa phát triển ở vùng thung lũng xứ Mễ Tây Cơ vào thế kỷ 15 và 16.

(2) Ý chỉ họ chẳng hề biết ngài là ai.

(3) Nguyên văn: không nhấp nháy con mắt (without blinking an eye).

(4) David và Goliath là một câu chuyện nổi tiếng trong Cựu Ước, mô tả một cuộc chiến đấu không cân sức giữa một chú bé chăn cừu nhỏ bé và người chiến sĩ khổng lồ Goliath. Nhưng rốt cuộc, nhờ can đảm mưu mẹo và sự giúp sức của thiên thần, chú bé David đã chiến thắng. Chú bé về sau trở thành vua David và là tổ tiên của chúa Jesus.

(5) Chiếc ná bắn đá - slingshot - mà chú bé chăn cừu David đã dùng để chiến thắng người khổng lồ Goliath.

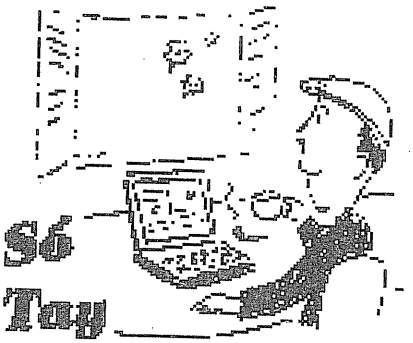

NGÔ NHÂN DỤNG

THÀNH PHỐ BÌNH AN

Tôi cũng không ngờ có lúc mình phải đi xa Montréal hơn một năm trời. Trở về, vẫn thấy đây là một thành phố đáng sống nhất so với những nơi mình đã đi qua. Lên xe buýt đi một chuyến tới ngay Place des Arts nghe hai giao hưởng khúc của Mahler, với giá vé bằng một phần ba giá ở Los Angeles. Ở California thì mất hàng tiếng đồng hồ lái xe, tới nơi đầu óc đã mệt rồi. Thành phố hơn hai triệu dân nhưng có hai giàn nhạc giao hưởng và rất nhiều ban nhạc thính phòng. Gần nửa đêm còn thấy một tiệm sách mở cửa. Có thể đi bộ mà không lo ngoái nhìn đằng sau lưng. Buổi chiều thấy những đứa bé tan học thơ thẩn đi bộ về nhà. Dảo bước một quãng đường Sherbrooke, từ Guy đến Đại học McGill thấy những bức tượng bên lề đường và các tấm tranh bầy trong tủ kính các phòng triển lãm là muốn dừng lại ngắm nghía. Lái xe hơn một tiếng là tới Làng Cây Phong, đêm căng lều mà ngủ, thức dậy nghe tiếng mưa rơi lốp đốp trên mái lều.

Xứ này bình yên. Trên trang nhất tờ báo *La Presse* chỉ thấy những chuyện như hôn lễ ở nhà thờ Notre Dame cho một cụ ông 80 và một cụ bà 83 là tin hàng đầu. Ngoài ra là cuộc bỏ phiếu hồi hộp trong nghị viện liên bang, nghị quyết của phe đối lập chống hôn nhân đồng tính bị đánh bại với tỷ số 137-132, mặc dù nhiều dân biểu đảng cầm quyền cũng xé rào. Không có những cuộc tranh luận sôi nổi về chiến tranh Iraq, về cắt thuế nhà giầu hay bãi nhiệm thống đốc.

Thành phố mang lại tâm hồn bình an, dù có lúc mang mang những nỗi buồn vô cớ khi mùa Thu sắp tới. Đi lên vùng cao, xuống bờ suối ngồi ăn trưa trên những tảng đá, ghé qua thành phố nhỏ Saint Jovite nhìn nắng thu về nhuốm mặt đường, những quán hàng bầy bàn ghế ra ngồi trước cửa. Mùa Thu năm nay tới trễ, rừng núi mới chớm mấy nhóm lá đỏ ửng rụt rè.

Thế mà trong những ngày ở Montréal, vì đọc báo thấy một phong trào thay đổi trong trường học ở tỉnh Québec, xứ Canada tôi lại nhớ đến một ngày lễ trong tháng Tám từng được người ở miền Nam Việt Nam tưởng niệm là ngày giỗ ông Khổng Tử, một vị thầy của vùng Á Đông trong hơn hai ngàn năm qua. Trong mục này chúng tôi đã nhắc tới cuốn sách của một ký giả Hoa Kỳ đã sống ở Nhật Bản, tựa là *Ông Khổng Tử bên hàng xóm*. Nhân dịp giỗ cụ Khổng, tôi lại thấy ông Khổng Tử còn nhiều điều đáng cho chúng ta học lại, khi tình cờ biết có một cuốn sách mới xuất bản bên Anh. Điều đáng nhớ lại là câu tục ngữ: Tiên học lễ, hậu học văn.

Tiên học lễ

Chúng ta đã biết dân Anh nổi tiếng về những đám thanh niên (và người lớn) đi gây rối bên cạnh những trận đá bóng, dù đội tuyển họ ủng hộ đấu trong nước hay sang Âu châu, hoặc tới Nhật Bản tranh giải. Có lẽ đó là triệu chứng của một căn bệnh xã hội mà người Anh đang lo nghiên cứu. Một cuốn sách mới in bên Anh của Frank Field tựa là "Hàng xóm địa ngục: Chính sách về cách cư xử" (*Neighbours from Hell: The Politics of Behaviour," bàn* về cách người Anh đối xử với nhau thiếu lễ độ, thiếu kính trọng, từ đó gây ra bao nhiêu hành động "vô lễ, bất nhã" (hay là phi xã hội, anti-social). Và một kết luận của ông Field là các xã hội phải lo giáo dục trẻ em cách cư xử cho đàng hoàng trước khi lớn lên. Frank Field là một dân biểu đảng Lao Động Anh, mà vấn đề này đang được chính phủ của đảng Lao Đông nghiên cứu. Xưa nay đảng này chỉ chú trọng các vấn đề như bảo hiểm xã hội, trợ cấp gia cư cho người nghèo, hay nạn thất nghiệp. Nhưng trong tháng Chín năm 2003 bộ Nội vụ Anh mới yêu cầu cảnh sát hãy ghi lại để làm thống kê coi trong 24 giờ có bao nhiêu hành động được coi là bất nhã, *anti-social*, thuộc 13 loại từ những lời nói, cử chỉ dọa nạt nhau hoặc việc gây tiếng động làm phiền hàng xóm, cho đến hành động rối trật tự. Đó là những hành động, lời nói không đáng coi là "tội phạm" nhưng gây phiền nhiễu và làm mất hòa khí chung của tất

cả mọi người. Xưa nay các nước đều có thống kê về tội phạm hoặc số người nghiện hút, đĩ điếm, v.v., nhưng chưa có quốc gia nào làm thống kê về những hành động bất nhã, vô lễ, mất hòa khí cả. Vì vậy chính phủ Anh phải bắt đầu thử ghi chép để nghiên cứu, vì đây là một vấn đề của xã hội cần được đối đầu và giải quyết.

Ông Frank Field đã quan sát những gia đình trong đơn vị bầu ông lên làm dân biểu, và thấy đời sống của lối xóm càng ngày càng khổ sở. Ông nhận thấy lòng tương kính trong xã hội bị suy sụp, nhiều phụ huynh không còn lo dậy dỗ con cái cách ăn ở với người chung quanh. "Điểm đặc biệt của các hành động vô lễ, bất nhã là mỗi hành động đó tự nó không đáng để chúng ta phải đặt ra pháp luật để ngăn cản. Nhưng khi chúng cứ được lập đi lập lại thì các hành động đó trở thành chống lại xã hội, anti-social." Vì vậy, ông Field thấy quốc gia cần một chính sách về cách mọi người cư xử với nhau. Tất nhiên khi một vị dân biểu nói đến chính sách, ông ta sẽ đề nghị một dự luật. Nhưng ông Frank Field còn đề nghị những biện pháp nhắm đề cao vai trò của các nhà giáo và các cán sự xã hội trong việc theo dõi hành vi, cử chỉ của con cái các gia đình nhận trợ cấp xã hội. Trợ cấp xã hội sẽ được nhìn như một thứ hợp đồng giữa quốc gia và các cá nhân, trong đó hai bên đều có quyền lợi và bổn phận.

Cuốn sách trên cho thấy một xã hội Tây phương đang phải đặc biệt quan tâm tới việc dậy trẻ em cách ăn ở, nói năng, theo mô thức mà xã hội công nhận là tốt cho cuộc sống chung. Đây chính là mối quan tâm của các nhà giáo ở Việt Nam từ hàng ngàn năm qua khi họ đề cao Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn.

Câu tục ngữ này có nghĩa là trong việc giáo dục thì nên dậy học sinh cách cư xử, nói năng trước, dậy dỗ để mở mang kiến thức sau. Từ hàng ngàn năm trước tổ tiên chúng ta coi đó là một phương pháp giáo dục tốt. Trẻ em đời xưa khi vào lớp "vỡ lòng" đã tập "sái tảo, ứng đối," tức là làm các công việc quét dọn trong lớp học đến cách thưa gửi khi nói chuyện với người lớn tuổi. Vào trường học nào ở miền Nam Việt Nam trước đây chúng ta cũng thấy khẩu hiệu này, từ phụ huynh, thầy cô tới các học sinh ai cũng coi đó là một phương châm đáng theo. Từ trường mẫu giáo, tiểu học, trẻ em ở nước ta đã được dậy các bài Luân lý, Công dân giáo dục, mà điều này có ích lợi chung cho cả xã hội. Trong cuốn *Ông Khổng Tử bên hàng xóm*, ký giả T. C. Reid đã mô tả đời sống của người dân Nhật Bản có hòa hợp, trật tự, ít tội ác, và ít vấn đề xã hội, mà ông nghĩ nguyên nhân chính là ngay từ nhỏ các học sinh Nhật đã được dậy sống theo các quy tắc luân lý Người Quân tử trong Khổng giáo. Đọc những đoạn Reid mô tả lớp học của các cô con gái năm và chín tuổi của ông trong một trường ở Tokyo thì chúng ta thấy hình ảnh một lớp học ở Việt Nam trước đây: Học trò xếp hàng theo lệnh trưởng lớp bước vào, chuẩn bị sẵn sàng rồi đứng dậy chào thầy, cô. Học xong, học trò Nhật còn lo quét dọn lớp học và cả sân trường, nhà vệ sinh. Nhà trường dậy học sinh cách cư xử kính cẩn đối với người lớn, với tập thể của mình và sống hòa hợp với xã hội chung quanh. Ông Matsuda, người hàng xóm lần đầu sang nhà ông Reid để yêu cầu cậu con trai đừng chơi nhạc quá ồn ào vào buổi tối, ông ta không nêu ra các luật lệ về tiếng động của thành phố hay quyền sống trong yên tĩnh của dân chúng. Trái lại, ông Matsuda rất khiêm cung ngỏ lời xin lỗi và tỏ ý lo ngại là cậu con trai người Mỹ hàng xóm đang làm "mất hòa khí" trong phường khóm. Cuối cùng, Reid nhận ra là các nước Á Đông còn giữ văn hóa Khổng giáo như Nam Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore đều bảo vệ được một xã hội có trật tự, kỷ luật, trước hết vì người ta tôn trọng hòa khí chứ không phải chỉ vì sợ luật pháp.

Nhưng T. C. Reid cho là một người Mỹ cũng chấp nhận thứ luân lý xã hội Khổng giáo coi trọng tập thể hơn cá nhân. Ông kể khi chính phủ Singapore phạt đánh đòn một cậu học sinh Mỹ 16 tuổi phạm tội "phá làng phá xóm" thì hơn 60% dân Mỹ không phản đối cách trừng phạt đó, mặc dù nhiều dân biểu Mỹ, các tu sĩ và cả tổng thống Clinton can thiệp xin chính phủ Singapore miễn cho tội đánh đòn.

Chúng ta có thể không đồng ý việc dùng roi vọt để trừng phạt. Điều quan trọng trong câu chuyện trên không phải là hình phạt đánh đòn tốt hay xấu cho việc giáo dục trẻ em, mà là tinh thần chung của cả xã hội muốn giáo dục trẻ em ngay từ nhỏ phải tôn trọng người khác, tôn trọng kỷ luật, tập cho kỹ ngay từ khi mới lớn. Ở tỉnh Québec nói tiếng Pháp đang có một cuộc cải tổ giáo dục nhỏ, là thay đổi cách học sinh tiểu học thưa gửi và xưng hô với thầy giáo, cô giáo, cũng là một dấu hiệu chứng tỏ ngay tại Bắc Mỹ người

ta cũng thấy "Tiên học lễ" là một truyền thống tốt.

Trong tiếng Pháp, người ta gọi người đối diện là VOUS (đọc giống như "vu" trong tiếng Việt) để phân biệt một khoảng cách kính trọng, còn đối với bạn bè thân, anh chị em hoặc cha mẹ thì người ta gọi nhau là TU (đọc gần giống như "tuy".) Tại Québec từ thập niên 1960 có một cuộc cách mạng xã hội lớn, hệ thống giáo dục, y tế, kinh tế đều thay đổi. Trong phong trào đó, mọi người đều gọi nhau là TU, diễn tả một tinh thần bình đẳng. Trong trường, thầy cô và học sinh cũng gọi nhau là TU và học trò gọi thầy cô bằng tên luôn chứ không cần có những chữ Thưa Thầy (Monsieur) hoặc Thưa Cô (Madame.)

Bắt đầu niên học này, nhiều trường tiểu học ở Québec đã thay đổi, họ đặt ra một chính sách mới, báo tin cho phụ huynh và áp dụng trong trường. Học sinh sẽ phải thưa gửi với thầy cô, và gọi bạn là TU nhưng gọi thầy cô là VOUS. Một ông hiệu trưởng, trường Notre Dame - Saint Joseph ở La Prairie giải thích với cha mẹ học sinh: "Cần phải cho học sinh thể hiện trong ngôn ngữ sự phân biệt giữa những người trẻ ít kinh nghiệm đời sống với những người lớn tuổi nhiều kinh nghiệm." Một vị hiệu trưởng khác, trường Saint Jean de la Lande ở Montréal nói: "Từ đầu, chúng tôi muốn cho học sinh tập thói quen không đối xử sàm sỡ với tất cả mọi người. Sau chúng tôi thấy các trẻ em rất nhỏ vẫn quen gọi TU với cha mẹ, khi đến trường cũng coi thầy, cô như cha mẹ nên gặp khó khăn." Từ bốn năm qua, trường này cho phép học sinh mẫu giáo gọi thầy cô bằng tiếng gọi thân mật, chỉ dùng chữ VOUS kính cẩn khi nói với hiệu trưởng, cho quen. Khi học sinh lên bậc tiểu học thì phải áp dụng chữ VOUS với các người khách vào lớp. Lên lớp trên thì gọi tất cả các người lớn là VOUS, trừ thầy cô của mình. Đến lớp 5, lớp 6 thì phải gọi tất cả các người lớn là VOUS, chữ TU chỉ dùng với các bạn.

Còn một lời dậy của Khổng Tử, Lễ Ký viết: "Lễ giả vi dị, Nhạc giả vi đồng." Hình thức lễ nghi đặt ra để phân biệt, âm nhạc nghệ thuật là để hòa hợp mọi người. Khi học sinh Việt Nam thời xưa học lễ trước, học kiến thức sau, chính là để tập phân biệt trật tự, kỷ luật trong xã hội ngay từ khi còn nhỏ. Trật tự, luật lệ đều có thể thay đổi theo xu hướng thời đại, từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ, tự do đề cao nhân quyền và dân quyền. Nhưng thế nào cũng phải tôn trọng trật tự và kỷ luật, Tiên học Lễ chính là để tập thói quen tốt đó, tùy thời mà áp dụng.

Một nền giáo dục tôn trọng lễ nghĩa là bước khởi đầu để tạo nên một xã hội ổn định và sống trong hòa khí. Nước Việt Nam chúng ta bây giờ nếu muốn thế hệ sau tốt đẹp hơn thì cần tái lập một nền giáo dục theo truyền thống Tiên học Lễ. Chúng ta cũng không quên một khẩu hiệu khác trong Khổng giáo, là "Thượng bất chính, hạ tắc loạn." Trên không ngay thẳng, chính đáng, thì dưới sẽ hỗn loạn. Nhân ngày giỗ Đức Khổng Tử chúng ta có dịp ôn lại truyền thống xã hội thời ông cha, để rút một bài học cho thời nay. Một chế độ mà người trên không có niềm tin vào đạo lý nào, kẻ dưới không bị luật pháp ràng buộc, thì chế độ đó khó tồn tại. Đó là lời Mạnh Tử, "Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ, quốc chi tồn giả, hạn dã."

VỀ VIỆT NAM

Tôi mới nghe tin cô cháu đang ở Sài Gòn của một bạn đồng nghiệp đã được học bổng của một chính phủ ngoại quốc đi du học đại học bốn năm. Cháu nói đã trúng tuyển kỳ thi rất gay go, mừng lắm. Nhưng mừng nhất là đã được các bác trên bộ Giáo dục ở Hà Nội giúp mọi việc xong nhanh chóng. Cháu nói, cháu cũng không quên có quà cáp biếu các bác! Tội nghiệp một thanh niên mới ra đời, trong đầu còn đầy những lý tưởng mà đã phải tập thói quen đó! Tháng vừa rồi, có một chú bạn trẻ của tôi ở California chuẩn bị về Việt Nam, lần đầu tiên từ năm 1975 đến nay. Chú rất thành thật, hỏi tôi: Thưa bác, cháu có nên cho họ tiền khi qua Tân Sơn Nhất cho nó nhanh hay không? Tôi hỏi: Cháu định mang về cái gì mà họ cấm không? Dạ không! Nếu vậy thì đừng cho tiền. Nuôi dưỡng hệ thống tham nhũng hối lộ là làm cho đồng bào cả nước chịu cảnh nghèo khổ mãi mãi, người có lương tâm không ai làm như vậy!

Nạn tham nhũng làm cho dân nghèo hơn. Nghe vậy chắc ai cũng đồng ý, nghĩ rằng khi một bà buôn thúng bán mẹt mỗi ngày phải hối lộ cho công an, thì tất nhiên bà đó phải nghèo hơn rồi. Nhưng đối với các người nghiên cứu kinh tế, họ tìm hiểu tình hình chung cả một nước chứ không nhìn vào từng cá nhân, thì khi đồng

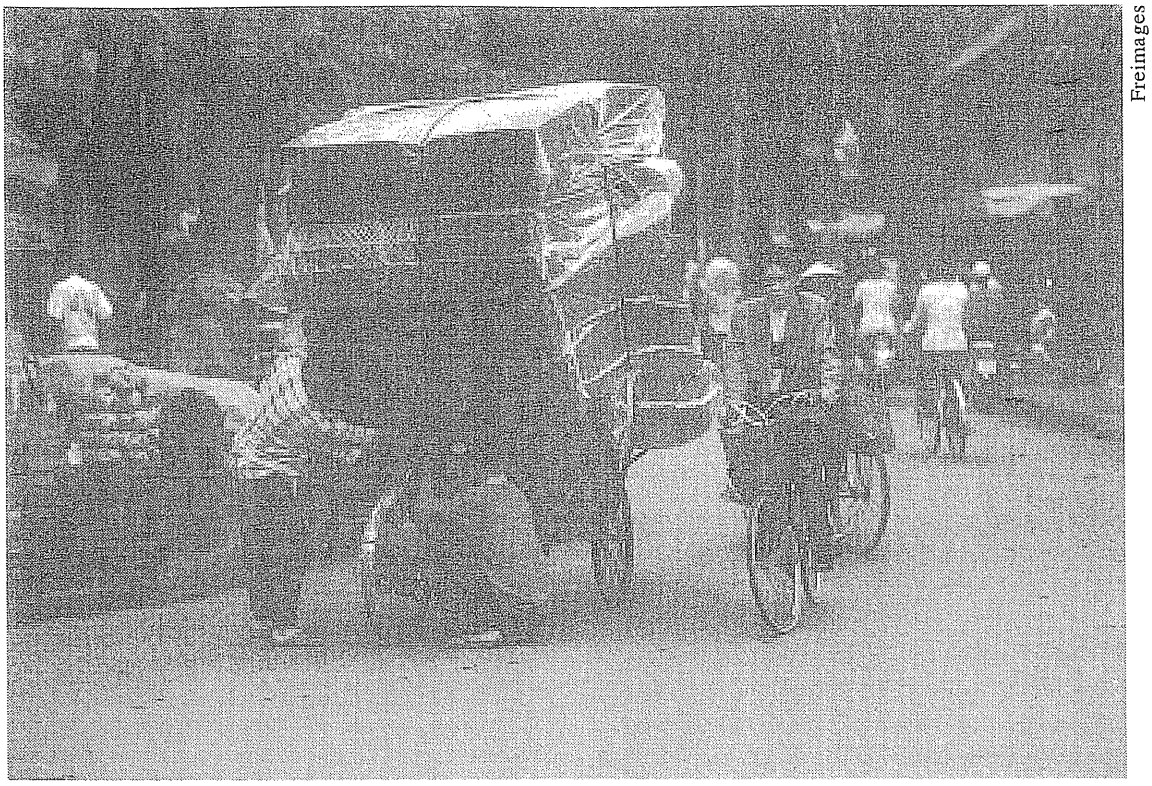

Freimages

tiền từ túi một bà bán xôi chuyển sang túi một ông công an, hay 10 đô la từ tay Việt kiều qua cửa khẩu chuyển sang túi một chú hải quan, thì Tổng sản lượng của cả xã hội không thay đổi, chỉ có sự phân phối thay đổi mà thôi! Như vậy nạn tham nhũng có hại gì?

Thực ra, mối liên hệ nhân quả giữa tham nhũng và nghèo khó rộng lớn hơn nhiều, vượt lên trên mọi trường hợp cá nhân. Khi một guồng máy chính quyền bị nạn hối mại quyền thế ăn sâu vào cốt tủy không bỏ được, thì cả nước nghèo hơn chứ không riêng ai cả. Một công chức không ăn hối lộ, một nhà sản xuất không nộp hối lộ, các bà nội trợ, các cô cậu sinh viên sắp ra trường đang đi tìm việc, họ cũng bị thiệt hại khi guồng máy nhà nước không trong sạch! Nhiều cuộc khảo sát khoa học, ở nhiều quốc gia khắp thế giới đã cho thấy kết quả như vậy.

Một bạn trẻ khác, một thanh niên có lý tưởng và quen sống theo lối lương thiện ở nước ngoài từ lâu, cũng đồng ý không nên hối lộ khi qua cửa khẩu. Cậu đã về Việt Nam mấy lần vì công việc. Có lần cậu mua một số sách về luật lệ thuế má, kế toán ở trong nước, tính đem về Mỹ nghiên cứu. Ra đến phi trường, công an lật qua lật lại mấy cuốn sách rồi hỏi: Mấy quyển sách này đã được "văn hóa" kiểm duyệt chưa đây? Cậu ngạc nhiên hỏi: Tại sao phải kiểm duyệt? Sách xuất bản ở Sài Gòn, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, có tên người chịu trách nhiệm xuất bản, tại sao còn phải kiểm duyệt? Một hồi lâu, trước vẻ mặt ngây thơ của một "thằng Mỹ con" cả đời chưa hối lộ ai bao giờ kể cả bố mẹ mình, mấy chú công an, hải quan biết có nạn bất đồng ngôn ngữ không thể moi được đồng nào, đành cho đi! Một lần khác, anh bạn trẻ lại về Sài Gòn, đem theo mấy cuốn sách dầy cộm về luật Thuế vụ ở Mỹ để tham khảo khi làm việc – những chữ Tax và Law to tướng in trên bìa. Lại mấy chú hải quan hỏi: Sách gì thế này? Thưa, sách về luật thuế! Nhà nước bèn quát lên: Anh đừng có gian dối, sách thế này mà là sách thuế à? Anh tưởng cứ nói phét là đánh lừa được tôi hả? Tên thường dân vô tội bèn trố mắt ra, không thể nghĩ một điều gì được, miệng há hốc mà không thốt lên được một lời nào! Thấy vẻ mặt sững sờ của một thằng dân Việt kiều khờ khạo, nhà nước chờ một lúc vẫn không thấy lòi tiền, đành vẫy tay cho đi: Thôi đi, lần sau đừng có nói phét nữa nhé!

Mấy chú hải quan hoặc mấy ông công an moi tiền của dân chỉ là những "hiện tượng."

Đằng sau những hiện tượng đó, cái gì là "bản chất"? Bản chất là một chế độ độc tài chuyên chế đã lưu cữu từ nửa thế kỷ nay, nối nghiệp một chế độ thực dân và quan lại cả thế kỷ trước. Và nó làm hại đến sự phát triển kinh tế một quốc gia. Tôi đã khuyên người bạn trẻ sắp về nước đừng hối lộ: "Trừ khi anh coi mình là một người Mỹ, anh không dính gì đến nước Việt Nam hết, mặc kệ nó. Nhưng nếu anh thương dân tộc Việt Nam thì anh đừng nuôi dưỡng guồng máy tham nhũng hối lộ!" Tôi đã hứa với hai anh bạn trẻ là sẽ tìm các tài liệu chứng tỏ nạn tham nhũng hối lộ, nói chung là thói quen lạm dụng quyền hành để thủ lợi, làm cho các dân tộc nghèo hơn. Trẻ em không được đi học, sinh viên ra trường không có việc, chỉ vì kinh tế không phát triển, mà tham nhũng hối lộ là một thủ phạm! Các bạn đừng có nuôi chúng nó!

CHÍNH PHỦ SẠCH SẼ THÌ TOÀN DÂN BỚT NGHÈO

Tình cờ trong tháng qua có một bài nghiên cứu mới được công bố về vấn đề này ở Beirut, xứ Liban bên Trung Đông. Tác giả Charles Humphrey thuộc Ngân hàng Thế giới chọn xứ này để trình bầy kết quả vì ông tìm hiểu về tình trạng phát triển kinh tế liên hệ tới việc hành khiển quốc gia như thế nào, tại các nước Trung Đông và Bắc Phi. Tôi phải giải thích mấy chữ "hành khiển quốc gia." Chẳng qua là phải tìm một danh từ để dịch chữ Governance, một thuật ngữ kinh tế, chính trị học trong tiếng Anh. Tôi không thông thạo tiếng Anh cũng như đã quên nhiều tiếng Việt, chẳng biết dùng chữ nào để dịch vì nếu dùng những chữ quen thuộc sẽ gây hiểu lầm, cho nên tạm lấy tên một chức quan có từ đời Trần, gọi là "quan Hành khiển," dịch đỡ khái niệm này. Hành khiển quốc gia bao gồm những định chế và tập tục quyết định quyền hành trong một nước được thi thố như thế nào trên đời sống dân chúng. Chính quyền được chọn lựa, được thay thế, chịu trách nhiệm và được kiểm soát ra sao. Chính quyền đó chọn các chính sách quốc gia rồi thi hành ra sao. Dân chúng cũng như chính quyền có tôn trọng các định chế có sẵn trên giấy tờ hay không. Đại khái đó là những vấn đề khi nói đến Governance, Hành khiển quốc gia. Khái niệm hành khiển xí nghiệp, corporate governance cũng tương tự.

Charles Humphrey tìm thấy rằng các nước Trung Đông và Bắc Phi chậm tiến hơn các nước cùng trình độ ở vùng khác vì những khuyết điểm trong việc hành khiển quốc gia. Muốn tiến bộ về mặt kinh tế thì chính quyền phải công khai minh bạch (transparent) hơn, và phải cho dân chúng được tham gia vào các quyết định chính sách quốc gia hơn. Trong thời gian từ 1985 đến 2000, lợi tức bình quân theo đầu người ở vùng này chỉ tăng được 0.5% một năm. Nếu cải thiện việc hành khiển quốc gia thì có thể tăng thêm trung bình 1% nữa, nghĩa là tăng ít nhất gấp đôi.

Bản báo cáo cuộc nghiên cứu kết luận rằng điều quan trọng cho các nước Á Rập và Hồi Giáo trong vùng không phải là việc chọn người lãnh đạo giỏi hay chọn các chính sách đứng đắn mà thôi. Điều quan trọng là "bảo đảm quá trình tuyển chọn, tái cử hoặc thay đổi giới lãnh đạo, cũng như quá trình hoạch định, tranh luận, lựa chọn và thi hành các chính sách quốc gia để tất cả dân chúng có cơ hội phát biểu ý kiến, tham gia vào cuộc thảo luận, để họ có thể bắt chính phủ chịu trách nhiệm và phải làm sao cho quyền lợi của người dân được tôn trọng.

Bài khảo cứu trên theo sau nhiều cuộc nghiên cứu khác của Ngân hàng Thế giới về vấn đề hành khiển quốc gia ở khắp thế giới. Quý vị quan tâm có thể vào web site của World Bank tìm các bài nghiên cứu này dưới đề tài governance. Cải thiện hành khiển quốc gia có nghĩa là phải tôn trọng luật pháp, bài trừ tham nhũng, lạm quyền, phải có tự do bầu cử và tự do ngôn luận. Một bài nghiên cứu khác của Daniel Kaufmann và Aart Kraay cho thấy một nước như Indonesia với nạn tham nhũng cao nếu cải thiện để bằng một nước như Nam Hàn với mức độ tham nhũng thấp hơn, thì tỷ lệ gia tăng của lợi tức theo đầu người sẽ tăng lên hai hoặc bốn lần. Không những thế, số trẻ sơ sinh chết yểu cũng

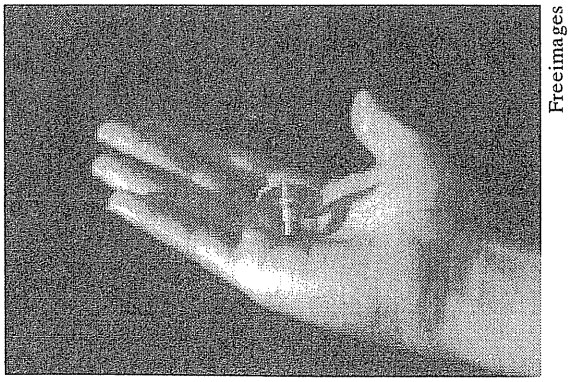

Freeimages

giảm đi một nửa, và tỷ lệ số người biết chữ sẽ tăng được 15 đến 25%. Các tác giả còn phân tích 173 quốc gia thấy rằng khi người dân được phát biểu ý kiến tự do hơn thì số trẻ sơ sinh chết yểu cũng thấp hơn, quan sát 166 quốc gia để thấy khi luật pháp được tôn trọng hơn thì lợi tức bình quân cũng cao hơn.

Các cuộc nghiên cứu đều cho thấy tham nhũng tác hại chung cho cả xã hội. Nhưng, như khi khảo sát trường hợp các nước Bolivia và Ecuador ở Nam Mỹ, thấy những tác hại của nạn tham nhũng đè nặng trên lớp người nghèo và các xí nghiệp nhỏ. Một cuộc thăm dò ở Cộng Hòa Georgia, trước thuộc Liên xô, cho biết 77% các xí nghiệp sẵn sàng đóng thuế cao hơn, đóng thêm 11% tổng số lợi nhuận nữa cũng được, nếu không phải lo hối lộ.

Dân chúng các nước đều biết nạn tham nhũng làm hại chung cho cả quốc gia, làm hại cho tương lai dân tộc. Họ đều muốn vấn đề được công khai thảo luận để cho mọi người được góp ý kiến chứ không phải chỉ là việc dành riêng cho chính quyền "xử lý nội bộ" với nhau. Năm 1998 đang có những trận đấu bán kết giải Bóng đá thế giới coupe mondial ở Pháp, xứ Albania tổ chức một hội thảo về tham nhũng và hành khiển quốc gia, có chính phủ và các hiệp hội tư tham dự. Ngày kết quả của cuộc hội thảo được công bố, với những biện pháp cụ thể chứng tỏ quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền, các nhật báo ở thủ đô Ytirana đều đăng lên trang nhất đầy đủ chi tiết. Còn tin tức về giải bóng đá bị đăng vào trang trong! Sau đó, chính phủ Albania đã thực hiện những cải tổ trong hệ thống hải quan và tòa án. Những cuộc nghiên cứu về hệ thống hành khiển quốc gia có thể đưa tới những hành động cụ thể, như năm 1999 tổng thống xứ Georgia ông Shevardnadze đã sa thải 2 phần 3 các thẩm phán sau khi những cuộc nghiên cứu và trắc nghiệm cho thấy hệ thống tư pháp đầy tham nhũng.

Tham nhũng khiến cho chi phí đầu tư cao hơn nên người có vốn không muốn làm ăn, nhưng đó là chuyện giải quyết được. Nếu bán sôi mà phải chi tiền cho công an đầu phố thì ta tăng giá mỗi gói sôi lên chút đỉnh, chia sở phí đó cho nhiều khách hàng cùng chịu. Điều làm nản chí nhà đầu tư nhất là rủi ro. Một hệ thống trong đó người nắm quyền "tự do" bán quyền lực làm người ta không biết khi nào thì lại tốn tiền, tốn

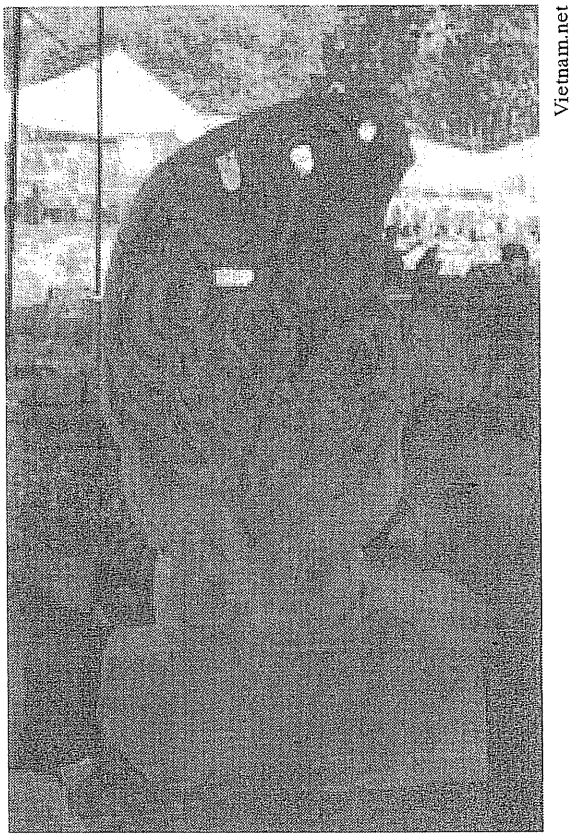

Vietnam.net

Hình phượng cổ trang trí

bao nhiêu. Một hệ thống tư pháp thiên vị, giải thích luật tùy tiện thì không bảo đảm tiền của mình làm ra liệu mình được hưởng hay không. Những người tài trí nhất nước không lo chuyện sản xuất, làm ăn, cải thiện dịch vụ, mà chỉ lo "phấn đấu" lấy địa vị có thể moi tiền thiên hạ. Thật là phí phạm tài nguyên quốc gia.

Những quốc gia chậm tiến thường lâm vào tình trạng cả hệ thống nhà nước bị một lớp người chiếm đoạt, tình trạng mà Daniel Kaufmann và Aart Kraay gọi là "state capture" khi giới người "lãnh đạo" đó quyết định luật pháp, chính sách, thủ tục theo quyền lợi riêng của họ. "Tiếm vị" là nạn tham nhũng có hệ thống, ở mức "vĩ mô," còn những vụ moi tiền ở hải quan hay mè nheo cô bán cháo đầu dường chỉ là cỡ "vi mô" mà thôi! Khi cả guồng máy lập pháp, hành pháp, tư pháp đã bị "tư nhân hóa" trong tay một nhhóm, một đảng rồi, việc ban hành các luật lệ mới, chỉ thị mới, việc giáo dục cán bộ, đem vài tên ra xử làm "hàng mẫu không bán," vân vân, chỉ là thay

Vietnam.net

Tượng gốm trang trí

đổi vi mô, không có hiệu quả nào ngoài giá trị giải trí theo lối uống rượu tiêu sầu. Việc cần làm thật để bài tham nhũng, là thay đổi vĩ mô: Định chế công cử người lãnh đạo như thế nào để họ chịu trách nhiệm với dân chứ không phải chỉ lo chiều ý cấp trên trong đảng của họ? Các luật lệ, chính sách và thi hành chính sách phải được theo dõi, minh bạch công khai. Báo chí, truyền thông phải độc lập với người cầm quyền và phải bầu cử tự do, để mọi người dân có cơ hội lên tiếng. Đó là bài trừ tham nhũng ở qquy mô lớn, toàn diện.

Tôi hy vọng các bạn trẻ còn quan tâm đến tương lai dân tộc Việt Nam, nhất là các bạn ở trong nước, sẽ nghiên cứu để tìm hiểu về cách bài trừ nạn tham nhũng trên khắp thế giới, từ đó hiểu được phải làm gì ở nước ta. Các bạn ở nước ngoài thì khi về nước xin đừng tiếp tay với tham nhũng. Hãy tiếp tay với những người lương thiện, dân tộc ta không thiếu gì những người lương thiện. Nếu chúng ta thay đổi được xã hội ở mức toàn diện và cơ bản thì những người lương thiện mới có cơ hội phát triển đất nước.

Di sản Thăng Long

Tin khai quật được những di tích khảo cổ học ở Hà Nội đã làm người Việt Nam ở khắp thế giới quan tâm theo dõi: Tìm được bốn triệu di vật trong 14 hố đào mặc dù chỉ mới thử tìm trên khoảng đất rộng 14 ngàn mét vuông, chưa bằng khu công viên Mile Square ở gần Little Sài Gòn. Điều đáng mừng là chúng ta có thể sẽ thấy những dấu tích cụ thể của nền văn minh Đại La và Thăng Long, từ thế kỷ thứ 7, thứ 8, cho đến thế kỷ thứ 17 trong những mảnh gạch ngói, đồ gốm, tiền cổ, vân vân, và trụ cột, nền móng những lâu đài mà tổ tiên đời xưa đã xây dựng. Trước câu hỏi nên làm gì với những phát hiện văn hóa này, người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước chắc đều đồng ý: Phải tìm tòi, nghiên cứu thêm, và bảo vệ các di sản quý báu đó, dẹp cái vụ xây trụ sở hoặc hội trường nào đó đi cũng được!

Như quý vị độc giả có thể đã biết, việc khám phá này xẩy ra nhân dịp đào móng để xây dựng lại trụ sở quốc hội. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy những nền móng cung điện từ đời nhà Lý, từ thế kỷ thứ 11. Trên di tích cung điện còn những chân cột bằng đá tảng hình hoa sen. Ngoài ra còn những dấu vết của các con đường sỏi, hệ thống thoát nước, và cả một cái giếng còn đầy đủ. Có những viên gạch viết chữ cho thấy đã có từ thời Đinh (968 – 980) và Tiền Lê (980 – 1009) và

Vietnam.net

Gạch lát nhà thời Lê

còn các viên gạch với niên hiệu Long Thụy Thái Bình tức là niên hiệu của Lý Thánh Tông từ 1054 đến 1058 (sau đó nhà vua còn đổi niên hiệu 4 lần khác, cho đến năm 1072.)

Hà Nội đã được chọn làm thủ phủ của An Nam Đô Hộ Phủ từ thời nhà Đường bên Trung Quốc, khi Cao Biền làm Tiết độ sứ (cuối thế kỷ thứ 9, khoảng năm 867). Cao Biền lập thành Đại La bên bờ sông Tô Lịch, với dân số hơn 40 vạn nóc nhà, khoảng 200 ngàn dân, một con số không đủ tin nhưng cho thấy đó đã là một nơi thị tứ. Thời Ngô Quyền đóng đô ở Cổ Loa, thời nhà Đinh rời về Hoa Lư, vân vân, đến thời Lý Thái Tổ lại trở về La Thành và đổi tên thành Thăng Long. Từ đó, Thăng Long đã là kinh đô của nước ta cho tới đời Nhà Nguyễn, đầu thế kỷ thứ 19 mới thiên về Huế. Từ đó, nhất là từ khi nước ta bị quân Pháp đô hộ, Thăng Long không những bị bỏ phế mà còn bị hủy hoại, bao nhiêu di tích lịch sử từ cung điện tới chùa chiền bị người Pháp phá và chiếm mất.

Việc tình cờ khai quật được những di tích lịch sử từ hơn mười hai thế kỷ đáng coi là biến cố quan trọng bậc nhất cho môn sử học của nước ta. Người Việt Nam dù ở bất cứ nơi nào cũng muốn công cuộc khảo cổ phải được tiếp tục, được mở rộng để tìm hiểu thêm về di sản văn hóa của tiền nhân, ngõ hầu để lại cho con cháu đời sau học hỏi và nâng cao niềm tự tin, tự hào về truyền thống dân tộc. Sau khu vực rộng 14 ngàn mét vuông hiện nay các nhà sử học đã yêu cầu mở rộng gấp ba lần, nhưng tất cả các khu đất trong nội thành Hà Nội cần được đào lên để tìm

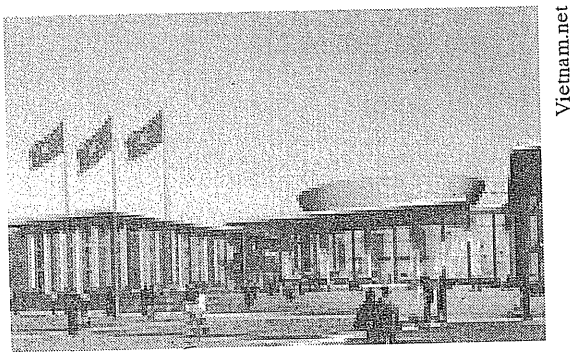

Vietnam.net

Nhà quốc hội mới hay lịch sử?

tòi cho rốt ráo. Chúng ta có thể vẽ lại được một bản đồ kinh đô Thăng Long từ thế kỷ thứ 11 để hiểu thêm về đồ án lập quốc của tổ tiên.

Công việc nghiên cứu sẽ đòi hỏi nhiều thập niên chứ không thể vội vàng. Cho nên những công trình xây cất cho chế độ bây giờ phải bỏ đi thì mới thực hiện được công trình nghiên cứu lịch sử và khảo cổ quý báu đó. Các nhà sử học ở Hà Nội hiện nay như các giáo sư Trần Quốc Vượng, Phan Huy Lê đã nêu ý kiến phải tiếp tục công trình khai quật và nghiên cứu. Một dự án lớn và có ý nghĩa như vậy có thể được Cơ quan Văn hóa Liên Hiệp Quốc bảo trợ. Nếu đất nước được sống trong tự do, dân chủ thì các người Việt Nam ở nước ngoài cũng sẵn lòng đóng góp vào công trình đó.

Một nhân viên trong quốc hội ở Hà Nội là bà Trần Thị Tâm Đan cũng góp ý kiến nên đem cái dự án xây trụ sở quốc hội đi một nơi khác. Và một ý kiến đã được nêu ra là đem trụ sở này về phía Vườn Bách Thảo bên cạnh Hồ Tây, cũng rất thích hợp. Vì cả cái quốc hội này hiện nay chỉ đóng vai trò làm cảnh, mọi chuyện để cho Bộ Chính trị quyết định trước. Chính ông Nguyễn Văn An, chủ tịch cơ quan phụ thuộc này cũng nói phải chờ lệnh Bộ Chính trị mới biết được trụ sở của mình sẽ đi đâu! Nếu các đại biểu quốc hội cộng sản họp và thảo luận ở bên cạnh những chuồng khỉ, chuồng vẹt trong vườn Bách thảo thì cũng rất hợp tình hợp cảnh.

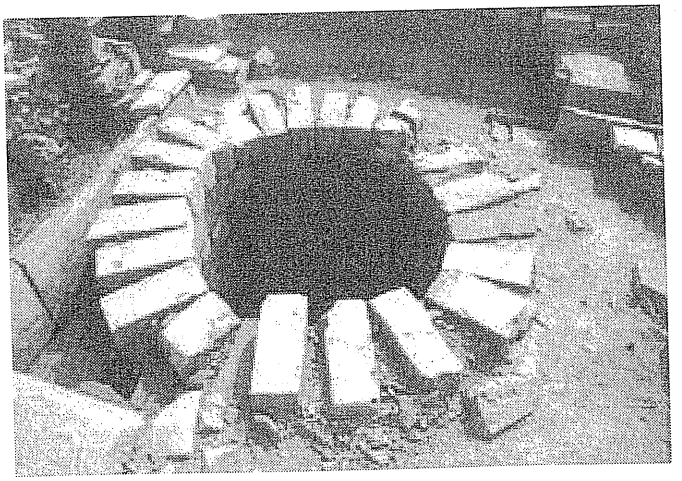

Vietnam.net

Giếng cổ

Đời sống quanh ta

Thanh Thảo

Thẻ thông hành thời đại mới

Sau biến cố khủng bố 11 tháng 9 2001, mỗi năm chính quyền Hoa Kỳ lại công bố thêm nỗ lực mới nhằm ngăn ngừa trường hợp một vụ tấn công tương tự. Nỗ lực chống khủng bố được nhấn mạnh năm nay là một loại giấy thông hành xuất nhập cảnh, tiếng Mỹ gọi là "passport" có khả năng lưu trữ diện tích và đặc điểm trên khuôn mặt mỗi cá nhân.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 15 tháng 9 bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã chính thức yêu cầu những đại công ty chuyên kỹ thuật cao cấp tìm biện pháp chế tạo loại thẻ thông hành mới trong đó có gắn một con "chip" điện tử. Con bọ điện tử này có khả năng lưu trữ dữ kiện về sinh học chẳng hạn khoảng cách giữa hai mắt trên khuôn mặt người chủ thẻ thông hành.

Cho đến nay công ty IBM của Mỹ và công ty Infineon Technologies, công ty chế tạo bọ điện tử lớn hàng thứ nhì tại Âu Châu, đã xác nhận đang thực hiện hàng mẫu theo yêu cầu của bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Nhân viên Bộ Ngoại Giao không tiết lộ tên những công ty đang cùng chạy đua nhằm đạt được hợp đồng sản xuất loại thẻ thông hành mới này.

Tại sao chính quyền Hoa Kỳ lại phải quan tâm đến việc chế tạo gấp loại thẻ thông hành mới? Và kỹ thuật tân kỳ đang trong vòng thử nghiệm sẽ giúp được gì cho nhân viên di trú trong việc nhận diện người du lịch? Nguyên nhân nằm trong vấn đề an ninh quốc phòng cho dù phí tổn là một ngân khoản đáng kể.

Hiện nay chính quyền Hoa Kỳ đã cấp ra trên 51 triệu giấy thông hành và mỗi năm Sở Di Trú Hoa Kỳ lại chấp thuận cấp thêm 7 triệu giấy thông hành mới. Ông Frank Moss, phụ tá Bộ Trưởng Quốc Phòng chuyên trách dịch vụ xuất nhập cảnh, cho biết chi phí dự kiến cho việc sử dụng thẻ thông hành loại mới có gắn bọ điện tử sẽ vào khoảng trên $100 triệu Mỹ kim hàng năm.

Không có nhiều chọn lựa trong vấn đề kỹ thuật, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng không có nhiều thời giờ hoàn tất yêu cầu của chính quyền Hoa Kỳ rằng trước cuối tháng 10 năm 2004 toàn bộ thẻ thông hành mới được cấp phát phải thuộc dạng có gắn bọ điện tử. Đây là một điều khoản nằm trong luật xuất nhập cảnh chống khủng bố mới được công bố năm 2002.

Nếu Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ chu tất nhiệm vụ đúng kỳ hạn, từ tháng 10 năm 2004 trở đi tất cả những người có quốc tịch Mỹ hoặc có giấy thông hành "entry visa" đi du lịch nước ngoài sẽ được nhận diện bằng máy điện toán ở những phi trường. Kỹ thuật mới sẽ giúp nhân viên quan thuế và di trú so sánh những đặc điểm trên khuôn mặt người cầm thẻ thông hành với hình ảnh lưu trữ trong hệ thống điện toán tại tổng hành dinh. Hình thức phòng chống mạo nhận kiểu này được kể là an toàn nhất vì những đặc điểm trên từng khuôn mặt mỗi cá nhân sẽ được ghi nhận và lưu trữ bằng phương pháp ba chiều. Kẻ gian rất khó chế tạo thẻ thông hành giả hoặc mạo danh tại các phi trường theo kiểu bọn khủng bố vụ không tặc phá hoại Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế

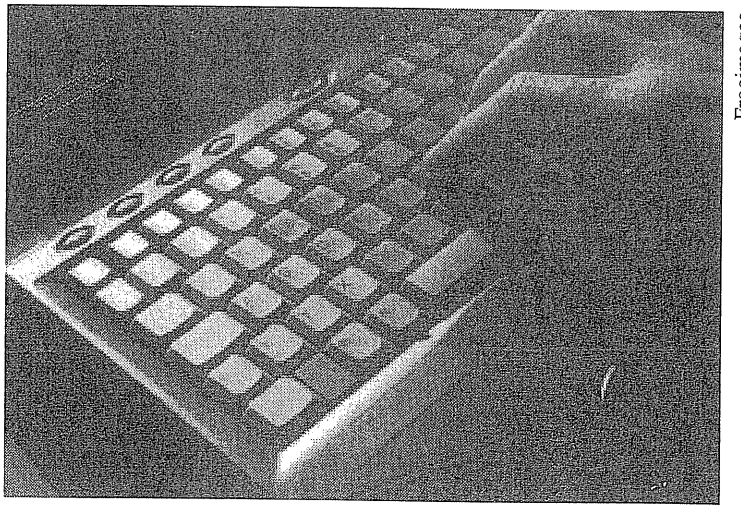

Freeimages

Freeimages

Hoa Kỳ tại New York đã từng làm.

Công ty IBM cho rằng biện pháp bảo vệ an ninh hiệu quả này có thể biến những giấy thông hành cũ thành vật thừa thãi. Nghe đến không cần phải mang theo giấy thông hành kiểu cũ người viết chưa gì đã thấy lòng nhẹ nhõm!

Bỏ kỹ thuật cao về canh tác... Dứa

Tạp chí *Business Week* số phát hành ngày 22 tháng 9, 2003 đề cập đến việc ông Stephen Case, cựu Chủ Tịch công ty AOL Time Warner, đã đang tăng vốn đầu tư trong một kỹ nghệ khác hoàn toàn với ngành kỹ thuật cao ông từ bỏ hồi tháng Năm năm nay. Ông Stephen Case hiện đang được nhắc đến như một đại thương gia ngành canh tác quả Dứa, còn gọi là quả Thơm, tại đảo Maui, tiểu bang Hawaii. Lý do nào khiến ông Stephen Case lại xoay chiều kinh doanh đến 180 độ, từ kỹ thuật sang canh nông?

Thoạt nghe bản tin trên nhiều người kinh ngạc vì quyết định đầu tư của ông Stephen Case, một trong những người chịu trách nhiệm chính trong việc sáp nhập công ty kỹ thuật cao ngành điện toán America On Line, tức AOL và công ty truyền thông Time Warner.

Cuộc tác hợp lịch sử này đã một thời làm chấn động giới đầu tư nói chung và sau đó mang lại sự bất mãn liên tục khi trị giá cổ phiếu chứng khoán của công ty mới AOL-Time Warner mất giá đều đặn làm mất phần lớn sản nghiệp của hàng triệu cổ đông.

Nguyên nhân rõ rệt khiến các cổ đông giận dữ về sự tác hợp lịch sử này là công ty Time Warner, một công ty truyền thông có vốn liếng và tài sản thật (theo đúng chữ dùng trong thương trường là vốn liếng bằng gạch và xi măng) mà lại dại dột đi sáp nhập bằng cách đổi lấy cổ phiếu của AOL, một công ty kỹ thuật cao chỉ có vốn liếng ghi trên giấy tờ bằng trị giá cổ phiếu chứng khoán. Khi ngành đầu tư chứng khoán thịnh không sao, nhưng lúc suy, những công ty giá trị chỉ dựa trên giấy tờ dễ dàng trở thành giá trị của những tờ giấy lộn.

Có lẽ nghe những lời chỉ trích về cuộc tác hợp hai công ty ngành kỹ thuật cao đã nhàm tai nên sau khi từ chức chủ tịch công ty AOL-Time Warner hồi tháng Năm 2003 ông Stephen Case mới xoay hẳn sang ngành khác, canh tác nông nghiệp. Xuất thân từ Hawaii, sau vụ kinh doanh thất bại mang nhiều tai tiếng, ông Case quyết chí trở về nguyên quán đầu tư vào đặc sản quê hương.

Theo dữ kiện của cơ quan kiểm soát đầu tư SEC, vào cuối tháng Bảy vừa rồi ông Stephen Case đã tăng cổ phần đầu tư trong công ty Maui Land & Pineapple từ 41.5% lên thành 43.5%. Hợp đồng ông Case hiện giữ cho phép ông được làm chủ tổng cộng 56% cổ phiếu của công ty này. Công ty Maui Land & Pineapple, đúng theo tên gọi, là công ty canh tác quả Dứa, đặc sản của Hawaii.

Ông Case cho biết nỗ lực quảng cáo đúng cách nhằm đẩy mạnh việc bán nhiều quả Dứa tươi trồng hoàn toàn bằng phân bón hữu cơ (thay vì loại Dứa đóng hộp) cho hàng triệu du khách thăm viếng Hawaii làm quà mang về nhà sẽ mang lại hiệu quả cho ngành canh nông đặc sản tại tiểu bang này trong thời gian không lâu.

Vào tháng Tám vừa qua, công ty Maui Land & Pineapple đã mướn ông David Cole, một cựu cộng sự viên của ông Stephen Case từ công ty AOL về làm Tổng Giám Đốc. Trả lời phỏng vấn của tạp chí *Business Week*, ông David Cole cho biết công ty Maui Land & Pineapple dự định sẽ... sáp nhập hai ngành, phát triển các khu vực du lịch và canh nông trồng Dứa trên đảo Maui.

Điều này nghe qua đã thấy có nhiều điểm mâu thuẫn chẳng hạn phát triển nhiều khu vực du lịch theo cách quá đáng của khu vực Waikiki trên đảo Oahu làm sao bảo đảm đất canh tác trù phú cho kỹ nghệ trồng Dứa. Chưa kể khách du lịch phần lớn đến Maui vì họ muốn tìm sự yên tĩnh của đời sống bình lặng trên một hòn đảo chưa bị thương mại hóa. Một khi Maui trở thành

rập khuôn Oahu, liệu số du khách đến đảo này có còn nhiều hay không? Hay người ta lại chọn "lánh xa trần thế " trên những hòn đảo khác như Big Island Hawaii chẳng hạn.

Nhưng nhìn lại quá trình hoạt động của ông Stephen Case, chúng ta dễ nhận ra những phân tích vừa kể là việc của người khác, không phải của tân Tổng Giám Đốc David Cole hoặc của nhà đầu tư Stephen Case.

Với hai người này, có lẽ việc tác hợp hai ngành du lịch và canh nông dễ thực hiện hơn việc tác hợp hai ngành kỹ thuật cao và truyền thông nhiều. Việc khó khăn lớn họ còn làm được xá gì việc dễ ợt ở đảo Maui.

Không biết những nhà đầu tư và những người đã từng mất vốn trong công ty AOL-Time Warner có chịu tin lý lẽ hai ông Cole và Case đề ra trong kế hoạch mới ở Maui chăng? Chỉ có thời gian mới trả lời được điều này.

TRẦN QUÁN NIỆM

DIỄN HÀNH VĂN HÓA QUỐC TẾ LẦN THỨ 18 TẠI NỮU ƯỚC NGÀY 14 THÁNG CHÍN, 2003

Từ 18 năm nay, cơ quan Di Dân cuả Liên Hiệp Quốc đã có sáng kiến hàng năm ấn định một ngày vào đầu tháng 9 là ngày mọi sắc dân tại Nữu Ước có dịp phô trương bản sắc văn hóa đặc biệt của quốc gia mình. Đó là Ngày Diễn Hành Văn Hóa Quốc Tế, và năm nay, 2003, nhằm vào ngày 14 tháng 9.

Năm nay có trên ba mươi cộng đồng di dân tham gia trong đó có Angola, Brazyl, Bosnia, Dominican, Egypt, Greece, Tibet v.v. và các cộng đồng Á Châu như Đại Hàn, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Hoa, Đài Loan, Việt Nam...

Cuộc diễn hành khởi đi ở góc đường 41st & Madison, dọc đại lộ Madison mười bốn blocks, chấm dứt ở góc đường 27th & Madison. Các cộng đồng di dân trình diễn văn hóa của xứ họ qua cách trang trí xe hoa (floats), y phục cổ truyền, âm nhạc, những điệu múa truyền thống v.v... điển hình Nhật Bản có những thiếu nữ mặc quốc phục "Kimono" tay cầm quạt đi đầu, theo sau là đoàn người múa trống. Phái đoàn Trung Hoa có những thiếu nữ mặc áo "Xường xám" theo sau là đoàn múa Lân, múa Rồng...

Về phía cộng đồng VN, hàng ngàn đồng hương tưng bừng hân hoan từ gần 20 tiểu bang qui tụ về Nữu Ước vào ngày chủ nhật 14 tháng 9, 2003. Đối với người Việt hải ngoại thì ngoài chủ đề văn hóa, cuộc diễn hành còn ngầm mang sắc thái của một cuộc phô trương chính trị với một rừng cờ vàng rực rỡ trên đại lộ chính của Nữu Ước trước con mắt quan sát của hàng trăm ngàn người và hình ảnh được truyền đi khắp thế giới.

Cộng đồng VN được mời tham dự diễn hành lần đầu vào năm 2000 với chủ đề "Hai Bà Trưng, nữ anh thư đất Việt" (1) và chúng ta đã đoạt giải nhất với ba chủ điểm: đông nhất, đẹp nhất, ý nghĩa nhất. Đó là lần Diễn Hành Văn Hóa thứ 15. Năm nay, diễn hành Văn Hóa thứ 18, chúng ta lại hãnh diện tham dự với xe hoa chủ đề Hoàng Đế Quang Trung đại phá quân Thanh, nói lên tinh thần bất khuất kiên cường của một quốc gia tuy nhỏ bé nhưng cần cù dũng cảm chống ngoại xâm. Ngoài xe hoa chúng ta còn phô diễn y phục cổ truyền cho cả hai phái nam nữ và những điệu vũ dân tộc như "Múa Trống Cơm," "Múa Nón" v.v.

Bốn giờ chiều đoàn VN rời khỏi vị trí để tiến ra đại lộ Madison. Dẫn đầu là một phụ nữ sống tại Nữu Ước, trong áo dài lộng lẫy cầm tấm bảng với hàng chữ "International Immigrant Foundation presents VietNam." Theo sau là bốn người cầm cờ Việt Nam và Hoa Kỳ với kích thước lớn. Theo ngay sau đó là chín phụ nữ mặc áo dài vàng, khăn vành vàng cầm tấm biểu ngữ lớn mang hàng chữ Vietnamese American Community. Kế tiếp là một nhóm các bà các cô khăn vành, áo dài hay trong y phục tứ thân cổ truyền đi thành đội hình vòng tròn, tay cầm những giải cờ Việt Mỹ tỏa ra theo hình nón, trông rất đẹp mắt. Khách tham dự hai bên đường gồm đủ mọi sắc dân, mọi lứa tuổi, khuôn mặt vui tươi, vỗ tay tán thưởng không ngớt. Nhiều người hô to *Việt Nam, Việt Nam* để ủng hộ nồng nhiệt khi được các người trong đoàn diễn hành vẫy

tay chào. Đặc biệt kỳ này đại diện tiểu bang Hawaii là một thiếu nữ trẻ đẹp, đó là Hoa Hậu Thùy Lam. Cô ngồi trên xe mui trần chung quanh có gắn hoa và xe đi chầm chậm để khách đi xem có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp thùy mị Á Đông.

Lá đại kỳ rước nằm được trên 20 người nâng. Xe hoa mang chủ đề văn hóa được trang bị hoa lá rất đẹp với vua Quang Trung đeo gươm mặc hoàng bào rực rỡ và tướng sĩ trong giáp trụ uy nghiêm, sát khí đằng đằng, trong tư thế dũng mãnh. Nghĩa binh Tây Sơn, đội nón sơn, chân quấn xà cạp với đao sắc giáo dài, khiêng võng, nhắc lại lối chuyển quân thần tốc của vua Quang Trung. Đi trước xe hoa là hai cỗ thần công, được đẩy trên bánh xe, lâu lâu lại bắn ra hai lá cờ vàng ba sọc đỏ. Một chiếc trống cổ và vài chiếc trống con cũng được đẩy theo xe hoa khiến những người thông thạo lịch sử không khỏi liên tưởng tới giàn trống trận nổi tiếng của thời Tây Sơn.

Trên đường đi và trước khán đài chính, các em thiếu nhi thuộc công đoàn Chúa Kytô Vua (vùng Bronx) ngừng lại múa vũ khúc trống cơm thật dễ thương. Những khuôn mặt ngây thơ, xinh đẹp trong áo tứ thân, khăn đỏ đã làm tươi mát cho đoàn diễn hành, khiến người xem tán thưởng nhiệt liệt, quay phim liên tục, kể cả các chuyên viên của các đài truyền hình và báo chí Việt Mỹ. Các thanh nữ áo lam thuộc gia đình Phật tử Đức Thiện duyên dáng dịu dàng trong bài vũ múa nón, rất lạ mắt với người ngoại quốc nên được hoan nghênh hết sức.

Để nói lên sự có mặt của đại diện các tiểu bang trên toàn nước Mỹ, phần sau xe hoa là đồng bào đến từ các tiểu bang mang bảng tên và cờ của tiểu bang mình. Đoàn người xếp hàng bốn, mặc âu phục hay y phục cổ truyền. Một điều không thể thiếu là lá cờ vàng quốc gia ngự trị khắp nơi, tung bay trong gió, mang mầu vàng rực rỡ cho thành phố Nữu Ước trong ngày hội lớn. Trải dài trên bốn blocks, đoàn diễn hành VN hiên ngang tiến bước trong tiếng hoan hô, vẫy tay chào đón, thán phục, chiêm ngưỡng, nồng nhiệt ủng hộ của hằng trăm ngàn quan khách ngoại quốc đứng chật hai bên đại lộ Madison.

Số tiểu bang tham dự năm nay tăng một cách

TRẦN QUAN NIỆM

Diễn hành trên đường phố New York

Phụ nữ Việt Nam diễn hành trên đường phố New York

vượt bực gồm 16 tiểu bang đó là Nam Cali, Bắc Cali, Connecticut, Georgia, Hawaii, Maryland, Massachusetts, New Hamshire, NewJersey, Oklahoma, Oregon, Pennsylvania, Texas, Virginia, Washington DC, NewYork và Utah. Đi hàng đầu là phái đoàn Âu Châu do ông Lại Thế Hùng và Dương Văn Lợi hướng dẫn. Phái đoàn đến từ Úc Châu có bà Mười và thân hữu.

Trong đoàn diễn hành người ta thấy có các vị bô lão tuổi thọ cao như cụ Phan Vỹ 80 tuổi, cụ Giáp Ngọc Phúc 80 tuổi và nhiều cụ ở tuổi 60, 70 từ các tiểu bang xa về dự, sát cánh với các người trẻ, vui tươi hớn hở, bước theo tiếng nhạc hào hùng của những bài ca lịch sử phát ra từ xe hoa. Người ta ước lượng đoàn diễn hành gồm trên 1,000 người, trải dài trên bốn dãy phố (block). Tâm tư mọi người đầy ắp niềm vui, hãnh diện và tự hào.

Chủ đề Vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm nay do Cali thực hiện với y phục áo mão do Hội Bình Định Cali cung cấp. Hai phái đoàn Nam Bắc Cali với trên 80 người tham dự. Họ mang theo hai khẩu súng thần công, cờ VN, biểu ngữ, và tương tự những năm trước, Cali đóng góp một số lớn tài chánh. Xe hoa do NewYork thực hiện.

Được phỏng vấn tại chỗ, ông Nguyễn Trung Châu, chủ tịch cộng đồng VN tại Nữu Ước và là trưởng ban tổ chức phần diễn hành của người Việt Nam cho hay ông hy vọng trong tương lai, cộng đồng tỵ nạn cảm nhận được đây là một sự việc liên quan chung đến tất cả khối người Việt tị nạn để luân phiên đảm trách nhiệm vụ tổ chức vì cộng đồng Nữu Ước không đủ nhân lực và tài lực lo toan trọng trách to lớn này, dù đã gắng hết sức chu toàn trong bốn năm qua. Ông Nguyễn Văn Tánh, phó trưởng ban tổ chức cho hay chi phí chừng 20 ngàn MK, nhưng ngân sách năm nay còn thiếu hụt.

Một đóng góp lớn lao rất đáng được ca ngợi và ghi nhận là ông bà triệu phú Trần Đình Trường, chủ nhân khách sạn Carter tại trung tâm thành phố NewYork đã liên tục giúp đỡ phái đoàn tham dự ngày Văn Hoá từ ba năm nay.

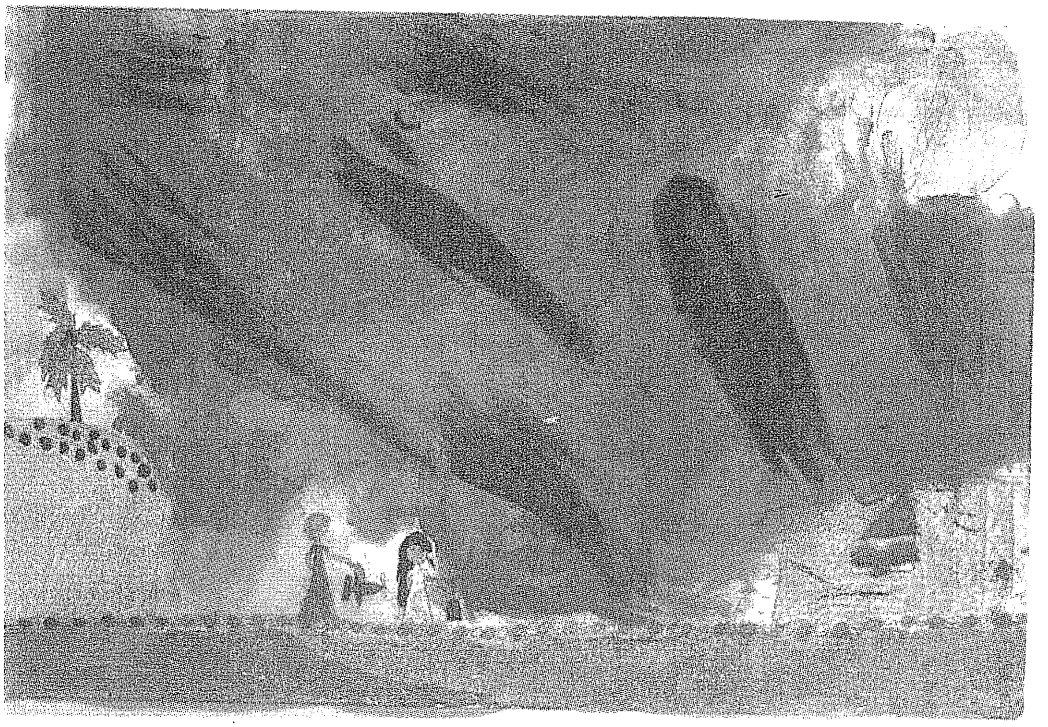

Jennifer Quan - Giải nhì nhóm I

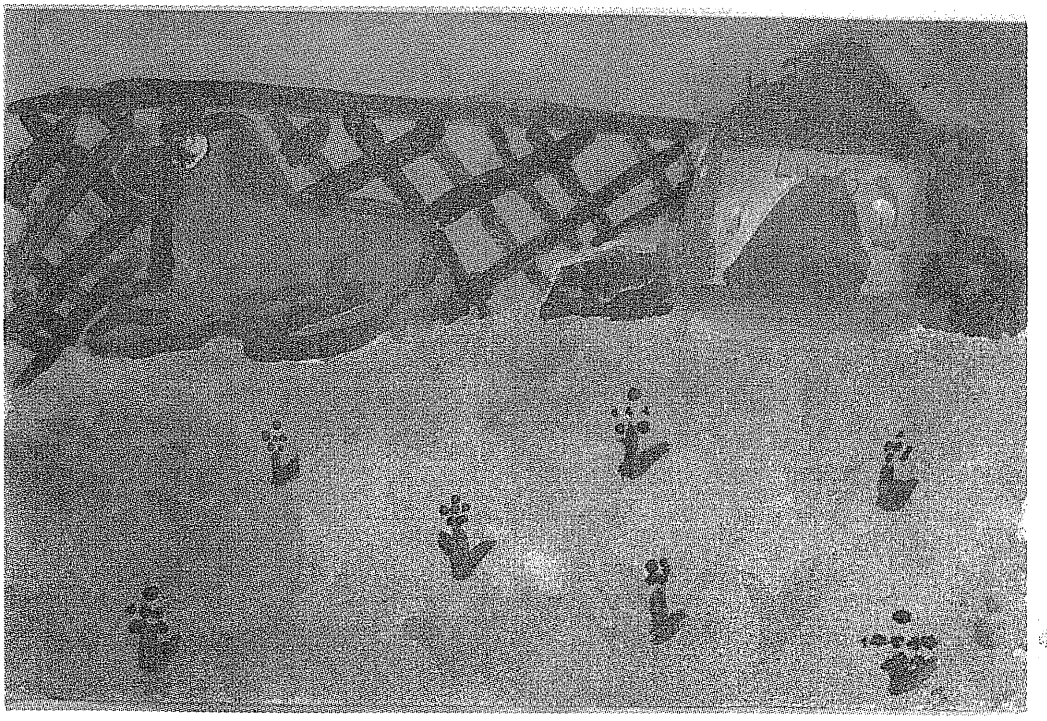

Fiona Lam - Giải nhì nhóm II

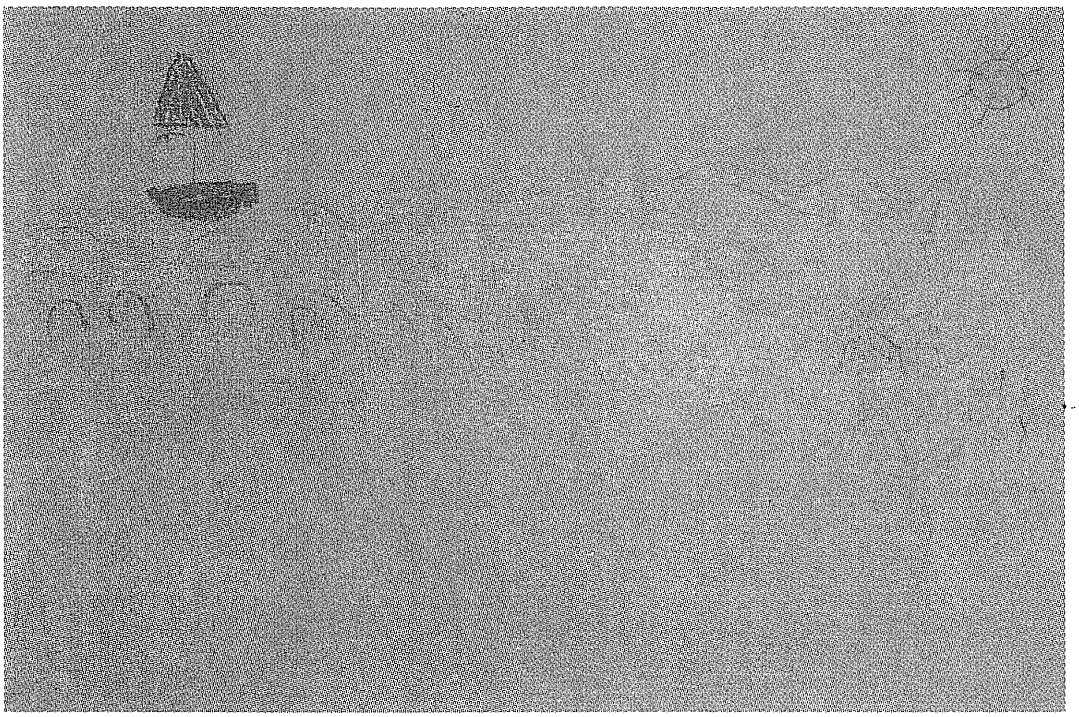

Don Phung - Giải ba nhóm I

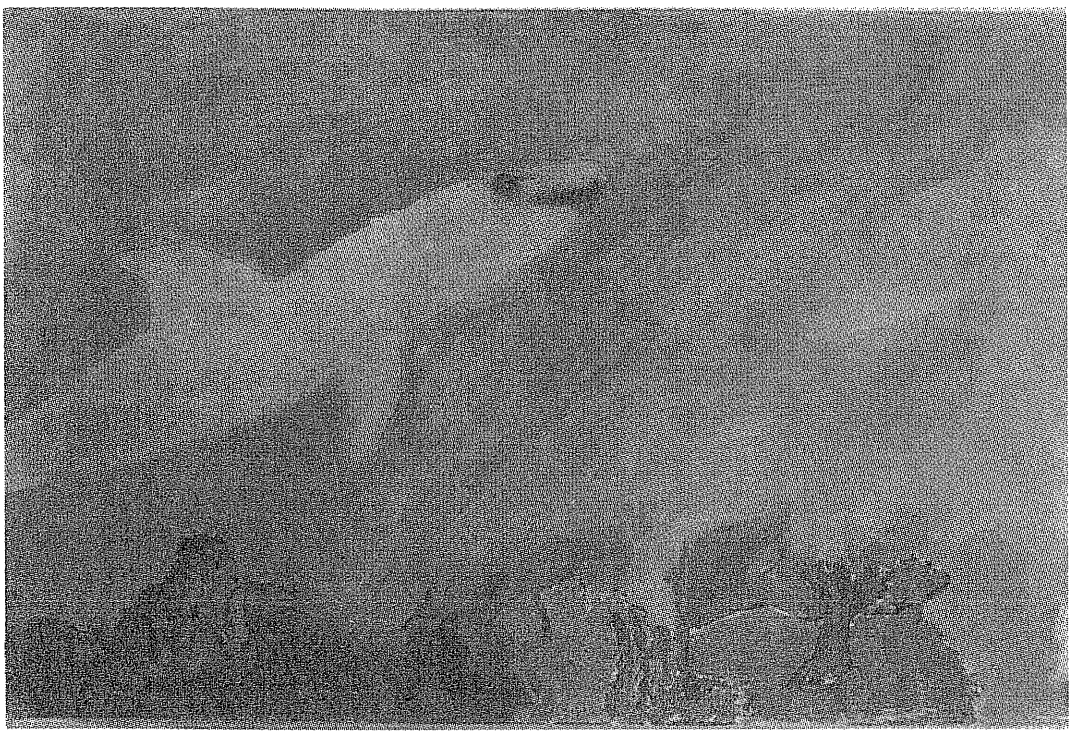

Di Son Nguyen - Giải ba nhóm II

Anthony Cuong Tran - Giải khuyến khích nhóm II

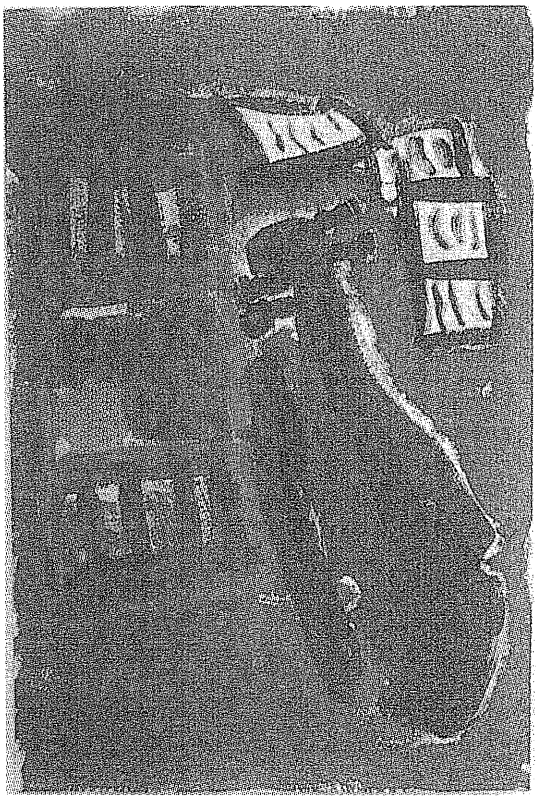

Hoan Bui - Giải ba nhóm III

Chau Ngoc Minh Anh - Giải khuyến khích nhóm I

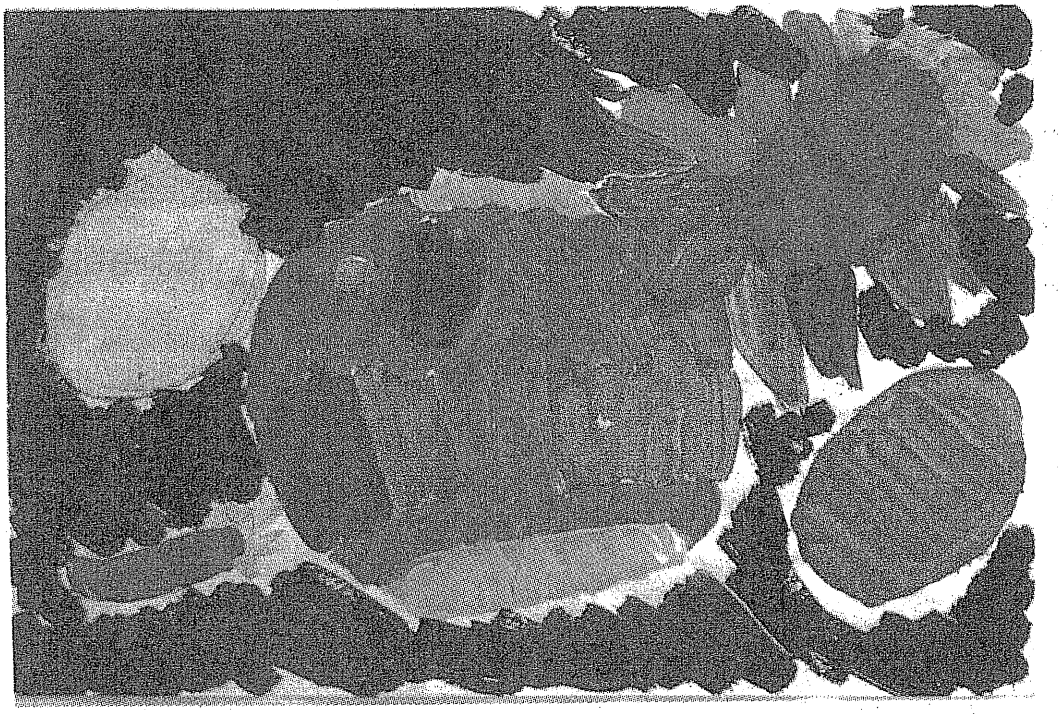

Helen Vo - Giải khuyến khích nhóm III

Pham An Kelly - Giải khuyến khích nhóm I

Mỗi năm, ông bà cung cấp chỗ ở và bữa ăn miễn phí cho trên 100 người đến từ các tiểu bang. Đặc biệt năm 2001, vì vụ khủng bố, nhiều phái đoàn bị kẹt máy bay phải lưu trú tại khách sạn của hai ông bà hàng tuần lễ, ăn ở miễn phí. Cũng như trước đây, năm nay tại đại sảnh tiền đường của khách sạn, bà Trần Đình Trường dành riêng một khu vực riêng đặt bàn ăn cho phái đoàn và đích thân bà vào bếp nấu nướng thức ăn VN cho hợp khẩu vị đồng bào Việt.

Hàng năm cuộc diễn hành văn hóa quốc tế với đông đảo người Việt tham dự, với rừng cờ quốc gia rực rỡ là một cái gai nhức nhối cho chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Sứ quán VC tại Nữu Ước phản đối kịch liệt với Uỷ Ban Tổ Chức Diễn Hành của Liên Hiệp Quốc, nhưng năm nào cũng vậy, phản đối của lãnh sự quán Việt Cộng đều không có hiệu quả.

(1) Chủ đề năm 2001 là Vua Hùng dựng nước, năm 2002 là Hưng Đạo Vương đại phá quân Nguyên.

NGƯỜI ĐẸP ISABEL NỔI CƠN THỊNH NỘ

Cơn bão Isabel chỉ ghé nội địa miền Đông Bắc Hoa Kỳ vỏn vẹn một ngày, nhưng đã gây tai hại tàn khốc cho cư dân miền duyên hải bốn tiểu bang North Carolina, Virginia, Delaware, New Jersey. Trưa thứ năm 18 tháng 9, 2003 trận bão thổi thẳng vào bờ biển tiểu bang N. Carolina và trưa thứ sáu 19 tháng 9, nó đã phiêu du lên Canada, với vận tốc gió lúc khởi đầu là 100 dặm/ giờ bây giờ nó chỉ còn 30dậm/ giờ. Trên đường đi, Isabel đã gây thiệt mạng cho 27 người (1), khiến sáu triệu người không có điện để sử dụng, gần 40 căn nhà bị cuốn xuống biển, ba cây cầu sụp đổ, nhiều đoạn đường trên xa lộ 120 miles tại N. Carolina bị hư hại nặng, hàng ngàn cây bị trốc gốc. Phần lớn thiệt hại xẩy ra tại doi đất sát biển có tên Outer Bank thuộc N. Carolina vào đêm thứ Năm khi những cơn gió mạnh với vận tốc 100 dậm/giờ thổi tới. Mưa lũ ào ạt, thủy triều dâng cao đập mạnh vào các kiến trúc trên bờ với những con sóng cao tới 12 feet có sức mạnh ghê hồn.

Sandra Simmons kể lại: "Mưa gió gầm rú như một đoàn xe lửa khổng lồ phóng tới. Căn nhà của tôi nghiêng dần và lắc lư dữ dội. Nước trong bồn cầu tiêu cũng nổi sóng." Sức tác hại chính của cơn bão là gió mạnh và nước lụt do mưa đổ xuống làm mực nước sông, suối dâng cao và trên đường phố, hệ thống ống rút nước không thoát kịp. Nước ngập ngang bụng hoặc cao hơn và ít nhất có một người chết đuối. Trên 200 người phải được thuyền và trực thăng cứu đi. Di chuyển trên đường phố là những chiếc thuyền độc mộc.

Tổng cộng thiệt hại được phỏng chừng nhiều tỉ MK.

Lụt tràn Quí Tỵ

Các bậc cao niên hẳn còn nhớ những cơn mưa lụt bão tố tại Việt Nam đánh dấu bằng các mốc điểm thời gian như "lụt tràn Quí Tỵ," "trận bão năm Thìn" v.v. Trung Tâm Bão Tố Quốc Gia HK (The National Hurricane Center) đặt trụ sở tại Miami, Florida và Cơ Quan Khí Tượng Thế Giới cũng đã đồng ý đặt tên cho các cơn bão để tiện theo dõi. Việc này có một lịch sử khá xa trong dĩ vãng. Thoạt đầu vào năm 1900 một khí tượng gia người Úc bắt đầu đặt tên cho các cơn bão ông ta theo dõi cho tiện việc ghi chép sổ sách. Lúc đó ông này dùng trên các nhà chính trị mà ông không ưa thích làm tên bão, để sau đó khi mô tả sự tàn phá do trận bão gây ra, ông có dịp "móc lò" những chính trị gia ăn hại cho bõ ghét. Rồi trước năm 1950 người ta đặt tên bão bằng con số năm xẩy ra và kèm theo mẫu tự, thí dụ 1942A, 1942B v.v. Trong đệ nhị thế chiến, quân đội Hoa Kỳ phải nghiên cứ nhiều về thời tiết để dùng trong chiến tranh nên các quân nhân chuyên về khí tượng dùng tên bạn gái hay vợ đặt cho tên bão. Bắt đầu năm 1953, thói quen này trở thành tiêu chuẩn cho sở Khí Tượng Hoa Kỳ. Dùng tên phái nữ đặt cho trận bão còn hàm ý người đẹp thường nổi giận "làm mình, làm mẩy" bất thường, khó tiên đoán.

Trong thập niên 60, 70 phong trào đòi bình quyền nam nữ lên cao, phụ nữ phản đối việc đặt tên có vẻ kỳ thị này, nên sở Khí Tượng HK và quốc tế phải dùng cả tên phái nam và phái nữ đặt tên bão bắt đầu từ năm 1978. Đó là lý do chúng ta có tên bão Floyd năm 1987 hay tbão Andrew năm 1992.

Sở Khí Tượng HK tại Miami có nhiệm vụ

theo dõi các vùng áp suất thấp được hình thành trên bắc Đại Tây Dương. Chúng ta cần lưu ý, tiếng Việt gọi chung là bão nhưng trên bình diện khí tượng học, chúng được phân thành hai loại, yếu nhất là bão nhiệt đới (tropical storm) có vận tốc gió từ 39 đến 74 dậm/giờ, mạnh hơn là bão (hurricane). Trong hệ thống xếp hạng Saffir-Simpson Scale thì khi mới thành hình ngoài đại dương, bão Isabel được xếp hạng cấp 5, là cấp cao nhất với tốc độ gió trên 155 dậm/giờ, khi vào nội địa Carolina tốc độ gió giảm còn 100 dậm/giờ nên nó bị xuống cấp 2. (2)

Sở Khí Tượng HK ghi nhận các vùng áp suất thấp (tropical depression) hình thành ngoài khơi, khi tốc độ gió lên đến 39dậm/giờ cơ quan này bèn ghi vào sổ sách và cho nó một cái tên để tiện việc theo dõi.

Tên bão được đặt sẵn cho sáu năm liên tiếp (3), khi dùng hết, tên được sử dụng trở lại từ đầu, có nghĩa danh sách năm 2003 sẽ được dùng vào năm 2009. Nếu một trận bão có tác hại lớn, thì tên bão được dành riêng ra (retire) và không sử dụng nữa, đó là trường hợp bão Andrew (1992) hay Floyd (1987), để tránh những lộn xộn trên bình diện pháp lý (bồi thường bảo hiểm, kiện tụng v.v.). Isabel có hy vọng *retire* trong tương lai.

Nhưng làm sao chúng ta biết được vận tốc và hướng đi của bão mà đề phòng. Xin thưa: đó là nhiệm vụ của sở truy tầm bão, trực thuộc sở Khí Tượng HK.

Người săn bão (Hurricane hunter)

Ngoài các phương tiện điện tử (radar) hay vệ tinh khí tượng ghi nhận những trận bão, nhiệm vụ theo dõi bão được giao cho phi đoàn 53WRS thuộc không lực trừ bị của không quân Hoa Kỳ đặt dưới quyền điều hành cửa sở truy tầm bão. Điển hình phi cơ và phi hành đoàn của cơ quan này đã theo dõi Isabel liên tiếp ba tuần khi nó hoành hành trên đại dương và còn cách đất liền cả ngàn cây số. Phi cơ thuộc phi đoàn 53 đã không nề nguy hiểm bay thẳng vào tâm bão (eye) ở độ cao 10,000 feet (phương pháp fix mission) để đo vận tốc gió, phương hướng di chuyển, áp suất khí quyển nơi tâm bão. Một cách khác (phương pháp synoptic track) là bay trước cơn bão ở độ cao 30,000 feet rồi thả xuống những dụng cụ khí tượng (dropsoundes) để ghi nhận hướng di chuyển của bão và những dữ kiện khoa học khác.

Nhờ đó mà chúng ta nghe báo cáo liên tục vị trí của "người đẹp da beo," vận tốc gió, hướng đi và vận tốc di chuyển của mắt bão nhiều ngày trước khi bão vào tới đất liền.

Báo động

Qua hệ thống truyền thông rộng rãi (phát thanh, phát hình và báo chí), chính quyền và người dân biết đích xác những chi tiết về Isabel, ngày giờ đến đất và sức tác hại của nó. Vài ngày trước khi bão tới, hàng trăm ngàn người đã được tản cư, nhà cửa được đóng ván ép ngăn ngừa gió thổi bay cửa sổ, chiến hạm, thương thuyền, phi cơ chiến đấu và dân sự được di tản, bao cát được dùng ngăn nước tràn. Thế nhưng sức người có hạn và nhỏ bé trước sự cuồng nộ của thiên nhiên, do đó Isabel, dù vận tốc gió chỉ 100 dậm/giờ, đã tàn phá bốn tiểu bang duyên hải Đông Bắc Hoa Kỳ như đã nói ở đầu bài.

Chúng tôi ở tiểu bang New Jersey, nghe đến Isabel hầu như suốt tuần và biết "người đẹp" đang tiến dần vào đất liền, nhưng từ thứ Hai đến thứ Tư, trời hoàn toàn trong sáng, xanh lơ, nếu không nghe qua truyền thông thì không ai có thể ngờ là đại nạn đang chờ chực nơi chân trời. Sáng thứ Năm, trời đất u ám, gió bắt đầu thổi mạnh và cho đến khi đêm về, gió mưa tràn tới như... vũ bão, "nàng da beo" đập đùng đùng ngoài cửa sổ, cây cối vật vã, đổ ào ào, âm thanh thật khủng khiếp. Chúng tôi không khỏi liên tưởng nơi chốn quê nhà những ngư dân chất phác chỉ biết nhìn trời để tiên đoán thời tiết khi dong thuyền ra khơi, thấy trời trong sáng, nào đâu biết chỉ một ngày sau, tử thần rình rập nơi chân trời ào ào kéo đến, khiến thuyền đi không về và nhiều làng mạc đánh cá bị nước lũ và mưa gió quét sạch ra biển. *tiếp theo trang 26*

(1) Phần lớn chết vì tai nạn xe hơi khi thời tiết xấu, cây đổ đè xe, một số chết đuối, một thợ điện chết vì điện giật khi sửa chữa.

(2)Bão cấp 1 có vận tốc gió từ 75 đến 95 dậm/giờ, cấp 2 từ 96 đến 110. cấp 3 từ 111 đến 130, cấp 4 từ 131 đến 155, cấp 5 từ 155 trở lên

(3) Sau Isabel sẽ là Juan, Kate, Larry, Mindy, Nicholas, Odette, Peter và Rose cho năm 2003.

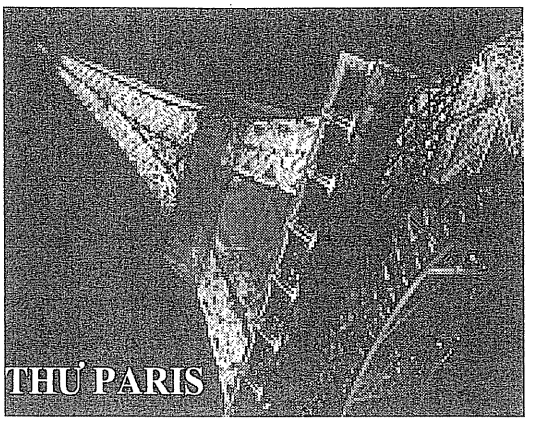

TỪ NGUYÊN

THÁNG CHÍN VỀ ĐÂY

Hai tháng hè qua rồi, nay cũng phải làm việc trở lại (cũng có người chưa đi hè, nay mới ra đi!). Học sinh, sinh viên tựu trường. Công chức, tư nhân trở lại việc làm và... tiếp tục cuộc sống hằng ngày. Nghiệp đoàn lại rục rịch đình công, biểu tình. Chính phủ lo đối phó với các vấn đề mà trước hè chưa giải xong, rồi còn lo ngân sách năm tới. Kiếm tiền đắp vào những hố sâu thâm thủng là chuyện khó khăn đối với bất cứ chính phủ nào trên thế giới.

Ngày tựu trường

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi, dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại nhiều lần nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Nhìn các em nhỏ tựu trường một ngày đầu tháng chín tại Paris, những dòng chữ đó của nhà văn Thanh Tịnh trở lại trong tôi. Người và cảnh đều khác lạ nhưng tâm tình chắc hẳn là tâm tình của những cậu bé lần đầu tiên đến trường cho dù là người của nước nào và ở bất kỳ nơi đâu. Tại Việt Nam, 22 triệu học sinh cũng đã tựu trường tuần này.

Trên đất Pháp, vẫn cảnh cũ của những lần tựu trường: những em lần đầu tiên vào lớp mẫu giáo, sợ hãi môi trường xa lạ, khóc lóc níu lấy tay mẹ, trong khi những em khác, dạn dĩ hơn, vui vẻ đi theo cô giáo mới vào lớp. Bố mẹ hồi hộp lo sợ những vụ đình công, chống đối xảy ra, may thay mọi việc suông sẻ.

Toàn quốc có 12 triệu rưỡi học sinh, sinh viên nhập học niên khóa này, được 1 341 000 người (trong số có 894 000 giáo chức) trông coi trong gần 70 000 trường trung, tiểu học công lập và tư thục. Ngân sách quốc gia chi ra 103 tỉ euro cho vấn đề giáo dục.

Do từ vụ *baby boom* năm 2000 (các bà đua nhau sanh trong năm 2000) số các em theo mẫu giáo năm nay tăng lên 53 000 so với năm trước.

"C'est la Rentrée" và đời sống sau ngày tựu trường

Cả nước sau khi theo các em tựu trường, đã trở lại công việc hằng ngày. «C'est la rentrée,» với tất cả các khó khăn đang chờ đợi. Trong các gia đình có con nhỏ, từ đây bố hay mẹ sáng sớm đẩy con đi gởi ký nhi viện hay đưa con đi học rồi đi làm, tối về lại phải coi bài vở của con. Vào sở làm, giải quyết những chuyện còn đọng lại từ mùa hè. Một số người chạm trán với thực tế của tình hình kinh tế khó khăn: thêm một số công ty phá sản, sa thải nhân viên, hoặc đóng cửa.

Vậy mà chính phủ vẫn loan báo năm tới giảm thuế 3%, sau khi năm 2002 đã giảm 5% và năm nay 1% thực hiện lời hứa của ứng cử viên Jacques Chirac. Đối với 8,5 triệu gia đình không đóng thuế lợi tức, phụ cấp việc làm tăng lên 500 triệu euro.

Trên nhật báo *Le Figaro*, thủ tướng J-P Raffarin cho biết muốn tạo thêm công việc làm cho dân chúng hơn là thu thuế. Không riêng chi Pháp, nước Đức cũng theo chính sách đó: chính phủ Đức giảm 10% thuế cho dân chúng trong năm tới. Ngân sách của Pháp năm 2004 vì thế thâm thủng tới 60 tỉ (-4% tổng sản lượng quốc gia), một chuyện không được quyền làm.

Về đề nghị lấy một ngày nghỉ tài trợ quỹ người già, chính phủ đề nghị lấy ngày đầu tuần sau lễ Phục sinh. Ngày đó không đụng chạm vào niềm tin của ai, như lời của thủ tướng Raffarin.

Giải thích ngắn gọn về việc này: Ngày nghỉ, cần kêu nhân viên đi làm, công ty phải trả tiền phụ trội cho nhân viên này và đồng thời trả tiền cho nhà nước. Khi ngày đó không còn là ngày nghỉ, công ty khỏi phải trả tiền cho nhân viên nhưng vẫn trả cho nhà nước, và phần tiền trả cho nhà nước đó sung vào quỹ bảo trợ người già.

Có dân biểu hăng say đề nghị lấy luôn cả hai ngày, nhưng vấn đề bắt đầu gây cấn: ngày nào bây giờ ? Ngày nào trong số 11 ngày nghỉ sẽ không còn là ngày lễ ?

Khó lòng đụng tới những ngày lễ tôn giáo. Trong các ngày lễ khác (không phải là lễ tôn giáo), không thể bỏ ngày quốc khánh. Ngày đầu năm dương lịch, không thể bỏ được cũng như ngày lễ Lao động 1.5. Còn lại hai ngày kỷ niệm đình chiến, 1918 và 1945. Ngày 11.11 kỷ niệm đệ nhất thế chiến không ai muốn đụng đến vì «rất là thiêng liêng,» còn lại ngày 8.5, kỷ niệm Đức đầu hàng. Nếu ngày này trong tương lai bị bỏ thì cũng dễ hiểu thôi: tình nghĩa Đức – Pháp. (Năm 1975, tổng thống Giscard d' Estaing đã bỏ, năm 1981, tổng thống Mitterrand lấy lại.)

Chủ tịch Hiệp hội chủ nhân hoan nghênh việc bỏ bớt ngày nghỉ. «Muốn rằng vừa nghỉ nhiều vừa làm cho nước Pháp mạnh hơn, ảo vọng đó không còn nữa.» Những người chống viện lẽ Pháp nghỉ lễ ít hơn nước khác ở Âu Châu : Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Phần Lan (14 ngày), Đức, Áo (13) Hy Lạp (12); chỉ hơn Hòa Lan và Anh (8).

Ngân sách năm 2004

Khó khăn của chính phủ Raffarin: tìm đâu ra tiền để bù đắp vào lỗ hổng của ngân sách năm tới? Trong khối tiền tệ euro, mỗi nước có quyền chi thu nhưng số tổng kết bị Liên Hiệp Âu Châu kiểm soát: ngân sách quốc gia không được thâm thủng quá 3%.

Hội nghị các bộ trưởng kinh tài 15 nước họp nhau ở Stresa, Ý, ngày 12.9, dằn mặt Pháp lần cuối: nếu không chịu cắt giảm chi tiêu năm 2004, Pháp sẽ phải nộp phạt 3 tỉ euro cuối tháng 12.

Đây là nguyên tắc đã đặt ra nên cho dù các nước Đức và Ý rất thông cảm với Pháp (đồng bệnh tương lân) nhưng không làm gì hơn là khuyên Pháp một chuyện mà Pháp không làm được là dè sẻn chi tiêu để cắt bớt ngân sách. Các nước nhỏ (lên mặt dạy đời) chỉ muốn gặp dịp trừng phạt Pháp để làm gương. Đây là những nước đã thắt lưng buộc bụng để có ngân sách thăng bằng hay thâm thủng trong giới hạn 3% của Liên Hiệp Âu Châu đặt ra.

Xăng, thuốc lá, gia cư

Muốn bớt thâm thủng chỉ còn có cách tăng thuế trên các thứ thuế khác vì thuế lợi tức đã được giảm theo như lời hứa của tổng thống Chirac. Bộ Kinh tế tung quả bóng thăm dò: đánh thuế 5 xu trên mỗi chai rượu để lấp vào thâm thủng của ngân sách An ninh Xã hội. Năm 2003, số thâm thủng của quỹ này có thể lên tới 11 tỉ euro, cao nhất từ trước tới nay! Năm 2002 thâm thủng 6 tỉ euro.

Các nhà sản xuất và bán rượu lên tiếng phản đối quá sá! Pháp sống nhờ rượu! Bộ muốn giết chết ngành sản xuất rượu trong lúc số tiêu thụ đang trên đường đi xuống? Các chính trị gia phụ họa. Alain Juppé, chủ tịch Đảng UMP lại là thị trưởng Bordeaux, cho rằng đó là một ý kiến rất dở. «Mặc dầu có chuyện chống lại nạn say rượu nhưng thêm thứ thuế đó trong khi chính phủ giảm thuế lợi tức là một điều không thức thời tí nào cả.»

Lãnh vực thường được chiếu cố trong hoàn cảnh này là tăng giá dầu xăng. Và chính phủ quyết định tăng thêm 3 xu một lít dầu gazole từ đầu năm tới. Thuốc lá, thuế gia cư đã tăng từ đầu tháng 7 rồi.

Pháp chịu nộp phạt

Một vụ không thể bỏ qua: Pháp chịu nộp phạt cho Mỹ 575 triệu đô la để tránh vụ án *Executive Life* theo đề nghị của biện lý cuộc California. Không nộp phạt, Ngân hàng Crédit Lyonnais của Pháp sẽ bị cấm hoạt động trên đất Mỹ, nhiều cấp điều khiển công ty có thể bị kêu án hình sự. Đây là một trường hợp nộp phạt với số tiền kếch sù mà chưa chắc đã xong việc. Tại sao vậy?

Sở dĩ vậy, nói một cách ngắn gọn, năm 1991 Crédit Lyonnais đã mua cổ phần của công ty

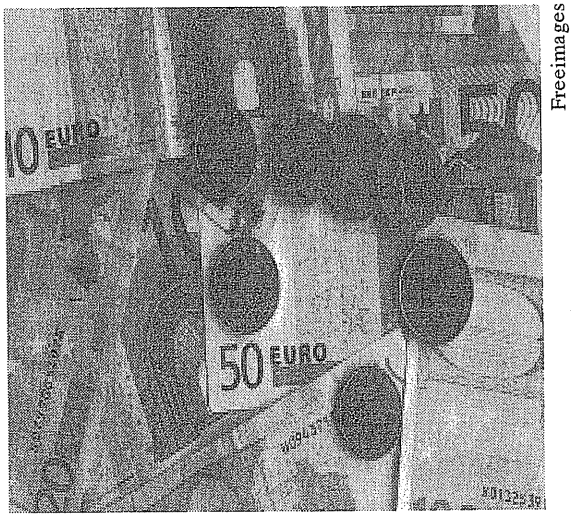

Freeimages

XEM TRANH THIẾU NHI:

TÌM LẠI SỰ TRONG SÁNG ĐÃ ĐÁNH MẤT

PHẠM PHÚ MINH

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

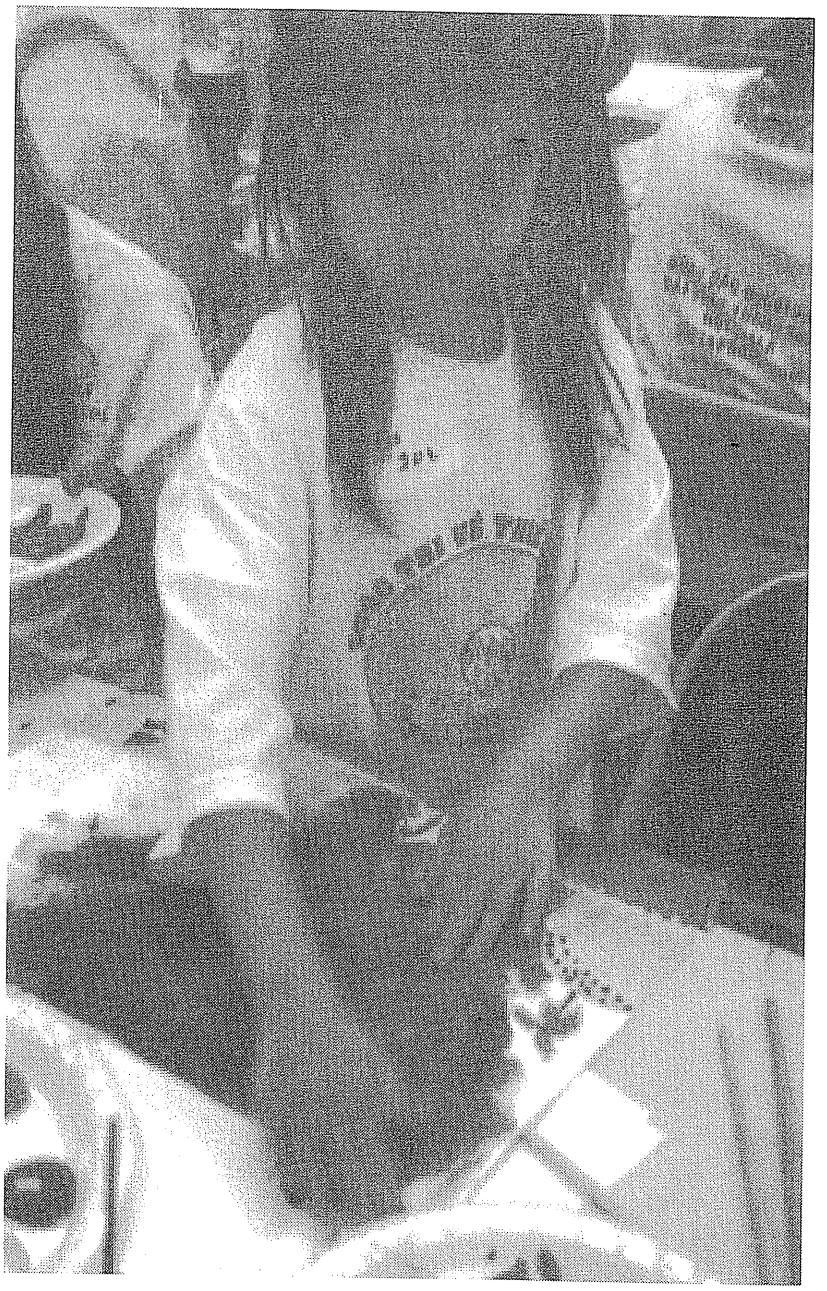

LTS. *Trong dịp Trung Thu năm nay, nhật báo Người Việt, đài phát thanh VNCR và hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức một cuộc thi vẽ dành cho các em thiếu nhi trong cộng đồng Việt Nam tại Quận Cam và những vùng lân cận thuộc Nam California, vào ngày 7 tháng Chín 2003. Sau đây là bài tường trình của người trách nhiệm tổ chức cuộc thi này.*

Tổ chức thi vẽ thiếu nhi, và hơn nữa, chấm giải tranh thiếu nhi, là một kinh nghiệm đặc biệt hiếm hoi và thú vị cho tôi. Vốn ham thích cái đẹp – của người, của vật, của thiên nhiên – tôi trước sau chỉ là một người thưởng ngoạn chứ không đóng góp được gì để tạo ra cái đẹp cống hiến cho đời. Và thưởng ngoạn với một trực giác rất chủ quan chứ chẳng được đào tạo "chính quy" trong một môn nghệ thuật nào.

Ý nghĩ tổ chức một cuộc thi vẽ cho các em thiếu nhi nhân dịp Tết Trung Thu năm nay đến với tôi bất chợt vào một lúc đêm khuya chỉ hơn một tháng trước rằm tháng Tám, vào đúng khoảnh khắc tôi bấm delete một bức thư e-mail. Khi bức thư đang biến đi trên màn ảnh máy điện toán thì tôi thoáng thấy ba chữ "vẽ thiếu nhi" và lập tức trong đầu bừng lên ý nghĩ: tại sao báo Người Việt lại không tổ chức một cuộc thi vẽ cho các em nhỏ của cộng đồng mình vào dịp Tết Trung Thu năm nay? Tôi không chắc lắm ba chữ "vẽ thiếu nhi" là từ bức thư đang bị xóa đi, có thể đó chỉ là một ảo giác do thức khuya mang lại, hoặc hiểu đó là một nhắc nhở của một ai đó từ một cõi xa xôi nào, thì cũng được... Tôi vẫn tin thỉnh thoảng có nhận được các tín hiệu như vậy từ những người bạn đã qua đời, như Lộc, như Điểu.

Cuộc thi

Sáng hôm sau tôi đến báo Người Việt, vào gặp ngay hai họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp để bàn về dự án đã nảy ra trong đầu đêm qua. Được tán thành hoàn toàn về mặt chuyên môn, tôi hội ý với các anh chị em khác của Người Việt, đài phát thanh VNCR và hội VAALA, và dự án Thi Vẽ Thiếu Nhi Trung Thu Quý Mùi ra đời.

Vấn đề bảo trợ cho cuộc thi được đặt ra, vì sự hỗ trợ của mạnh thường quân trong các công cuộc như thế này có một ý nghĩa rất lớn: ban tổ chức sẽ có phương tiện để làm việc và về phần cộng đồng, cũng nói lên được sự quan tâm của nhiều giới đối với sinh hoạt nghệ thuật cho lớp con em. Phan Mỹ Sương của đài phát thanh VNCR đã đóng vai trò vận động bảo trợ cho

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

Quang cảnh phòng thi vẽ

cuộc thi một cách tuyệt vời. Nhờ quen biết rộng rãi trong giới doanh gia và có một tấm lòng thiết tha với cuộc thi vẽ được tổ chức lần đầu tiên trong cộng đồng, Mỹ Sương đã "tả xung hữu đột" tạo nên một số phương tiện đáng kể về hiện kim cũng như tặng vật để làm quà và làm giải thưởng cho các em. Qua cuộc thi này chúng ta mới thấy những tấm lòng thiết tha với sinh hoạt hữu ích của cộng đồng không phải là ít, vấn đề là phải có người đứng ra tổ chức những sinh hoạt ấy, và đó phải là những gì mang lại lợi ích thật sự.

Hôm nay ngồi nhớ lại hôm sáng Chủ Nhật 7 tháng Chín tại báo Người Việt, tôi vẫn cho rằng đó là một cảnh tượng vào loại đẹp đẽ trong sáng nhất mà trong đời chúng ta thỉnh thoảng lắm mới được chứng kiến một lần. Mới từ hơn 8 giờ sáng lai rai đã có những gia đình đưa con em tới đi thi, mặc dầu giờ ghi danh đã được thông báo là 9 giờ. Có những gia đình đi từ rất xa bên ngoài Quận Cam: Los Angeles, Pomona, Riverside, và một nơi xa nhất, San Diego. Buổi sáng nắng đẹp, khí trời mát mẻ. Khu vực báo quán được bố trí hết sức chu đáo với ba nhân viên security chuyên nghiệp được mướn để giữ gìn an ninh trật tự suốt cuộc thi, hai căn lều lớn đã được dựng lên trước tòa báo để đón các em đến ghi danh. Nhân viên của ban tổ chức đã sẵn sàng, mỗi em được phụ huynh đưa đến ghi danh đều được phát một bảng tên in sẵn tên tuổi và số báo danh để dán trên ngực áo, và một bản sao tương tự giao cho phụ huynh để nhận lại con em sau khi thi xong. Mỗi em còn được nhận một túi quà nho nhỏ gồm một đồng hồ đeo tay trẻ con, một cái lồng đèn và một cái T shirt có in Logo của cuộc thi do họa sĩ Nguyễn Thị Hợp vẽ: một em bé mặt thơ ngây, tay phải cầm bảng màu, tay trái cầm cọ, đứng trong một vòng tròn màu vàng tượng trưng cho mặt trăng rằm tháng Tám. Hy vọng hình ảnh này sẽ sống mãi trong các cuộc thi sau này và sẽ thành biểu tượng cho "nền" hội họa thiếu nhi của chúng ta.

Mỗi em đều mặc chiếc áo thun ấy trước khi vào phòng thi. Các cô các cậu trong đồng phục màu trắng ấy trông đẹp như những thiên thần. Trong phòng thi rộng lớn, các em lần lượt ngồi vào các dãy bàn xếp song song nhau, trước mặt mỗi em là xấp giấy vẽ, đĩa màu, cọ, bút chì, bút chì màu và một bức thư song ngữ Việt Anh của ban tổ chức gửi chào mừng các em, trấn an các em đừng lo lắng sợ hãi gì cả, cứ thoải mái coi phòng thi này giống như ở nhà em vậy, và chúc các em vẽ thật đẹp cũng như chơi Trung Thu thật vui.

Mới hơn 9 giờ, các ghế trong phòng thi đã hầu như kín. Các thí sinh tí hon thật lịch sự, em nào cũng ngoan ngoãn, vâng lời, một số ít em lộ vẻ căng thẳng, một vài em hơi mếu và nước mắt

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

Phụ huynh Việt Nam ở đâu cũng giống nhau- rất quan tâm đến chuyện học hành con cái

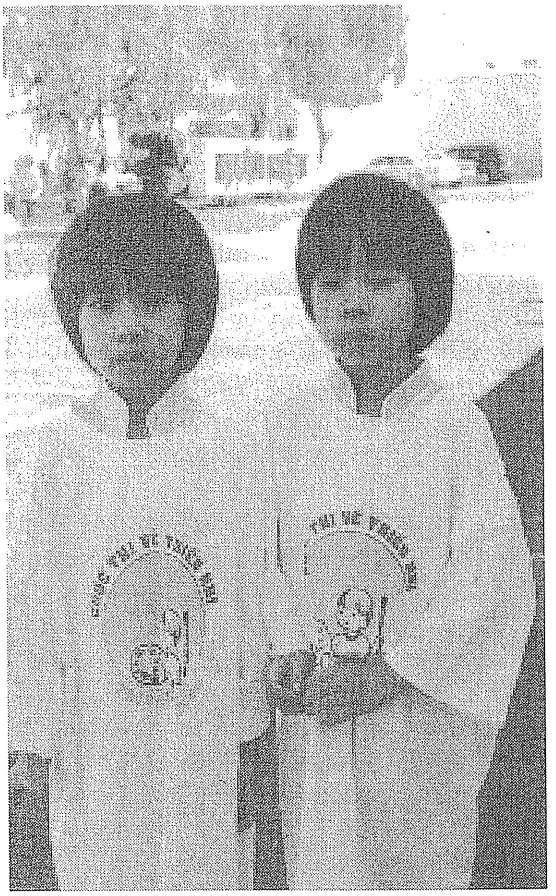

Không biết hai chị em song sinh này có vẽ giống nhau không?

đoanh tròng khi thấy ba mẹ mình phải dừng lại trước cửa phòng thi để các em đi vào một mình. Nhưng quanh các em là một đội ngũ đông đảo các người săn sóc các em gồm các cô, các chư, các bác, thậm chí có người ở tuổi ông bà các em, là nhân viên báo Người Việt và đài phát thanh VNCR hoặc là quý vị trong ban Giám Khảo. Nữ họa sĩ Ann Phong, người đầy kinh nghiệm trong việc dạy hội họa và tổ chức thi vẽ, đã hướng dẫn các em bằng tiếng Việt lẫn tiếng Anh từng ly từng tí các việc phải làm. Họa sĩ Nguyễn Cao Hiệp, thành viên duy nhất của Hội đồng Giám khảo đang ở vào tuổi thanh niên, tiếp xúc với các em nhỏ có vẻ dễ dàng hơn là người lớn tuổi, bận bịu săn sóc từng em, giải thích, nhắc nhở, chỉ dẫn cách pha màu (nhiều em còn quá nhỏ, chưa từng biết sử dụng màu nước)... Rất nhanh, các nghệ sĩ tí hon cảm thấy mình bận bịu ngay với công việc, em nào cũng bắt tay ngay cắm cúi với bài thi của mình.

Nhiều người chia sẻ với nhau cảm tưởng này: hình ảnh của phòng thi sáng hôm đó là một hình ảnh có thể nói là đẹp đẽ và trong sáng nhất mà họ chứng kiến trong suốt cuộc đời họ. Trong hội trường Người Việt cao, rộng, đầy ánh sáng, trên năm dãy bàn chạy song song theo suốt chiều dài, hơn hai trăm em bé đầu đen áo trắng đang làm công việc sáng tạo, mỗi em một vẻ. Em thì chăm chú gôm gôm tẩy tẩy, em thì thoải mái phóng tay tạo ra những nét nghệch ngoạc đầy trên trang giấy, em thì đang cẩn thận pha màu và gò từng nhát cọ như một họa sĩ lành nghề, và có em, thực là một hình ảnh thống khoái đầy xúc động, đang nhúng cả năm ngón tay nhỏ bé của mình vào đĩa màu và cứ thế bôi màu lên giấy. "Làm vầy mau hơn, bôi màu bằng cọ lâu lắm," em bé khoảng 10 tuổi nói với tôi khi ngửng lên bắt gặp cái nhìn ngạc nhiên của tôi trước cách vẽ táo bạo của em.

Lòng tôi vui sướng vô tả khi thấy trước mặt mình là một rừng các sinh vật nhỏ bé đang làm công việc sáng tạo, không ai giống ai, nhưng đều đang dùng phương tiện hội họa để phát biểu chính mình. Tâm hồn các em đang ở lúc bình minh của đời người, trong sáng như núi đồi sông biển lúc mặt trời mới mọc, các em đang vẽ nên những cảm nhận trong dạng còn nguyên sơ, trong lúc tâm trí chưa hề bị chia cắt và làm cho u ám bởi biết bao sự kiện cũng như quan niệm của cuộc đời. Các em đang tạo ra những sản phẩm quý báu nhất, một cái gì gần với nguồn cội, mà suốt cuộc đời với biết bao chìm nổi, vật vã, trong thâm tâm người lớn nào cũng thầm mơ tưởng về nhưng có lẽ không bao giờ bắt gặp: mơ cái cảm giác an lành khi còn nằm trong lòng mẹ, mơ tuổi ấu thơ trắng trong chẳng biết sầu đau lo lắng là gì. Thì đây, trước những họa sĩ tí hon đang sáng tạo này, chúng ta gặp ngay những gì mình hằng mơ ước, là cái buổi bình minh cuộc đời của chính chúng ta, được thể hiện một cách thật phong phú, một cách thật đa dạng. Ôi những khuôn mặt tươi sáng xinh đẹp đang cúi xuống trang giấy trắng kia, những bàn tay nhỏ xíu dính đầy màu đang vẽ vời kia, các người đang làm công việc cứu chuộc cho cuộc đời mà các người đâu có biết! Có thể khi lớn lên có em sẽ thành họa sĩ, sẽ thực hiện những bức họa trứ danh, nhưng sẽ không bức họa nào như bức họa em vẽ ngày hôm nay, vì hôm nay em đang vẽ lên sự Trong Sáng, mà sau này lớn lên, dù tài năng bao nhiêu em cũng khó lòng thể hiện nổi. Tôi cúi xuống nhìn các em vẽ, lòng đầy biết ơn được ngập trong

thứ ánh sáng trong trẻo mà hơn hai trăm em đã mang vào phòng thi này.

Theo chương trình đến 1 giờ trưa mới hết giờ thi, nhưng chưa 12 giờ ban Giám Khảo đã thu gom các tác phẩm thi vào phòng chấm điểm. Trẻ con có bao giờ chịu ngồi yên để vẽ suốt ba tiếng đồng hồ! Thường đẹp xấu gì thì cũng một tiếng là xong.

Chấm thi

Tranh được chia theo từng nhóm tuổi, và được chấm điểm riêng biệt. Thoạt tiên là sơ tuyển, bảy vị giám khảo đứng quanh một cái bàn lớn, loại ngay những bức không đủ tiêu chuẩn. Số tranh đã qua vòng sơ tuyển lại được chọn một lần nữa, coi như vòng bán kết, để còn chừng trên mười bức vào chung kết. Vòng này thì Hội đồng Giám Khảo bỏ phiếu kín, mỗi người cho điểm từng bức tranh, rồi cộng điểm để lấy hạng nhất nhì ba và ba giải khuyến khích. Tuy nhiên, trước khi quyết định dứt khoát, các bức tranh được tất cả mọi người xem lại lần chót để có một đồng ý chung cuộc. Nếu có điểm chưa đồng ý thì thảo luận thêm, có thể đi đến một cuộc bỏ phiếu khác để quyết định lại. Một điều khó cho ban Giám Khảo là số tranh đẹp khá nhiều, có khi chọn bức này bỏ bức kia thì thấy lòng đầy luyến tiếc, ngần ngừ mãi không quyết được. Nhưng được cái các họa sĩ trong ban Giám Khảo như Hồ Thành Đức, Nguyễn Thị Hợp, Ann Phong là những người ở trong hội họa đã lâu năm, lại nhiều kinh nghiệm về tranh thiếu nhi, cộng thêm cái nhìn của các nhà văn nhà giáo rất mẫn cảm về nghệ thuật như Bùi Bích Hà, Quyên Di... nên quyết định sau cùng đều đúng đắn, hợp tình hợp lý. Cũng hợp lý không kém là tăng số giải khuyến khích lên bốn, thay vì ba như đã định. Có lẽ quyết định như thế, ban Giám Khảo cảm thấy đỡ bứt rứt hơn.

Với một cái nhìn của một người thưởng ngoạn thuần túy, chúng tôi xin có một vài cảm tưởng về chín bức tranh được trúng giải chính thức. Dĩ nhiên đây chỉ là cái nhìn chủ quan của một người không chuyên về hội họa, nên rất cần sự khoan dung nơi người đọc.

NHÓM THỨ NHẤT (5, 6, 7 tuổi)

- Giải Nhất: tranh của COLLEN PHONG

Chắc chắn đây là một bức tranh về Trung Thu, nhưng diễn đạt một ý tưởng, một thế giới huyền ảo hơn là những cảnh tượng thông thường của ngày Tết Nhi Đồng. Góc trái phía trên là một phần mặt trăng rất to. Nền trời đêm xanh sẫm, chỗ gần mặt đất có một vùng ánh sáng nhạt, đầy vẻ lung linh, trong đó có một số bóng người đứng ngồi. Họ đang làm hoặc đang thưởng thức, tham dự một cái gì đấy, không rõ, vì hiệu quả của vùng ánh sáng này tạo một cảm giác huyền hoặc, có thể là thế giới này đang vào một cơn ngất ngây, có thể tác giả tả một cõi nghê thường xa xôi nào đó.

- Giải Nhì: tranh của JENNIFER QUAN.

Cũng là một đêm Trung Thu với bầu trời xanh thẫm, mặt trăng vàng bên góc phải, trên bãi cỏ xanh phía dưới hai đứa bé chơi lồng đèn. Nhưng chủ đề chính không phải là hai đứa bé, chúng rất nhỏ giữa một không gian bao la. Điều đặc biệt là trên nền trời – chiếm gần hết bức tranh – có nhiều vệt đen như những vật thể lạ đang đua nhau phóng nhanh về một phía.

Một đêm Trung Thu lạ, một ý tưởng lạ, nhưng tạo thành một bức tranh đẹp. Những vệt đen đầy cá tính không những không phá hỏng bức tranh mà còn làm cho nó có một sắc thái duyên dáng đặc biệt.

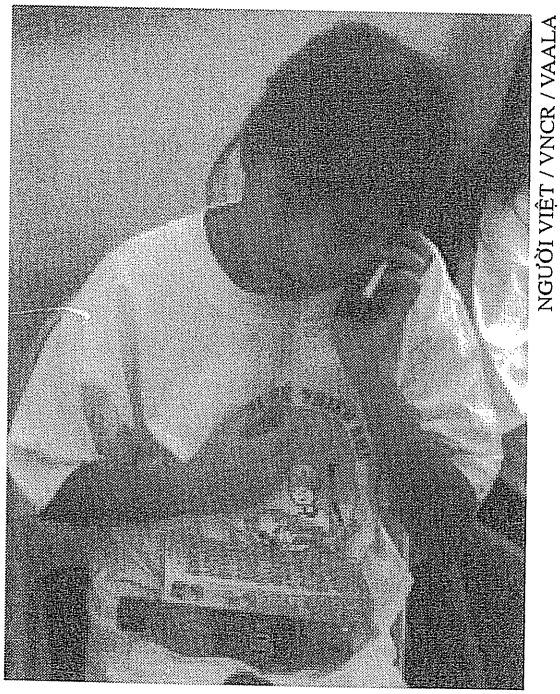

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

Trẻ em thời "công nghệ cao"

- Giải Ba: tranh của DON PHUNG.

Đây là bức tranh vẽ bằng bút chì màu duy nhất trong các bức trúng giải. Vẽ bút chì không có lợi thế bằng màu nước, vì màu sắc lợt lạt, không đậm đà dễ gây ấn tượng như màu nước. Nhưng đây là một bức tranh có cá tính. Nét bút tô rất mạnh, dứt khoát, chứng tỏ tác giả biết rõ mình đang làm việc gì, đang muốn diễn tả cái gì. Một vùng cát vàng, bên kia là biển xanh với một chiếc thuyền. Khối cát và khối biển tiếp giáp nhau một cách đột ngột không cần ranh giới bờ nước với làn sóng vào ra, chứng tỏ một cái nhìn trực tiếp sự vật và thể hiện với bản chất nguyên khối. Và lập tức trên các ngọn sống nhấp nhô có một chiếc thuyền con, mang ở trên không phải là một cánh buồm, mà một cây dù! Và ông mặt trời le lói phía xa xa. Ngây thơ, trực tiếp và một phần nào đó, mãnh liệt. Một bức tranh thú vị!

NHÓM THỨ NHÌ (8, 9, 10 tuổi)

- Giải Nhất: Tranh của LONNA NGUYEN

Bức tranh thật tươi sáng. Một bông hoa hướng dương, hai đóa hoa tím, hai đóa hoa đỏ. Phân bố màu thật xuất sắc. Nền màu xanh với các mảng đậm nhạt khác nhau cùng với các bông hoa vươn lên tạo một cảm giác vui tươi thanh thản. Đơn giản chỉ là một bức tranh vẽ hoa, nhưng gây hiệu quả rất lớn cho người xem nhờ bố cục và sự sáng tạo về màu sắc.

- Giải Nhì: tranh của FIONA LAM

Chủ đề chính là con chó, một con vật thân thiết trong nhà. Bức tranh cho thấy sự trìu mến của tác giả nhỏ đối với loài chó. Một bãi cỏ xanh yên ả lấm tấm hoa đỏ, một cái "nhà" cho anh bạn bốn chân và một đĩa thức ăn còn đầy ắp. Con chó nằm bình yên cạnh hàng rào nhìn ra xa. Bức tranh cho một cảm giác an lành với tình thương yêu loài vật của trẻ thơ.

- Giải Ba: tranh của DI SON NGUYEN

Cũng là tranh thú vật. Một con cá shark trắng đang bơi lội trong làn nước xanh, bên dưới là những tảng san hô màu cam. Màu nước xanh lơ tương phản với màu cam của san hô giúp động tác bơi của con cá thêm linh động. Khoảng nước xanh trống trước mặt con cá vừa là một sắp xếp bố cục mỹ thuật, vừa tạo cảm giác đó là vùng nước con cá sắp tiến vào.

NHÓM THỨ BA (11, 12 tuổi)

- Giải Nhất: Tranh của CHINH NGUYEN

Vẽ đêm Trung Thu. Một phần năm phần trên cùng của tranh là đêm đen với một mặt trăng tròn ở góc. Phần còn lại ở dưới màu xanh lục của một bãi cỏ với cả một sinh hoạt vô cùng đẹp mắt của một đêm Trung Thu. Một con rồng màu đỏ uốn tròn chiếm gần hết diện tích bức tranh như là chủ điểm chính. Có lẽ là một đoàn múa rồng. Rải rác hai bên rồng là các cô cậu bé được thể hiện rất lạ, có thể là người thời nay, có thể thuộc một thời rất cổ xưa. Tác giả có một tâm hồn muôn thủa khi vẽ bức tranh này.

- Giải Nhì: Tranh của YOLANDA NGUYEN

Đặc sắc của bức tranh là bố cục và phân bố màu. Mảnh nâu ở dưới cùng, là đất hay cát, có lẽ là của một bãi biển. Kế tiếp là một khối xanh, nước biển. Trên cùng là khối màu tím, là nền trời. Trên cái nền ba màu ấy, ta thấy gì? Bốn cây dừa nhỏ lớn khác nhau và một ông mặt trời to đang ngự giữa đường chân trời của biển. Bố cục và màu sắc hài hòa tạo một cảm giác an ổn trong thời khắc hấp hối của một ngày, khi bầu trời đã biến thành tím để chuẩn bị đi vào đêm.

- Giải Ba: Tranh của HOAN BUI

Không gian xanh, đó là không gian âm nhạc. Các khung cửa gợi một cảm giác ấm cúng của bên trong. Cây đàn cello màu nâu, nổi lên một cách duyên dáng giữa không gian ấy. Màu xanh rất bát ngát, thấm đẫm ý tình muôn thủa của

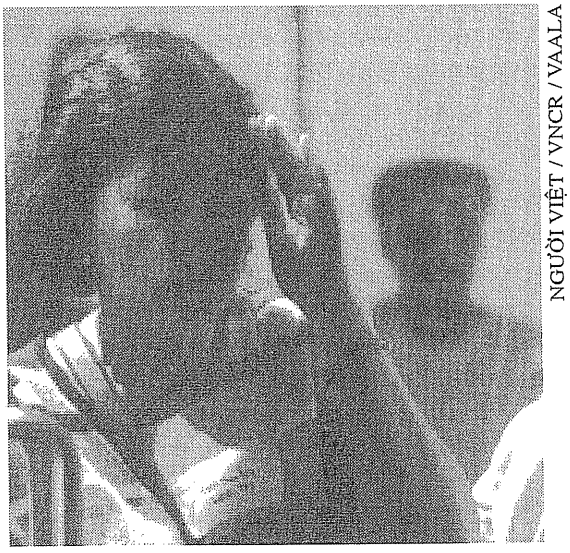

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

Không biết con vẽ thế nào?

tình yêu, của cảm hứng và lãng mạn. Đó có thể là màu chiều đang xuống để bắt đầu một serenade, thênh thang, bất tận.

Sau cuộc thi, nhà văn Đào Trung Đạo có dịp xem tranh các em vẽ, đã buộc miệng nói: "Con em người Việt Nam tị nạn có một đời sống vật chất và tinh thần sung sướng quá nên tranh vẽ đầy màu sắc tươi thắm." Điều này rất đúng. Chúng ta vui mừng và hãnh diện có một lớp con em như thế. Cần cố gắng để làm phát triển các khả năng tiềm tàng chắc chắn là còn nhiều nơi các em theo chiều hướng dẫn dắt gần gũi với các sắc thái văn hóa Việt Nam, bên cạnh văn hóa nước bản địa mà các em sẽ thủ đắc một cách tự nhiên.

Cuộc thi vẽ vừa rồi là một thử nghiệm đầu tiên trong lãnh vực hội họa, sau các cuộc thi khuyến học về Việt ngữ và trình diễn âm nhạc dân tộc dành cho các em đã có từ nhiều năm. Hội họa thì biên giới rộng rãi hơn, gần như chẳng có biên giới, nhưng vẽ trong một lễ hội cổ truyền như Trung Thu chẳng hạn, cũng gợi nơi các em một cái gì đó thuộc về truyền thống, chắc vẫn còn nằm trong tế bào của từng em.

Âm vang từ một cuộc triển lãm

Năm ngày sau cuộc thi, một số tranh 40 bức được tuyển chọn trưng bày tại khu triển lãm của Westminster Mall, một thương xá thuộc loại sầm uất nhất của Quận Cam, với 180 cửa hàng sang trọng và lượng khách vãng lai tám triệu mỗi năm. Lần đầu tiên sản phẩm của văn hóa Việt Nam

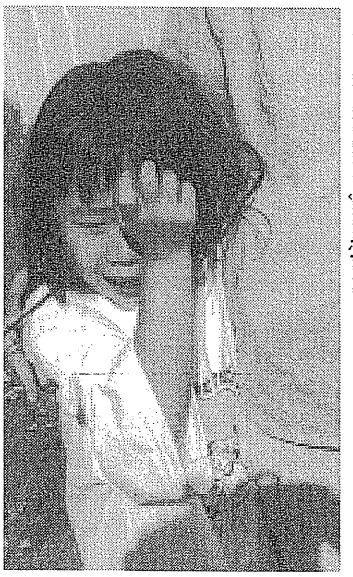

NGƯỜI VIỆT / VNCR / VAALA

Không lời

Ban tổ chức cũng đói

được trưng bày tại đây suốt một tuần, thu hút không những gia đình của các em dự thi mà rộng rãi nhiều giới đồng bào và cả nhiều người Mỹ đến xem. Đúng là hội họa không có biên giới. Tôi đã thấy một em bé Mỹ kéo tay mẹ của em chỉ cho bằng được bức tranh của Fiona Lam (giải nhì, nhóm II) vẽ con chó mà có lẽ em rất thích. Và một số đông các em bé Việt và Mỹ khi được hỏi em thích bức tranh nào nhất đều chỉ bức vẽ cá đang lội dưới nước, một bức được giải khuyến khích vẽ bằng bút chì màu của em Joseph Đỗ thuộc nhóm tuổi 8 - 10, hoặc bức con chó vàng nằm bình yên trên bãi cỏ xanh của em Diễm Trần Nguyễn, nhóm III. Nói chung đề tài thú vật vẫn "ăn khách" đối với giới thưởng ngoạn tí hon, trong khi đó đa số người lớn thì lại trầm ngâm trước những bức màu nước già dặn hơn.

Ý kiến của người xem tranh ghi lại cho ban tổ chức thì thường là nỗi xúc động trước cuộc thi vẽ. Điều này dễ hiểu, vì đây là lần đầu tiên có một cuộc thi ở một quy mô lớn và đạt được nhiều thành tựu đáng mừng như thế này trong cộng đồng Việt Nam.

"Chúng tôi cũng cám ơn báo Người Việt và các cơ quan cùng tổ chức đã cho các em một cơ hội góp phần vào những sinh hoạt, vốn rất phong phú cho người lớn ở hải ngoại này, nhưng lại rất hiếm cho các em nhỏ." (Ý kiến ông **Vũ Quân**).

Lần đầu tiên tài năng hội họa của các em bé Việt Nam được bộc lộ một cách đông đảo, trong khung cảnh một ngày lễ hội, hầu như gây bàng hoàng cho tất cả, cho người tổ chức, cho gia đình các em, cho cộng đồng, và có thể cho chính các em nữa. Chính phụ huynh nói ra điều ấy:

"... Thật là một điều kỳ thú cho các em thiếu nhi nói chung và các bậc cha mẹ nói riêng. Chúng tôi rất lấy làm vui khi ban tổ chức đã làm được

một việc cho con em chúng tôi biết được khả năng của các cháu." (Một phụ huynh)

Đúng là khả năng các cháu như một kho báu còn tiềm tàng, cuộc thi này chỉ mới như một đào xới sơ khởi, mà đã thấy được cả một vùng lóng lánh tài năng. Vẫn biết ở trường, ở lớp các em vẫn vẽ, nhưng đó là công việc thường xuyên của chương trình giáo dục, không có được sự đột khởi về tâm lý một cách hào hứng như vẽ trong một cuộc thi thế này giữa cộng đồng Việt Nam, trong một dịp lễ hội truyền thống của người Việt là Tết Trung Thu. Rất nhiều ý kiến đề nghị cuộc thi vẽ này nên được tổ chức hàng năm. Một số vị phụ huynh sẵn sàng đóng góp công sức lẫn tiền bạc cho công việc tổ chức. Có vị còn đề nghị nên "trẻ hóa" thành phần giám khảo:

"Nhìn vào các tranh trúng giải, tôi nghĩ ban giám khảo nên có thêm những giám khảo trẻ hơn, để có cái nhìn về tranh của thiếu nhi Việt sống ở Mỹ thích hợp hơn, chính xác hơn." (**Kim Mai Vo**)

Lại có ý kiến của người Mỹ:

"Let our children of different ages & nationality to joint your program." (**Arsenia Sanawi** ở Westminster, CA).

Tổ chức thi cho nhiều lứa tuổi và cho các sắc dân khác nữa như đề nghị này thì đúng là một vinh dự và mơ ước của bất cứ nhà tổ chức nào thuộc cộng đồng Việt Nam, nhưng không biết "lực có tòng tâm" hay không?

Về phẩm chất tranh, ý kiến của người xem ra sao?

"Chúng tôi rất vui khi được xem những tranh trưng bày ở Westminster Mall này, được thấy sự sáng tạo rất phong phú của các em bé, mặc dù sinh trưởng ở hải ngoại, nhưng cũng được phụ huynh khuyến khích tham dự vào những sinh hoạt văn hóa như cuộc thi vẽ Tết Trung Thu này. Các em đã biểu lộ tài năng một cách đáng ngạc nhiên." (**Vũ Quân**)

"Tôi rất lấy làm vui mừng khi thấy những tấm hình rất là đẹp và đó là niềm khuyến khích cho các em và hy vọng quý vị sẽ tổ chức thêm vào những năm tới." (Một phụ huynh).

"Tranh của các cháu vẽ rất linh động và có nhiều màu sắc hòa hợp, thường có mang một ý tưởng nào đó của các họa sĩ tí hon." (**Phương Dương**)

"Beautiful art work – some of the kids are extremely talented. (**Weady Strong**, Cypress CA)

"Các cháu thiếu nhi Việt Nam có đầu óc rất sáng tạo với khả năng nghệ thuật rất khá. Các cháu đã được giúp một cơ hội rất tốt để phát triển tài năng của mình." (Chu Thiên)

"I enjoyed all the paintings. What talented people. I am 48 years old and I wish I could draw so well. Keep up the good work." (**Dave Miles**, Santa Ana, CA).

Một số lớn ý kiến của các vị phụ huynh đều có nhắc đến hình ảnh quê hương và truyền thống Việt Nam với hy vọng qua cuộc thi vẽ lần này cũng như trong tương lai, những hình ảnh và truyền thống đó sẽ tiếp tục được khơi gợi nơi các em bé người Việt sinh ra và lớn lên ở hải ngoại. Hình ảnh quê hương thì có lẽ sẽ không được dồi dào lắm nơi các em như chúng ta mong ước, nhưng sống trong cộng đồng Việt Nam, được tham dự những sinh hoạt như Tết Trung Thu chẳng hạn, một chút gì truyền thống sẽ được thắp sáng lên từ tâm thức của các em và sẽ tự lộ ratrong tranh vẽ.

Ảnh hưởng của cuộc thi vẽ tranh này sẽ ra sao? Thì cũng chỉ là một trò chơi trẻ con thôi, chắc ai cũng đồng ý như vậy: một trò chơi mới bày ra nhân dịp Tết Trung Thu, thêm vào những trò truyền thống lâu đời như rước đèn, phá cỗ, múa lân..., để cho các em vui. Nhưng một vài người khác có cái nhìn xa hơn, xin trích để làm câu kết cho bài viết này:

"I was so delighted to find the Art of our young Vietnamese 'smiling' at me as I entered the Mall. They are our future, and they are enriched with two great cultures: Vietnamese and American!" (**Robert R. Jones III**, US Embassy, Saigon [1966 – 1975]; "Little Saigon" USA [1999 – Present]).

"Tôi vui sướng biết bao khi bước vào trong thương xá và nhìn thấy Nghệ Thuật của các em bé Việt Nam đang mỉm cười với tôi. Các em là tương lai của chúng ta, và các em đang được hưởng cả hai nền văn hóa lớn: Việt Nam và Hoa Kỳ!"

"... I just want to say that this kind of event does more than entertaining or educating these children. Among other things, it really brought the sense of inspiration, of happiness, and unity to the whole community." (**Le TV Tran**)

"Tôi muốn nói tác dụng của loại sinh hoạt này không chỉ nhằm tạo sự vui chơi và giáo dục cho các em nhỏ, mà còn thực sự mang lại niềm cảm hứng, nỗi hân hoan và sự đoàn kết cho cả một cộng đồng."

Người xưa, đất cũ

Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh

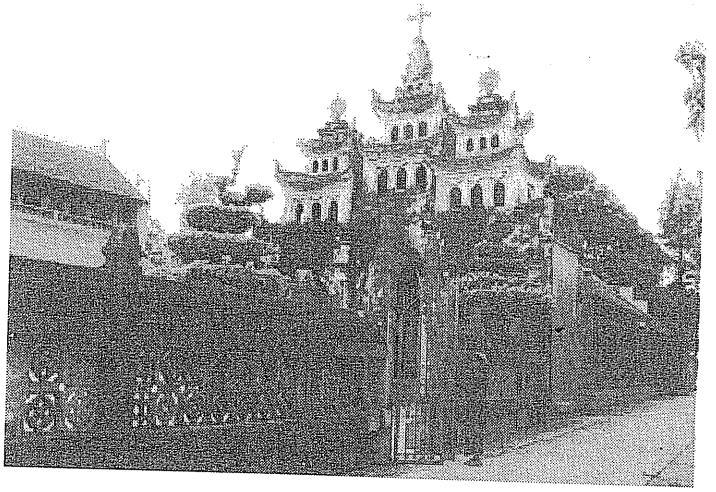

Suốt 50 năm qua, đêm đêm tôi thường mơ về quê tôi, Phát Diệm.

Có lần tôi thấy mình hình như ở giữa lòng Phát diệm nhưng không làm sao tìm được con đường đưa tôi về khu nhà bên Phố Ngoài mà bốn đời họ Vũ đã tiếp nối nhau sinh sống.

Một lần khác, tôi thấy mình lẩn quẩn tìm không ra con đường Giữa để vào thăm lại khuôn viên nhà Thờ Lớn Phát Diệm. Có lần tôi mơ mình vừa mới về tới Cầu Ngói thì bị Công an lùng bắt và tới khi bí lối cùng đường thì tỉnh dậy. Sau những giấc mơ như vậy, tôi thường cảm thấy mệt nhọc và nhất là rất buồn, rất buồn để rồi nghĩ ngợi vẩn vơ, xa gần cho tới sáng, nhớ nhung những tháng ngày nào rất xa.

Năm 1950, tôi rời bỏ Phát Diệm để đi Hà Nội dạy học và tiếp tục việc học mà vì thời cuộc tôi đã phải bỏ dở dang từ sáu bảy năm trước đó. Lúc đó tôi không có ngờ lần này đi là đi mãi không có ngày về. Quả như vậy, vì từ ngày đó, tôi đã không bao giờ còn có cơ hội trở lại Phát Diệm. Năm đó tôi kể ra cũng đã bắt đầu trưởng thành nên còn nhớ và biết khá nhiều về Phát Diệm và Kim Sơn. Nhưng những người thuộc thế hệ tôi nay chỉ còn lại một mớ mấy ông già bảy, tám chục tuổi. Và những ông già đôi khi rất lẩm cẩm này cũng đương lần lần kẻ trước người sau nhất định lìa bỏ cuộc đời ô-trọc này để đi kiếm một chỗ để ngủ một giấc ngủ thật kỹ. Nhưng một giấc ngủ tuyệt đối thật kỹ tìm đâu ra, ngoài cái việc chấp nhận vĩnh viễn nằm sâu trong lòng đất mẹ.

Thế hệ trước tôi lại càng hiếm, tới nay chẳng còn mấy ai, nếu có thì cũng như mẹ tôi, nghĩa là năm nay đã trên dưới 100 tuổi nên hầu như chẳng còn nhớ được gì minh bạch. May mắn lắm thì được như cố nội Bob Hope, được ăn bánh và kem dâu sinh nhật lần thứ 100. Buồn cười là từ mấy năm nay, mỗi khi chúc tuổi năm mới mẹ tôi vào dịp tết nguyên-đán, chúng tôi không dám chúc cụ sống lâu 100 tuổi theo như thường lệ ở trên đời, mà phải chúc cụ sống lâu "ngoài trăm tuổi."

Những người trên dưới 50 thì hầu như chẳng có ý-niệm gì về quê cũ. Có một vị linh mục nói với tôi là khi gia-đình cha rời bỏ Cồn Thoi lên Phát Diệm để tìm đường di cư vào Nam, cha ngồi trong một cái thúng để mẹ gánh đi, do đó Phát Diệm thế nào, cha không nhớ và cũng không thể hình dung được. Vị linh mục trên đây

có thể coi như là sau tôi có một thế hệ mà đã không có ý niệm gí về quê cha đất tổ của mình, huống chi là những thế-hệ trẻ sau này.

Hơn 50 năm trước tôi có viết báo lai rai một cách tài tử, sau đó cũng có viết khá nhiều sách, trên dưới 30 cuốn, nhưng đều là những sách giáo khoa mà thôi. Vì nghĩ rằng mình không có cái nghiệp viết văn, hơn nữa lại vì sinh kế, nên ngoài các loại sách khảo cứu và giáo khoa, tôi không viết lách được gì khác.

Nay nghĩ lại, nếu không cố gắng làm một cái gì, có rất nhiều sự việc liên quan đến phong-tục, tập quán và sinh hoạt của người xưa sẽ mãi mãi mai một. Chính vì lý do đó, với ý muốn giúp các thế-hệ trẻ hiểu biết thêm về quê cha đất tổ của mình nói riêng, quê hương Việt Nam nói chung, tôi mong ước viết một cuốn sách nói về một số khía cạnh của cuộc sống người dân đất Bắc từ trên nửa thế-kỷ trước đây, đặc biệt là người Phát Diệm, vì người Phát Diệm có thể được coi như tiêu biểu cho dân đồng bể nói riêng, nông dân miền Bắc nói chung, một nếp sống mà từ bao nhiêu thế kỷ qua cho tới tận khi Đại chiến thứ 2 kết thúc hầu như "bị đông lạnh," không có gì thay đổi, một nếp sống có lẽ cũng vẫn đạm bạc và đơn sơ như các thời Lý, Trần, Lê hay cùng lắm là như trong mấy thế-kỷ gần đây mà thôi.

Tiếc rằng cho tới nay, vì hoàn cảnh chưa thuận-tiện, tài-liệu chưa thu-thập đầy đủ, nên tôi vẫn chưa sao thực-hiện được ước-vọng kể trên. Chờ đợi được là tốt, nhưng chờ đợi đến bao giờ đây, trong khi tôi nay đã 75, 76 tuổi.

Vậy thì dù nhiều dù ít, tôi cũng xin được bắt đầu bằng câu chuyện về quê-hương xa-xưa của tôi, khả dĩ giải-tỏa được phần nào những thôi-thúc tâm-tư của riêng tôi đối với mảnh đất nhỏ bé có cái tên rất quê mùa là Phát-Diệm, mảnh đất đã cưu mang tôi từ khi còn là một bào thai trong lòng mẹ cho tới khi trưởng-thành. Đó cũng chính là nơi mà trước đây hơn một trăm năm cố tam-đại tôi đã từ miền bể Kiên-Chính thuộc tỉnh Nam-Định đem toàn-thể gia-đình tới tìm một đời sống an-toàn sau một thời tao-loạn đầy nhiễu-nhương, đói khổ và chết-chóc.

Phát-diệm mà tôi muốn nói ở đây không phải chỉ vẻn-vẹn có làng Phát-diệm, hoặc giáo-phận Phát-diệm (Diocese of Phat Diem), gồm toàn-thể tỉnh Ninh-bình, mà là thị-xã Phát-diệm gồm sáu làng: Lưu-phương, Phát-diệm, Phu-vinh, Thượng-kiệm, Trì-chính, Kiến-thái và các vùng phụ-cận, phía Tây kể từ Điền-hộ trở ra, phía Đông kể từ Tôn-đạo, Quy-hậu trở xuống, hay nói một cách khác, một vùng bao gồm phần lớn phủ Kim-sơn với trung-tâm là thị-xã Phát-diệm. Đó chính là cái vùng người ta thường gọi là Phát-diệm-Kim-sơn.

Trước hết, để giúp các bạn trẻ chưa từng về Phát-diệm bao giờ có dịp được hiểu biết đất tổ của mình, tôi xin được sơ-lược lịch-sử địa-lý đất Phát-diệm, Kim-sơn.

Cách đây chừng bốn, năm trăm năm, vùng Phát-diệm Kim-sơn vẫn còn là biển. Hòn Nẹ tức hòn núi nhỏ nhất ở tận cùng phía Nam của dãy núi đá vôi (Dãy Tam Điệp) chạy dọc theo sườn phía tây của Phát-diệm, Kim-sơn lúc đó cách xa bờ biển tới 15 cây số. Thuyền bè từ Thanh, Nghệ ra Bắc, nếu muốn lên Sơn-nam hay Kẻ Chợ (tức Hà-nội ngày nay) bằng đường tắt đều phải vào cửa Thần-phù ở Chính-đại lúc đó vẫn còn là cửa bể và là một cửa bể rất dữ vì thường có sóng lớn. Ông cha chúng ta thời xa xưa đó mỗi khi nói đến cửa Thần phù thường nhắc tới câu ca dao:

Lênh đênh qua cửa Thần phù
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm

Trên vách đá của một ngọn núi nhìn xuống cửa biển có khắc một chữ thần rất lớn, không biết khắc từ thời nào, nét chữ thật sắc sảo, hùng-dũng và lẫm-liệt. Khoảng giữa tiền bán thế kỷ 17, giáo sĩ thừa sai Đắc-lộ (Alexandre de Rhodes), ông tổ chữ quốc ngữ, đã từ Macao tới Cửa Bạng (Ba Làng) giảng đạo rồi từ đó qua Lạch Trường (cửa sông Mã), vào cửa Thần phù, lên thôn Van No truyền đạo. *Van No đó chính là xã Hảo Nho ngày nay vậy,*

Từ thế-kỷ 18, nhờ sức tài bồi của hai sông Đáy và Hồng-hà, vùng biển kể trên đã trở thành một bãi tân-bồi khá rộng lớn và phì-nhiêu. Sang đầu thế-kỷ 19, năm Minh-mạng thứ 10 (tức năm dương-lịch 1829), sau khi thành-lập huyện Tiền-hải ở tỉnh Thái-bình, quan Doanh-điền sứ Nguyễn Công Trứ được triều-đình cho phép tiếp-tục khẩn-hoang bãi tân bồi phía Đông-Nam tỉnh Ninh-bình, tức bãi tân-bồi tôi vừa nói ở trên, lập thêm một huyện mới gọi là huyện Kim-sơn. Kể từ đây, hình như định-mệnh đã an-bài, nên ngay từ những ngày đầu, hai địa-danh Kim-sơn, Phát-diệm luôn cặp-kè nhau, và đã được nhắc nhở tới nhiều lần trong lịch-sử hiện-đại Việt-

nam.

Với hơn một ngàn dân chiêu-mộ từ tứ xứ, trong vòng có một năm, quan Doanh Điền Sứ đã khẩn-hoang được gần 12 ngàn mẫu ruộng phì-nhiêu (chừng 44 cây số vuông) mà phần lớn đã có thể trồng lúa, phần còn lại trồng cói. Huyện mới gồm trên 60 làng, chạy song song với nhau từ Bắc xuống Nam và được ngăn cách rất đều bởi những sông đào rộng chừng 10 thước tây bề ngang. Cắt ngang các làng từ Đông sang Tây là một con đê lớn, vừa dùng để ngăn nước vừa dùng làm trục-lộ giao-thông chính giữa các làng trong vùng. Một phần trục-lộ này là đường phố chính của thị-xã Phát-diệm ngày nay.

Khi nhìn vào bản-đồ của huyện Kim-sơn, với cả thảy trên 60 làng, làng nào cũng có những khu thổ-cư, công-điền, tư-điền, thế-nghiệp v.v. được phối-trí và phân-chia thiệt là đều đặn, hợp-lý, cùng với một hệ-thống đê-điều và sông đào chằng-chịt như bàn cờ, vừa dùng để dẫn thủy nhập điền và khơi nước khi có lụt lội, vừa dùng để giao-thông giữa các làng, không một ai có thể tưởng-tượng được rằng, với hơn một ngàn nông-dân ít học, lại không có chuyên-viên kỹ-thuật, không có dụng-cụ cơ-khí, mà trong vòng chỉ có một năm, Doanh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ đã có thể thực-hiện được một công-trình khẩn-hoang vĩ-đại và hoàn-thiện đến như vậy. Nói một cách khác, chúng ta phải công-nhận là ông cha chúng ta mấy đời trước quả là những người đi tiên-phong khai-phá thiệt tài ba và dũng cảm, con cháu chúng ta ngày nay khó mà sánh kịp.

Hơn bốn mươi năm sau, khi tới trọng-nhậm xứ mới Phát-diệm, Cha Sáu tiếp-tục công-cuộc khẩn-hoang những bãi tân bồi ở ngoài các vòng đê Nguyễn Công Trứ nên nhờ đó mà vùng Phát-diệm có thêm được mấy ngàn mẫu ruộng và lần lần một số làng mới như Tuy-lộc, Hoá-lộc, Tuy-định, Văn-hải được thành-lập theo kiểu mẫu của Doanh-điền-sứ gần nửa thế-kỷ trước đó. Sang thời Pháp-thuộc, bãi tân-bồi ăn ra tới đâu, người ta tiếp-tục cho dân khẩn-hoang tới đó, đắp thêm đê Văn-hải, lập hai làng Như-tân và Tân-mỹ, nhờ vậy mà hàng chục ngàn mẫu ruộng mới thuộc các làng Như-tân, Phát-diệm, Tân-mỹ và Văn-hải trở thành nhất-đẳng điền. Sau cùng, vào khoảng 1935,36 Đức Cha Nguyễn Bá Tòng được chính-phủ bảo-hộ nhượng cho quyền khẩn-hoang phần tân-bồi ngoài cùng, tức bãi Cồn-thoi, với giá tượng-trưng một đồng bạc. Công việc khẩn-hoang đương tiến-triển tốt đẹp thì xảy ra vụ di-cư 1954. Tới nay nghe nói vùng Cồn-thoi cũng đã trù-phú lắm, dân-cư đông tới hàng ngàn chứ không lơ-thơ vài ba chục gia-đình như nửa thế-kỷ trước đây.

Nhân tiện chúng ta cũng nên biết thêm là hiện tượng đất bồi tại miền duyên-hải Kim-sơn là một hiện-tượng hết sức đặc-biệt, có thể nói là độc-nhất vô-nhị ở miền Bắc Việt-nam chúng ta, và cũng nhờ có hiện-tượng này mà có Phát-diệm, Kim-sơn ngày nay. Thực vậy, trong khi nhiều vùng khác ở miền duyên-hải hai tỉnh Nam-định, Thái-bình và Thanh-hóa bị nạn đất lở, có khi cả một làng bị biến mất trong một thời-gian ngắn-ngủi năm mười năm, riêng vùng Phát-diệm, Kim-sơn thì trái lại, bãi tân-bồi càng ngày càng mở rộng ra phía biển, thực đúng với ý-nghĩa của bốn chữ "tang điền thương hải." Như tôi đã trình bày ở trên, hiện-tượng này bắt đầu ít nhất cũng từ năm, sáu thế-kỷ trước đây, trong thời-gian đó cửa Thần-phù ở Chính-đại còn là một cửa biển. Ngày nay cửa Thần-phù cách biển trên 10 cây số. Nếu phù-sa của hai sông Đáy và Hồng-hà tiếp-tục bồi miền duyên-hải Phát-diệm, Kim-sơn với nhịp độ như hiện nay thì chỉ trong vòng một, hai thế-kỷ nữa, hoặc có thể là nhanh hơn, chúng ta sẽ có thể đi bộ ra chơi ngoài Hòn Nẹ, tương-tự như người Pháp và du-khách, mỗi khi nước thủy-triều rút, thường kéo nhau thả bộ ra thăm đảo Saint Michel ở ven bể phía tây xứ Normandie. Hiện giờ thì đuôi cỏ của bãi Cồn Thoi chỉ còn cách Hòn Nẹ chừng bốn, năm cây số mà thôi. Có một điều là bãi biển ở đây không phải là những bãi cát vàng đê chúng ta đi tắm biển mà là những đồng lầy lau sậy mọc đầy do phù sa hai sông Hồng hà và sông Đáy bồi lên.

Trước 1954, như tôi đã trình-bày, khu thị-xã Phát-diệm gồm sáu làng ở liền kề nhau, nếu kể từ Đông sang Tây thì ta thấy có các làng Kiến-thái, Trì-chính, Thượng-kiệm, Phu-vinh, Phát-diệm và Lưu-phương, được nối liền với nhau bởi một con đường phố chính dài chừng hai cây số (tức hơn một mile). Đường phố qua làng nào thì lấy tên làng ấy để gọi, thí-dụ: phố Lưu-phương, phố Trì-chính v.v. Từ Thượng-kiệm trở xuống, con đường phố chính chạy dọc theo bờ phía Bắc sông Ân-giang, tức con sông đào có Cầu Ngói bắc ngang. Các phố Phát-diệm, Phu-vinh, Thượng-kiệm là những phố buôn-bán sầm-uất

hơn cả, nhất là phố Phát-diệm vì phía dọc bờ sông Ân-giang có dãy đình họp chợ chạy dài. Dãy đình chợ này về sau được sửa-sang lại thành những cửa hàng buôn-bán, nên chợ phải họp ở hai bên lề đường, sự đi lại rất là bất-tiện. Vào những ngày phiên chợ, người ta phải chen nhau mà đi. Từ cầu sông Trì-chính trở xuống, con đường phố Chính chạy dọc theo bờ phía Bắc sông Ân-giang, tức con sông đào có Cầu Ngói bắc qua. Cầu Ngói làm toàn bằng gỗ, có mái lợp ngói, kiến-trúc theo kiểu Việt-nam rất độc-đáo, và cũng như Nhà Thờ Lớn, đã được Nha Khảo-cổ thời Pháp thuộc xếp hạng. Thực ra thì Phát-diệm có tới ba cầu ngói, về sau hai cầu Thượng-kiệm và Lưu-phương sụp đổ, chỉ còn lại cầu Phát-diệm, cho nên ca dao địa phương có câu:

Lưu phương nghị Hổ anh hùng
Có cây cầu ngói đổ ùm xuống sông.
Phát diệm trên bến dưới thuyền,
Có quan, có cụ, song hành ngựa xe.

Dãy phố Chính (còn được gọi là Phố Trong), vốn là một phần của con đê lớn do quan Doanh Điền Sứ đắp trước đây 169 năm nên rất hẹp, dù sau này có nới rộng, cũng chỉ vừa tạm đủ cho hai xe tránh nhau một cách rất khó-khăn mà thôi. Trước Đệ-nhất Thế-chiến, chỉ có con đường phố Chính là được trải nhựa, phần lớn các con đường khác chỉ là những con đường đất chật hẹp, quen gọi là những con đường "giong," nên sau mỗi trận mưa lớn thường rất lầy-lội, nhất là vào mùa thu, mưa ròng-rã có khi tới nửa tháng liền. Ngay con đường phía bên kia sông Ân-giang, tuy gọi là Phố Ngoài, nhưng cũng chỉ là một con đường làng nhỏ hẹp mà thôi, tuy thỉnh-thoảng được trải đá, nhưng sau ít năm đá trải đường đều biến đi đâu hết.

Nhân nói đến Phố Ngoài, tôi xin phép được kể một vài giai-thoại khá lý-thú về Cha Trần Lục xảy ra tại Phố Ngoài.

Chắc quý-vị còn nhớ Phố Ngoài Phát-diệm, tức con đường phía bên kia Cầu Ngói, có một căn nhà gạch cổ, cách nhà thờ họ Rosa chừng ba, bốn căn. Đó là nhà cụ lang Cảnh, tức thân-phụ Ông Thiên-hương. Chắc nhiều người trong chúng ta biết anh Thiên-hương, chủ một tiệm thuốc Tây tại giữa phố Phu-vinh, cạnh biệt-thự của Ông bố Chiểu, sau làm quận-trưởng ở Tân (gần Phủ-lý), bị cộng-sản hạ-sát ít lâu trước ngày di-cư 1954. Căn nhà này là căn nhà gạch cổ nhất Phát-diệm, do một bà lái buôn giàu có nhưng tính tình ngang bướng ở đất Điền-hộ xây cất, bất chấp lệnh cấm của cha Lớn Khâm Trần Lục..Về sau, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, bà tặng lại Cha căn nhà. Những lúc nhàn rỗi, cha thường ra căn nhà kể trên nghỉ-ngơi hoặc đọc sách. Một buổi chiều nọ, trời bắt đầu chạng-vạng tối, cha vừa dùng cơm xong thì có người khách lạ tới xin yết-kiến và bí-mật báo tin cho cha biết là Ngài Ngự (lúc đó là thời Đồng Khánh), vi-hành tuần-du Bắc-hà để thăm-dân-tình vừa mới tới Phát-diệm. Hiện Ngài Ngự và đoàn tháp-tùng đương ở tại một một hàng cơm ngoài phố. Trong khi gấp rút chưa kịp chuẩn-bị để tiếp-rước nhà vua, cha sai người thân-tín ra ngay ngoài phố đón Vua và quan quân tuỳ-tòng đưa tới nhà mát của cha ở Phố Ngoài để tạm nghỉ-ngơi. Chừng nửa tiếng đồng hồ sau, cha dẫn một đoàn thanh nam cận-vệ tới nhà mát để bệ-kiến Đức Vua. Khi được vời vào, cha thấy đèn đuốc thắp sáng choang, một người trẻ tuổi ngồi trên chiếc ghế đặt ở chính giữa cuối phòng khách, hai bên có chừng trên mười người đứng dàn hầu. Cha đoán người ngồi giữa là Ngài Ngự bèn trịnh trọng chắp hai tay trước ngực bước tới để chuẩn bị hành-lễ bệ-kiến. Nhưng cha vừa tiến được mấy bước thì nhà vua bỗng nhiên đứng bật dậy, bộ điệu rất lúng-túng. Ngay lúc đó, cha quát lớn: "Quân đâu! Bắt trói bọn khi quân phạm thượng này cho ta!" Nhà vua quýnh quá, vội quỳ sụp xuống lậy như tế sao. Té ra là vua giả, thấy tướng Cụ Lớn Khâm uy-nghi, lẫm-liệt nên đã chột dạ đứng lên để rồi bị lật tẩy một cách thê-thảm.

Một lần khác, cũng tại căn nhà mát ở Phố Ngoài, vào buổi trưa, cha vừa mới đọc kinh nhật-tụng xong thì người ta dẫn-giải tới mấy tên cướp biển Tầu Ô, cha liền cho thẩm-vấn tại chỗ. Nhưng hỏi thế nào chúng cũng không chịu cung-khai, nhất định lỳ, mặc dầu chúng là người Nùng Móng-cáy rất sõi tiếng kinh. Mãi tới chiều, cha bất đắc dĩ phải sai người nọc chúng giữa sân, đánh mỗi tên mấy chục hèo chúng mới chịu cung khai. Có tên bị chảy máu, khi lột áo ra để trị thương, mình mẩy hắn đầy lông lá như con khỉ, dân chúng thời đó còn đơn-thuần, chất-phác, trông thấy như vậy rất lấy làm lạ và khiếp sợ, nên họ càng khâm-phục và sợ oai của Quan Lớn Khâm.

Mấy câu chuyện tôi vừa kể chỉ là những câu chuyện truyền khẩu các cụ già thường kể

lại cho con cháu nghe vào những buổi tối rỗi rãi, thực hư thế nào, không ai biết rõ và cũng không thấy sách vở nào nói tới cả.

Có lẽ từ sự-kiện Cha Sáu được vua Tự-đức giao cho trọng-trách trấn-an các tỉnh miền duyên-hải và dẹp bọn cướp biển Tầu Ô hoành-hành tại vịnh Bắc-kỳ thời bấy giờ tới vụ Lê duy Bá thuộc dòng dõi tôn-thất nhà Lê cũ thất-bại trong mưu-đồ mượn uy-danh của Cha Sáu để lập-triều-đình và kéo cờ khởi-nghĩa tại Phát-diệm nên đã nảy sinh ra mấy câu chuyện trên trong dân-gian lúc đó chăng.

Sau đây, tôi xin nói tiếp về thị-xã Phát-diệm. Tuy gần đây thói quen gọi là thị-xã, nhưng trên phương-diện phân-định hành-chánh, không có quy-chế hay văn-kiện nào ràng buộc năm, sáu làng kể trên thành một thực-thể hay hình-thức hành-chánh nào cả. Đó là một tình-trạng hết sức đặc-biệt của Phát-diệm.

Ngoài ra, trên thực-tế thị-xã Phát-diệm không phải là một thành-phố mặc dầu rộng lớn và đông dân-số hơn nhiều tỉnh lỵ, kể cả tỉnh-lỵ Ninh-bình. Phát-diệm trước sau chỉ là một khu thị-tứ vùng quê. Có vẻ tỉnh thành nhất có lẽ là khu phố quanh chợ Trì-chính, bên bờ sông có đồn lính và bến tàu, phía trong bãi bến tàu là bệnh-viện và nhà bưu-điện. Phố Trì chính được kéo dài bởi phố Kiến thái, khu "đèn đỏ" của Phát diệm cách đây trên 60 năm. Những người đàn ông đứng đắn khi có việc phải đi ngang qua khu vực này thường rất e-dè, nhất là vào buổi tối. Nói là khu đèn đỏ, nhưng thực ra thì trên dãy phố gọi là chơi bời này cũng chỉ có hai, hoặc ba nhà hát cô đầu mà sự làm ăn không lấy gì làm khấm khá cho lắm. Hồi nhỏ, tôi đã có một lần theo một bà dì lên khu phố này đánh ghen rất là vui. Ngoài ra còn có một hàng mì nhỏ khá ngon vì mì cũng như vằn thắn đều được làm tại chỗ, một chuyện rất hiếm đối với thời buổi kỹ-nghệ ngày nay. Phía bên trong dãy phố là rạp hát duy nhất của Phát diệm, nơi dừng chân trên đường lưu diễn của các gánh hát cải lương hoặc đoàn Xiệc nhỏ. Khi nào có gánh hát về, mỗi buổi chiều người ta thường thấy mấy anh hề quần áo loè loẹt ngồi trên xe kéo, cầm cờ, trưng bảng quảng cáo, đánh trống lùng tùng xoèng để cổ động cho vở hát tuồng đêm đó, chẳng hạn như "Võ Tòng đả hổ," "Lã Bố hý Điêu Thuyền," "Manh Lệ Quân thoát hài," "Dương Chiêu Quân cống Hồ" v.v. Chắc quý vị sẽ hỏi là một nơi bảo thủ và đạo đức như Phát diệm mà lại có thể có một khu "đèn đỏ" như thế sao. Xin thưa là Phát diệm thực ra không đến nỗi quá cổ hủ, hơn nữa chủ nhân khu phố này là gia-đình họ Lâm khá giầu có, gốc Tàu lại không phải là Công giáo nên sự làm ăn không cần phải gò bó vào khuôn khổ nào cả. Tuy chỉ là một khu thị-tứ vùng quê, nhưng Phát-diệm có rất nhiều điểm đặc-biệt mà nhiều thị xã tỉnh-lỵ thua kém hoặc không có, chẳng hạn như dân-số đông (trên 100 ngàn), nhiều công-nghệ, nhiều nông-sản và hải-sản, việc buôn-bán phồn-thịnh, khí-hậu tốt vì gần biển, không-khí trong lành, ít ô-nhiễm v.v. Về các phương-diện khác như mua sắm, ăn mặc, nghề-nghiệp, Phát-diệm tương-đối chẳng thiếu thứ gì. Ngày xưa, khách phương xa về Phát-diệm, một khi đã nếm thử, ai cũng khen giò lụa và bánh "tầy" bà Dục, phở ông Bạ, bánh ướt chả rán cô Toán, bánh tây ông quản Bột, bún mọc chợ Phát-diệm v.v. Người Phát diệm ngày xưa hẳn chưa quên cái cảnh đêm khuya trời lạnh, bụng đói, đứng ở điếm canh đầu phố Phát-diệm mà ăn một bát phở năm xu của ông Bạ thời thiệt hết sảy. Riêng học-sinh trường thày dòng chúng tôi rất khoái món xôi chả của bà Hoành đen bán buổi sáng tại nhà của bà ở bờ hồ, bánh rán và bánh bao chú Ửng ở cổng đá nhỏ phía Đông Nam Nhà Thờ lớn. Như đã nói ở trên, Phố Kiến-thái có tiệm mỳ độc nhất, tuy nhỏ xíu nhưng mỳ được làm tại chỗ nên ăn ngon đến độ bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Miếng ngon Phát diệm tuy đơn sơ, nhưng thuần chất, không một chút màu mè giả dối. Sau hết, phải kể tới mấy quán thịt chó. Nghe đâu món cày tơ của Phát diệm ngày xưa cũng nổi tiếng lắm, rất tiếc là mấy ông bạn mê thịt chó của tôi như Diệm "mộc tồn" chẳng hạn, không có cơ hội được thử những miếng dựa mận thơm phức, béo ngậy và đậm đà tới nồng nàn cùng với những miếng dồi vừa thơm, vừa dòn lại vừa bùi của Phát diệm ngày xưa, những miếng ngon có thể nói là thuần tuý dân tộc và thanh thú nhất trên đời này. Nếu mà được lai rai với mấy "cút" rượu nếp của Phát diệm thì thực là như rồng gặp mây, như thuyền gặp gió vậy.

Phát diệm còn sản-xuất nhiều loại thực-phẩm nổi tiếng như nước mắm, cá khô, mắm tôm, tôm khô, tôm he tươi, cua bể, cá khoai v.v. Trái cây thì có nhãn Phát-diệm và cam Lai-thành.Tôi còn nhớ người Hà-nội ngày xưa rất mê những đặc-sản trên đây của Phát-diệm.

Chừng trên 70 năm về trước, các loại mắm và các đặc sản về tôm cá được bày bán trên mấy tiệm lớn phố Hàng Mắm và Hàng Khoai Hà-nội đều do vựa mắm của ông nội tôi cung cấp. Tôi còn nhớ người tổng phát hành cho ông nội tôi là ông Đức, một nhà buôn lớn ở Phố Hàng Mắm, thường về Phát diệm bàn chuyện làm ăn với ông nội tôi.

Nhân tiện tôi cũng muốn trình bày lý do tại sao tôm cá vùng biển Phát diệm lại ngon hơn tôm cá các vùng khác. Điều đó rất dễ hiểu là bởi vì nhờ có nước phù sa của ba con sông lớn là Hồng hà, sông Đáy và sông Mã đổ ra nên hết thảy tôm cá và các loại hải sản khác như sò, nghêu, hến thuộc vùng ven biển từ Phát diệm vào đến cửa sông Cả (Nghệ an) có thể được coi như là nhất nước về phương diện phẩm chất. (Theo kinh nghiệm người xưa thì tôm cá sống ở những vùng ven biển có lẫn phù sa thường béo mập, thơm ngon hơn tôm cá những vùng biển không có lẫn phù sa).

Ngoài ra gạo nếp, gạo dự và gạo tám thơm của Phát-diệm có thể gọi là nhất nước. Đã nói đến gạo thì phải nói tới cốm. Cốm Phát-diệm không nổi tiếng và màu mè bằng cốm làng Vòng nhưng cái ngọt bùi thơm dẻo của nó tuy mộc mạc đơn-thuần nhưng thực-chất hơn và tất nhiên cũng nhiều tình-tự dân-tộc hơn. Nếu huyện Kim-sơn được thành-lập trước đây mấy trăm năm, nhất-định các đặc-sản của Phát-diệm đã được chọn làm cống-phẩm cho nhà Vua. Tôi nay chỉ mong sao có cơ-hội được trở về cố lý để có dịp nếm lại những miếng ngon đầy tình-ý quê-hương trên đây, chỉ e rằng những miếng ngon vật quý của thời xa-xưa đó nay đã bị tuyệt diệt rồi, không bao giờ có thể tìm lại được.

Trước đây không bao lâu Phát-diệm, Kim-sơn chỉ là một miền đất mới, đồng chua nước mặn, nhưng chỉ sau mấy chục năm đã có một tiềm-lực kinh-tế đáng kể.

Thực vậy, ngoài nông-nghiệp và hải-sản là những nguồn lợi chính của địa-phương, về phương-diện công-nghệ Phát-diệm, Kim-sơn ngày xưa đã sản-xuất nhiều mặt hàng có giá-trị và nổi tiếng để gửi bán trong nước và xuất-cảng ngoại-quốc như đồ thêu, áo lễ, đăng-ten, tượng ảnh và những sản-phẩm làm bằng cói, quan-trọng nhất là thảm cói và chiếu. Tại các hội-chợ triển-lãm trước Thế-chiến Một, hàng trưng-bày của Phát-diệm, Kim-sơn thường chiếm giải danh-dự hoặc ưu-hạng. Chỉ cần quan-sát khu Nhà Thờ Lớn Phát-diệm và nhà thờ kiểu gô-tích xứ Tôn-đạo là đã đủ biết tài khéo về các ngành thủ công-nghệ của bà con miền ta. Tại hội chợ chợ quốc-tế Paris năm 1910, hình ảnh các nhà thờ trong khu Nhà Thờ Chánh Toà Phát-diệm rất được chú ý và người xem hết sức thán-phục công-trình kiến-trúc có một không hai của một vị linh-mục tài danh có cái tên rất nôm na là Cha Sáu, cũng như tài chạm trổ gỗ và đá của các nghệ công vùng Phát-diệm/Kim-sơn. Năm 1924 tại hội chợ đấu xảo Hànội, vua Khải-định đã dừng chân rất lâu tại gian hàng tỉnh Ninh-bình được trưng bày toàn là sản-phẩm công-nghệ Phát-diệm để chăm chú nghe một người Phát-diệm trình bày về nghề chiếu tại Phát-diệm.

Nói đến Phát-diệm là phải nói tới nghề dệt chiếu.

Trước khi trồng lúa tại những bãi tân-bồi còn nhiều phèn và nước mặn người ta phải thuần-hóa các bãi đó bằng cách trồng cói trong vòng ít nhất là năm, mười năm. Do đó Phát-diệm đã sản-xuất được rất nhiều loại cói tốt, và cũng nhờ đó mà Phát-diệm đã có thể đứng đầu trong nước về sản-xuất và xuất-cảng chiếu.

Mới đầu, công nghệ chiếu chỉ có tính-cách gia-đình, người Tàu thường về thu mua để đi bán các nơi trong nước. Về sau tìm được mối ngoại-quốc, người Tàu bỏ vốn lập xưởng để sản-xuất trên một quy-mô khá rộng lớn. Trong hai thập niên 20 và 30, ngoài hàng trăm gia-đình làm nghề, Phát-diệm có tất cả là năm xưởng dệt chiếu tương đối có quy mô. Người Tàu làm chủ ba xưởng lớn, thường gọi là chàn: một chàn ở Thượng-kiệm (chàn Minh Tín), một chàn ở Trì-chính (chàn Xương Lợi) và một chàn ở Kiến Thái (chàn Hưng lợi). Mỗi chàn rộng trung bình chừng mười mẫu (chừng 9 acres), ngoài những xưởng dệt, xưởng nhuộm cói, nhà kho và văn-phòng còn có những khu gia-cư cho nhân-công ở. Người Việt làm chủ hai xưởng nhỏ: một ở Trì-chính (xưởng ông chánh Tuốt, một ở Hoà-lạc (xưởng ông phó Hoà). Các xưởng thường tự xuất cảng hàng hoá của mình. Riêng số chiếu do dân chúng địa phương sản xuất thì có những người ở Hà nội hoặc Nam định về thu mua. Họ đa số là người Tàu. Tôi còn nhớ một người họ Lã, dáng vóc cao lớn, hình như là Tàu lai gốc Sơn đông hay Thượng hải gì đó, thường về Phát diệm bằng xe bình bịch (xe mô) Mấy năm sau này ông "chủ" họ Lã đem cả gia đình về

Bigfotô

ĐI TÌM NHỮNG HÌNH BÓNG QUÁ KHỨ

THẾ UYÊN

Từ giữa thập niên 95, thủ tục xin *visa* về Việt Nam du lịch và thăm thân (viết tắt từ chữ thăm thân nhân) trở thành dễ dàng hơn, mặt khác Việt kiều hải ngoại đa số đã ổn định cuộc sống, bỗng nhiên không ai bảo ai không ai rủ ai nẩy sinh một thứ gần như là phong trào về quê cũ Việt Nam thăm và tìm kiếm mồ mả cha ông, và khi đã thấy thì sửa sang xây cất cho thật đẹp, thật đàng hoàng, theo ý chủ quan của mỗi người, tất nhiên. Một người bạn kể đã kéo tất cả anh chị em ở hải ngoại về Việt Nam làm một chuyến đi dài từ Nam ra Bắc, chỉ để lo nơi an nghỉ cuối cùng của các người thân qua đời đã lâu.

Trước hết là trở về Hội An lo xây một vòng tường chắc chắn bao quanh nghĩa trang riêng của giòng họ. Người bà con nội địa, làm một thứ thủ từ, đã gửi thư cấp báo là không xây mau, với nạn xây cất nhà mới bùng nổ, dân sẽ lấn chiếm nghĩa trang. Sau đó là làm lễ rước hũ tro cốt của bố và mẹ chết ở hải ngoại, các hũ tro còn gửi ở các chùa của các thân nhân Sài Gòn, trở về chôn cất trong những ngôi mộ xây cất hẳn hoi, trong nghĩa trang của giòng họ. Dĩ nhiên mọi phí tổn là do quyên góp của tất cả, không phải do riêng một người nào, dù có những con cháu đủ giầu để bao sân tất cả phí tổn. Vấn đề là tình cảm chung, là cùng tưởng nhớ tới những người thân đã qua, vậy phải để ai cũng đóng góp, dù ít hay nhiều.

Nhưng đến đó chưa phải là xong việc: cả phái đoàn kéo ra Bắc làm một công trình khó khăn là đi tìm mộ của ông nội chết khá sớm, mà vì thế hệ trước đã chết cả (con), thế hệ thứ ba (cháu) không ai còn biết đích xác ở đâu. Phái đoàn đi theo trí nhớ mờ nhạt của những đứa trẻ con hồi đó, đại khái là đi tuyến đường xe lửa Hà Nội – Hải Phòng, xuống tại ga X, nhìn qua đường rầy về phía bên trái, thấy cây đa cổ thụ giữa cánh đồng, đi vào sâu bên trong đến làng Z, tìm đến một cái ao lớn, sẽ thấy một gò cao trên đó có mộ ông nội của mấy đứa cháu, bây giờ đầu cũng điểm bạc như ông nội ngày qua

đời. Sau khi đi bộ lang thang cả buổi sáng, cây đa cổ thụ mốc dấu đã biến mất từ bao giờ, tất cả đã bị san bằng thành ruộng, đi hết cánh đồng này sang cánh đồng khác, vừa đi vừa hỏi, phái đoàn cũng đến được làng Z và kiếm ra cái ao lớn, nhưng trên gò đất không có mộ nào mang tên ông nội cả. Dân làng liền mời bà già nhất làng đầu tóc bạc phơ đến hỏi, thì may quá bà già đã hơn 90 tuổi vẫn còn nhớ được là phần mộ ấy trước ở chỗ này, bà chỉ tay. Chỗ này là mặt nước ao phẳng lặng, ngôi mộ lâu quá không ai chăm nom, đã lở dần mỗi năm một chút, sau cùng vào một đêm trời bão, chìm xuống ao mất tăm, mất tích. Người chủ tịch xã thấy phái đoàn buồn thiu bèn hứa sẽ cho phép đóng cọc trong ao rồi đổ đất thành một ngôi mộ không cốt không tro, gọi là ghi dấu người đã khuất hơn nửa thế kỷ trước. Người bạn kể là một phương án dài ngày như thế không ngoài khả năng tài chính của mấy anh em, nhưng phải để lui lại đã. Trời đã về chiều rồi, và trong phái đoàn có cả nữ nhân, không tiện ngủ lại ngôi làng xa lạ thiếu tiện nghi và cũng không quen biết một ai, từ già đến trẻ. Do đó một bia đá tạm thời được dựng lên để đánh dấu chỗ yên nghỉ của người đàn ông mà đứa cháu lớn tuổi nhất cũng không biết mặt. Người bạn còn cho biết mấy anh em dự trù chuyến sau trở về, sẽ rước tro bà nội hiện để ở hậu liêu một ngôi chùa Sài Gòn, trở về đất Bắc, lập mộ chôn cùng chỗ với ông nội. Cho ông và bà sau cùng cũng được "đoàn tụ gia đình"... Đến đó mới kể là xong xuôi, ấm lòng những người tha phương cách quê nhà mười ngàn dậm biển xanh.

Khu bạn ấy của tôi đa số là trí thức, có ông là tiến sĩ dạy đại học Pháp rồi Mỹ, đã đối xử với phần mộ cha ông, nguồn gốc của mình, ân cần, thân ái, chí tình như vậy.

Bây giờ đến một ông bạn khác ít học của tôi, trước kia chỉ là một hạ sĩ quan, sau 75 đi bán cà rem dạo, phơi mình với nắng mưa trồng lúa trồng dưa hấu... có lúc lang thang buôn bán nhỏ ở Cao Mên, để nuôi một bầy con. Nay nhờ một khe hở lịch sử, anh đến được Mỹ với toàn gia đình, anh cám ơn nước Mỹ, dân tộc Mỹ rất nhiều. Không thấy đồng dollars nào mọc trên cây, cũng chẳng thấy cơn mưa dollars lớn nhỏ nào, nhưng công việc chân tay kiếm ra dollar thì nhiều vô số, và anh chăm chỉ làm việc không cần biết weekend là cái gì. Anh sau cùng chọn nghề xén cỏ cưa cây mức thu nhập cao như một tiến sĩ, cho đến khi gặp tai nạn gãy lưng suýt chết, anh chuyển sang lao động nhẹ và cũng vẫn chăm chỉ không ai bằng. Anh thích trồng hoa như tôi nên anh để dành nước rửa để tưới cây cho đỡ tốn, hoa coi bộ còn tươi tốt hơn hoa của tôi tưới nước máy nguyên chất, và cũng như người xưa ở miền quê Việt Nam chẻ một que diêm làm hai hay làm bốn xài cho đỡ tốn, anh cặm cụi cắt giấy khăn ăn làm hai cho đỡ phí. Và khi lang thang đó đây, như một nhà văn già ở Hoa Kỳ, nhà văn nữ trẻ ở Âu Châu đi nhặt rau mọc dại ven đường về nấu món canh 'tập tàng' ăn cho đỡ nhớ quê, khi đi qua những cánh đồng có rau dền hoang lên tươi tốt, anh không ngại ngừng lại, thu hoạch đầy một xe truck. Anh kể: Chỉ chịu khó một buổi sáng là đầy xe, về bán cho chợ Á châu được $160 ngon lành... Và khi di chuyển trong thành phố, có qua nơi nào Food Bank đang phát thực phẩm khô miễn phí cho dân nghèo, anh đôi khi ngừng lại xếp hàng lãnh một túi. Anh kể là đồ Food Bank cho rất được, có chuối, có trứng, có gà... tươi ngon như bán ở chợ. Không biết anh ăn uống thế nào, chắc lại là gà kho mặn thịt kho tàu cá kho dưa chua... là chính (ai dám bảo ăn như thế là không ngon cơm), nhưng ngày anh mua nhà, một nhà 4 beds 3 baths mới tinh, anh xách một bao dollar đầy ắp, chắc lấy từ trong hộp bích quy ra (anh ở với Cộng sản đủ lâu để không tin ở bất cứ một ngân hàng nào), đòi thanh toán hết tiền mua nhà một lần cho xong. Công ty bán nhà hoảng hốt, một mặt điện thoại cho security đến gấp để canh số tiền mặt quá lớn, một mặt năn nỉ anh để lại một khoản nợ trả góp, cho nó giống các người Mỹ khác...

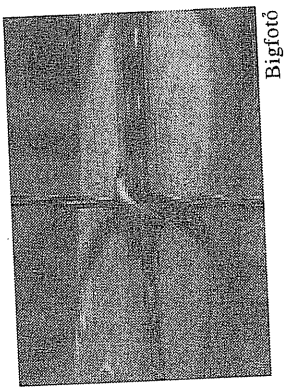
Bigfoto

Và dĩ nhiên anh đã gửi tiền về Việt Nam xây cất lại tất cả mồ mả ông cha, nội cũng như ngoại, chỉ than phiền có một lần khi đứa con trai nghe lời vợ gửi tiền về cho bố vợ mua một xe hơi mới tinh để đi chơi... Anh chỉ bớt nhăn nhó tiếc tiền khi bà vợ tôi góp ý: Chắc gì bác ấy mua xe để chạy chơi, có thể là để cho khách du lịch thuê chuyến kiếm tiền. Một hôm anh

đến thăm tôi than thở: Trận lụt lớn miền Trung làm cho từ đường trôi mất tiêu, lại phải lo vài ngàn gửi về sửa lại, và khi từ đường đã sửa xong, anh đến loan báo cho tôi tin ấy với giọng tươi vui. Cứ thế cứ thế anh cõng trên vai cả gánh nặng quê hương giòng họ mồ mả ở một vùng nghèo ơi là nghèo của vùng cận sơn một tỉnh miền Trung. Tuy là bạn nhưng tôi không hề khuyên can anh hay cười anh là dại dột. Bởi vì rõ ràng anh là một người cư dân Mỹ sung sướng vì đã tìm thấy cho mình một lẽ sống hẳn hoi, một lý do để lao động và tồn tại, cuộc đời có ý nghĩ hẳn lên, không hề biết chữ *boring* là gì. Chứ đừng nói chi đến những phi lý, những buồn nôn, những cô đơn cô độc này nọ... của mấy ông triết gia Tây phương hiện đại.

Các bạn tôi có những người như thế đấy, còn tôi, người viết bài này, thì sao? Trước hết tôi là người may mắn (!) về phương diện trợ giúp thân nhân quê nhà, lý do tất cả anh em ruột thịt, họ hàng, đã theo nhau kẻ trước người sau 'dọn tiệm' ra nước ngoài. Đúng là cả một giòng họ lớn như thế bỏ quê hương ra đi, bằng đường bộ bằng thuyền bằng máy bay, trong một thời gian tương đối ngắn, và có thể nói chỉ có Đảng Cộng sản mới có khả năng tạo ra hiện tượng đồng loạt bỏ quê như vậy. Còn tứ thân phụ mẫu thì trừ bố tôi đã chết từ lâu và hũ tro cải táng đã đưa vào thờ hậu ở một ngôi chùa, những vị còn lại đã ra nước ngoài trước cả tôi. Mẹ tôi vốn đã ghét Cộng sản vì nhiều người thân đã bị Đảng này giết chết, lại sống ở Việt Nam khá lâu sau 75 đủ để thấy chế độ này đáng từ bỏ mà đi thôi. Bởi thế lời dặn dò các con lúc lâm chung: mẹ chết ở đâu chôn ở đó cho gần con gần cháu, nhập quan rồi là đóng quan tài lại luôn, và khi làm mộ bia, hãy làm bia đứng đàng hoàng như ở quê nhà. Đang ở cách xa mẹ một đại dương và một lục địa, tôi nghe đứa em gái kể qua điện thoại lời mẹ dặn, hiểu tại sao lắm. Người Mỹ theo Thiên Chúa giáo, không Tin lành thì cũng Công giáo, tin tưởng rằng khi chết, cái thân xác này vốn từ đất từ cát bụi mà ra, vậy chết đi trở lại thành cát bụi. Vậy không làm mộ cao hơn mặt đất, và găm một tấm bia đặt nằm ngay trên cỏ, là phải, là đủ. Cát bụi lại trở thành cát bụi... có đáng chi đâu. Như lời nhạc thơ của Trịnh Công Sơn: *Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi trở thành cát bụi*... Mẹ tôi là người Đông Á trong văn minh Trung quốc, tin còn linh hồn quanh quẩn thế gian phù hộ cho con cháu, và sau đó luân hồi nhiều kiếp nữa...

Bigfoto

Còn nhạc phụ nhạc mẫu tôi, khi hỏi sao không về thăm Việt Nam một chuyến dối già, cụ bà, nguyên là một nhà giáo, đã buông một câu giản dị: Khi nào đất nước thanh bình, sẽ về... Tôi há miệng toan cãi là Việt Nam thanh bình lâu rồi, nhưng thấy ông cụ liếc nhìn tôi, cười nhẹ nhàng, tôi ngậm miệng lại kịp thời. Cụ ông cũng là một nhà giáo, thông thạo Anh Pháp và Hán văn, đã từng xuất ngoại làm tùy viên văn hóa, đọc sách nhiều hơn tôi. Nụ cười của ông cứ như nhắc nhở Đảng cộng sản theo chủ nghĩa Mác Lênin, lấy đấu tranh giai cấp là căn bản, lúc nào cũng chỉ nghĩ lấy giai cấp này tiêu diệt giai cấp khác, một thứ nội chiến triền miên, làm sao đất nước có thể thực sự thanh bình cho được... Và như thế, khi ông mất hình hài đã được mai táng êm ả ở một nghĩa trang miền Tây Bắc Hoa Kỳ, xa mồ mả cha ông tổ tiên, xa thật là xa...

Nói như thế có nghĩa là tôi không có gì để lưu luyến quê hương cũ Việt Nam sao? Không phải thế. Tôi là một công dân Mỹ gốc Việt, cái gốc Việt còn đó, không nhớ quê hương cũ sao được, dù nỗi nhớ, tình hoài hương ấy mờ nhạt thôi vì bị hóa giải đi nhiều bởi hình ảnh mấy anh Công an áo vàng khó tính quạu quọ, thường xuyên nhìn nhân dân miền Nam cũ, nhất là Việt kiều, ai cũng là kẻ tội phạm mà Đảng khoan hồng "chưa" bắt... Gần đây, tuổi tác cao dần, tôi thấy nhớ quê hương cũ nhiều hơn, và thích mấy câu thơ của nhà văn Lâm Chương:

Ta, con ngựa già thất thế
Bầm ruột gan không trải được lòng
Thân xiêu tán cõi ngoài muôn dặm
Mùa đông về gió bấc căm căm
Dài cổ ngóng quê nhà con ngựa hí...

Trong tôi bây giờ cũng có một ngựa vùng đại mạc Mông Cổ bị đưa về ở cõi trung nguyên, khi gió bấc thổi cũng dài cổ ngóng quê nhà phương Bắc xa xa, nhưng tiếng hí không to lắm so với những ngựa cùng hoàn cảnh. Nhưng mà "có hí" chứ không phải là không... Bởi thế trong chuyến trở lại Hà Nội đầu tiên, tôi đã dự tính đi tìm ngôi mộ của bà nội thắp mấy nén hương tưởng nhớ, và tìm ngày bà mất để có thể cúng giỗ sau này. Như tôi đã có lần kể, một phần là dân Hà Nội lớp trung niên lớp trẻ không ai biết cái làng Bằng ấy ở đâu, một phần vì cơn bão lớn từ Vịnh Bắc Việt đang xâm nhập đồng bằng, đã cản tôi và người quen có xe gắn máy, đi theo con đường của trí óc trẻ thơ mấy chục năm trước. Đi xuôi Nam trên quốc lộ 1 khoảng 7km, băng qua đường rầy xe lửa ở một địa điểm nửa thế kỷ trước tên gọi là Cầu Tiên, vào con đường nhỏ lát gạch đỏ hai bên là ruộng nước, vào làng Đại Từ, băng qua hết làng ra cánh đồng, một cánh đồng trí óc hồi tưởng của tôi bao giờ cũng là cánh đồng lúa chín vàng xao xác. Đi bộ qua bao giờ cũng làm bay lên rào rào hàng loạt cào cào và châu chấu.

Cánh đồng lúa không có đường, cứ lựa những bờ ruộng mà đi tiếp đến khi đụng một hàng cây dài, sau hàng cây là một con đường đất chạy dọc một con sông nhỏ ở sâu dưới mặt đất, thật sâu trong tầm mức một đứa trẻ là tôi hồi còn trẻ. Cứ theo con đường đất này đi về phía trái, sẽ đến làng bà tôi, có một cái cổng gạch cũ kỹ rêu phong cỏ mọc dẫn vào con đường nhỏ lát gạch đã hư nhiều chỗ, đưa vào nhà bà tôi. Ở phía phải, nhìn ra một cái ao bèo xanh mướt, là một cây nhãn vỏ sần sùi có khắc tên hai anh em tôi. Sau cây nhãn, là nhà tranh vách nan trét đất của bà tôi... Gần nửa thế kỷ của chiến tranh rồi lại chiến tranh trên vùng đất này, nhân mãn làm nhu cầu đất canh tác gia tăng dữ dội, sự phát triển phình to của thủ đô Hà Nội, tốc độ xây cất từ khi có Đổi Mới lại cao, thì một chỉ đường căn cứ trí nhớ ấu thơ như thế, thì Từ Thức cũng đến lạc đường phen nữa thôi... Cầu Tiên có còn gọi là Cầu Tiên không, làng Đại Từ có còn như thế hay đã biến thành một khu phố ngoại thành, con đường với hàng cây xanh đã biến thành đường lộ lớn chưa, chiếc cổng gạch cũ kỹ rêu phong có còn chăng?

Mấy năm sau đó, tôi mới lại đặt ra vấn đề về làng cũ tìm thăm mộ bà, do hai yếu tố mới xuất hiện: bạn cố tri Nguyên đã về hưu và những chuyến về Hà Nội sau đó tôi thường đi cùng vợ. Vì đã về hưu, dư thời giờ, Nguyên đã thay tôi, trong thời kỳ cả hai vợ chồng tôi cùng bận việc túi bụi vì lo xin visa du học Mỹ cho lớp trẻ và nhức đầu vì Công an làm khó dễ, tìm kiếm cái làng Bằng ấy và dò đường về thăm. Anh công bố kết quả: Trước hết làng Bằng năm xưa bây giờ đổi tên là Bằng A, đường xá đã mở mang xe hơi đi được tiện cho Thi đi cùng, nhưng nhân vật chính là mộ bà tôi thì không còn. Chiến tranh đã đảo lộn nhiều thứ và mộ bà tôi cùng các mộ vô thừa nhận khác đã bị hốt cốt chôn chung một ngôi mộ vô danh. Tôi ngỏ ý với Nguyên là nếu mọi sự là thế, thì việc trở về làng xưa, không có

gì là gấp. Tôi muốn đợi đến khi hai vợ chồng thu xếp được một chuyến ra Bắc không vì công việc, chỉ để du lịch thôi vì Thi thường than nàng chưa biết mặt mũi chùa Hương, vịnh Hạ Long, Tam Đảo, Chapa... ra sao. Nhưng ông bạn Nguyên này kiên nhẫn lắm, tiếp tục tìm kiếm và một hôm ông vui vẻ loan báo đã kiếm ra "chị Chín," người con gái thường gánh quà bà nội đi bộ từ làng ra Hànội cho mấy đứa cháu bọn tôi mấy chục năm xưa.

Vào chủ nhật gần nhất, vợ tôi chuẩn bị một bữa ăn đoàn tụ tại quán dễ đến và dễ ăn cho tất cả là quán Việt Hương quen thuộc, bạn Nguyên có nhiệm vụ đón "chị Chín" ở dưới quê lên để gặp bọn tôi. Tôi hơi ngạc nhiên vì cô gái quê mùa nhút nhát, người chắc nịch trong ký ức, bây giờ lại là một phụ nữ tóc bạc đàng hoàng, ăn nói tự nhiên, rõ ràng. Chị cho biết hiện là một công nhân mới về hưu, và đính chính chị không phải là "chị" mà là "dì" của tôi, nếu tính theo họ hàng phía bên bà nội. Tôi cười đề nghị xin hãy làm chị Chín như cũ, như trong ký ức mấy anh em tôi, cho thân tình...

Bữa cơm qua đi trong vui vẻ với hồi ức những kỷ niệm chung đã xa vời. Chị cũng không cung cấp được nhiều tin tức về bà nội vì chỉ ba năm sau khi tôi di cư vào Nam, chị cũng thôi không ở với bà nữa. Và khi bà mất chị có biết tin, nhưng đang làm công nhân khu gang thép Thái Nguyên, xa quá không về đưa đám được. Nhưng chị giới thiệu một ông già trong làng biết rõ hành tung mấy năm chót của bà, và bạn Nguyên sẵn sàng đi kiếm ông già ấy, vào khi nào thuận tiện cho vợ chồng tôi. Hai đứa tôi tiễn chị Chín của quá khứ ấy ra về, dĩ nhiên vợ tôi kín đáo biếu chị một khoản tiền gọn đẹp, gọi là tiền xe pháo và mua quà cho các cháu. Từ lâu rồi bọn tôi biết thói tục tặng tiền cho những người đến với mình như thế, đã trở thành một tục lệ trong một nước xã hội chủ nghĩa mọi người đa số thường nghèo. Hơn thế nữa, lương công chức quá ít nên giới báo chí, cũng lãnh lương hàng tháng như các viên chức khác, nghĩa là không đủ sống nên mỗi lần có tin mới cần công bố về vấn đề du học Mỹ, vợ tôi với tư cách phó đoàn đại diện, tổ chức họp báo, thì mỗi phóng viên tới dự, khi ra về được nhận một bao thư đựng một số tiền "ăn trưa và phí tổn di chuyển." Ở Việt Nam, từ Nam đến Bắc, không ai coi việc tặng tiền kiểu đó là tham nhũng cả. Luật lệ cũng qui định chỉ coi là tham nhũng khi nào món quà hay tiền tặng ấy "trên mức tình cảm," còn trị giá bao nhiêu mới là "trên mức tình cảm," luật lệ không nói đến.

Bọn tôi hẹn với bạn Nguyên để khi nào rảnh, sẽ thuê một chuyến xe hơi về làng Bằng A thăm nấm mộ tập thể vô danh trong có xương cốt người bà quê mùa bán đậu phụ dưới gốc đa già nơi chợ nhỏ miền quê, để dành tiền mua quà cho các cháu vì lúc nào cũng sợ các cháu đói. Lúc đó sẽ gặp ông già làng biết những năm tháng cuối cùng của bà, nhân thể thăm di tích làng xưa nhà cũ... Nhưng bọn tôi sau đó một thời gian bị Công an nhiều ngành làm khó dễ vì nghi cho bọn tôi là đội tiền phong của mũi dùi "diễn tiến hòa bình" của Mỹ, một lãnh đạo cao cấp còn gọi đích danh bọn tôi như vậy. Nhân viên phái đoàn trong có cố vấn giáo dục là tôi, bị gọi đến trụ sở Công an hạch hỏi theo chiều hướng qui bọn tôi vào tội "cố ý làm sai qui định," một tội nghe như hành chánh, thực tế có thể bị nhốt 12 năm hay 20 năm như một học trò cũ của tôi, Việt kiều ở Canada về đầu tư Việt Nam. Theo lề thói cố hữu của đảng Cộng sản, ở Việt Nam không có tù chính trị, tù vì lương tâm, vậy bất cứ ai bị gọi ra Công an hay truy tố ra tòa, đều bị qui những tội hình sự lớn hay nhỏ. Đến chặng này, Việt kiều nào khôn ngoan thì "bỏ của chạy lấy người," ai chần chừ sẽ bị giữ passport để điều tra, và có nhờ người quen kẻ thuộc chạy và năn nỉ tứ tung, mới *được* chi từ 3 đến 5000 dollars để chuộc lấy giấy tờ, lên máy bay ra nước ngoài mà "tạm dung" suốt chặng đời còn lại. Nếu ai dám khiếu nại, với báo chí, với dư luận quốc ngoại, thì có thể bị kết vào tội danh mới là "làm hại an ninh tổ quốc," và đã dính dáng tới "an ninh tổ quốc," thì chỉ có đi cải tạo đi tù mút mùa (không dùng tiền mà chạy được).

Vợ tôi ngậm ngùi bàn: Đi thôi anh khi cửa khẩu Tân Sơn Nhất còn rộng mở... Chậm trễ nữa, chúng ta đâu có tiền để chuộc passport, phải không anh? Tôi không còn ý kiến nào khác nữa... Bởi vậy ngôi mộ tập thể trong có chút xương cốt bà tôi, người bà nâu sòng có mái tóc bạc trắng ấy ở một chỗ nào đó, cứ việc ở đó không có mấy đứa cháu phương xa về thắp một nén hương. Hãy để cho lá các cây vải, được trồng rất nhiều ở quê hương cũ, về mùa đông rụng nhiều rụng tiếp trên các ngôi mộ, như đã rụng như thế từ ngàn xưa đến ngàn sau.

BỮA ĂN TỐI Ở RỪNG LÁ

THẢO TRƯỜNG

Thi sĩ làm nghề cuốc đất trên cánh đồng. Bác già làm nghề gánh nước tưới rau bên bờ suối. Sáng xuất trại hai người theo đội mình đi hai ngả, tối về gặp nhau trong phòng giam. Bác già hỏi thi sĩ:

- Muốn ăn cá tươi không?
- Sao không.
- Cá lóc sống bắt dưới suối lên còn dãy đành đạch. Không phải cá khô thăm nuôi tiếp tế. Muốn không ?
- Muốn.
- Thế thì thành lập hợp tác xã sản xuất !

Bác già lập kế hoạch, thi sĩ cuốc đất gặp nhái phải cố bắt sống, nhốt trong bao ni lông có đục lỗ thông hơi, đừng quên bỏ trong bao nhúm đất ẩm tạo môi trường thiên nhiên cho kẻ bị giam cầm bớt đi phần nào nỗi bức bách, và may ra có đối tượng nào đó tưởng lầm mình đang học tập cải tạo chứ không phải tù đầy. Tối đem mồi về nộp, hôm sau bác già sẽ cắm câu ở bờ suối, được cá lóc hai người sẽ có món tươi, cải thiện bữa ăn, tiết kiệm ngân sách gia đình, bớt chi tiêu thăm nuôi, vợ con ở nhà đỡ khổ. Kế sách kinh tế đầy triển vọng.

Nhưng thi sĩ tỏ vẻ hoài nghi:

- Xưa nay ông chỉ biết... ăn chứ đâu biết bắt cá?

Bác già hăng tiết:

- Tôi ra chỉ tiêu, "một nhái, hai lóc."
- Đùa !
- Ông cứ bắt nhái đem về nộp cho tôi, chỉ tiêu "một nhái hai lóc" tôi chịu trách nhiệm. Hay là muốn kỳ kèo thêm bớt, hơn thiệt, thì tăng năng suất lên "một nhái ba lóc."

Thi sĩ phi một bi thuốc lào xong nằm xuống đong đưa võng cười mỉm:

- Làm sao bắt được nhái, bước khởi đầu đã rất khó rồi.

Bác già giảng giải:

- Đi cuốc đất ông không thấy sao, nhái sinh sống dưới những khe đất, khi ông cuốc, động ổ, nhái nhảy ra tháo chạy, ông liệng cuốc nhảy tới vồ, mà nhớ là phải vồ chặn đầu...
- Rởn hoài, người sao nhanh bằng nhái, thoắt một cái là nó đã biến vào trong cỏ cây...
- Rất khó và rất vất vả mới chộp được một con nhái, nhưng nên nhớ... "lao động là vinh quang" ! Phải mất nhiều công sức mới có... thành quả. Muốn ăn cá lóc sống phải bỏ công sức lao động.

Thi sĩ nản lòng:

- Thua, chịu thua trong công cuộc đấu tranh gian nan này...

Bác tù già "động viên" thi sĩ:

- Chưa gì đã... chủ bại, phải "tiến công nổi dậy, nổi dậy tiến công" thì mới ăn.

Tôi biết ông từ hồi nào tới giờ không thích chơi cái trò "cải thiện," ông chủ trương đi tù họ phát cho thế nào ông ăn thế ấy. Họ muốn làm gì thì làm. Để xem ai đói cho biết, để xem ai chết cho biết. Đúng thế không nào? Nhưng ông thử chơi cái "tuồng" này với tôi cho... đỡ buồn. Vả lại nếu cứ đều tay với cái cuốc suốt buổi thì cuộc đời nhàm chán quá, thỉnh thoảng phải có đột biến cho công cuộc sản xuất thêm phần sinh động. Lâu lâu gặp con nhái quăng cuốc nhảy tới về cho có hoạt cảnh. Cũng như viết tiểu thuyết, phải thêm vào tí action cho tình huống linh động.

Chợt thi sĩ nghĩ ra một sự lạ:

- Người ta phải mất vài ba con nhái may ra mới câu được một con cá, ông sao dám một nhái vài ba con lóc ?

- Thế mới tài tình! Cách mạng là phải "sáng tạo."

- Lại phét !

- Đấy rồi ông coi.

Nhà thi sĩ bắt nhái có ngày được mấy con, nhốt trong bao ni lông theo đúng tiêu chuẩn giam giữ hiện đại và nhân đạo. Ông cũng phải trả giá bằng những vết trầy đầu gối, nhưng không sao vì đúng là mưu sinh có giúp cho thời giờ lao động cuốc đất thêm phần sinh động bớt nhàm chán. Ông có bị cán bộ võ trang coi tù phê phán, nhưng thi sĩ biện minh rằng thịt một con nhái lột da rồi chế biến cũng thành món ăn cải thiện. Cán bộ thông cảm.

Vào những ngày lễ lớn của cả nước, trại giam thường mổ bò (trong Nam) mổ trâu (ngoài Bắc) cho tù nhân liên hoan. Trại giam đông vui cả ngàn tù nhân, nên bữa ăn chia phần mỗi người cũng được một miếng thịt hoặc miếng da to bằng đốt ngón tay. Một con nhái lột da rồi cũng tương đương với khẩu phần thịt mừng lễ đại thắng mùa xuân! Vì thế một con nhái được tù nhân gọi là một con bò. Có tối khi bàn giao tù nhái thi sĩ khoe với bạn già là bắt được tới những ba con bò!

Công cuộc "làm ăn" tiến hành được một thời gian dài nhưng chẳng thấy bạn già mang được con cá nào từ suối Lạnh về. Số nhái thi sĩ bắt được đem nộp đã lên tới mấy chục con bò, nếu tính ra cá lóc sẽ là cả trăm con. Có hỏi tới thì bạn già nói là cứ "từ từ", chuyện đâu còn đó. Bác già còn than là số lưỡi câu bị cắn đứt mất khá bộn, công cuộc làm ăn có "sự cố". Cũng tại lũ rắn nước vô duyên nhưng tinh ranh, không mời mà chúng cứ tới xực hết những con mồi nhái móc ở lưỡi câu, phá vỡ luôn một kế sách kinh tế rất tự túc tự cường.

Một hôm bác già đem về một lon cá rồng rồng kho mặn. Khi ăn cơm thi sĩ hỏi "món gì vậy" thì bác già đáp cụt lủn "cá lóc." Rồi còn hỏi:

- Ngon không ?

- Ngon.

- Công trình vừa cuốc đất vừa vồ nhái của ông đã được đền bù đấy nhá. Nguyên một bầy rồng rồng cả mấy trăm con chứ không ít đâu, phải dùng cái mùng ngủ của tôi mới vớt được. Cách mạng là tài tình và sáng tạo.

- Nhưng không có lòng hiếu sinh. Cuộc tàn sát toàn "đàn bà và trẻ em."

- Chỉ có trẻ em, không bắt được đàn bà. Đàn bà tuy thương con nhưng cũng nhanh chân vượt thoát chạy ra đằng xa nhìn lại lũ con bị bắt trong cái mùng oan nghiệt chụp xuống. Anh đàn ông nào đó lại còn nhanh hơn, biến mất trước khi xảy ra cuộc tàn sát tập thể !

- Thôi đừng nói thêm nữa về tình nghĩa và lòng nhân đạo.

Những bữa ăn của hai người bạn lại vẫn tiếp tục là thực phẩm tiếp tế của tác giả "Đêm Nghe Tiếng Đại Bác," và họ không bao giờ bàn đến kế hoạch mưu sinh thoát hiểm hoặc là cải thiện bữa ăn nữa cả. Chuyện cóc nhái cũng bỏ qua luôn không ai nhắc tới. Nhưng sau này khi viết tiểu thuyết, kỹ thuật "đột biến" vẫn thường được sử dụng để cho câu chuyện kể không rơi vào tình trạng lặng lẽ. "Tính" action trong khi viết tiểu thuyết cần thiết đến độ có khi không có nhái, tác giả vẫn thỉnh thoảng phải quăng cuốc nhảy vồ! Cũng có khi phải làm ra vẻ cuốc trúng hũ vàng. Cũng có khi phải làm ra vẻ cuốc trúng trái mìn nổ chậm! Không có nhái phải tính kế khác thôi! Nhưng có nhái hay không có nhái thì việc cuốc đất vẫn là việc cuốc đất !

Bù vào đó trong khi ăn thi sĩ thường hay kể chuyện Tầu cho bạn nghe đỡ buồn.

*****

"Một hôm tướng quân kéo đoàn tinh binh qua vùng trang trại của phu nhân. Phu nhân ăn mặc xiêm y lộng lẫy ra tận đầu làng đứng đón, hai bên có hai tì nữ theo hầu. Tướng quân xuống ngựa tiến tới, phu nhân vái chào, hai tì nữ quì lậy, tướng quân tỏ vẻ hài lòng. Phu nhân thưa:

- Thiếp xin kính mời tướng công ghé vào tệ xá để tiện thiếp được hầu hạ tướng công cho bõ với nỗi niềm mong nhớ qua bao tháng ngày dài chờ đợi.

Tướng quân thuận ý cầu mong của người đẹp. Phu nhân xin tướng quân cho đóng binh ngoài cánh đồng, chỉ mình tướng quân sánh vai cùng phu nhân vào trang trại. Trong dinh cơ tráng lệ đèn nến sáng choang, yến tiệc được dọn ra, phu nhân dâng rượu tẩy trần, đoàn tiện nữ múa hát.

Tướng quân hoan hỉ uống chén rượu do phu nhân nâng lên tận miệng, người thấy ngà ngà say, lâng lâng thanh thoát, thân thể như nhẹ bổng, bay cao. Phu nhân nói:

- Tướng công cũng đã biết tính tình của thiếp, ngay từ hồi nhỏ, thiếp đã không muốn cho ai hơn mình điều gì. Ngày Tết có con bé hàng xóm mặc tấm áo mới, lại là chiếc áo mà thiếp từng thèm muốn, thế là thiếp bắt con bé hàng xóm phải quì xuống, cởi chiếc áo mới ra nộp cho thiếp. Thiếp còn cấu véo con bé bầm da rách thịt để trừng trị nó về cái tội dám có cái mà thiếp ham thích.

Tướng quân nằm bất động, muốn cử động mà sao không cử động được. Phu nhân thưa:

- Vì quáyêu thương tướng công, không muốn mất tướng công về tay người khác, cũng không muốn tướng công rời xa tiện thiếp, cho nên tiện thiếp đã dâng lên chàng thứ rượu có pha chất độc đặc biệt làm tiêu tan hết nội lực trong cơ thể của người rồi. Từ nay người vĩnh viễn giã từ cái thế giới của chốn giang hồ. Tửu lượng đặc biệt đã phế bỏ tất cả võ công vô địch của tướng công, người đã yếu đuối còn hơn cả một người yếu đuối, để tiện thiếp có thể thừa hưởng toàn bộ thể xác cũng như tâm hồn của chàng cho riêng mình.

Phu nhân gọi con hầu bưng ra một cái khay khảm bạc, trên khay có một tờ giấy đã viết sẵn chữ và một con dao cán nạm vàng, lưỡi dao sáng loáng, phu nhân cầm con dao giơ lên trước mặt tướng quân:

- Trước khi thiếp yêu thương chàng, xin tướng công hãy ký vào tờ quân lệnh trạng này cho đại hùng binh ngoài kia được tự do trở về quê quán của họ mà sinh sống. Tướng công dừng chân tại chốn bồng lai này hưởng hạnh phúc thì bao nhiêu quân sĩ dưới trướng của người cũng cần được hưởng hạnh phúc với vợ con tại quê hương làng mạc của họ.

Phu nhân cầm tay tướng quân giúp cho người điểm chỉ lên tờ giấy, rồi nàng sai con hầu đem tờ quân lệnh trạng ra cánh đồng truyền cho ba quân. Xong phu nhân vén tay áo dùng con dao xinh xắn xẻo từng miếng thịt của tướng quân. Xẻo tới đâu tướng quân quằn quại tới đó.Tướng quân rên lên đau đớn, máu tuôn thấm chiến bào, lệ trào đẫm gò má. Đôi mắt phu nhân sáng rực lên niềm hạnh phúc vui sướng !

Nàng thủ thỉ bên tai chàng;

- Từ nay tướng công mới đích thực là tình nhân của riêng thiếp."

*

Người nghe phát biểu:

- Phịa!

Người kể:

- Không phịa, kể theo chuyện Tầu, nhưng có "xào nấu chế biến" thêm bớt chút đỉmh.

Thi sĩ vừa kể chuyện vừa dùng nước trong lon guigoz tráng mấy cái bát nhôm ăn cơm. Thi sĩ hắt bát nước rửa chén ra ngoài cửa sổ bỗng có tiếng quát ở ngoài vọng vào:

- Anh nào trong ấy hắt nước cả vào mặt cán bộ làm nhiệm vụ ở ngoài này.

Cả phòng giam đang ồn ào bỗng nín khe. Ban tự quản vội vàng làm phận sự "rút kinh nghiệm." Trong phòng giam rộng năm gian nhốt một trăm tù chỉ có hai ngọn đèn vàng mờ mờ, tù ngồi gần còn nhìn thấy mặt nhau, nhưng bên ngoài trời tối đen như mực chẳng thể thấy vóc dáng cán bộ nhà nước ra sao, chỉ nghe tiếng mắng vọng vào:

- "Bố lếu bố láo!"

Bác già nói nhỏ với thi sĩ :

- Rút kinh nghiệm, nghe chưa! Tạt nước bẩn vào mặt người ta như thế ai mà chịu nổi. Nên nhớ theo lý luận của lực lượng võ trang nhân dân thì lính gác là chức quyền cao nhất ở chiến tuyến!

Tản mạn

THẤY

TRẦN DOÃN NHO

Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngơ
(Tô Thùy Yên)

Hiu Quạnh lớn! Giữa đời, có lẽ cũng không có mấy lúc ta biết đến cái hiu quạnh lớn như thế. Tô Thùy Yên cảm nhận được nó khi đứng trước biển khơi trùng trùng vô hạn.

Riêng tôi, cái hiu quạnh lớn đến vào những ngày tiếp sau biến cố 30/4/1975. Cuộc sống to lớn mênh mông dường ấy, rộn ràng dường ấy mà tôi cảm thấy chỉ có mình mình đối diện với đất trời quạnh quẽ. Mọi thứ đều vỡ vụn. Mọi niềm tin đều như "những viên đá cuội rớt vào lòng biển khơi" mù tăm mất dấu. Tin Mỹ, Mỹ bỏ rơi. Tin chính quyền, chính quyền bỏ chạy. Tin quân đội, quân đội tan rã. Tin bạn bè, bạn bè thất tán, ngu ngơ, mỗi người một ngã. Tin đất nước, đất nước tàn phai. Chúa bỏ đi, Phật cũng chẳng thấy. Còn tin mình? Chao ôi, tin mình sao được! Mình có hơn gì một "nhánh rong phiêu bạt" (1). Mênh mang tuyệt vọng. Chung quanh mình là một hoang vu. Tin ai bây giờ giữa cơn sóng gió quê hương hung hãn đang đổ lên số phận từng người?!

Tin ai? Ai tin? Câu hỏi đó là nỗi vật vã triền miên của có lẽ không chỉ có một mình tôi vào thời gian đó.

Ai đó đã từng nói: người ta sống không chỉ bằng bánh mì mà còn bằng niềm tin. E đúng. Khi mất niềm tin rồi mới thấy cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì. Bây giờ, sống ở xứ người, sau bao nhiêu vật đổi sao dời, niềm tin đổ vỡ ngày nào vẫn còn là một vết sẹo ngang tàng cắt ngang cuộc sống.

Tôi tự hỏi: tin là gì vậy nhỉ ?

Tin, bao giờ cũng là tin vào một cái gì hay vào một người nào đó. Là đặt tương quan giữa mình như một chủ thể và một cái gì khác mình, ở ngoài mình xem như là đối tượng. Đối tượng có thể là rất cụ thể, nắm bắt được dễ dàng, nhưng cũng có thể trừu tượng, vô hình vô ảnh, chẳng hạn như một lời hứa, một hình bóng, một điều tưởng tượng hay một ý niệm, một chủ thuyết. Nó có thể khách quan mà cũng có thể chủ quan. Tưởng tượng ra một điều và tin vào nó y như thật. Tin có ma và được gặp... ma hoài. Có người bị bịnh ung thư, tin rằng mình sẽ hết bệnh, và rồi hết bệnh thật. Tin một ai đó là lãnh tụ anh minh thế là lúc nào cũng thấy ông ta (bà ta) là lãnh tụ anh minh thật – kể cả lúc, ông ta (bà ta) chẳng có gì là anh minh cả. Vân vân và vân vân. Như thế, trong niềm tin, có ước đoán, có mong mỏi, có kỳ vọng và tất nhiên có cả... hoang tưởng. Đối tượng của niềm tin thường có nhiều lớp, nhiều mặt nạ. Hễ lớp này bị tróc đi qua kiểm nghiệm của thực tế, ta sẵn có lớp khác để dựa vào. Gần gũi, cụ thể thì tin bạn, tin người thân, tin người tình, tin lãnh tụ, tin tổ chức. Cao

hơn nữa thì tin vào chủ thuyết, vào luật pháp, vào nhà nước. Trừu tượng hơn thì tin vào Phật, vào Chúa, vào đời sau. Tóm lại, dường như mọi mưu cầu trong đời sống không có gì thoát khỏi niềm tin. Đối tượng thì thay đổi nhưng bản chất của niềm tin thì vẫn thế. Vẫn là đặt mình vào một cái gì không phải là mình. Các sự xấu xa, tệ hại trong cuộc sống thường xuất phát từ sự vỡ vụn niềm tin. Phản bội, lọc lừa, đón gió trở cờ... là những dạng thức của niềm tin bị trốc gốc. Bởi thế, khi niềm tin bị lung lay, người ta nói củng cố niềm tin. Củng cố niềm tin có tính cách đôi: củng cố cảm giác tin tưởng ở trong bản thân và củng cố đối tượng của niềm tin. Nghĩa là làm sao để giữ niềm tin cho lâu bền. Để được như thế, thường thì phải tự dối mình và dối cả người. Đôi khi là một dối trá tập thể. Dối trá qua không gian và thời gian.

Đời người, ai cũng trải qua vô số lần tin và nhiều lần vỡ mộng. Những chuỗi tin và vỡ mộng tạo thành cái mà người ta gọi là kinh nghiệm. *Kinh cung chi điểu* - con chim bị bắn, thoát chết rồi, hễ thấy cành cây cong là sợ, tưởng đó là cây cung. Nhưng chỉ không tin cái gì có hình dạng cây cung thôi. Hồi nhỏ, tôi đã chống chỏi với cái thế giới đe dọa, đầy hồn ma bóng quế chung quanh bằng cách niệm Phật mỗi khi đi trong đêm tối hoặc cắt hình Phật dán quanh phòng với niềm tin rằng có Phật thì ma sẽ sợ mà tránh xa. Lớn lên, niềm tin nhảm nhí ấy mất dần. Tưởng là hết hẳn khi bước vào tuổi trưởng thành. Hóa ra không phải. Hết sợ ma, lại sợ người. Hết sợ người lại sợ mình. Và phải tìm kiếm một cái gì để tin tiếp. Tôi bắt đầu tin vào khoa học, luận lý, triết lý. Hồi nhỏ, tin Phật để trừ ma. Lớn lên, tôi tin Phật bằng một con đường khác trông có vẻ trí thức hơn qua các công án thiền và các kinh điển thuộc loại cao cấp. Học vỏ vẻ năm, ba chữ là bắt đầu ba hoa chích chòe về "đốn ngộ," "sắc sắc không không," "chấp ngã," vân vân. Không chỉ chừng đó. Còn nào là cách mạng, vong thân, biện chứng pháp, nào là hiện sinh, hư vô, phi lý, vân vân và vân vân. Lúc này là lúc tin chữ, mê chữ với ý nghĩ rằng chữ nghĩa có thể thay đổi thế giới, mang lại hạnh phúc, chấm dứt bất công trần thế. Chữ nghĩa trở thành những ám ảnh - hơn thế nữa, trở thành những thực thể, đôi khi tưởng như có thể cầm nắm được, tiêu xài được. Ai đã từng sống qua những giai đoạn nhiễu nhương đó (trước 1975), lại không ít nhiều bị cuốn hút, bị mê hoặc bởi những cụm từ thời thượng: cách mạng, vô sản, giai cấp, tổ quốc, giải phóng, hiện sinh, buồn nôn...

Dường như càng học, càng đọc thì niềm tin nói chung không mất đi mà trái lại càng lớn, càng sâu. Sâu đến độ chúng có vẻ như không phải là niềm tin nữa mà là điều có thật. Khi đã tin niềm tin mình là chân lý thì người ta bắt đầu xem niềm tin của người khác là mê tín, trẻ con, nhảm nhí. Chỉ khi nào những điều tưởng như chân lý ấy đổ vỡ thì ta mới rõ ra đó cũng chỉ là những niềm tin. Hơn thế nữa, chỉ là ảo tưởng. Tin đậm quá thành mê. Mê quá dứt ra không được thì thành mê tín. Mê tín cuồng nhiệt thì thành cuồng tín. Đặc tính của những người cuồng tín là chỉ thấy mình mà không thấy người khác, xem những gì người khác tin (hay không tin) là mê tín.

Trong bản chất, niềm tin chứa đựng tính phi lý. Tertullien nói: "Tôi tin vì điều ấy phi lý" (credo qui a absurdum est = I believe because it is absurd") (2). Điều phi lý ấy, thực ra, không xuất phát từ đối tượng của niềm tin mà lại là bản chất của chính niềm tin. Khi một niềm tin được hình thành thì lập tức, đối tượng của nó được bao bọc bằng một lớp mặt nạ vững chắc bao gồm cả tình cảm lẫn luận lý. Nó được vũ trang bằng mọi thứ, biến thành một quán tính, là thành trì bảo vệ niềm tin. Một khi đã như vậy thì thường người ta chẳng thèm lưu ý đến khái niệm đúng sai, thiện ác. Trong đời sống hàng ngày, niềm tin gây ra những biến tướng như mặc cảm, ngộ nhận, thành kiến. Những biến tướng này có thể tồn tại lâu dài ngay cả khi niềm tin "gốc" của nó đã bị vỡ vụn. Nó tạo ra những yêu, ghét rất đặc dị:

Yêu ai, yêu cả đường đi
Ghét ai, ghét cả tông chi họ hàng.

Khi tôi nói rằng "thằng ấy ác lắm" thì có nghĩa rằng tôi tin thằng ấy ác. Khi tôi nói "bà ấy rất tốt," nghĩa là tôi tin rằng bà ấy tốt. Khó mà tìm ra một phán đoán có tính cách khách quan. Mỗi người, khi sử dụng lý luận, đều dựa trên một tiền đề có sẵn của mình, ấy là niềm tin vào một cái gì mà mình tích lũy được rất lâu trước đó. Thành thử ra, giữa niềm tin và lý luận có một sự cố kết, nhiều khi chặt chẽ đến nỗi ta khó thể phân biệt đâu là cái khách quan của lý luận và đâu là cái chủ quan của niềm tin. Từ đó

đưa đến những tranh cãi triền miên không dứt, không tìm ra giải đáp khiến cho lắm lúc sự tranh cãi chấm dứt bằng chiến tranh, bạo lực - nghĩa là phải tiêu diệt đối thủ để "nó" không còn tranh cãi được nữa. Cứ thử xem hai người Quốc Gia và Cộng Sản ngồi cãi nhau hay nghe lập luận của hai phe chống và ủng hộ cuộc chiến tranh tại Irag thời gian vừa qua (ở Liên Hiệp Quốc) thì rõ. Bên nào cũng có lý cả. Mà thực ra bên nào cũng dưa cái lý ra dựa theo quan điểm mà mình tin là đúng. Chung quy là anh tin cái của anh còn tôi thì tôi chỉ tin cái của tôi.

Phật có cho một thí dụ đầy ấn tượng. Một hôm Phật đưa một bàn tay đang nắm chặt lại của mình trước mắt một đệ tử và bảo rằng "Ta nói rằng trong bàn tay ta có một viên ngọc, con có tin không?" Người đệ tử trả lời: "Dạ tin." "Vì sao?" Phật hỏi. "Vì con biết Đức Phật không bao giờ nói dối," người đệ tử trả lời. Sau đó, Phật xòe bàn tay ra. Người đệ tử nhìn thấy quả thật có một viên ngọc quý nằm trong đó. Phật lại hỏi: "Bây giờ con có còn tin nữa không?" Người đệ tử đáp: "Thưa Đức Phật, không." "Vì sao?" Phật hỏi. "Vì con đã thấy nó rồi," người đệ tử đáp.

Từ thí dụ đó, Phật bảo "Nhận biết như người ta thấy một viên ngọc trong bàn tay."

Thí dụ thật độc đáo. Và cụ thể. Tôi khoái. Nó như một tia chớp loé sáng trong đầu óc vốn đầy luận lý của mình. Khi chưa thấy viên ngọc, người đệ tử (và cả chúng ta) tin rằng chắc chắn là có viên ngọc trong bàn tay, bởi vì Phật đã nói như vậy. Phân tích kỹ, ta thấy, người đệ tử không hẳn tin vào viên ngọc mà tin vào Phật, người mà ông ta cho rằng không bao giờ nói dối. Niềm tin, như thế, có tính cách vòng vo. Nó chạy vòng vòng qua nhiều trung gian. Tin một người nào đó, vì thấy người đó đàng hoàng, ăn nói nhỏ nhẹ, hay giúp đỡ, giữ lời hứa... Đùng một cái, người đó mượn tiền không chịu trả. Thế là hết. Mọi thứ tin cũ đều tiêu tan. Những tính cách như "đàng hoàng," "ăn nói nhỏ nhẹ," "hay giúp đơ," "giữ lời hứa"... đều trở thành vô nghĩa. Khi "thấy" rồi, các trung gian lập tức biến mất vì thực tình những trung gian đó chỉ là "trung gian," nghĩa là giả, huyễn cả. Trong thí dụ trên của Phật, thấy viên ngọc rồi thì ý niệm về bàn tay cũng mất, ý niệm về Phật đồng thời cũng mất mà ý niệm về viên ngọc cũng mất luôn. Y như khi ta qua đến đất Mỹ rồi, đi chợ Mỹ rồi, ăn đồ Mỹ rồi, cày trong các hãng xưởng Mỹ rồi, trả bill Mỹ rồi, hưởng thụ cũng như chịu đựng "giấc mơ Mỹ" rồi thì mọi ý niệm về một nước Mỹ tự do, bình đẳng, giàu có tự nhiên biến mất. Thấy rồi, đâu cần lý luận, đâu cần chứng minh.

Giáo lý của đạo Phật được gọi tóm tắt trong phạn ngữ là "chi-passika," nghĩa là "đến để thấy" chứ không phải để tin. Trong các bản kinh văn, những từ ngữ luôn luôn được dùng để chỉ những người đã chứng ngộ chân lý là 'dhamma cakkhu,' nghĩa là 'pháp nhãn' (con mắt pháp), không bụi bặm và không cáu bẩn đã phát sinh: "Người nào đã thấy chân lý, đã vượt qua hoài nghi, người ấy không còn do dự. Với trí huệ chân chính người ấy thấy sự vật đúng như sự vật (yathà bhùtam)."(3)

Trong một hướng tương tự, linh mục Pierre Teillard de Chardin, đã đặt việc "thấy" (voir=seeing) là yếu tố hàng đầu trong sự nghiệp khoa học và tôn giáo của ông khi nghiên cứu về con người. Trong lời tựa của một trong những tác phẩm quan trọng nhất của mình "The Phenomenon of Man" (nguyên bản tiếng Pháp là "Le phénomène humain"), ông viết "Tác phẩm này có thể tóm tắt như một dự tính là *thấy* và làm cho mọi người khác *thấy* cái gì xảy ra với con người... '*Thấy.*' Chúng ta có thể nói rằng toàn bộ đời sống - nếu nó không là tối hậu thì ít nhất cũng là chính yếu - nằm ở động từ (thấy) này (...) Không còn hoài nghi gì nữa, đó là lý do tại sao lịch sử của thế giới sống có thể tóm tắt như là sự thêm vào của những đôi mắt càng hoàn hảo hơn bên trong một vũ trụ, ở đó, luôn luôn có thêm những điều cần được nhìn thấy. Sau hết, chúng ta đã chẳng phán đoán sự hoàn hảo của một con vật, hoặc ưu thế của một sinh vật suy tưởng bằng sự quán triệt và quyền năng tổng hợp của cái nhìn của chúng đó sao? Nỗ lực nhìn nhiều hơn và tốt hơn chẳng phải là vấn đề tùy hứng hay tò mò hay sự phóng túng. *Thấy* hoặc bị tiêu diệt chính là điều kiện khiến cho mọi vật tạo nên vũ trụ, bởi vì đó là món quà bí nhiệm của hiện hữu. Và điều này, ở mức độ cao hơn, chính là thân phận con người."(4) (Những chữ in nghiêng là do tôi nhấn mạnh).

Vậy, thấy ở đây, chính là nhận ra cái bản lai diện mục của sự vật. Thấy, chính là cái nhìn nội tâm, là sự thấu tình đạt lý. Ở trong Phật giáo, thấy là một trạng thái sạch không, không dính,

bám, không vướng. Thấy, nói xa hơn, chính là "chứng," là "ngộ." Khi thành Phật, thái tử Tất Đạt Đa thấy hết, thấy suốt toàn bộ một lần. "Nói đến sự giác ngộ của chính Ngài, Đức Phật dạy 'Con mắt đã phát sinh, trí thức đã phát sinh, kiến giải đã phát sinh, ánh sáng đã phát sinh.' Luôn luôn đấy là sự thấy biết qua trí hay huệ (nàna-dassana), chứ không phải sự tin tưởng qua đức tin." (5) Hành vi chứng ngộ, chính là hành vi thấy, thấy vật thấy người, thấy mình, thấu đạt cái thể tính uyên nguyên của sự vật. Thấy, là "kiến tánh." Kiến tánh rồi là không vậy! Trong một giới hạn nào đó, không ở đây tức là không tin, không còn niềm tin nữa.

Ai cũng trải qua nhiều lần tin và nhiều lần thấy. Thấy được cái này rồi lại tin vào cái khác, triền miên không dứt. Khi bế tắc, không thiếu lúc người ta trở về cái tin cũ, mặc dầu đã từng "thấy" nó. Chỉ vì căn cốt của mọi niềm tin là tin chính mình: chấp ngã. Mê tín bản thân. Tin một cái gì đó là vì nó thuộc một phần của tôi, có lợi cho tôi. Khi tôi không tin cái đó nữa, tôi vứt nó đi và lấy một cái khác thay thế vào. Quá trình được lập lại: cái đó là của tôi, thuộc phe tôi. Vậy, thủy chung hay bội bạc có cái gì giống nhau: tin mình, mê mình, chỉ biết có mình. Khi thấy chung thủy không có lợi là bèn bội bạc. Cái khác là ở chỗ, đối tượng của nó thay đổi: tin cái này và không tin cái kia nữa. Mở rộng ra, cái ngã muốn thu tóm cả thế giới. Thu hẹp lại, cái ngã co cụm vào đến từng chi tiết tế vi nhất. Phật bảo: "Chấp trước vào một điều gì (một quan điểm nào) và khinh miệt những điều khác (quan điểm khác) xem là thua kém - đấy người trí giả gọi là một xiềng xích." (6) Điều này không loại trừ giáo lý giải thoát của chính Phật. Nói một cách khác, ngay cả chấp trước vào chính giáo lý giải thoát của Phật cũng là một xiềng xích. Nói một cách khác nữa, trên quá trình giải thoát, người tu hành phải loại bỏ thành lũy, chướng ngại cuối cùng: đó là niềm tin vào chính giáo lý của Phật, tin vào Phật như là chân lý.

Phần tin nằm trong "Kinh nền tảng Đức Tin" thường được biết là kinh Phật thuyết cho người dân Kalama, theo đó:

- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó là truyền thuyết.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó thuộc về lý luận siêu hình.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó phù hợp với định kiến của mình.
- chớ vội tin điều gì chỉ vì điều đó được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết.

Hết nói! Chẳng khác gì là một cách phủ nhận niềm tin? Có thể. Thực ra, theo tôi, những lời khuyên đó nhằm mục đích cảnh giác con người về tính cách bất trắc của niềm tin. Luôn luôn đánh giá lại cách tin của mình. Hay nói cho rốt ráo thì không nên tin. Tìm cách để thấy.

Chưa thấy mới cần tin.

Thấy rồi thì hết tin.

Theo tôi, đó là thông điệp đơn giản nhất và có lẽ cũng là phức tạp nhất mà Phật gửi cho con người ở mọi thời.

Tiếp nhận thông điệp ấy như thế nào lại là một việc khác.

(viết 4/1999- viết lại 7/2003)

Chú thích:

(1) Cụm từ này là tựa đề của một tác phẩm mà tôi quên mất tên tác giả. Mong tác giả thông cảm.

(2) Dẫn lại theo Carl Jung, Psychological Types, *bản tiếng Anh của H.G.Baynes, Princeton University Press, Princeton, W.J, 1974, tr. 12-13.*

(3) & (5) Con đường thoát khổ, *bản dịch Thích Nữ Trí Hải, tr. 25.*

(4) Pierre Taillhard de Chardin, The Phenomenon of Man, *bản tiếng Anh của Wm. Collins Sons & Co. Ltd., London and Harper & Row, Publishers, New York, tr. 31.*

(6) Con Đường Thoát Khổ, *sđd, tr. 27*

VÕ ĐÌNH

ông "30"

Thoạt đầu, hắn chỉ hơi khó chịu. Nhưng rồi, mấy ngày sau, cái khó chịu đó cứ lớn dần, đến mức đi đâu hắn cũng thấy khó chịu, cũng ngửi thấy mùi ấy. Không hẳn là hôi thối, mùi ấy nồng nồng hăng hăng, mùi nấu nướng tích lũy lâu ngày, áo quần cũ, mùi thảm ẩm, một cái mùi mốc meo, dơ dáy, tàn tạ. Hắn ngửi hoài, đến độ bị ám ảnh cả trong giấc ngủ, mà vẫn không biết đó là mùi gì. Phòng hắn số 28, cuối hành lang hẹp và tối. Phòng bên cạnh, ngay bên cạnh, số 30, đích thị là nơi phát xuất mùi xú uế. Dọn vào đã mấy tháng, hắn vẫn không biết hàng xóm gần nhất, sát bên, là ai. Chỉ một lần, hắn *suýt* thấy mặt người đó.

Một hôm, đã khuya, lấy chìa khóa phòng móc ở quầy trước của mụ quản gia, hắn leo cầu thang. Khách sạn xưa cũ, cho thuê phòng tháng, giá rẻ, không có thang máy. Cầu thang vừa dốc vừa hẹp, thảm lót có chỗ mòn tận nền gỗ, cứ mỗi tầng lầu mới có một nút bấm đèn. Đèn chỉ sáng trong một chốc ngắn ngủi cho nên nếu đi lên nửa chừng cầu thang mà đèn tắt thì... ráng chịu. Chỉ còn cách lò mò lên tới tầng sau, lò mò tìm nút bấm, bật đèn sáng, mới thấy đường.

Hôm ấy, hắn leo cầu thang sau một người. Người ấy nồng nặc cái mùi làm hắn khó chịu từ ngày dọn đến ở đây, mùi phòng số 30. Cứ nhìn bên ngoài thì đó là một người đàn ông. "Ông 30", hắn nghĩ. Áo măng-tô len, mặc dù mới cuối thu, chưa lạnh lắm. Khăn dày quấn quanh cổ, miệng, và mũi, mũ dạ đội sụp xuống, tay mang găng. "Ông 30" xách một chiếc cặp da căng phồng, có vẻ nặng nề. Vì ông đi trước nên hắn chỉ thấy những chùm tóc ót lấm tấm bạc lòi ra giữa mũ và khăn len.

Hắn để ý đến mép quần dài của ông: có lai lật ngược, kiểu hai mươi năm về trước. Ở gót, mép quần đã sờn nhiều. Quần hơi ngắn, mỗi lần "ông 30" cất bước, hắn lại thấy màu vớ ve chai của ông. Quần, giày, và vớ đều cũ kỹ, nhưng khá chải chuốt, như thể mới lấy ra từ một viện bảo tàng y phục.

Cầu thang hẹp bề ngang, hắn đi sau, đành chịu không thấy được mặt người đi trước. Mùi hăng nồng bốc ra từ "ông 30" dữ dằn đến nỗi hắn phải chậm chân lại để tăng lên khoảng cách giữa hai người. Bỗng nhiên, đèn tắt ngúm. Cầu thang đen thui. Đến khi hắn lò mò lên tới tầng trên, tìm được nút đèn thì "ông 30" đã đi mất. Đây rồi, tầng 5, hắn nghe lạch cạch, tiếng chìa khóa tra vào ổ, rồi tiếng cửa phòng đóng cái rầm. Hắn vừa mất một dịp thấy mặt mũi người ở phòng bên cạnh Cả năm trời ở đó, hắn vẫn không biết người ở phòng 30 là ai. Không biết mặt người hàng xóm, nhưng hắn cứ phải ngửi cái mùi khó chịu bốc ra từ phòng bên cạnh. Và hắn *nghe*. Nghe những tiếng động bên phòng 30.

*

Trời đã sang Đông, khá lạnh, cái lạnh khô và sắc. Ông chồng mụ quản gia, người lùn tịt, thường nhăn nhó, hôm ấy lại cười cười: "Máy sưởi, mở rồi đấy!" Bộ ống phóng nhiệt có *ấm* lên một tí. *Ấm,* không phải nóng. Giặt đôi vớ mỏng, phơi trùm lên bộ ống suốt đêm mà sáng hôm sau vẫn chưa khô. Trời lạnh, tiếng động như được dồn vào bên trong. Cửa lớn, cửa nhỏ đóng kín, mùi hăng nồng càng làm hắn khó chịu. Càng có lý do để lang thang ngoài công viên, hay chui vào quán cà-phê nào đó, gọi một tách nhỏ, ngồi nhâm nhi thật lâu. Nhưng rồi cũng đến lúc phải trở về, ngửi cái mùi hăng nồng, nghe những tiếng động phòng bên cạnh.

Hôm ấy, hắn nghe tiếng người: "ông 30" có khách! Tò mò, nghe lóm, rất xấu, rất bậy, hắn biết lắm, nhưng hắn cứ lắng nghe. Chỉ bắt

được tiếng xì xào, thầm thì của người đang trò chuyện. Hắn có cảm tưởng họ bịt mặt mà nói. Hắn lấy làm lạ: tiếng nói không nhỏ lắm mà hắn vẫn không lần ra nghĩa. Một ngoại ngữ chăng? Tại sao lại một ngoại ngữ? Khách "ông 30" đến từ một nước khác chăng?

Hắn để ý, người "khách" đó đến hàng tuần. Cứ thứ sáu, khoảng bốn, năm giờ chiều là người ấy đến. Có tiếng soong chảo, bát đĩa, tiếng chiên xào, mùi nấu nướng. Rồi trò chuyện. Xì xào, thầm thì, thủ thỉ. Thỉnh thoảng có tiếng gắt nhẹ. Như xô xát, cãi cọ. Nhưng vẫn âm thầm, lặng lẽ. Lại có khi, nghe tiếng cười. Tiếng cười nhỏ, ngắn, rồi tắt ngúm. Rồi có tiếng hổn hển, ú ớ, rên rỉ. Rồi có tiếng nước chảy. Tiếng quẹt diêm. Mùi thuốc lá. Yên lặng, thật lâu. Chờ mãi, lâu quá không thấy động tĩnh, hắn nóng ruột, nảy ý định ra khỏi phòng, ra khỏi khách sạn. Hắn mặc áo ngoài, choàng khăn ấm, mang găng vào thì nghe tiếng cửa phòng bên cạnh được mở. Hắn chờ cho đến khi cửa bên ấy vừa được đóng lại mới mở cửa phòng mình, bước ra. Và hắn đã gặp người "khách" của "ông 30".

*

Người ấy đi trước hắn mấy bước. Áo măng-tô len rộng, dài, giày nhọn mũi, gót cao trung bình. "Khách" "ông 30" đi trước nên khi xuống cầu thang khá dốc, tầm mắt hắn nhìn xuống đỉnh đầu người ấy. Đầu người ấy trùm khăn kín mít, chỉ để lộ mái tóc hung hung, lòa xòa trên vai và lưng. Một mái tóc khá lớn, *quá* lớn, nhưng trông khô cằn, thiếu chải chuốt.

Cứ nhìn cái khăn trùm đầu, mái tóc, và đôi giày thì đó là một người nữ, một người đàn bà, hắn nghĩ thầm, dáng dấp không được uyển chuyển, mềm mại. Tuy nhìn từ trên xuống, hắn cũng thấy được là bắp chân mập mạp người ấy mang vớ. Thứ vớ các vũ nữ hay mang. Lưới cá. Đen. Những cô vũ nữ trang phục khêu gợi, tô điểm sặc sỡ, đùi và chân thon dài, óng mướt. Vớ lưới cá và giày đen gót cao, thật cao, thật nhọn, làm cho cặp giò dài thêm, trắng, và lẳn thêm.

Nhìn người đi trước, áo măng-tô len nặng nề, giày cũ gót cao trung bình, mà lại mang vớ lưới cá, hắn thấy kỳ cục, và lấy làm thương hại. Thương hại cho người đàn bà quê kệch, ăn mặc lố bịch. Một cặp vớ len, đen, xám, hoặc nâu, đậm màu, có lẽ hợp với áo ngoài mùa đông, và đôi giày gót thấp hơn. Nhưng rồi, hắn giật mình. Người đi trước hắn, xuống cầu thang, tay trái còn mang găng và nắm lấy găng tay kia, còn tay kia, tay phải, để trần, vịn lấy lan can. Bàn tay to lớn, trắng phau; những ngón tay múp míp, nhẫn nhiếc đeo mấy cái sáng chóe. Làm nổi bật những sợi lông đen ngòm.

Xuống đến tầng trệt, người ấy vội mở cửa, lọt ra ngoài, không giữ lấy cửa cho người đi sau. Một mùi hương phất vào mũi hắn. Nước hoa, nồng nàn, nồng nặc. Ra đến đường phố, người ấy nhanh nhẹn đi thật mau. Hắn nhìn theo bắp chân cục mịch, lưới cá đen, lẫn hẳn vào dòng người lũ lượt trên đại lộ dẫn về phía sông.

Hắn đứng lại, nhìn quanh quất, tần ngần, rồi chặc lưỡi, quay trở về phía công viên, hướng Nam. Hắn vẫn chưa thấy rõ mặt người "khách" của "ông 30". Hắn chỉ thấy bàn tay phốp pháp, trắng hếu, những ngón tay có lông đen, đeo nhẫn sáng chóe. Từ hôm đó, cứ chiều thứ sáu, hắn vắng mặt ở phòng hắn, rồi chần chờ đâu đó đến tối mịt, có khi đến khuya, mới về.

2003

HUỲNH LIỄU NGẠN

TA VỚI NGƯỜI HAI NẺO MỘNG MÀ THÔI!

rồi cũng đến một chân mây xuôi ngược
con đường đi qua lại cũng vô chừng
người vội vã thổi hương lòng nghiêng lệch
mà mưa mai nắng quái cũng vô cùng
sao tiếng nói không âm vang ghềnh thác
để người rồi bèo giạt với hoa trôi
người lỡ dở một khung trời xa bến
mà mưa mai nắng quái cứ luân hồi
tôi ở lại với trăng tàn nắng xế
lừa mây về trên đỉnh ngọn sao tua
cứ thêu thùa thêm ngàn hoa nội cỏ
một nẻo đời hai nẻo mộng se sua.

luận về BỊP

KHỔNG-CÓ-CHI

Sau khi đọc bài bình luận của bạn Ngô Nhân Dụng về *"Hối Lộ Và Ăn Hối Lộ"* (***Thế Kỷ 21***, số 171), ta không biết nên cười hay nên khóc. Để đáp lễ ông bạn, ta vội nộp cho ông Chủ Bút bài khảo luận về bịp. Bài này được mang ra trình làng với một tinh thần rất ư là nghiêm túc, với mục đích chính là để giúp chúng ta thông cảm lẫn nhau và gần gũi nhau hơn theo đúng tinh thần bịp bợm. Ai đã thành công trong ngành bịp bợm sẽ hiểu rõ hơn tại sao mình đã *"tiến bộ vượt bực"* như vậy. Ai đang sửa soạn vào nghề bịp bợm hoặc đang nuôi mộng đi bịp thiên hạ sẽ có dịp rút tỉa kinh nghiệm của những bậc *"đàn anh"* để học hỏi những bí quyết thành công. Còn các vị nào đã từng bị bịp, hoặc đang bị bịp thì cũng nên ngồi *"cười ruồi"* để xả xui. Sau phần *"phi lộ"* (tức là *"lời nói đầu"*, chứ không phải là *"con đường gian phi"*), bây giờ xin vào đề.

1. Nhân Chi Sơ Tính Bản... Bịp!

Ai cũng biết trong toàn cõi chúng sinh chỉ có loài người biết ăn gian, nói dối một cách rất ư là tinh vi, và lường gạt lẫn nhau rất ư là bỉ ổi. Khả năng bịp bợm quả là một đặc tính mà Tạo Hóa đã ban riêng cho loài người. Ta thử hỏi có loài vật nào luôn luôn hăm he *"vặt lông"* đồng chủng đâu? Có loài cầm thú nào được hưởng cái thiên phú đó đâu? Vì vậy, ta có thể coi hành động bịp bợm phản ảnh trung thực *"nhân tính."* Rồi từ đó, ta có thể kết luận rằng những tên đại bịp là những người có rất nhiều *"nhân tính."* Trái lại, những người bị bịp, cũng như những người không biết bịp, đều là những người rất thiếu *"nhân tính."*

Hành động đầy *"nhân tính"* của loài người đã tạo ra biết bao nhiêu cảnh bi thảm cho tất cả chúng sinh trên cõi đời này, kể cả loài người. Cứ nhìn đàn chim vô tội thì sẽ thấy ngay. Cả ngày chúng chỉ biết bay lượn trên trời và hót lên những bản tình ca tuyệt vời, thế mà cũng bị loài người lường gạt bằng đủ mọi thứ cạm bẫy. Thật là tội nghiệp cho số kiếp long đong! Bị vặt lông từ đời này sang đời khác, nhưng vẫn không đủ minh mẫn để học được những kinh nghiệm đau thương của... các *"bậc tiền bối"*!

Lý do thứ hai mà ta coi hành động bịp bợm thể hiện *"nhân tính"* là vì dây liên đới giữa tên bịp bợm và kẻ bị bịp không khác gì sợi dây xích thằng xích liền trai tài gái sắc vào với nhau. Thật vậy, nếu không có người thích bị bịp thì làm sao các tên bịp bợm có dịp thi thố tài năng thiên phú của mình được? Cũng theo lối diễn dịch này, ta thấy ngay rằng nếu không có những cô con gái nõn nường *"chỉ biết yêu thôi, chẳng biết gì"* thì làm sao những tên Sở Khanh có dịp tung hoành trong chốn phòng the *"như vào chỗ không người,"* rồi lại còn thề thốt kiểu cải lương: *"Dù sông có cạn, dù núi có mòn thì chúng anh cũng... vẫn vậy."* Tuy là một câu thề rất ư là ngất ngơ, nhưng nó có rất nhiều *"ép-phê"* vì nó đã từng làm bao nhiêu cô gái nhà lành phải rùng mình

cảm động. Hỡi ôi! Đến lúc chàng *"truất ngựa truy phong"* thì các nàng lại còn lấy làm sung sướng vì nghĩ rằng *"tình chỉ đẹp khi còn dang dở."*

Nhân tiện đây tôi xin nêu ra một điểm sai biệt rất quan trọng giữa *"nhân tính"* và *"tình người."* Hai cụm từ này nghe có vẻ gần gũi với nhau như *"anh em con chú con bác,"* nhưng thực ra rất đố kỵ với nhau, như nước với lửa, như âm với dương, như *"Đảng ta"* với *"Mỹ Ngụy"*... Như đã trình bày ở trên, *"nhân tính"* được thể hiện bằng những hành động bịp bợm làm cho các nạn nhân phải ngỡ ngàng khi tỉnh dậy thì đã thấy mình bị *"trụi lông, rụng cánh."* Trái lại, *"tình người"* là đặc tính của người *"tốt **bụng**"* nhưng *"tối dạ"*: vì *"tốt bụng"* nên yêu thương tất cả mọi người và không muốn làm hại bất cứ một ai, trái lại vì *"tối dạ"* nên cứ tưởng rằng *"ai cũng dễ thương"* và *"không ai muốn làm hại mình."* Những người có *"bụng-dạ"* như vậy thiệt là hiếm có ở trên cõi đời ô trọc này, nên đã được các thi sĩ ca tụng là người *"ngây thơ và trong trắng"* không khác gì *"con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô."*

2. Phân Loại Thành Phần Trong Xã Hội Bịp Bợm

Tuy hành động bịp bợp phản ảnh *"nhân tính,"* ai cũng nên biết rằng không phải người nào cũng được trang bị đầy đủ phẩm chất *"nhân tính"* khi ra góp mặt với đời. Để có một nhận định rõ ràng về vấn đề này, ta bèn bắt chước các nhà nhân chủng học để phân chia loài người ra làm tám loại chủng tộc một cách rất ư là *"khoa học"* như sau:

(1) Loại thứ nhất là những kẻ có thừa *"nhân tính,"* nhưng rất thiếu *"tình người."* Đó là những tên đại bịp, chuyên sống về nghề lường gạt, ăn gian, nói dối v.v... Vì thiếu *"tình người"* nên chúng không nể mặt một ai, không hề kỳ thị bất cứ loại người nào, dù là trai hay gái, già hay trẻ, sang hay hèn, Công giáo hay Phật giáo, Việt Quốc hay Đại Việt, v.v... Nói tóm lại, tất cả những người nào đứng *"ngơ ngác"* ở ngã ba đường đời như *"con nai vàng"* đều có thể là nạn nhân của chúng.

(2) Loại thứ hai là những kẻ có thừa *"nhân tính"* nhưng rất thiếu phần *"trí tuệ."* Đó là những tên không có khả năng bịp bợm mà lại nuôi mộng lớn đi lường gạt thiên hạ. Do đó, chúng ít khi thành công trong nghề bịp bợm, mà nhiều khi còn bị thân bại danh liệt. Điều này chứng minh *"nhân tính"* và *"ngu dốt"* là hai vấn đề không liên quan gì tới nhau ráo trọi.

(3) Loại thứ ba là những người có cả *"nhân tính"* lẫn *"tình người."* Đó là những người có khả năng bịp bợm nhưng không chịu mang khả năng đó ra thi thố trên trường đời, có lẽ vì thiếu phương tiện hành nghề, hoặc vì lương tâm không cho phép họ làm hại người khác. Dù sao đi chăng nữa, ta có thể suy luận rằng loại người này đã bị *"tình người"* làm đui chột một phần *"nhân tính"* của họ.

(4) Loại thứ tư là *"chim mòng."* Loại này không biết bịp vì quá thiếu *"nhân tính,"* cho nên được xã hội coi như là một loài chim, chứ không phải là loài người. Đó là những thành phần đã bị bịp, hoặc đang bị bịp, hoặc sẵn sàng hiến thân cho những tên bịp bợm *"vặt lông."* Ai cũng biết rằng chim mòng có lông (nếu may mắn chưa bị *"vặt"*) nhưng không có cánh, vì thế khi rơi vào cạm bẫy thì không bay đi đâu được, nên chỉ biết ngồi khóc than thảm thiết, và trách cứ *"xã hội thiếu tình người."* Có thể nói, đa số chim mòng có một bản tính rất là *"ngây thơ và trong trắng"* nên không biết rằng chính mình đã thúc đẩy những tên bịp bợm vào con đường bất nhân, bất nghĩa, bất tín.

Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều chim mòng rất là *"ngây thơ,"* nhưng chẳng *"trong trắng"* một chút nào cả. Đó là những kẻ luôn luôn tìm cách đi bịp người khác nhưng lại bị đối tượng tương kế tựu kế bịp lại. Cho đáng kiếp! Đi bịp mà không mang phần trí tuệ đi theo để hành nghề thì sớm muộn cũng sẽ bị *"vặt lông."* *"Vỏ quít dày móng tay nhọn"* là vậy. Thế cho nên, nhiều chư vị anh hùng quân tử đã quyết tâm: *"Thà làm móng tay nhọn còn hơn là làm vỏ quýt dầy."*

(5) Loại thứ năm cũng thuộc về loài chim, nhưng không phải chim mòng, mà là *"cò mồi."* Chúng là thứ *"vô tài, bất nghĩa,"* nên chỉ biết làm nghề *"chó săn,"* hàng ngày đi lùa chim mòng về cho những tên *"bất nghĩa"* nhưng có nhiều *"tài"*... bịp bợm. Những hành động bất nhân và vô liêm sỉ của đám cò mồi làm nhiều người căm giận nên đã xếp chúng vào loài chó (loài *"cẩu trệ"*) chứ không phải loài chim. Như ta đã thấy nhiều chuyện đau lòng đã sẩy ra sau ngày Đại Bịp Vinh Quang hồi 1975, từng đàn cò mồi được tung ra khắp nơi để dụ dỗ những người ái ngại

cho Tổ Quốc đi vào rừng hy sinh cho *"tổ cuốc."* Kết quả thảm thương ra sao thì ai cũng biết.

(6) Loại thứ sáu không thuộc về loài chim-cò (như chim mòng, chim cuốc, hoặc cò mồi), mà là loài *"bướm thiêu thân."* Ngày xưa ai đã từng đọc hết cuốn sách ***Cách Trí Lớp Ba*** cũng đều biết loài bướm chỉ có một bộ óc to bằng hạt cát. Do đó chúng thiếu trí tuệ nên không có sức đề kháng chống bùa ngải. Một khi đã bị bùa ngải xâm nhập vào lục phủ ngũ tạng rồi thì chúng bị u mê đến mức độ không một văn nô nào có thể tả hết được. Đời thuở nhà ai hễ cứ thấy ánh lửa đỏ là chúng *"hồ hởi, phấn khởi"* nhào vô! Không ai có thể cản nổi! Vì thế có người cho rằng bướm thiêu thân là một sinh vật ngu xuẩn nhất trần gian. Chúng quá ngu tối nên tin rằng *"mang bom đi nổ xứ người"* hoặc *"Sinh Bắc Tử Nam"* là phương pháp hữu hiệu nhất để thực hiện mộng... tuyệt tự. Cuối cùng đám bướm thiêu thân không có con cái để *"nối dõi tông đường."* Theo lý thuyết đào thải tự nhiên của Darwin, dòng giống ngu xuẩn không có dịp truyền sang thế hệ sau nên sẽ bị diệt chủng dần dần theo giòng thời gian. Nhờ vậy, giống người càng ngày càng trở nên ma ranh, quỷ quyệt hơn.

(8) Sau cùng là loại người *"thối mồm."* Đó là những tên chỉ thích mang chuyện bịp bợm ra viết thành những bài khảo luận rẻ tiền để dạy đời. Loại người này tưởng rằng đóng vai trò mô phạm như vậy là khôn ngoan lắm, nhưng thực ra ở đời này có ai ưa những người *"ngồi lê mách lẻo"* đâu. Thật vậy, đối với những tên đại bịp đang say sưa hành nghề trong bóng tối, bỗng nhiên bị mang ra ánh sáng thì làm gì mà không bực mình, rồi nổi sùng? Đối với người bị bịp cũng vậy: đang âm thầm đau khổ như *"gái ngồi phải cọc"* lại bị mang ra *"trình làng"* thì thử hỏi ai mà không mắc cỡ. Vì thế, người đi bịp cũng như người bị bịp đều coi những tên thối mồm là *"kẻ thù chung,"* rồi *"thề phanh thây uống máu quân thù."* Nghe ghê quá!

3. Lường Gạt là Vinh Quang

Tuy đa số những tên sống về nghề bịp bợm là hạng người vô liêm sỉ, nhưng chúng ta không thể kết luận rằng chỉ có những tên vô liêm sỉ mới dùng mánh khóe lường gạt người khác. Nếu nghĩ như vậy thì thiệt là quá... *"ngây thơ và trong trắng."* Ta thử hỏi: nếu không có Khổng Minh Gia Cát Lượng – một tên lường gạt lừng danh trong thời Tam Quốc – thì làm sao Chu Du phải ngửa mặt lên trời mà than rằng *"Cớ sao Trời đã sinh ra Du lại còn sinh ra Lượng?"* Lối than thân trách phận kiểu *"Bắc thang lên hỏi ông Trời"* này quả là ngớ ngẩn và ấu trĩ, vì nó chỉ làm cho người đời thấy rõ Chu Du không bịp giỏi bằng Gia Cát Lượng. Khi bị bịp một cách thê thảm như vậy, tốt hơn hết là nên dùng dao rạch bụng theo tinh thần võ sĩ đạo Nhật Bổn khi xưa, hoặc cùng lắm (nếu không có sẵn dao) thì cũng nên *"chết đứng"* theo kiểu Từ Hải. Thế mới là khí phách! Đã bị bịp rồi lại còn ngồi than khóc tỷ tê như các nàng Kiều thì quả không phải là tác phong của những tay anh hùng hảo hán.

Bây giờ rảnh rang ngồi dở những trang sử oai hùng của dân tộc Việt ra đọc, ta thấy có nhiều hành động lường gạt đáng coi là... oai hùng vinh quang. Nếu Trần Hưng Đạo không chơi trò lường gạt *"dụ khị"* thì hỏi làm sao có trận Bạch Đằng. Lại còn chuyện Nguyễn Trãi thả xuống suối hàng triệu lá rừng mang câu *"sấm ký"* giả mạo *"Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần,"* làm cho toàn dân tin ngay rằng Lê Lợi đã đã kéo được ông Trời về phe với mình để cùng nhau diệt giặc. Trong sử sách, thiếu gì chuyện bịp bợm cao siêu như vậy. Tuy nhiên, chúng ta nên biết rằng những vị lãnh đạo oai hùng trong lịch sử đã được hậu thế ca tụng vì các vị đó đã biết sử dụng tài lường gạt của mình để cứu đất nước. Lẽ dĩ nhiên, thiên hạ luôn luôn phỉ nhổ những kẻ dùng mánh khoé bịp bợm để *"bán nước cầu vinh."* Tồi tệ hơn nữa là những kẻ dùng đủ mọi tiểu sảo để *"rước voi về giầy mồ."*

Hình như xã hội loài người đã khốn đốn bao nhiêu thế kỷ, và đồng thời cũng đã tồn tại được tới ngày nay cũng chỉ vì khả năng bịp bợm mà Trời đã phú bẩm cho loài người! Cũng vì vậy, người Mỹ có một câu nhận xét về *"nhân tính"* rất ư là thực tiễn khi

Bigfoto

họ nói rằng *"There is a sucker born in every minute"* – đại khái có nghĩa là *"Cứ mỗi phút lại nở ra một con chim mòng."* Phải chăng nước Mỹ là một xã hội đã tiến lên tới *"đỉnh cao trí tuệ của loài người"* nên mới phát minh được một hệ thống bịp bợm có hiệu năng đến mức đó? Phải chăng dân Mỹ là một thứ dân *"ngây thơ và trong trắng,"* cả đời *"chỉ biết yêu thôi, chẳng biết gì"* nên đã bị cả thế giới bịp mờ người mà chứng nào vẫn hoàn tật ấy?

Thực ra, dân Mỹ không thật thà và cũng không điêu ngoa hơn đại đa số các dân tộc khác trên thế giới. Đặc biệt ở Mỹ cũng như ở các nước tự do dân chủ pháp trị, mọi người đều có quyền bịp bợm, nhưng chỉ được phép *"bịp bợm trong vòng luật pháp."* Vì các nước này kính trọng cả nhân quyền lẫn *"nhân tính"* nên bất cứ một tên bịp bợm nào cũng được coi là *"vô tội"* nếu hắn không *"bịp bợm quá sỗ sàng"* đến nỗi bồi thẩm đoàn phải phẫn nộ vì... ghen tức theo đúng câu tục ngữ *"Không được ăn thì đạp đổ."* Nói tóm lại, theo hình luật thông dụng ở Mỹ (common law), *"bịp bợm **không** quá sỗ sàng"* cũng được coi tương đương như *"bịp bợm trong vòng luật pháp."*

Tiện đây, xin đưa ra vài thí dụ về bịp bợm hay gian lận *"trong vòng luật pháp"* dưới chế độ tự do pháp trị. Chuyện gian lận thông thường nhất là chuyện trốn thuế. Tuy nhiên, không phải người nào cũng biết trốn thuế, vì trốn thuế đòi hỏi một khả năng gian lận rất ư là tinh ranh và ma quái nên những *"người trần mắt thịt"* không thể nào nhìn ra được. Cái khó là làm sao cho nhân viên thuế vụ thấy tờ khai thuế có vẻ *"thuận tai"* thì mới được coi là người *"đàng hoàng và liêm chính"* vì đã biết *"trốn thuế trong vòng luật pháp"* mà các luật gia gọi là *"tránh thuế"* (tax avoidance) để giữ thể diện cho những người đã thành công trong nghiệp vụ lường gạt Nhà Nước. Trái lại, nếu không biết gian lận mà còn định chơi cái trò trốn thuế thì mất cả thể diện lẫn tiền tài là cái chắc. Nói một cách cụ thể hơn, nếu tên gian phi nào không biết *"chùi mép"* hoặc *"sổ sách lem nhem"* vì *"rửa tiền"* không kỹ thì sẽ bị tòa án trừng phạt nặng nề vì tội *"trốn thuế ngoài vòng luật pháp"* (tax evasion), tương đương với tội *"bịp bợm quá sỗ sàng."*

Xin đơn cử một thí dụ thông thường khác. Nếu bạn là công chức hoặc tư chức, bạn thấy ngay đại đa số đồng nghiệp của bạn thường coi công quỹ na ná giống như món tiền tiêu vặt trong gia đình. Nếu có chút quyền hành, họ sẽ thẳng tay lạm dụng công quỹ để có một đời sống thoải mái. Hành động gian tham thông thường là dùng quỹ tiếp tân của Nhà Nước để dẫn vợ con và bạn bè đi phè phỡn, rồi lại còn thành khẩn mời mọc nhau *"xin cứ tự nhiên như ở nhà."* Sau đó, chỉ cần dùng khả năng *"sáng tạo"* để giải thích các món chi tiêu mờ ám đó một cách rất ư là phân minh, hợp tình, hợp lý. Đó là phương pháp *"ăn vụng biết chùi mép."*

Trong các xã hội Âu Mỹ, người nào gian lận tí ti thì được Nhà Nước *"làm ngơ"* vì nghĩ rằng *"hơi đâu mà để ý tới chuyện táy máy lặt vặt cho mất thì giờ."* Vì thế, *"táy máy lặt vặt"* được coi như là *"gian lận trong vòng luật pháp,"* còn *"táy máy sỗ sàng"* thì bị coi là *"gian lận quá giới hạn luật định"* nên thường bị truy tố. Nếu ta mượn tạm *"lý thuyết tương đối"* của Einstein thì ta có thể phân định thế nào là *"táy máy lặt vặt,"* và thế nào là *"táy máy sỗ sàng"*: Theo nguyên tắc hành chánh, những kẻ *"ĂN TRÊN ngồi trốc"* hoặc *"ĂN TO nói lớn"* đều có quyền *"ăn trên"* hoặc *"ăn to."* Còn thành phần *"thấp cổ bé họng"* thì chỉ được *"chấm mút"* một chút síu mà thôi. Đã *"bé họng"* mà còn định *"ăn to"* thì khó mà *"nuốt trôi"* được! Đó là phương pháp *"quản trị khoa học"* (scientific management) trong các chế độ dân chủ pháp trị.

Còn *"chế độ lâm pháp trị"* do *"Đám Anh-Chị quản lý và Bố Già lãnh đạo"* thì khác hẳn. *"Luật rừng"* cho phép toàn dân **tự do gian lận vô giới hạn**, với điều kiện là kẻ gian lận phải *"biết điều,"* tức là phải biết *"chia chác"* với *"nhân dân."* Ai cũng biết rằng *"nhân dân"* là tiếng lóng dùng trong xã hội đen để chỉ thành phần có nhiệm vụ *"quản lý"* tài sản dùm cho *"nhân dân thứ thiệt"* để *"nhân dân thứ thiệt"* còn có thì giờ lo công tác *"làm chủ."*

Để tiện việc *"quản lý"* tài sản của *"nhân dân thứ thiệt,"* Nhà Nước quy định hai loại hoạt động gian lận như sau:

1. *"Gian lận biết điều"* thì được Nhà Nước khuyến khích vì kẻ gian lận biết *"chia chác"* với *"nhân dân,"* tức là đi đúng đường lối XHCN: không ai bóc lột ai, và *"nhân dân"* có quyền *"chấm mút"* theo đúng lý tưởng *"công bằng xã hội"* trong lý thuyết Mác-Lê.

2. *"Gian lận không biết điều"* thì bị Nhà Nước trừng phạt nặng nề vì kẻ gian lận chỉ biết

"ăn lén một mình" một cách rất tư là *"đồi trụy."* Không biết *"chia chác"* với *"nhân dân"* là một trọng tội. Hành động này có thể bị kết án thành tội *"phản quốc"* vì đã coi quyền lợi *"cá nhân"* trọng hơn là quyền lợi của *"nhân dân."* Tội *"phản quốc"* cũng nặng ngang như tội hỗn láo với tổ tiên (tức là chê *"Bố Già,"* hoặc ông *"Mác,"* ông *"Lê"*).

Nói tóm lại, trong *"chế độ lâm pháp trị"* nếu người nào không khéo léo thì tư sản có thể biến thành công sản; trái lại, nếu ranh mãnh hơn một chút thì công sản có thể biến thành tư sản như chơi. Quan niệm về tài sản quả thật rất tư là uyển chuyển, bắt nguồn từ phương pháp *"áp dụng lý thuyết cách mạng một cách sáng tạo."*

4. Ngây Thơ Là Chết Giấc

Đọc đến đây, chắc những người *"thật thà như đếm"* rất đau khổ khi thấy cảnh ăn gian nói dối lan tràn khắp nơi trong xã hội loài người. Vì vậy, một số người *"thật thà như đếm"* trở nên quá khích, chỉ muốn làm một cuộc cách mạng văn hóa để thiết lập một xã hội trong đó ai ai cũng *"thật thà như đếm"* như mình. Tiếc thay, xã hội *"thật thà như đếm"* chỉ là một ảo vọng vì cái thứ xã hội đó không bao giờ có thể thực hiện được ở trên cõi đời ô trọc này cả. Tại sao vậy? Tại vì xã hội *"thật thà như đếm"* không được xây dựng trên căn bản *"nhân tính"* nên không phải là xã hội của loài người, mà phải coi đó là một xã hội của Thiên Thần.

Hơn nữa, nếu tất cả mọi người đều *"thật thà như đếm"* và chỉ biết nói lên sự thật thôi, thì xã hội *"thật thà như đếm"* sẽ loạn ngay. Về điểm này, các cụ ngày xưa đã tỏ ra rất khôn ngoan nên đã truyền lại cho hậu thế một câu bất hủ: *"sự thật mất long."* Các cụ cho rằng nếu ai ai cũng nói thật, thì tất cả mọi người đều bị *"mất lòng,"* và *"mất lòng"* tất nhiên thúc đẩy con người vào mục chửi bới om sòm, rồi đưa tới màn đánh lộn tơi bời. Vì thế, các cụ muốn con cháu phát triển thói *"nói điêu,"* hay ít nhất là thói *"không nói thật"* để có một đời sống thảnh thơi trong một xã hội an hòa.

Trong thực tế, loại *"người thật thà như đếm"* gần như bị tuyệt chủng, không khác gì loài chim yểng biết nói tiếng người. Nguyên do chính là trong xã hội bịp bợm, nhất là dưới các chế độ *"lâm pháp trị,"* những người *"thật thà như đếm"* bị tiêu diệt dần dần, vì những tên đại bịp nắm quyền sinh sát trong tay và không bao giờ muốn những người *"thật thà như đếm"* chê bai chúng, và có thể làm chúng lâm vào cảnh thất nghiệp thê thảm, vợ đói, con rét. Do đó, tìm được một người *"thật thà như đếm"* trong các *"xã hội lâm pháp trị"* thiệt là một việc khó khăn vô chừng, không khác gì như đi mò ngọc quý dưới biển Đông.

Vấn đề lý thú nên bàn ra ở đây là như thế này: sống trong xã hội đầy *"nhân tính,"* tại sao lại có người cứ muốn trở thành những con chim mòng béo tốt cho người đời làm thịt? Tôi xin thưa: Lý do chính là những người này có bản chất *"ngây thơ"* nhưng lại không *"trong trắng"* tý nào cả. Họ *"ngây thơ"* nên tưởng ai cũng đầy *"tình người"* như mình, tức là tin rằng không ai lường gạt mình. Họ không *"trong trắng"* vì họ bị lòng ham muốn dằn vặt ngày đêm, nên dễ bị sa vào cạm bẫy. Các bạn cứ thử đến các sòng bạc mà xem. Các bạn sẽ thấy cả ngàn đám chim mòng vui vẻ dâng thân mình ra cho tụi hồ lỳ vặt lông. Ai cũng biết trên các bàn roulette, lợi nhuận của chủ sòng bài vào khoảng *5% một phút*, trong khi đó đi vay tiền ngân hàng để mua nhà, tiền lời có chừng *6 % hay 7 % một năm*). Sự thực hiển nhiên như vậy, nhưng chim mòng vẫn quyết chí tử thủ bản tính chim mòng cho đến khi bị sòng bài *"lột trần như nhộng."* Thế là trong các sòng bài, chim mòng sớm muộn biến thể thành những con nhộng. Một vài con nhộng tự dưng chán cảnh bon chen, bèn quyết định lột xác nhộng để trở thành những con bướm thảnh thơi bay về vùng Tiên Cảnh!

Còn dân Việt Nam thì khỏi phải nói. Dân tộc ta điêu đứng chỉ vì thiếu *"nhân tính,"* nhưng lại có quá nhiều *"tình người."*

Vì thiếu *"nhân tính"* nên không thông thạo mánh khoé bịp bợm nên đã bị bịp dài dài mà vẫn không tởn. Vì đầy *"tình người"* nên khi thấy khẩu hiệu *"Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc"* thì mê mẩn tâm hồn. Sau khi đã rơi vào bẫy rồi, thì chỉ còn biết rên xiết lầm than: một số người ngồi oán Trời theo kiểu Chu Du, còn đa số ngồi đổ lỗi cho nhau, hoặc lên án ngoại bang ích kỷ vì ngoại bang chỉ nghĩ đến quyền lợi của dân ngoại bang mà không nghĩ tới quyền lợi của đám dân bản xứ. Đến khi Nhà Nước cho hàng trăm ngàn người đi thụ huấn các môn học về *"nhân tính"* trong các Trường Quốc Học Cải Tạo thì các nạn

nhân mới *"tỉnh ngộ"* và biết ngay rằng trước đây chỉ vì mải mê với *"tình người"* nên không ý thức được rằng mình đã bị bịp một cách *"siêu việt"* như vậy. Điều này chứng tỏ chương trình giáo huấn trong các trại cải tạo quả là đã *"đạt được chỉ tiêu 100 phần 100"*!

Ngay đến bây giờ ở trong nước thì con người chứng nào vẫn hoàn tật ấy. *"Toàn dân trăm người như một"* âm thầm sống theo *"đạo đức cách mạng"* vì mọi người đã được chương trình *"trồng người"* tưới bón để biết sống theo *"nhân tính,"* và theo nguyên tắc *"sự thật làm mất lòng... cán bộ."* Một số người *"ngây thơ"* nhưng không *"trong trắng"* lại còn lấy làm hãnh diện được phụ diễn trong vở tuồng Hồ Quảng *"Còn gì sướng bằng..."* Tiếc thay, một khi đã rơi vào bẫy rồi thì *"chỉ những người không biết sợ mới dám nói lên hết sự thật"* (theo lời nhà văn Dương Thu Hương).

Còn ở hải ngoại thì sao? Xin trả lời ngay rằng: *"thì cũng vậy!"* Chim mòng bay đi đâu thì cũng vẫn là chim mòng! Vì thế, ta thấy trong các cộng đồng tỵ nạn không biết bao nhiêu là chim mòng hùng dũng, hiên ngang, hăm hở chui đầu vào các cạm bẫy đủ loại, đủ kiểu, rồi cảm thấy sung sướng và hãnh diện vì có dịp thi đua nộp tiền ào ào cho những chuyện *"ruồi bu."* Ôi! Kể sao cho siết tình trạng quái đản *"nhân tính lạm dụng tình người"*! Nhưng không ai muốn nói ra sự thật làm chi, không phải vì sợ mà không dám nói, nhưng vì khôn ngoan nên nghĩ rằng:

Chim mòng mặc kệ chim mòng
Ta đây giữ vững một lòng... ngất ngơ!

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TÌNH CHÂN

Ở tôi gác bước giang hồ
Với em dường nhớ thương chờ bến xa
Mình giờ cứ mỗi thứ và
Như trăng với nước hài hòa sắc tươi
Hãy cho sự sống nên người
Tình chân sủng ái nụ cười xanh yêu.

TRẦN MỘNG TÚ

BẠN VÀ TRĂNG

(Gửi Bích Hà và các bạn ở Seattle trong đêm trăng mười sáu ở hồ Sammamish, và chuyến phà qua đảo Bremerton)

Khi bạn đến trăng vào đêm mười sáu
Chiếc vòng vàng khua mặt nước hoang mang
Núi nhìn xuống hồ mây nhìn xuống núi
Mình nhìn nhau mắt đẫm một mầu trăng

Tiếng nói cười trên miệng rất thân quen
Ngồi sát vào nhau nghe từng hơi thở
Ta cắt chia nhau những mảnh mùa thu
Ngậm trong miệng mầu trăng và hương bánh

Tháng Tám mùa thu bình minh như sữa
Rót xuống mặt hồ mầu trắng lặng thinh
Tóc thức dậy khi mặt trời vào cửa
Ta nằm nghiêng nghe buổi sáng cựa mình

Chiếc phà buổi trưa qua sông đầy gió
Bạn buộc điều gì vào sợi tóc bay
Tôi cài vội chiếc khuy trên ngực áo
Con hải âu vừa đập cánh qua đây

Đêm cho nhau trăng ngày cho nhau nắng
Chụm đầu vào nhau rồi lại tách ra
Thả tiếng cười bay trên từng chiếc lá
Ta rắc tuổi đời như rắc cánh hoa.

Trung Thu. 2003

Dưới thời Husak[1]

tại sao chúng ta khiếp sợ đến thế?

Marek Svehhla / Respekt
Nguyễn Bách Việt phỏng dịch

Lời giới thiệu:

Ngày 20-3-2003 Bộ Nội vụ CH Séc mở và công bố chính thức hồ sơ, danh sách các cộng tác viên, nhân viên của Cảnh sát mật CH Séc (Stb [1]) dưới thời Cộng sản. Sự kiện này đã gây lên sự quan tâm và phản ứng phức tạp khác nhau tại CH Séc hiện nay. Nhiều nhân vật hiện đang giữ các vị trí quan trọng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội hiện nay, nhiều nhà văn, nghệ sĩ và đặc biệt cả nhiều người từng là những nhà chống đối, phản kháng chế độ nổi tiếng trước kia cũng là... cộng tác viên hay thậm chí là nhân viên bí mật của cảnh sát Séc. Nhưng việc công bố các hồ sơ mật cũng mở ra nhiều sự thật tàn nhẫn và vô nhân đạo của cảnh sát mật, tòa án và cả hệ thống chính quyền thời đó với rất nhiều người bình thường, vô tội hoàn toàn.

Bài báo sau đây của tác giả Marek Svehhla (đăng trong số 15/2003 trên tuần báo có uy tín Respekt tại CH Séc) kể về số phận của những người dân bình thường vô tội đã bị hệ thống cảnh sát, tòa án hình thức vu khống, đẩy họ vào những nhà tù khủng khiếp nhất và đưa đẩy cuộc đời họ vào những năm tháng tàn nhẫn. Thế hệ may mắn ngày nay sẽ thắc mắc, sẽ hỏi: Ngày đó, những kẻ tố giác đã tố cáo những gì cho công an mật và những người bị tố giác sợ hãi điều gì? Câu chuyện và số phận của Josef Romer sẽ giải đáp những câu hỏi đó cho các bạn. Ngoài ra, qua đó chúng ta sẽ thấy được hoạt động của cả một cỗ máy khổng lồ để sản xuất ra những kẻ phản động, gián điệp của chế độ cũ như thế nào. Anh chàng Josef Romer chân thật và bình thường vô tội đã bị biến thành nạn nhân làm phương tiện đe dọa những người dân khác trong xã hội. Bài báo cũng kể về trường hợp của Ladislav Sevec, một người khác cũng bị kết án chín năm tù trong vụ án "cướp máy bay" do Cảnh sát mật CH Séc chế độ cũ dựng lên. Phần cuối của bài báo là phỏng vấn nhà báo Petr Uhl về lý do tại sao Cảnh sát mật CH Séc phải bịa đặt và tạo dựng lên những vụ án khống như vậy.

Câu chuyện thực, đau đớn này vừa xảy cách đây không đầy 25 năm.

I. Ồ, anh ấy còn trẻ. 13 năm từ trôi nhanh thôi mà

Hãy đi cùng chúng tôi... chỉ một lúc

Khi quyết định rời thành phố quê hương Zlin lên thủ đô Praha, Josef Romer vừa tròn 19 tuổi. Trong thời gian năm 1975 này thì lên Praha là lựa chọn duy nhất để giúp anh có thể trốn tránh được thời gian nghĩa vụ quân sự hai năm đầy khủng khiếp. Dù vừa tốt nghiệp trường học nghề về chăn nuôi nhưng Josef Romer nhanh chóng kiếm được việc làm tài xế lái xe tải trên một công trường xây dựng, nơi đang xây dựng các khu tập thể cao tầng đang mọc lên hàng loạt bấy giờ trong thành phố. Ai chấp nhận làm những việc tương tự (thuộc nhóm công việc nặng nhọc) thì sẽ chỉ phải đi nghĩa vụ quân sự trong thời gian ngắn hơn rất nhiều: 5 tháng.

Cuộc sống của Josef Romer không khác gì cuộc sống của hàng ngàn thanh niên lúc bấy giờ. Những căn phòng tồi tàn trong khu tập thể, thời gian luân phiên giữa công việc nhàm chán đơn điệu ở công trường, quán bia và những cô bạn gái "ăn liền" vài đêm. Để tóc dài ngang vai, mặc quần bò, áo phông.... và chỉ vì những điều nhỏ nhặt đó thôi, những thanh niên như Josef Romer bị liệt vào nhóm các thanh niên hư hỏng, chậm tiến và không lành mạnh. Khi còn ở thành phố quê hương, Josef Romer đánh trống trong một ban nhạc rock có tên gọi "thế hệ." Nhưng sau khi lên Praha, anh hoàn toàn gần như không còn giữ liên lạc với bạn bè cũ nữa. Anh cũng không nói chuyện với họ, với bố mẹ thì chỉ họa hoằn một vài lần trong năm. Mẹ anh, vốn kỹ sư điện và nhờ giỏi tiếng Nga đã phát hiện ra một lỗi chính tả trên khẩu hiệu trong cuộc biểu tình chống sự can thiệp quân sự của Nga năm 1968 [1] tại xí nghiệp. Tất nhiên, bà phải trả giá cho chuyện "hơn người" đó, trong cuộc kiểm tra đấu tố đầu thời kỳ "bình thường hóa" [2]một ai đó trong xí nghiệp nhớ ra chuyện này, tố cáo và bà đã không qua được đợt "kiểm tra." Sau đó bà rất biết ơn vì có việc làm như một nhân viên bán hàng bình thường. Bố dượng của Josef Romer là một đảng viên cộng sản cuồng tín và anh không bao giờ tìm được sự đồng cảm với ông.

Sau khi chuyển lên thủ đô, Josef Romer có điều kiện và nhanh chóng phát triển sở thích hơi khác nhiều bạn bè cùng lứa của mình bấy giờ: học ngoại ngữ — tiếng Đức và tiếng Anh. Ngay từ khi còn ở Zlin, anh đã theo dõi đài truyền hình của Áo (khi đó có thể bắt được ở vùng Morava, nơi anh ở) và nghe nhạc trên đài phát thanh Luxamburg nổi tiếng thời đó. Josef Romer mua sách học ngoại ngữ và bắt đầu tìm hiểu cái ngôn ngữ "vô ích" trong những năm 70 này. Động cơ của anh rất đơn giản: Anh muốn biết họ hát những gì trong các bài hát anh được nghe. Sau gần một năm ở Praha, anh tìm được người yêu và đồng thời phát hiện ra một nơi rất tuyệt: Trung tâm văn hóa Mỹ. Đây là một căn phòng nhỏ có thể vào ra tự do ngay cạnh cổng vào sứ quán Mỹ. Một thế giới hoàn toàn khác hẳn với thế giới xám xịt và nhàm chán bên ngoài: Ở căn phòng nhỏ này người ta có thể đọc các báo chí, sách vở tự do và nghe nhiều loại nhạc hiện đại, nhạc mới. Josef Romer không hề quan tâm đến chính trị, không hề có khái niệm gì về sự hình thành những nhóm đối lập chống lại chế độ lúc đó nhưng cảm giác tự do ở đó đã lôi cuốn anh. "Ở ngoài toàn nghe thấy những bài hát đơn điệu và chán ngắt, ở đó ngược lại anh có thể nhìn thấy thế giới bên kia hàng rào cấm đoán," Josef Romer kể lại cảm giác của mình khi đó. Hơn thế, vào đó không cần phải xuất trình giấy tờ, ghi chép vào sổ hay gì khác. Mặc dù bên cạnh đó luôn có cảnh sát canh gác nhưng ai cũng nghĩ đó chỉ là hình thức. Josef Romer hoàn toàn vô tư, không hay biết gì về việc StB theo dõi, quay phim và kiểm tra bí mật những người ra vào đó. Anh rất vô tư lật đọc các trang tạp chí "National Graphic," nghe nhạc Pink Floyd và thỉnh thoảng kể lại cho đồng nghiệp ở nơi làm một vài chuyện anh đọc được ở trên các báo, tạp chí Mỹ, ví dụ chuyện một phi công Nga đã lấy máy bay Mig và bay trốn sang phương Tây thế nào v.v.

Cuối năm 1976, Josef Romer phát hiện ra là cơ hội rút ngắn thời gian đi nghĩa vụ quân sự không đáng kể dù cho anh đã làm việc rất vất vả ở công trường. Josef Romer quyết định thôi việc làm ít tiền và vất vả đó, đi tìm được một chỗ làm mới: công nhân sắp xếp hành lý ở sân bay Praha. Ngày nay ông Josef Romer kể lại: "Tôi nghĩ rằng đó là chuyện ngẫu nhiên, lý do hàng đầu là tiền lương." Nhưng đó đã là năm 1977, ở nơi làm mới đang diễn ra cuộc tuyên truyền chống lại "Hiến chương 77 [3]

Năm 1977 nhóm đối lập Tiệp Khắc soạn thảo và công bố văn bản (được ghi nhớ và gọi

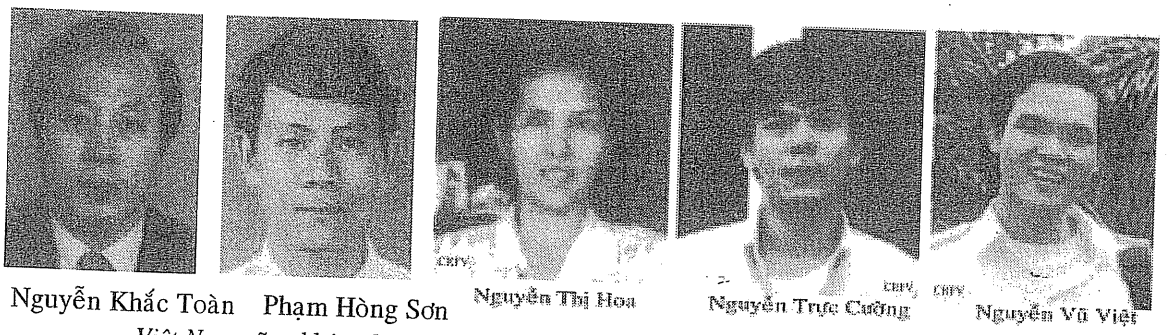

Nguyễn Khắc Toàn Phạm Hồng Sơn Nguyễn Thị Hoa Nguyễn Trực Cường Nguyễn Vũ Việt

Việt Nam cũng không kém gì. Sẽ còn có bao nhiêu "gián điệp" nữa ngoài những người này?

là "Hiến chương 77") đòi chính phủ Tiệp Khắc bảo đảm các quyền con người, dân chủ và tự do tối thiểu cho công dân. Đảng CS và chính phủ Tiệp Khắc bấy giờ đã phát động một phong trào rầm rộ "lên án" và đấu tố nội dung của Hiến chương này cùng những người công khai ký tên ủng hộ. Hầu hết những người công khai ký tên Hiên chương 77

' đều bị bỏ tù dưới nhiều tội trạng khác nhau, bị đuổi học, không được học tiếp và gây khó khăn trong cuộc sống sau đó.

vừa mới ra đời. "Khi đó tôi vừa đi làm ở nơi mới chưa đầy ba tuần khi họ gọi tôi đến cuộc họp của xí nghiệp để lên án tập thể Hiến chương 77," ông Josef Romer kể lại sự kiện đó. "Tôi chỉ phát biểu là nên đọc Hiến chương đó trước đã. Họ không hề đọc và tất cả cùng giơ tay để biểu quyết phản đối hiến chương đó." Ngay sáng ngày hôm sau, có hai cảnh sát mặc thường phục đợi Josef Romer ở cổng xí nghiệp. Họ xuất trình giấy tờ và yêu cầu Josef Romer đi với họ để làm việc giải thích về một vài chuyện. Họ nói, chỉ một lúc thôi, không lâu sau thì anh có thể quay lại xí nghiệp. Nhưng trên thực tế, "một lúc" của họ kéo dài 13 năm.

Xác chết

Ô tô chở người thanh niên không hề hay biết gì đỗ lại ở phố Bartolomejska, trung tâm khét tiếng của cảnh sát mật Tiệp Khắc. "Ngay trên bực cửa tôi bị đánh mạnh bất ngờ vào lưng - Đồ chó chết, mày có biết tại sao mày đến đây không, hãy khai tất đi." - Ông Josef Romer nhớ lại. "Nhưng thật sự tôi không hiểu chuyện gì cả." Tiếp sau đó là các cú đấm, đá và cuộc hỏi cung kéo dài cả ngày. "Họ hỏi về người quen, bạn bè, tại sao tôi chuyển lên Praha, tại sao tôi lại xin việc ở sân bay, tại sao tôi hay ra vào sứ quán Mỹ, v.v. Sau hai ngày tra hỏi, họ chở tôi đến nhà tù ở Ruzyne và giam tôi ở đó cả tháng trời không giải thích gì cả."

Mẹ của Josef Romer kể lại những ngày đầu con bà bị bắt như sau: "Một ngày tháng 1 năm 1977 một nhân viên cảnh sát mặc quân phục đến gặp tôi và thông báo, họ vớt lên một xác chết ở sông Praha và hình dạng rất trùng hợp với con trai tôi. Ông này hỏi, con trai tôi làm việc ở đâu, khi nào thì về nhà lần cuối. Vì nhà chúng tôi không có điện thoại, tôi vội chạy đến cơ quan để gọi điện đến xí nghiệp của Josef Romer . Họ khẳng định với tôi là Josef Romer đang làm việc bình thường. Tôi cảm thấy yên tâm. Nhưng vài ngày sau đó, tôi không hề tìm thấy tăm hơi của Josef Romer ở đâu cả. Bỗng nhiên, mọi người chỗ làm của của Josef Romer thông báo là không thấy Josef Romer đến nơi làm nữa và họ không biết nó ở đâu. Đơn giản, Josef Romer biến mất. Suốt gần hai tháng tôi không hề biết gì hết về con tôi."

Tháng 3 năm 1977 Josef Romer bị truy tố với tội danh: "Chuẩn bị điều kiện gây án hình sự vượt biên bất hợp pháp." Ông được phép viết thư về nhà nhưng mẹ ông lúc đó hoàn toàn không hiểu được các thuật ngữ của StB. Trong thư, Josef Romer viết: "Con cũng không hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng mẹ hãy tin, con không hề làm gì cả." Ngay cả Josef Romer còn hy vọng là sự lầm lẫm sẽ được giải thích. Nhưng không! Sau này khi xem lại hồ sơ, người ta mới biết rằng Josef Romer trở thành nạn nhân được chọn để tạo dựng nên vụ án lớn. "Tạo dựng" ở đây nghĩa là tìm nơi làm ở sân bay - "biên giới" và chuẩn bị cho vụ cướp máy bay vượt biên. Cảnh sát mật lần lượt "tìm được" những "nhân chứng" tuyên bố về việc Josef Romer từng nói, bàn

với họ về ý định muốn trốn ra nước ngoài . Trong biên bản thậm chí có cả lời khai của người yêu của Josef Romer lúc đó. Jana Bolkova, là: "Josef Romer muốn đi ra nước ngoài và cân nhắc mọi cách thức khác nhau để làm việc đó." Ngày nay, khi nhớ lại chuyện đó, Jana nói: "Tôi không muốn làm khó thêm cho anh ấy hay ảnh hưởng đến người quen, bạn bè và người thân của mình nên tôi đã trả lời như vậy. Hơn nữa, chuyện Josef Romer muốn trốn ra nước ngoài không có gì là mới và Josef Romer không giấu tôi chuyện đó."

Một nhân chứng khác tên là Vratislav Hanzlik, khi đó là biên tập tạp chí xây dựng, người cùng đi với Josef Romer trong một chuyến du lịch sang Hungary đã khai với StB là Josef Romer nhờ ông ta tìm mua hộ vũ khí để cướp máy bay. Stb thậm chí còn "tìm được" một người Nam Tư nhận đã bán súng lục cho Josef Romer. "Tôi chưa hề bao giờ gặp người đó và cả nghe đến tên anh ta bao giờ nữa. Tôi không hề chuẩn bị một cuộc cướp máy bay nào cả. Tất cả là chuyện bịa đặt hoàn toàn" Josef Romer khẳng định.

Chỉ thị từ trên

Cảnh sát mật Tiệp Khắc biết rất chính xác một điều: Josef Romer là một đối tượng lý tưởng cho vụ án của họ. Josef Romer không hề có liên lạc gì với các nhóm đối lập khi đó, một nhân vật hoàn toàn vô danh, không quan trọng trong đám đông thời xã hội chủ nghĩa. Không có một ai có thể biết và muốn thông báo về trường hợp của anh ta cho các đài phát thanh nước ngoài như đài Châu Âu Tự Do, đài Tiếng Nói Hoa Kỳ. Không ai biết anh ta, anh cũng không có bạn bè để có thể kể lại trong số người quen.... Ngoài ra, gia đình Josef Romer cũng hoàn toàn phù hợp, bố dượng là đảng viên tích cực và tin một phần vào tội trạng của Josef Romer. Bố đẻ của Josef Romer thì ở xa đâu đó tại thành phố Ostrava và không quan tâm đến con mình. Mẹ của Josef Romer thì không còn đủ sức và cả sự dũng cảm để bảo vệ Josef Romer . Bà không được chồng ủng hộ, phải nuôi đứa con gái nhỏ sáu tuổi và còn bị "dấu vết" từ sự kiện năm 1968. "Tôi hoàn toàn không hiểu chuyện gì cả,"- Mẹ của Josef Romer kể lại- "đi thăm thì không được phép. Tôi chạy đến mọi nơi ở tòa án để hỏi, để tìm thì không ai biết gì cả."

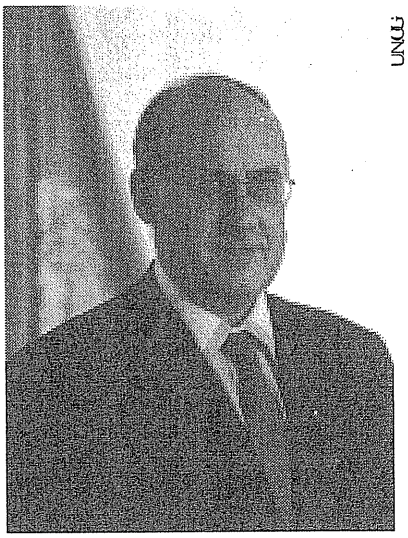

UNCU

Jan Kavan, cựu Bộ trưởng Ngoại giao CH Séc là người bị nghi là cộng tác viên của Stb. Ông vừa kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc

Luật sư Josef Provaznika, một luật sư không nhiều kinh nghiệm, được chỉ định để lo bảo vệ cho Josef Romer. Ông này chuyên về các vấn đề dân sự, không hiểu biết về hình sự. "Ông luật sư này tuyên bố với tôi, trường hợp này trong hoàn cảnh bình thường sẽ chỉ dành cho sinh viên khoa luật năm thứ hai. Nhưng với Josef Romer thì sẽ rất phức tạp. Con tôi có thể bị kết án tới 15 năm tù, thậm chí án tử hình. Josef Romer bị buộc tội 'định' vượt biên trong khoang hành lý của máy bay - nhưng như luật sư Josef nhấn mạnh - ở đấy còn nhiều vấn đề khác." - Tôi bị sốc và hỏi liệu có thể tìm được ai khác có thể dũng cảm hơn đứng ra bảo vệ cho Josef Romer không? Ông ta trả lời là tôi sẽ không thể tìm được ai cả." Mẹ của Josef Romer kể lại. Bà tâm sự tiếp: "Khi đó tôi rất sợ, không dám làm bất kỳ điều gì. Tôi sợ cả đi đến công an để hỏi tin tức. Lúc nào tôi cũng sợ bị đuổi việc, sợ người ta gây ảnh hưởng cho con rể lớn của tôi. Tôi còn nhớ vụ xử án 'Tiểu thương Zlin' [4] thời những năm 50 mà chúng tôi được học trong sách giáo khoa, một số người trong số đó bị kết án tử hình và bị xử tử. Bỗng nhiên chính con trai tôi rơi vào trường hợp đó. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn bị những giấc mê sợ hãi ám ảnh."

Josef Provaznika ngày nay vẫn làm luật sư và nhớ rõ về vụ án này. "Lời buộc tội không chặt chẽ, tất cả chỉ dựa trên lời khai và tôi đã bảo vệ trên cơ sở là không hề có một sự chuẩn bị cướp máy bay nào cả." - Ông kể lại. Ông cũng cho biết, không ai gây sức ép cho ông và ông cũng không

cảm thấy cắn rứt lương tâm hay đã không làm tròn bổn phận của mình. Ông nói: "Một chế độ như thế muốn kết án ai thế nào thì họ cứ làm. Thời gian sau, khi tôi đọc lại vụ án của Josef Romer trong một tạp chí quân đội tôi mới hiểu rằng đã có đường dây chính trị, chỉ thị từ trên xuống."

Nhưng StB không chỉ dừng lại ở việc truy tố Josef Romer tội "Chuẩn bị cướp máy bay vượt biên trái phép." Dựa trên cơ sở việc Josef Romer thường xuyên ra vào trung tâm văn hóa Mỹ họ còn truy tố Josef Romer tội "Gián điệp." Và vụ án này được chuyển sang tòa án quân sự, nghĩa là cái rọ chụp lên đầu Josef Romer còn khủng khiếp hơn: vụ án được xử kín. Josef Romer không có quyền yêu cầu luật sư thông thường. Công tố quân sự Rodolfa Sedlaka được chỉ định "bảo vệ" Josef Romer. "Ông này trên thực tế là chánh án thứ hai trong tòa," - Josef Romer nhớ lại vụ xử án. StB cung cấp nhân chứng có tên là Jemelka. Người này cùng làm với Josef Romer ở công trường và thỉnh thoảng họ cùng nhau đi uống bia. Ông này khai là trong phòng của Josef Romer ở khu nhà ở có bản đồ Tiệp Khắc với những "dấu hiệu bí mật." Sau này, người ta phát hiện ra đó chỉ là tấm bản đồ nước Mỹ với các dấu bí mật là các khu bảo tồn của Mỹ, với những nơi ở dành cho thổ dân còn lại được đánh dấu. Bằng chứng tiếp theo là từ "T-Rex" trong sổ tay của Josef Romer. Trên thực tế đó là tên ban nhạc Rock mà Josef Romer muốn tìm mua đĩa hát ở chợ trời. Nhưng ngẫu nhiên trùng với tên một bí thư sứ quán Mỹ lúc bấy giờ, Terry Rex. Nhưng hình thức của bằng chứng hoàn toàn không quan trọng.

Không địa chỉ

Lần đầu tiên bà Kozlova được gặp con trai vào cuối năm 1977 khi bà được phép gặp con giữa những lần hỏi cung. Tiếp bà là một nhân viên điều tra có tên Tita Mikulase. Ông này hỏi bà đủ mọi chuyện vớ vẩn như khi bé Josef Romer là đứa trẻ như thế nào v.v. Thỉnh thoảng ông ta nhắc đi nhắc lại là Josef Romer bây giờ là đối tượng rất nguy hiểm. Bà kể: "Tôi còn nhớ rõ hình ảnh, ông ta ngồi rung chân và nói với tôi: Điều quan trọng không phải là Josef Romer đã làm gì mà là điều gì người ta sẽ chứng minh anh ta đã làm gì." Chúng tôi chỉ được gặp nhau không đầy 30 phút. Cả hai nhìn nhau và hầu như không nói được gì. Josef Romer chỉ thốt lên được: "Mẹ, con hoàn toàn không làm gì." Năm 1978 diễn ra hai phiên tòa: Phiên tòa dân sự thứ nhất xử tội "Chuẩn bị cướp máy bay để vượt biên," phiên tòa thứ hai là phiên tòa quân sự về tội "gián điệp."

StB cuối cùng kết luận: "Josef Romer không định cướp máy bay nhưng có kế hoạch trốn trong khoang chứa hàng của máy bay sang tây Âu. Anh không chỉ lập kế hoạch này một mình mà còn cùng với một người khác nữa - Vaclav Petren. Ông này có nhiệm vụ tìm kiếm giấy tờ giả và vũ khí. StB lúc đầu tin rằng đã ép Vaclav Petren làm chứng chống lại Josef Romer là thủ phạm chính. Họ đã gần như thành công. Vaclav Petren trong những lần hỏi cung đầu tiên công nhận lời khai được chỉ đạo. Ông này sau đó được thả ra, chỉ bị điều tra tại nhà (một trong những trường hợp hiếm hoi thời đó). Ông này cũng theo thỏa thuận trước sẽ chỉ bị "kết tội" nhẹ... hai năm tù. Tuy nhiên, khi ra tòa đối mặt với Josef Romer ông ta bỗng nhiên thay đổi lời khai, không đúng theo kịch bản soạn sẵn. Điều này khiến tòa án bị bất ngờ và bị sốc. Ngay lập tức tòa án tạm dừng. Sau mấy giờ, tòa án ra quyết định bắt lại Vaclav Petren vào tạm giam và trong các phiên xử sau ông này bị tăng án lên tám năm tù. Nhưng ông này sau đó không xuất hiện trước tòa trong vụ án Josef Romer nữa. "Sau đó tôi không hề thấy anh ta nữa" Josef Romer kể lại. Trong các bản án phục hồi những năm 90 chỉ thấy bên cạnh tên Vaclav Petren ghi chú: - không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa quân sự, Josef Romer bị kết án 11 năm tù vì tội gián điệp, cùng với hai năm về tội chuẩn bị cướp máy bay và bị tống vào nhóm tù tội phạm nguy hiểm nhất. "Ồ, anh ta còn trẻ, bà không phải lo đâu. 13 năm với anh ấy trôi nhanh thôi mà" công tố viên Rudolfa Sedlaka đã an ủi mẹ Josef Romer khi ra khỏi tòa án.

Tôi xin lỗi vì hèn mạt

Ngay lập tức sau đó họ giải Romer đến nhà giam Valdicke và anh phải làm việc cưỡng bức trong xưởng sản xuất thủy tinh nổi tiếng tàn khốc, nơi sản xuất vòng, giây đeo bằng thủy tinh và nhựa. "Ba năm đầu tiên thật là khủng khiếp,

nhiều lúc tôi chỉ muốn treo cổ tự tử" - Romer nhớ lại những ngày đó: "Mùa hè, trong xưởng nóng khủng khiếp, chúng tôi lại không được phép uống nước nên thường xuyên có vài người chết ngay trong khi làm việc. Phòng giam chúng tôi có 25 người, toàn những người bị kết tội nặng nề nhất như giết người. Tù nhân đánh đập tôi, quản giáo đánh đập tôi. Người nhà chỉ được phép thăm hay gửi quà tối đa hai năm một lần. Mỗi tuần một lần được xem chương trình thời sự trên tivi, hai tuần một lần được xem phim Liên Xô. Họ luôn tìm cớ để phạt, từ những chuyện nhỏ nhặt nhất như cúc áo bị tuột, không cạo râu cẩn thận và thường xuyên tìm mọi cách để hủy không cho người nhà đến thăm. Ngoài ra, những cai tù thường tạo điều kiện để tù nhân cãi nhau, đánh nhau vì chỉ như thế họ mới dò biết được những chuyện xảy ra trong đám nhân... Rất khó kể lại những gì xảy ra thời gian đó." Romer viết thư ba lần cho người yêu nhưng không một lần nhận được thư trả lời. "Tôi ân hận sâu xa vì đã rất hèn mạt. Cảnh sát đe dọa tôi nên cắt đứt mọi quan hệ với Romer nếu không sẽ bị đuổi khỏi trường" Bolkova kể lại. "Tôi rất sợ điều đó vì được học tiếng Latin là giấc mơ cả đời của tôi. Khi đó chỉ bốn trong số 65 người đăng ký thi được nhận vào học mà thôi."

Vaclav Havel, cựu Tổng thống CH Séc- người thường xuyên bị công an mật khủng bố

Những quyển sách đã cứu giúp Romer rất nhiều. Vì là "gián điệp" nêu anh không được phép ra thư viện như những người khác mà chỉ được đọc những sách tuyên truyền. Thỉnh thoảng Romer đút lót cho các cai tù và mượn họ được một vài cuốn sách truyện viễn tưởng. Sau nhiều năm, họ cho phép anh được vào đọc trong thư viện chuyên môn, anh đăng ký khoa học tự nhiên nhưng bị từ chối và được "phân" cho đọc sách về thủy văn. Những sách thuộc nghành khác anh không được phép mượn.

Mẹ của Romer cũng rất đau khổ về việc con trai bà bị đi tù. Bà kể: "Tôi đến gặp luật sư thường xuyên để tìm hiểu xem có thể làm được gì? Chúng tôi viết đơn xin ân xá, nhưng không có kết quả. Thậm chí, một lần tôi còn đến tận văn phòng tổng thống. Họ không cho tôi vào, bắt tôi đứng đợi ở ngoài, kiểm tra chứng minh thư và ghi lại những điều tôi muốn yêu cầu. Sau đó một thời gian tôi nhận được thư từ chối.

Không một ai ở Zlin (thành phố quê hương của Romer) biết về vụ án đó. "Chúng tôi không dám kể với ai, tất cả những người xung quanh không biết gì. Chúng tôi sợ rằng họ không tin và nghĩ rằng chắc chắn Romer phải gây nên tội gì đó" mẹ của Romer giải thích vậy. Ngay cả em gái của Romer cũng không biết gì về số phận anh trai mình. "Chúng tôi cũng không dám kể cho em gái của Romer biết vì sợ nó sẽ đem kể lại ở trường" bà mẹ của Romer nói. Thế nhưng, điều bất ngờ nhất đã xảy ra với cô học sinh trường trung học Zlin. Khi cô muốn đăng ký thi vào đại học, ông hiệu trưởng của nhà trường đã thông báo phũ phàng: "Em gái của kẻ thù giai cấp không được học tiếp." Mẹ của Romer kể lại: "Thật là một cú sốc với nó. Từ đó, nó hoàn toàn bỏ bê trường học và thường xuyên lang thang đến các quán cà phê." Em gái Romer nhớ lại những ngày đó hoàn toàn bình thản, không hề giận dữ: "Tôi không hề tức giận anh trai mà chỉ căm ghét chế độ khi đó. Được bố mẹ tôi kể cho nghe những chuyện liên quan đến anh trai, tôi lại thấy gần gũi với anh mình hơn. Ngay chính bản thân tôi khi đó cũng muốn nghe nhạc và đi du lịch đây đó."

Ngay những thành viên của Ủy ban bảo vệ những người bị truy tố oan ức cũng không biết gì về trường hợp của Romer. Mặc dù trên nguyên tắc họ vẫn thường xuyên quan tâm đến những số phận như vậy. Vì thế Romer không có một chút hy vọng, dù nhỏ nhất, là sẽ được Ivan Medek thông báo trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ. Anh cũng không được StB hay cai tù đối xử bình thường hơn vì phải dè chừng sự kiểm soát, để ý của dư luận. Nhà báo Petruska Sustrova, nguyên thành viên của ủy ban cho biết: "Nếu như trường hợp được biết đến ngay sau khi bị bắt và trước phiên tòa thì sẽ được giúp đỡ đáng kể." Một nguyên thành viên khác của Ủy ban bảo vệ cũng nhất trí với quan điểm đó và còn cho biết thêm: "Đặc biệt chính quyền lại càng mạnh tay và tàn nhẫn hơn với những người ít được biết đến. Tôi cùng ở tù với một người tên là Elmar Chmel. Ông này bị phạt tù năm năm vì tội 'Lật đổ chính quyền nhà nước.' Tội trạng của ông chỉ là việc

ông đặt ở một vài nơi gọi điện thoại công cộng những lá truyền đơn viết bằng tay. Thế nhưng, ông lại bị kết án nặng hơn nhiều những người đối lập khác có những hoạt động chống lại chế độ một cách có hệ thống."

Những người như Romer đã bị tù nhiều năm thì việc công bố vụ án của họ cũng không giúp được họ thay đổi án tù, nhưng sẽ giúp cải thiện đời sống trong tù cho họ đáng kể hay có thể thương lượng về các điều kiện giam cầm. Ngoài ra, việc công bố những trường hợp như vậy sẽ làm giảm đáng kể ý định và âm mưu tương tự của StB với những người khác. Một thành viên khác của Ủy ban bảo vệ những người bị truy tố oan ức, Anna Sabatova, cũng cho biết: "StB sử dụng những nạn nhân và những vụ án âm mưu như thế để tạo nên không khí sợ hãi trong xã hội. Hai hay ba vụ án như vậy mỗi năm sẽ tạo nên cảm giác trong xã hội vẫn đang có những kế hoạch gián điệp, phá hoại. Hơn thế, các vụ án này thường còn được cố tình tạo ra và bao bọc bởi màn sương 'bí ẩn' giả tạo. Tất cả nhằm tạo nên sự sợ hãi vô hình trong xã hội. Nếu những vụ án này được công khai hóa thì những 'gián điệp' như Romer rất dễ dàng dành được thiện cảm của cả xã hội."

Hội chữ thập đỏ

Trong rất nhiều năm, không ai ngoài người trong gia đình biết về vụ án của Romer. "Mãi đến năm 1982 chúng tôi mới biết về chuyện này nhờ một ai đó đưa tin từ nhà giam Valdic là có một người ở Zlin đang bị giam và có thể vì lý do chính trị" Bendrich Koutny, một người đối lập thời gian đó, nay là giám đốc cảnh sát ở Zlin, nhớ lại. - "Sau đó chúng tôi thận trọng tìm hiểu được những chi tiết khác về vụ án Romer. Anh ta không có bạn bè ở Zlin, gia đình và cả mẹ anh không muốn nói chuyện với chúng tôi vì sợ chúng tôi là người của cảnh sát mật đến để khiêu khích."

Mẹ của Romer nhớ lại thời gian đó: "Tôi rất sợ khi phải nói chuyện đó với bất kỳ ai. Cuối cùng tôi cũng đủ can đảm để kể về trường hợp của con trai với những người chống đối. Không có bất kỳ giấy tờ gì, kể cả bản án của Romer, ít nhất tôi cũng cố kể lại cho họ toàn bộ sự việc đã xảy ra. Nhưng tôi không hề muốn nghe bất kỳ một tên nào của những người đến nhà tôi, đề phòng trường hợp bị công an hỏi cung." Chúng ta có thể thấy tâm trạng sợ hãi của bà Kozlova qua một chuyện do chính bà kể lại xảy ra vào khoảng giữa những năm 80: "Một lần, có người đến và báo với tôi tin từ nhà tù Valdic về chuyện con trai tôi đang bị ốm, bị sốt rất cao và người ta phải dội nước lạnh lên để nó tỉnh lại. Tôi rất sợ hãi và không biết phải làm gì. Cuối cùng tôi viết thư cho Hội Chữ Thập Đỏ nhờ họ giúp đỡ. Vì nghĩ là luôn bị theo dõi nên tôi phải đi lên tận thủ đô Praha, viết địa chỉ người gửi giả và gửi bảo đảm từ một bưu điện. Ba ngày sau nhân viên Stb ở Zlin đến nhà và bắt tôi đến trụ sở làm việc của họ. Họ đưa bức thư tôi gửi cho Hội Chữ Thập Đỏ và hỏi ai đã cho tôi biết chuyện con trai tôi bị ốm. Tôi trả lời là có ai đó vứt mẩu giấy cùng tin đó vào hòm thư nhà tôi. Tôi van xin họ thả tôi ra vì còn con gái nhỏ ở ngoài nhà và không có chìa khóa để vào. Một nhân viên trong số đó đe dọa, nếu tôi còn tiếp tục làm các việc tương tự thì có thể một khi nào đó con gái tôi sẽ bị ô tô chẹt chết. Lời đe dọa đó càng làm tăng thêm nỗi sợ hãi của tôi. Sau này, những người ở Diễn đàn công dân[5] trách tôi đã không thông báo về trường hợp của con trai. Nhưng tôi biết báo và kể với ai? Ở đâu? Lúc đó tôi rất sợ họ sẽ bắt giam cả nhà và đuổi việc những người thân.

Chúc anh một cuộc đời tươi đẹp

Mãi đến tận tháng 1 năm 1990 Romer mới được thả ra khỏi tù nhờ ân xá của Tổng thống mới Vaclav Havel.[6] Chỉ không đầy ba tuần trước khi hết thời hạn 13 năm tù. Bà Kozlova kể lại: "Chúng tôi thuê một chiếc xe ô tô và cả nhà cùng đi đến nhà tù Valdic để đón Romer." Nhưng người đối lập ở Zlin cũng đến và quay lại cảnh gặp gỡ đó. Từ cổng nhà giam một người cao, gầy đeo một túi nhỏ bước ra. Anh cười ngượng nghịu và đưa mắt ngơ ngác nhìn tìm kiếm xung quanh. Anh ôm hôn mẹ mình và nói: "Cuối cùng, tất cả cũng kết thúc, phải không mẹ!" "Khi đó tất cả chúng tôi cùng đang tưng bừng, phấn khởi trong không khí những ngày đầu sau Cách mạng nhung . Dừng lại một quán ăn bên đường, tôi bảo con trai có thể gọi tất cả những món ăn gì nó muốn, kể cả những món ăn đắt tiền nhất. Nhưng Romer nói, trong suốt 13 năm anh chỉ ước ao được ăn món xúc xích bình dân như hot-

dog. Thậm chí, Romer còn không còn nhớ cả cách sử dụng muỗng nĩa như thế nào!

Sau khi ra khỏi tù, Romer làm việc một thời gian trong văn phòng Diễn đàn công dân ở Zlin. Anh được phân một căn hộ nhỏ mà trước kia StB dùng như là căn nhà để bẫy những người đối lập. Romer xin xét lại vụ án của mình và đòi bồi thường. Mấy năm sau, anh nhận được khoản bồi thường khoảng 400 000 cô-run là tiền bồi thường cho gần 13 năm tù giam vô cớ. "Thật sự, tôi không có ý định trả thù bất kỳ ai. Nếu làm như vậy mà có thể trả lại cho tôi được dù chỉ một ngày bị giam oan ức thì chắc chắn tôi sẽ đi tìm những người đã gây nên sự đày ải tôi. Nhưng thực tế, việc trả thù không có ý nghĩa" Romer tâm sự. Anh cũng tìm gặp lại cô người yêu cũ, "Cô ấy xin lỗi tôi và thú nhận là đã sợ những lời đe dọa của công an ngày đó. Liệu bây giờ tôi còn có thể tức giận cô ấy nữa chăng? Chúng tôi cùng chúc nhau một cuộc đời còn lại may mắn và sẽ vẫn là bạn bè."

Mùa hè năm 1990 Romer sang nước Áo để cám ơn những người làm việc bảo vệ nhân quyền bên đó đã lên tiếng bảo vệ anh trong thời gian anh ở nhà tù Valdic. Họ muốn giúp đỡ và Romer đã đề nghị họ giúp anh có thể ở lại sống và làm việc ở đó một thời gian. Anh ở lại đó gần năm năm. Trong thời gian đó anh lấy vợ và đã có con, đứa bé nay đã 10 tuổi. "Vợ tôi không muốn sống mãi ở Áo và chúng tôi quay trở lại Zlin" Romer kể. Ở đó ông lập ra một công ty du lịch mà tuyến du lịch chính là sang Áo. Sau đó, do cạnh tranh quá mạnh nên ông phải đóng cửa công ty và nhận làm giám đốc một công ty du lịch khác của một người họ hàng.

Khi gặp chúng tôi, ông Romer không hề có dấu hiệu bị khủng hoảng vì những năm tháng ở tù. Ông cười vui vẻ, đùa cợt và đôi lúc nói với chúng tôi về những ban nhạc ông ưa chuộng, về những lần ông sang thăm lại Áo, đất nước ông rất yêu quý. Ông không kể và cũng không muốn kể về những gì đã xảy ra với bản thân. "Tại sao? Để làm gì? Những chuyện đó không cần thiết...", ông nói - "Tôi đã hiểu và chấp nhận số phận của mình ngay từ khi còn ở nhà tù Valdic. Bây giờ trong xã hội người ta nghĩ rằng những người như tôi phải làm một điều gì đó. Dù tôi có

Phỏng vấn nhà báo Petr Uhl, nguyên thành viên Ủy ban bảo vệ những người bị truy tố oan ức

StB cần có những vụ án như vậy

- Có thể giải thích thế nào về các bản án rất nặng cho những người hoàn toàn vô tội như vậy?

- Tội gián điệp là sự kế tiếp của các vụ án từ những năm 50 và nhờ đó StB củng cố và khẳng định vị trí quan trọng của mình trong cơ cấu nhà nước. StB cần có những vụ án như thế và họ cũng tự tạo ra những vụ án như vậy.

- Các chánh án được quyền tự do quyết định đến mức nào?

- Các chánh án trên thực tế quyết định theo ý kiến của Đảng. Ví dụ, họ nêu: - trường hợp này phải xử không dưới 10 năm thì quan tòa cứ theo đó mà làm. Tất nhiên, không phải tất cả chánh án đều cư xử như vậy. Như trường hợp của Otakar Moteji [1], khi ông vô ý gây ra tai nạn giao thông cũng có áp lực xử tù ông. Nhưng cuối cùng ông chỉ bị án treo.

- Điều gì xảy ra với các chánh án khi họ không chịu xử theo áp lực từ phía đảng?

- Mất lòng đảng, cấp trên, không có cơ hội thăng quan tiến chức. Cuối những năm 80 rất nhiều chánh án đã "dám" giải phóng nhiều người khỏi các tội vô cớ bịa đặt và chỉ kết luận chúng như những lỗi vi cảnh.

- Luật sư được chỉ định bào chữa có ý nghĩa gì?

- Luật sư trên thực tế không có cơ hội bảo vệ. Trên thực tế họ chỉ là "nghị gật". Họ chỉ làm một việc là sắp xếp, khẳng định lại các chứng cớ đã được chỉ định từ trước.

- Ngày nay có thể truy tố những chánh án đã "xử theo lệnh" như vậy không?

- Những chánh án xử theo lệnh trong các vụ án được tạo dựng những năm 70 có thể bị xét xử theo điều khoản: "Lợi dụng quyền hành nhà nước".

kể nhiều hơn nữa về chuyện đã xảy ra, thanh niên ngày nay họ cũng sẽ không hiểu, còn những người già thì sẽ chỉ lắc đầu mà thôi."

II. Dựng lên vụ cướp máy bay như thế nào?

Ngày nay, khi nhìn lại vấn đề, chúng ta thấy kế hoạch của StB buộc tội Romer tổ chức cướp máy bay vượt biên là hoàn toàn có lôgic. Từ sau vụ cướp máy bay Slovaru xảy ra năm 1972 thì hình thức đó đã là một trong những cách thức hiếm hoi để trốn thoát ra khỏi chế độ. Sau nhiều vụ việc xảy ra, StB đã cử cả người của mình đi theo bảo vệ các chuyến bay nội địa. Đồng thời StB cũng quyết định cảnh cáo và đe dọa những trường hợp tương tự bằng một vài vụ án điển hình. Câu hỏi chỉ còn là tìm ra nạn nhân thích hợp cho kế hoạch dựng lên vụ án. Một trong những nạn nhân của StB là chàng thanh niên khi đó 18 tuổi, anh Ladislav Sevec người Brno. Ladislav có những năm tháng sôi động và phức tạp hơn so với các bạn bè cùng lứa tuổi. Sau khi học xong cấp II, anh vào học trường học nghề nhưng chỉ ở lại đó nửa năm. Sau đó Ladislav lần lượt thay đổi qua nhiều nghề khác nhau:- người phụ việc sân khấu, công nhân đo nước, công nhân phụ việc... Tuy nhiên, điều đặc biệt đáng kể là cuộc sống "tự do" trong giới hạn mà chế độ lúc bấy giờ "cho phép." "Chúng tôi thảo luận, tranh cãi nhau ở các quán bia, tham dự các buổi hòa nhạc mới, mua đĩa nhạc, ngủ lại ở nhà bạn bè, đi nghe các buổi hòa nhạc bí mật, để tóc dài" Ladislav kể một vài đặc điểm của cuộc sống "tự do" thời bấy giờ. "Chúng tôi không hề thích chế độ cộng sản, nhưng chúng tôi cũng không tham gia một nhóm đối lập nào cả." Như rất nhiều thanh niên khác lúc bấy giờ, Ladislav cũng đã hai lần vào bệnh viện thần kinh để có cuốn sổ xanh [7].

Mùa hè năm 1977, Ladislav và một người bạn, Joseph Trochta, đi lên thủ đô Praha... bằng máy bay để nghe một buổi ca nhạc. "Giá vé chỉ có 90 cô- run và vì thế chúng tôi quyết định đi bằng máy bay" Ladislav nhớ lại. Trochta còn mang theo cho một người họ hàng khẩu súng thể thao hỏng và được khai báo khi làm thủ tục ở sân bay. Khi về, họ đi bằng tàu hỏa.

Sau buổi ca nhạc, Ladislav và bạn bè đi uống bia như thường lệ ở một quán trong trung tâm thành phố. Ở đó họ vẫn uống bia quá mức như thường lệ. Năm 1977 là thời gian xảy ra một số vụ cướp máy bay. "Tất nhiên, trong quán bia đầy người chúng tôi không tránh khỏi đùa cợt về chuyện thời sự đang xảy ra lúc đó (các vụ cướp máy bay) với ý: Cũng hay nếu cướp được một vài cái máy bay... Ngoài ra chúng tôi hoàn toàn say mềm như mọi lần" Ladislav kể lại.

Vài tháng sau nhân viên StB bấm chuông nơi Ladislav ở và lôi cổ anh lên phòng làm việc của họ. Ngay trong lần hỏi cung đầu tiên Ladislav được biết là bị bắt vì đang chuẩn bị cướp máy bay. Và các nhân viên StB cũng đe dọa, tốt hơn cả là nên nhận tội ngay từ đầu. Ngoài ra là bị đấm, đá, bạt tai, chửi bới.... "Tôi nói đi nói lại với họ là tôi không chuẩn bị cướp máy bay hay gì tương tự" Ladislav kể. Nhưng công an chắc chắn biết những lời đùa cợt ngoài quán bia, một ai đó đã nghe được và tố cáo với công an. Người yêu của Ladislav kêu xin là họ chuẩn bị cưới nhau và sắp có con, nhưng cũng

KHOA HỮU

TƯỞNG NIỆM NGÀY MẤT NHÀ VĂN NHẤT LINH

(Tặng Nguyễn Tường Thạch và gia đình)

Người đi chân lý hai vai
ngày thu ngắn hạn đêm dài nỗi oan
gối đầu giấc mộng chưa tan
ba mươi năm thoảng như làn hương bay
đời trong trang sử lưu đày
mực phai kim cổ bút cài thiên thu
chữ tin hậu thế còn chờ
nhện giăng dĩ vãng buồn xưa cõi lòng
dạt dào biển nắng bên song
gió vun vút vó ngựa cuồng trần ai
nghe trong đất nấc tiếng trời
nghe trong tâm huyết máu ai trở về.

An Đông 19. 6. 90
18. 5 Canh Ngọ

không giúp được gì cả. Ngoài Ladislav, StB còn bắt thêm ba người nữa: Trochta (vì tội tham gia tổ chức cướp máy bay tuyến Brno-Praha khi họ đi xem ca nhạc), Tomas Stejkal và Zdenek Vardana vì tội tham gia vào việc "bàn kế hoạch" ở quán bia nọ. "Trong quán bia có rất nhiều người, nhưng theo công an, hai người này hình như cùng rời khỏi quán với tôi một lúc" Ladislav giải thích lý do tại sao lại những người này "được chọn" bị bắt.

"Tất cả chúng tôi thời đó ai cũng đều muốn thoát ra khỏi chế độ bấy giờ, nhưng tôi không hề lập kế hoạch cướp máy bay hay gì khác. Tất cả là bịa đặt và do họ dựng lên."

Sau năm tháng "điều tra," phiên tòa diễn ra nhanh chóng và chỉ cần duy nhất một nhân chứng, ngày hôm sau kết án. Tại phiên tòa, Trochta khai không đúng sự thật rằng, họ có chuẩn bị cướp máy bay trên tuyến Brno-Praha nhưng anh ta đã thuyết phục được Ladislav bỏ ý định đó vào phút cuối cùng. Nhờ lời khai làm chứng này, Trochta không phải đi tù và có thể về nhà. Nhớ lại điều này, Ladislav nói độ lượng: "Cậu ấy cũng bị tạm giam điều tra 5 tháng như tôi nên tôi hiểu cậu ta phải trải qua những gì." Ladislav bị kết tội là người chủ mưu là điều khiển chính của kế hoạch và bị kết án 9 năm tù trong nhóm tội phạm nặng thứ hai (chánh án còn đề nghị hình phạt 13 năm tù). Zdenek Vardana bị đi tù một năm vì nghe được "kế hoạch" mà không trình báo công an. Tomas Stejkal bị kết án ba năm tù vì đã "gật đầu" đồng tình với "kế hoạch" cướp máy bay. Ladislav ở nhà tù Mikovice 5 năm, sau đó tham gia vào một cuộc đánh nhau trong tù và bị kết án thêm một năm tù nữa và bị chuyển về nhà tù Valdic. Sau 10 năm, năm 1987 được ra tù. Sau cuộc Cách mạng nhung ông được phục hồi danh dự và được trả lại một nhà máy nhỏ sản xuất quần áo bảo hộ lao động trong quá trình hoàn trả các tài sản bị chế độ cộng sản quốc hữu hóa. "Tôi khi đó còn rất trẻ và cảm thấy bị vu oan trắng trợn. Suốt thời gian ở tù, tôi tự thề là sẽ không bao giờ thèm quị lụy họ" Ladislav giải thích điều đã giúp ông sống qua được trong suốt mười năm tù. Thế nhưng dấu ấn của thời kỳ tù tội dưới thời cộng sản vẫn ảnh hưởng đến ông sau "cách mạng nhung." Ông kể: "Cùng với một người bạn tôi muốn đi thăm Mỹ, chúng tôi phải xin visa và họ mời tôi lên phỏng vấn. Trong cuộc phỏng vấn họ nói việc tôi định 'cướp' ngày xưa không phải chỉ là tàu điện. Tôi là người có vấn đề và họ từ chối không cấp visa cho tôi."

Ông Ladislav cũng đã cưới vợ và có con gái. Ông cũng có dáng vẻ bình thản khi nói chuyện với chúng tôi và thỉnh thoảng cười vui. Nhưng ông kể, nhiều khi ông vẫn nằm mê lại bị bắt giam "vô cớ". Ông nói: "Có lẽ tôi mãi mãi không bao giờ thoát khỏi những giấc mê như vậy."

Ghi chú:

i) Gustav Husak người Slovakia. Ông trở thành Tổng bí thư Đảng cộng sản Tiệp Khắc sau vụ quân đội khối Varsawa (liên minh quân đội các nước XHCN Liên Xô cũ và Đông Âu xâm) chiếm Tiệp Khắc và đàn áp phong trào cải cách năm 1968. Ông cũng giữ chức vụ Tổng thống Tiệp Khắc đến tháng 12.1989 và buộc phải từ chức khi cuộc Cách mạng nhung xảy ra.
ii) Statni Bezpecnost- Cơ quan an ninh quốc gia (Công an Tiệp Khắc cũ)
iii) Phong trào cải cách dân chủ và cải tổ đảng CS Tiệp Khắc diễn ra dưới tên gọi "Mùa xuân Praha" đã khiến giới lãnh đạo tại Liên xô cũ lo sợ sẽ lan rộng ra các nước XHCN lân cận. Dưới chiêu bài yêu cầu của một nhóm đảng viên CS Tiệp Khắc họ đã phái quân đội đến đàn áp, đóng quân ở lại và tạo điều kiện cho nhóm của Jan Husak lên năm quyền.
iv) Sau khi quân đội hiệp ước Varsawa vào đàn áp phong trào cải cách dân chủ tại Tiệp Khắc năm 1968, Jan Husak lên nắm quyền và bắt đầu một giai đoạn "thanh trừng" những người tham gia vào các hoạt động cải cách dân chủ thời năm 1968. Giai đoạn này được lưu lại với tên "Thời kỳ bình thường hóa" và kéo dài đến tận cuối những năm 80.
v) Năm 1977 nhóm đối lập Tiệp Khắc soạn thảo và công bố văn bản (được ghi nhớ và gọi là "Hiến chương 77") đòi chính phủ Tiệp Khắc bảo đảm các quyền con người, dân chủ và tự do tối thiểu cho công dân. Đảng CS và chính phủ Tiệp Khắc bấy giờ đã phát động một phong trào rầm rộ "lên án" và đấu tố nội dung của Hiến chương này cùng những người công khai ký tên ủng hộ. Hầu hết những người công khai ký tên Hiến chương 77' đều bị bỏ tù dưới nhiều tội trạng khác

nhau, bị đuổi học, không được học tiếp và gây khó khăn trong cuộc sống sau đó.
v) Giữa những năm 50, sau khi chính quyền CS lên nắm quyền (năm 1948) họ đã dựng lên vụ án xử các tiểu thương ở vùng Zlin. Một số người đã bị kết án tử hình và đồng thời phiên tòa được ghi lại, quay lại thành phim tài liệu và được chiếu tuyên truyền rộng rãi (nhiều khi là bắt buộc đi xem) để làm gương cho người dân.
vi) "Obcanske forum"- Diễn đàn công dân là tổ chức mặt trận rộng rãi tập hợp tất cả các thành phần đối lập với đảng CS Tiệp Khắc ra đời tháng 11 năm 1989 khi cuộc "Cách mạng nhung" bắt đầu xảy ra. Diễn đàn đã trở thành đối trọng của Đảng cộng sản và góp phần quan trọng vào cuộcchuyển giao từ chế độ CS sang chế độ dân chủ bằng con đường hòa bình tại Tiệp Khắc năm 1989. Diễn đàn tự giải tán năm 1992.
viii) Vaclav Havel, nhà soạn kịch và là người đấu tranh cho tự do, dân chủ tại Tiệp Khắc từ nhữung năm 1967 đến tận năm 1989 khi cuộc Cách mạng nhung xảy ra. Ông cũng là một trong những người khởi xướng và là phát ngôn viên đầu tiên của Hiến chương 77. Tháng 12.1989 khi cuộc Cách mạng nhung diễn ra, ông được bầu là Tổng thống thay Jan Husak, Tổng thống không cộng sản sau một thôi gian dài. Ông được bầu lại nhiều lần giữ cương vị này ở Tiệp Khắc và sau là CH Séc mãi đến tận tháng 2 năm 2003 (theo luật pháp ông không được quyền ứng cử tiếp).
ix) "Modra knizka" – Sổ Xanh. Ở Tiệp Khắc nếu ai có vấn đề về sức khỏe và được xác nhận thông qua cuốn sổ y bạ màu xanh thì được miễn đi nghĩa vụ quân sự bắt buộc. Rất nhiều thanh niên Tiệp Khắc lợi dụng điều này để trốn tránh nghĩa vụ quân sự.
x) Otakar Moteji là một chánh án được nhiều người đánh giá là "đàng hoàng" ngay cả dưới chế độ CS ở Tiệp Khắc. Ông gây ra vụ một vụ tai nạn giao thông và bị kết án treo. Sau Cách mạng nhung ông giữ các chức vụ: Chủ tịch Toàn án hiến pháp, Bộ trưởng bộ tư pháp. Năm 2003 ông tham gia ứng cử Tổng thống CH Séc nhưng không thành công. Hiện nay ông giữ chức "Công tố viên nhân quyền" chuyên phân giải các vấn đề liên quan đến nhân quyền tại CH Séc.

LÝ THỪA NGHIỆP

ĐƯA NGƯỜI

Ta đưa người qua phố
Những ngõ đèn loanh quanh
Người tóc đen tóc đỏ
Như lá úa trên cành.

Ta đưa người lên núi
Mây xanh mấy lưng đồi
Lòng bỗng dưng mê muội
Nét son hồng trên môi.

Đưa người qua sân lá
Vàng một cõi chơ- như
Trong sương mù lạnh giá
Nỗi buồn nằm êm ru.

Ta đưa người qua biển
Con sóng vỗ bạc đầu
Thơ dăm hàng xao xuyến
Chiều xuống, chiều xuống mau.

Ta đưa người vô đạo
Tâm tướng hề! như không
Qua hết mùa dông bão
Sen nở trắng trên đồng.

Đưa người xanh lối cỏ
Nắng chiều bỗng ngát hương
Ai vẽ hoài muôn thuở
Bức hý họa vô thường.

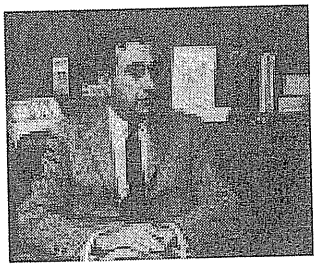

Edward Teller
và bom khinh khí

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Edward Teller, nhà vật lý lý thuyết Hoa Kỳ gốc Hung, đã từ trần tại nhà riêng trong khuôn viên trường Đại Học Stanford ngày Thứ Ba, 9 tháng 9 năm 2003 vừa qua, thọ 95 tuổi. Tên ông đi liền với một vài hiện tượng vật lý như sự phân rã bê–ta trong hạt nhân (neutron *biến đổi thành* proton, *hay ngược lại), tuy nhiên thế giới biết đến ông nhiều hơn như là "cha đẻ của bom khinh khí," một danh xưng ông rất ghét.*

Tôi được gặp Teller trong một buổi hội thảo chuyên đề chiều Thứ Ba hàng tuần vào năm 1966 tại trường Đại Học Tel Aviv, Israel. Ngày ấy mới ra trường, hãy còn rất "xanh," tất nhiên tôi cũng náo nức đợi nghe nhà khoa học thành danh nói chuyện như nhiều người khác. Ông người tầm thước, chắc nịch nhưng với cây gậy gỗ để giúp ông đi, đôi lông mày chổi xể rậm rạp cùng giọng nói nặng, oai vệ, tất cả khiến cho sự hiện diện của ông luôn luôn có dáng vẻ khiếp đảm. Tôi còn nhớ đề tài hôm đó là một vấn đề về vật lý học thiên thể. đứng trên bục giảng, Teller đưa mắt quan sát quanh buổng, chờ cử tọa yên vị, rồi rất chậm rãi, cân nhắc, hai bàn tay vo tròn vào nhau, ông bắt đầu: "As I compress a star..." ("Khi tôi nén ép một ngôi sao...") Chợt nhớ ra đây là "cha đẻ bom khinh khí," tôi rùng mình, tưởng chừng ngôi sao tan biến trong lòng bàn tay ông và cảm thấy sống lưng ớn lạnh: bom khinh khí chẳng qua chỉ là một ngôi sao thu nhỏ, được thể hiện ngay trên mặt đất. Tôi không học được gì từ Teller trong buổi hội thảo hôm đó vì đầu óc tôi lan man nghĩ đến những điều đã đọc về ông.

Edward Teller sinh năm 1908 tại Budapest, đã từng theo học cả Niels Bohr và Werner Heisenberg, hai người khổng lồ khai phá của Vật Lý hiện đại. Ông đậu bằng Tiến Sĩ tại trường Đại Học Leipzig, Đức. Năm 1928, khi hãy còn ở trường Đại Học Munich, ông bị trượt chân ngã xuống dưới xe điện và bị mất chân trái, sau này

cây gậy gỗ nặng mà ông luôn luôn dùng để giúp ông đi, được coi như một biểu tượng của ông. Năm 1935, cùng với vợ là Mici, Teller di cư sang Hoa Kỳ. Ông là một trong mấy nhà khoa học cố thuyết phục Hoa Kỳ làm bom nguyên tử để đề phòng Đức Quốc Xã.

Cuộc đời ông gây nhiều tranh cãi, người ca tụng cũng lắm mà kẻ chê bai cũng nhiều. Tuyệt đỉnh danh vọng, cách đây mới chưa đầy hai tháng, ông còn được tặng Presidential Medal of Freedom, một danh dự quốc gia cao nhất được trao tặng cho thường dân. Làm việc không ngừng, không biết mệt quá nửa thế kỷ, cố vấn khoa học cho nhiều tổng thống Hoa Kỳ thuộc cả hai chính đảng, cổ võ việc chế tạo và hoàn mỹ võ khí hạt nhân – Edward Teller chính là Dr. Strangelove của thời đại. Tuy Fermi là cha đẻ tinh thần của bom khinh khí (ngay khi bắt đầu chế tạo bom nguyên tử – phân rã hạt nhân của một nguyên tử nặng, *fission*, – Fermi đã nghĩ sự hợp nhất hạt nhân của nguyên tử nhẹ, *fusion*, như khinh khí còn kinh khủng hơn nhiều), người có một đam mê khác thường với võ khí hạt nhân là Teller, và danh xưng "cha đẻ của bom khinh khí" không phải là một danh xưng quá đáng. Có lẽ chính sự đam mê này cùng một vài lý do cá nhân khác đã đưa ông đến việc lên án Robert Oppenheimer cố tình trì hoãn việc chế tạo bom khinh khí trước Quốc Hội Hoa Kỳ vào năm 1954.

Ông là một nhân vật thân yêu của giới quân đội, của những người bảo thủ, cực hữu; đối với những người khác, nhất là đối với nhiều nhà khoa học đồng nghiệp, sau việc mà người ta cho là phản bội Oppenheimer, Teller không hơn gì một người hủi. Thời gian qua, người ta quên và nhiều người tha thứ cho ông, nhưng không phải tất cả. Trong cuốn hồi ký xuất bản năm 2001, ông kể lại cuộc gặp gỡ một trong những người bạn vật lý cũ: "Tôi vội vàng chạy lại, dang tay ra để chào đón ông ta. Ông ta lạnh lùng nhìn thẳng vào mắt tôi, từ chối bắt tay và quay đi. Tôi sửng sốt, không thể phản ứng trong giây phút. Rồi tôi nhận ra rằng đời sống của tôi như tôi đã biết không còn nữa."

Ngồi trong giảng đường nghe tiếng Teller vang vang đến như âm thanh hậu trường, tôi cảm thấy ông là người rất cô độc hay ít nhất đời sống của ông không hoàn toàn thoải mái vì thế giới của ông là thế giới khoa học, gồm những nhà vật lý mà nay nhiều người đã xa lánh, chán ghét ông. Được *boss* của tôi mời đến thăm Israel và Đại Học Tel Aviv, ông hẳn hài lòng lắm vì ông này cũng là một nhà vật lý lỗi lạc (đọc trong hồi ký, Teller ca tụng ông hết lời, nói ông xứng đáng được chung giải Nobel với Murray Gell-Mann ở Caltech; sau này Teller trở lại thăm Israel nhiều lần.)

Chế tạo bom nguyên tử và bom khinh khí tất nhiên không phải công việc của một người. Nên hay không nên làm lại là chuyện khác, điều ta không nghi ngờ là Teller là động lực cơ bản trong việc thực hiện thí nghiệm hợp nhất hạt nhân của nguyên tử nhẹ – bom khinh khí, thường gọi vắn tắt là bom-H.

Buổi hội thảo chuyên đề khác thường

Một buổi chiều tháng chạp năm 1944, trong một giảng đường nhỏ của Đại Học Zurich, có chừng ba mươi người đang nóng lòng chờ đợi vị khách quý. Đúng giờ hẹn, khách bước vào. Ông

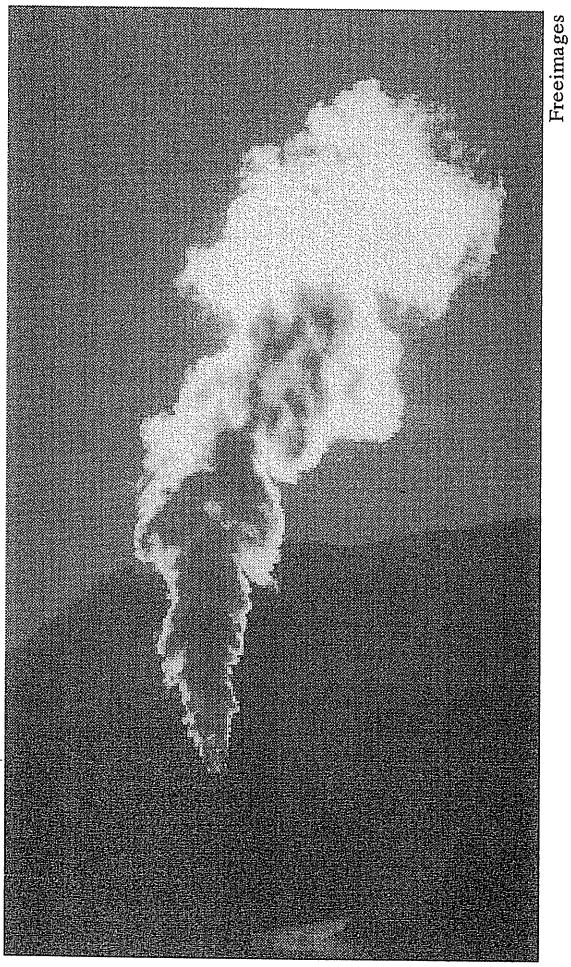

Freeimages

người dong dỏng cao, tóc nâu nhạt, đôi mắt to và sáng. Theo thủ tục, người ta giới thiệu ông mặc dù đó là một việc làm rất thừa vì khách, diễn giả hôm ấy, là vị giáo sư người Đức Werner Heisenberg, nhà bác học mà công trình khảo cứu ngót hai mươi năm trước đã đóng góp vào nền tảng cùng làm thay đổi bộ mặt của Vật Lý Học hiện đại.

Ông bước lên bục giảng, bắt đầu nói và viết nhanh. Chẳng mấy chốc, bảng đen chi chít những ký hiệu cùng phương trình. Thính giả chăm chú nghe, một vài người ghi chép. Hầu hết thính giả đều hiểu những điều giáo sư Heisenberg giải thích bởi vì họ là những nhà Vật Lý, chuyên viên nghiên cứu; họ họp nhau ở đây để nghe vị giáo sư khả kính nói về khảo cứu mới nhất của ông.

Trong đám thính giả, có một người cũng nôn nao chờ nghe ông như những người khác. Tuy nhiên, chỉ sau vài phút, anh cảm thấy lạc lõng mặc dầu anh đã cố tìm đọc rất nhiều về vật lý hạt nhân, sửa soạn kỹ để tiếp nhận bài thuyết trình. Tốc độ nói cùng thứ toán ông dùng, mỗi lúc một trở nên xa lạ, bất giác anh cho tay vào túi áo và sờ thấy khẩu súng lục tự động nằm im ở đấy.

Thính giả đó là Morris Berg, từng là tay vô địch môn dã cầu và bây giờ là nhân viên của Office of Strategic Services OSS, tiền thân của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương Mỹ CIA. Berg nóng lòng nghe xem GS Heisenberg có tiết lộ điều gì chứng tỏ ông biết bí mật chế tạo bom nguyên tử hay không. Trong trường hợp khẳng định, ngay trước đám đông cử tọa các nhà khoa học đó, Berg sẽ rút súng bắn vào đúng giữa hai con mắt GS Heisenberg.

Nhưng đối với Berg, giờ đây bài thuyết trình tuôn tràn như thác đổ, gồm toàn những từ vô nghĩa, những dòng chữ viết trên bảng đen chẳng khác gì cổ tự Ai Cập. Ông giáo sư nói gì vậy? Berg cảm thấy bất an. Liệu anh có đủ nhẫn tâm bắn chết vị giáo sư này, không ghê tay, khi anh không biết chắc những điều ông nói có đủ để kết tội ông hay không? Berg cảm thấy lòng bàn tay dâm dấp mồ hôi lạnh, anh dần dần bình tĩnh lại, rút tay ra khỏi túi. Khi GS Heisenberg kết thúc bài thuyết trình, Berg đứng dậy cùng những người khác, trao đổi vài câu chuyện rồi lặng lẽ bước ra khỏi phòng hội.

Berg là một người giỏi về ngôn ngữ, nhưng anh không đủ khả năng để quyết đoán bài thuyết trình của Heisenberg có chứa đựng chút ánh sáng nào về việc chế tạo bom nguyên tử hay không? Thế nào chăng nữa, anh tin rằng người đàn ông đang đứng trên bục giảng trước mặt anh không giấu giếm bí mật nào có thể làm thay đổi cục diện của cuộc chiến. Và như vậy, GS Heisenberg đã thoát hiểm. Vài ngày sau, trở về Đức, ông tiếp tục nghiên cứu của mình, không mảy may biết rằng ông suýt chết một cách tàn bạo trong một giảng đường tại Zurich.

Vào thời điểm này, Dự Án Manhattan (Manhattan Project) chế tạo bom nguyên tử của Hoa Kỳ đã gần hoàn tất và Hitler cũng chỉ còn sống thêm vài tháng nữa. Tuy vậy, đã từ lâu, có nhiều tin đồn ông *Fhrer* vẫn còn trong tay một loại vũ khí bí mật kinh người cất giấu đâu đó, một loại vũ khí có thể làm thay đổi cả cục diện của cuộc chiến hiện tại. Rất may cho GS Heisenberg, khi Berg ở trong giảng đường và ở vào vị thế có thể hạ thủ ông, anh đã tự thuyết phục chính mình rằng cho dù thứ khí giới kinh hồn đó có thật thì GS Heisenberg, không có vẻ gì được hiển nhiên bảo vệ, cũng không phải là người đứng đằng sau hỗ trợ nó.

Nhưng đó chỉ là ý kiến riêng của Berg. Hầu hết những đồng nghiệp cũ của Heisenberg, nay làm việc bên phe Đồng Minh, đều tin chắc rằng ông có đủ khả năng để chế tạo bom nguyên tử và ông cũng đang làm cái việc tương tự như việc họ đang làm ở Los Alamos. Trong tình huống không có gì rõ ràng như thế, họ không có chọn lựa nào khác ngoài nhu cầu cố loại trừ người của đối phương được coi như có đủ kiến thức chế tạo bom vì chính họ phải ở thế thượng phong: chế tạo được bom trước.

Một cuộc đua chạy đơn phương

Từ đầu năm 1939, khi hai nhà hóa học người Đức, Otto Hahn và Fritz Strassmann, cùng nhà vật lý người Áo, Lise Meitner, công bố kết quả thí nghiệm của họ, dùng *neutron* bắn và làm phân hạt nhân *uranium*, rồi tiếp đó Frédéric Joliot-Curie ở Pháp, xác nhận rằng với mỗi *neutron* đã dùng, sự phân hạt nhân này trung bình tạo ra 3.5 *neutron* khác, các nhà khoa học trên thế giới biết rằng phản ứng dây chuyền có thể xảy ra, cung cấp một năng lượng khổng lồ chưa từng thấy. Nếu năng lượng này được giải thoát trong khoảnh khắc thì đó chính là một thứ vũ khí diệt

chủng kinh hoàng.

Đức là một trong những nước có đủ thực lực – về cả nhân sự lẫn tài nguyên – để chế tạo thứ vũ khí đó và, trong hoàn cảnh hiện tại, có nhiều lợi thế để làm ra bom trước. Tất nhiên các nhà khoa học vô cùng lo sợ thứ khí giới này rơi vào tay độc tài Đức Quốc Xã, một viễn tượng thật hãi hùng, trước nhất đối với những nhà khoa học Âu Châu có liên hệ hoặc gốc Do Thái, mới chạy thoát khỏi chế độ sắt máu này, như Leo Szilard, Hans Bethe, Enrico Fermi, Edward Teller, v.v. Kết quả nỗi âu lo ấy dẫn tới bức thư nổi tiếng do Albert Einstein ký tên nhưng phần lớn thảo bởi Szilard, gửi Tổng Thống Roosevelt vào tháng 10 năm 1939, hối thúc Hoa Kỳ phải gấp rút nghiên cứu việc chế tạo bom nguyên tử.

Cuộc chạy đua có chính đáng hay không? Ở thời điểm này, Hoa Kỳ còn hơn hai năm nữa mới nhảy vào vòng chiến, vì vậy, tuy Tổng Thống Roosevelt nhận thức hiểm họa tương lai, biết là phải hành động – như ông nói – nhưng "hành động" chính thức lúc đó chỉ là thành lập một ủy ban nghiên cứu để xem xét sự việc. Đại loại, chính phủ cùng giới quân sự Mỹ cho rằng cố gắng của Szilard và Fermi là do quá hoảng hốt hay do hậu ý. Hơn thế nữa, theo một phúc trình của tình báo quân đội năm 1940, Fermi rời khỏi Ý vì có vợ người Do Thái, ... chắc chắn ông ta là Phát-Xít, ... không nên dùng trong những việc cơ mật. Szilard là người Do Thái lánh nạn gốc Hung, gia đình thương gia giầu có, đã đem hầu hết của cải đến được Hoa Kỳ, ... thân Đức, ... cũng không nên tin dùng..., v.v.

Trong những điều kiện như thế, các nhà khoa học tiếp tục "tự lực cánh sinh" theo đuổi công việc nghiên cứu, tìm tòi họ vẫn làm từ trước đến nay. Mùa hè năm 1940, trong khi Fermi bận rộn nghiên cứu tại trường đại học Chicago thì Heisenberg cùng Weiszacker ở Viện Kaiser Wilhelm, Berlin, cũng không rảnh rỗi: họ cùng nghiên cứu việc xây lò nguyên tử. Rất giản dị, trước hết, sự phân rã hạt nhân có kiểm soát là một vấn đề vật lý ở tiền đồn khoa học, như Fermi nói, "vật lý tuyệt vời" (superb physics); đó cũng là vấn đề nhà cầm quyền Đức lưu ý tới.

Tuy bị hụt hẫng lúc đầu trong cuộc chạy đua, chọn nước nặng thay vì than chì làm chất điều tiết (moderator) như Fermi, Heisenberg phát hiện ra điều này khá nhanh chóng. Thế nào chăng nữa, đầu năm 1941, trong khi Hoa Kỳ vẫn còn lủng củng về những thủ tục hành chính thì Đức đã rất sẵn sàng để bắt đầu nghiên cứu việc chế tạo bom.

Mùa hè năm 1939, vài tháng trước chiến tranh, Heisenberg hãy còn thăm viếng Hoa Kỳ, nói chuyện ở các trường đại học. Fermi, bạn lâu đời của ông, khuyên ông nên ở lại Hoa Kỳ. Tuy không bao giờ có cảm tình với đảng Quốc Xã, Heisenberg là một người yêu nước truyền thống, ông cảm thấy không thể bỏ rơi giới trẻ khoa học đang lên ở Đức nên đã về lại Đức. Giờ đây, mùa thu năm 1941, làm bom trở thành một vấn đề nan giải và đầy bức xúc đối với Heisenberg. Qua những tài liệu truy lục được, người ta thấy ông ngày càng quan tâm đến tác động chính trị và đạo đức trong việc nghiên cứu của mình.

Tháng 9 năm 1941, Heisenberg xin được phép đặc biệt đi Đan Mạch, lúc đó đã bị Đức chiếm đóng, để gặp Niels Bohr, thầy cũ của ông. Mục đích chính của chuyến đi là để nói chuyện Vật Lý song có lẽ nhà cầm quyền Đức hy vọng ông sẽ thu thập được ít nhiều tin tức khoa học quan trọng. Thật ra, Heisenberg có ý định khác:

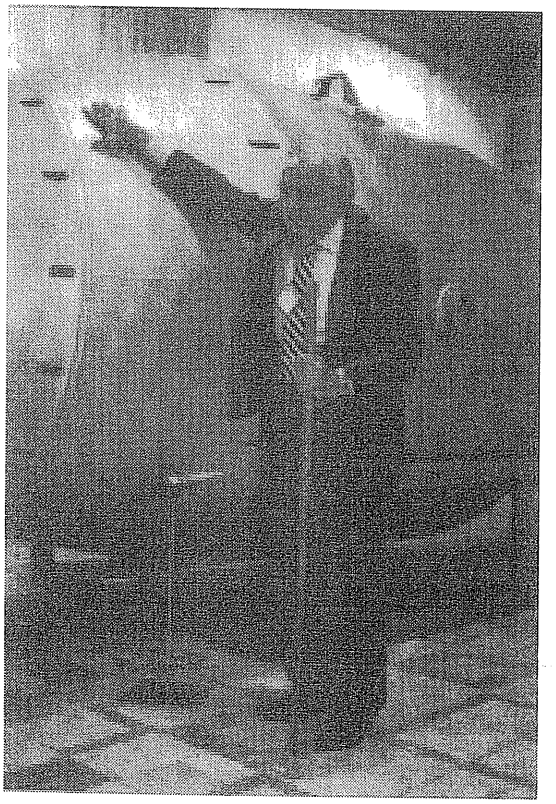

Teller bên cạnh quả bom khinh khí

ông muốn đề nghị với Bohr quyết định các nhà khoa học đừng theo đuổi khảo cứu chế tạo bom.

Đây là một hành động vô cùng nguy hiểm cho bản thân ông. Trước hết, ông không biết chính phủ Đức có tin cậy ông hay không? Theo nhiều nguồn tin khả tín, từ khá lâu, ông đã cố không để những người Quốc-Xã chú ý đến nghiên cứu của mình. Tất nhiên Heisenberg biết Bohr sẽ báo động với đồng nghiệp của ông, và Đồng Minh, nếu nhận biết tầm quan trọng trong ý kiến của ông cũng như hiện chưa có dự án nào về bom nguyên tử, thì nay có thể họ sẽ bắt đầu một dự án làm bom nguyên tử.

Cuộc hội kiến giữa Bohr và Heisenberg là một thất bại cay đắng. Bohr tiếp Heisenberg một cách lạnh nhạt vì nghi ngại Heisenberg chờ ông tiết lộ một tin tức nào đó về phía Đồng Minh. Gặp toàn im lặng, Heisenberg đành hỏi thẳng Bohr việc các nhà khoa học nghiên cứu chế tạo bom có là điều thiếu đạo đức hay không? Bohr giật mình, trả lời (lúc đó khá lương thiện) rằng ông không tưởng tượng con người có thể chế tạo được một quả bom như vậy.

Heisenberg trở về Đức, cô độc và tuyệt vọng. May cho ông, chính phủ Đức đang dốc toàn lực vào mặt trận đánh Nga ở miền Đông, ngân khoản nghiên cứu bị cắt, nhân lực chuyển sang những dự án khác, áp lực làm bom suy giảm (sau này, dù Đức có muốn làm thì cũng đã quá muộn). Khi Dự Án Manhattan bắt đầu tiến triển mạnh, chương trình chế tạo bom của Đức hoàn toàn tơi tả. Điều rất quan trọng là ngoài nước Đức, hầu như không ai biết chuyện này. Một số ít người biết là những người sẽ có rất nhiều ảnh hưởng trong tiến trình cuộc chiến và cấu trúc chính trị trên thế giới sau chiến tranh.

Ông Thần đã chui ra khỏi lọ...

Hoa Kỳ tiêu tốn chừng hai tỷ Mỹ Kim trong Dự Án Manhattan để chế tạo bom, tương đương khoảng ba mươi tỷ Mỹ Kim ngày nay. Điều đáng ngạc nhiên là dấn mình vào cuộc phiêu lưu khổng lồ, quan trọng như vậy mà Đồng Minh hầu như không có tin tức tình báo nào về tình hình khoa học nguyên tử của Đức. Dẫu thế, qua báo cáo của gián điệp Anh, đầu năm 1944, Đồng Minh hẳn biết chắc chuyện nghiên cứu nguyên tử của Đức chỉ có tính cách giáo khoa lẻ tẻ trong các trường đại học, không đáng kể. Tướng Leslie Groves, nhân vật quân sự quản trị Dự Án Manhattan và là người có ảnh hưởng rất lớn, viện cớ này hay cớ khác, tảng lờ phát giác này. Theo lời một chuyên viên nguyên tử cộng tác thân cận, từ năm 1945 trở đi, ông tướng này luôn cho người chung quanh cảm tưởng ông bị ám ảnh thường trực bởi một e ngại cực kỳ là chiến tranh sẽ kết thúc trước khi bom sẵn sàng. Ngay cả sau khi Đức đã đầu hàng, Groves vẫn còn luôn thúc dục, "Chúng ta không được bỏ phí thời gian, dù chỉ một ngày." Việc làm bom vẫn xúc tiến mạnh. 5 giờ 30 sáng ngày 16 tháng 7 năm 1945, quả bom nguyên tử đầu tiên được thử ở sa mạc Alamogordo, New Mexico, với sức mạnh tương đương với 18600 tấn TNT, mở đầu một kỷ nguyên mới.

Việc Đức không có chương trình làm bom nguyên tử là một tin tối mật; tuy nhiên, đến cuối năm 1944 thì tin đó cũng đã xầm xì lan rộng trong các cơ sở nghiên cứu chế tạo bom Hoa Kỳ. Đối với hầu hết các nhà khoa học, làm bom là một việc làm trái với đạo đức nhưng cần thiết, mục đích duy nhất của nó là để đề phòng trường hợp Đức Quốc-Xã có bom. Bây giờ đe dọa đó không còn nữa, việc Đức thua trận chỉ còn là vấn đề gang tấc, họ bắt đầu đặt câu hỏi về kế hoạch tiếp tục làm và dùng bom. Thực hiện một vài thí nghiệm cho nổ bom vẫn là một vấn đề vật lý rất hấp dẫn, hầu hết các nhà khoa học đều muốn làm cho biết, nhưng còn việc dùng bom? Một vài người như (Sir) Joseph Rotblat, nhà vật lý gốc Ba-Lan, từ giã Dự Án Manhattan; rất nhiều người khác mà tiêu biểu là Szilard, kẻ đi tiên phong hăng hái xin làm bom, nay vận động xin đừng thả bom xuống đất Nhật.

Tội nghiệp những nhà khoa học ngờ nghệch, dễ thương! Họ là người đánh cá trong truyện Ngàn Một Đêm Lẻ đã trót thả thần ra khỏi lọ nay không biết mẹo làm cho thần chui lại vào lọ. Đầu năm 1945, chuyên gia nguyên tử Samuel Goudsmit đi theo Đại Tá Pash thuộc tình báo quân đội Hoa Kỳ, lùng tìm khí giới giết người hàng loạt ở bên Đức. Qua những tài liệu tìm thấy trong văn phòng của Weiszacker, nhất là bản báo cáo của Heisenberg đề ngày 6 tháng 6 năm 1942, gửi Albert Speer, bộ trưởng Bộ Tiếp Liệu (Minister of Supply) và quyết định của ông này, họ không còn điều gì nghi ngờ nữa: Đức không có chương trình chế tạo bom nào đáng kể. Goudsmit vui mừng nói với một thiếu tá, bạn

đồng hành: "Thật tuyệt diệu! Đức không có bom nguyên tử. Bây giờ, ta không phải dùng bom của ta nữa." Ông này trả lời, "Sam, bạn tất phải hiểu rằng một khi chúng ta có thứ khí giới đó, chúng ta sẽ xử dụng nó." James Byrnes, một chính trị gia lão thành Mỹ, sau là bộ trưởng Ngoại Giao thời Tổng Thống Truman, thường được gọi đùa là Tổng Thống Phụ (Assistant President) của Roosevelt, phát biểu phũ phàng hơn: "Chúng ta đã tiêu tốn hai tỷ Mỹ Kim để làm bom, Quốc Hội sẽ muốn biết chúng ta làm được gì với hai tỷ ấy."

Ngày 12 tháng 4 năm 1945, Tổng Thống Roosevelt đột ngột từ trần. Chút hy vọng mong manh cuối cùng cho ông thần chui lại vào trong lọ chết theo với ông; trên bàn giấy của ông còn lại cả thư của Einstein và Szilard chưa được đọc. Ba tuần sau khi thử nghiệm, vào 8 giờ 16 phút sáng ngày 6 tháng 8 năm 1945, máy bay oanh tạc B-29 có tên Enola Gay, thả quả bom nguyên tử đầu tiên, Little Boy, xuống Hiroshima. Bom nổ cách mặt đất 500 thước, tỏa ra sức nóng và ánh sáng cực mạnh (Brighter than a Thousand Suns – Robert Jungk.) Chừng 20000 người chết trong một diện tích vòng tròn, đường kính khoảng một cây số. Họ bốc thành hơi trong nháy mắt ở ngay chỗ họ đang đứng, tất cả còn lại là bóng của họ in hằn trên vài bức tường không bị đổ. Thêm vài phút nữa, sẽ có thêm 50000 người chết, và sau cùng, tổng cộng chừng 140000 người chết, vì thương tích và phóng xạ. Little Boy chỉ mạnh bằng hai phần ba quả bom đã thử trong sa mạc.

Túi khôn của loài người

Trên đường về từ hội nghị tay ba với Churchill và Stalin ở Potsdam, Tổng Thống Truman, khi được tin ném bom ở Hiroshima, ông níu tay một sĩ quan và nói buột ra: "Đây là một sự việc vĩ đại nhất trong lịch sử." Nhiều người không nghĩ như vậy, các nhà vật lý ở Đại Học Chicago (nơi Fermi xây dựng lò nguyên tử đầu tiên) ký thỉnh nguyện xin Truman chia xẻ bí mật nguyên tử với các nước khác để tránh một cuộc chạy đua võ khí. Ở Paris, hai ngày sau khi bom nổ ở Hiroshima, Albert Camus viết: "Ta có thể tóm tắt sự việc này trong một câu: văn minh kỹ thuật của ta đã tiến đến trình độ cao nhất của man rợ. Trong một tương lai khá gần, ta sẽ phải làm một chọn lựa giữa tự sát tập thể và xử dụng một cách khôn ngoan chinh phục khoa học của chúng ta. Trong khi chờ đợi chúng tôi nghĩ rằng có một điều gì khiếm nhã khi ta ca tụng một phát minh đã gây ra tàn phá rồ dại nhất chưa bao giờ được biết nơi con người..."

Ngay trong khi việc nghiên cứu chế tạo bom nguyên tử hãy còn đang phát triển, nhiều nhà khoa học cùng một số nhân vật trong chính giới cũng đã sớm nhận biết cuộc chạy đua võ khí tàn hại trong tương lai giữa các quốc gia hậu chiến, nhất là giữa hai khối cộng sản và tư bản. Theo họ, thế giới cần có sự hợp tác chặt chẽ, cởi mở trong việc xử dụng năng lượng nguyên tử.

Bohr đề nghị bắt đầu bằng cách bình thường hóa những tiếp xúc giữa các nhà khoa học. Ông thảo một bức giác thư gửi Roosevelt và Churchill. Ngày 26 tháng 8 năm 1945, Bohr gặp Roosevelt để trình bầy mối lo ngại của ông cùng giải pháp để tránh những căng thẳng sẽ có thể xẩy đến. Theo thói quen, Roosevelt không để lại văn kiện nào ghi lại những hội kiến riêng và Bohr giữ im không nói, nhưng điều khá rõ ràng là Bohr không có sự đồng thuận của Tổng Thống. Cuộc hội kiến giữa Bohr và Churchill lâu nửa giờ. Churchill ngồi im nghe Bohr nói rồi đứng dậy, quay lại hỏi Lord Cherwell, cố vấn khoa học của ông, "Thực sự ông ta nói gì vậy? Chính trị hay vật lý?" Churchill thường được coi là một vĩ nhân, diễn văn ông đọc có sức mạnh di chuyển cả quả núi, nhưng trong chuyện này, tầm nhìn của ông chưa qua được biên giới của Đế Quốc Anh (Tổng Thống Anwar Sadat của Ai Cập đã từng gọi Churchill là tên ăn trộm – a thief – chắc hẳn sau mặt bà Sadat, một người Anh "máu xanh".) Có thể đó là một trong những lý do khiến sau này, ngày 5 tháng 3 năm 1946 tại Fulton, Missouri, ông phải đọc thêm bài diễn văn nổi tiếng khác, cho ngôn ngữ cụm từ mới, "Bức Màn Sắt."

Rất giản dị, đối với giới khoa học Nga những hiểu biết cơ bản khoa học sau quả bom không có gì là bí mật. Henry Stimson, chính trị gia lão thành, bộ trưởng bộ chiến tranh và Vannevar Bush, giám đốc văn phòng nghiên cứu, phát triển khoa học, phụ trách việc chế tạo bom của Tổng Thống Roosevelt, hai ông trình bầy ý kiến kêu gọi trực tiếp Nga Sô-Viết khi điều kiện hãy còn thuận lợi, võ khí nguyên tử còn phôi thai và hai bên còn là đồng minh. Stimson nói, "Chúng ta không có bí mật nào để cho ai...", còn theo Bush thì bề gì, trong vòng năm năm, trước sau Nga

Sô cũng sẽ giải quyết được những vấn đề kỹ thuật.

Đó là những tiếng nói yếu ớt. Đa số chính trị gia và giới quân sự Hoa Kỳ tin rằng Nga Sô cần ít nhất là hai mươi năm mới có thể làm được bom nguyên tử. Lẽ tự nhiên, chậm hai mươi năm, Nga Sô sẽ không thể cựa được. Nhân chi sơ, tính bản tham, có lẽ thêm cả một liều rất mạnh sân và si nữa. Tham lam và mộng bá chủ là bản năng động vật nơi con người, không thể chữa được. Không đầy một tháng sau khi chiến tranh kết liễu, tháng 9 năm 1945, chân núi Sandia Mountains không xa Los Alamos lắm, bắt đầu được khai phá để xây cất nhà máy sản xuất bom nguyên tử hàng loạt. Tuy giới khoa học làm nhiều cố gắng cổ súy cho việc kiểm soát võ khí nguyên tử, chính phủ Hoa Kỳ thờ ơ, trong bầu không khí nghi kỵ, chính phủ Nga lãnh đạm, Hoa Kỳ vẫn giữ độc quyền nguyên tử, ngay cả đối với Anh quốc. Ta đã biết điều này hơi khó: Nga thử bom bốn năm sau, năm 1949, như đã tiên đoán, Anh 1952, Pháp 1960 và Trung Quốc 1964.

Một ông Thần to hơn ...

Ngay khi bắt đầu dự án làm bom, Fermi đã nhận biết sức mạnh lớn bội phần của sự hợp nhất hạt nhân nhẹ như khinh khí. Khác với bom nguyên tử dựa vào sự phân rã hạt nhân nặng như *uranium*, sức mạnh của bom khinh khí hầu như không có giới hạn trên. Szilard ước lượng rằng bom khinh khí 600 tấn có thể đủ để làm tan cả quả đất! Thật vậy, lúc đầu các nhà vật lý lo sợ rằng cho nổ một quả bom khinh khí có thể khơi mào làm tiêu tan trái đất vì bom nổ tạo một nhiệt độ rất cao, ở nhiệt độ này phản ứng có thể sẽ tiếp tục nếu còn nhiên liệu (khinh khí). Sự khó khăn là phải tạo ra nhiệt độ thích ứng rất cao lúc bắt đầu mà ngay cả ngày nay, sau quá nửa thế kỷ tìm tòi, khảo cứu, phương tiện thực tế, hữu hiệu nhất vẫn là dùng một quả bom nguyên tử để tạo ra nhiệt độ đó.

Các nhà khoa học của Dự Án Manhattan đều đồng ý tập trung cố gắng làm bom nguyên tử, trừ một người, đó là Edward Teller. Ông muốn đốt giai đoạn, làm bom khinh khí, gây nhiều xáo trộn đến nỗi cuối cùng Oppenheimer phải để riêng ông ra, cho làm việc khác. Bom nguyên tử hoàn tất và được thả ở Nhật như ta đã biết. Tuy chiến tranh kết liễu, quân đội Hoa Kỳ gồm ba binh chủng, hải lục không quân, thường thi đua gay gắt bành trướng uy lực (mặc dầu hải quân bỏ mấy nghìn Mỹ Kim lúc đầu, lục quân có may mắn quản trị việc chế tạo bom), tương lai không mấy sáng sủa. Thoạt tiên họ coi thường món đồ chơi hoang tưởng của mấy ông "đầu quả trứng" (egg-head) sống trong tháp ngà (Đô Đốc Leahy, đổng lý văn phòng của Tổng Thống, kết luận buổi tóm tắt về Dự Án Manhattan của Bush cho Tổng Thống Truman như sau: "Đây là sự rồ dại lớn nhất chúng ta đã làm. Quả bom sẽ không bao giờ nổ, và tôi nói như vậy với tư cách một chuyên viên về chất nổ,") nay biết còn ông thần to hơn nằm chờ trong lọ, họ sẽ không để ông thần ngủ yên. Trong bối cảnh ấy, Teller vẫn cố gắng không ngừng, thúc đẩy việc chế tạo Siêu Bom – Super – bom khinh khí, mạnh bằng cả nghìn lần bom đã bỏ ở Hiroshima. Tháng 8 năm 1949, thời cơ của Teller đã đến: không quân Hoa Kỳ ở Viễn Đông phát hiện Nga đã thử bom nguyên tử của họ, một quả bom nặng ký mệnh danh là Joe I để "vinh danh" Joseph Stalin. *Uranium* họ dùng không thể đến một cách bất hợp pháp từ Hoa Kỳ vì kiểm kê số lượng *uranium* đã sản xuất và đã dùng chỉ thấy thiếu có 4 gram. "Ta phải làm gì bây giờ đây?" Một câu hỏi đầy bức xúc. Chế tạo Siêu Bom để đập lại? Nếu chế tạo bom nguyên tử là một việc làm thiếu đạo đức nhưng cần thiết thì, đối với nhiều nhà khoa học, chế tạo bom khinh khí là một điều nghịch lý và vô luân. Cuối tháng 10 năm 1949, Ủy Ban Năng Lực Nguyên Tử, với Oppenheimer chủ tọa, nhóm họp để trả lời câu hỏi: "Hoa Kỳ có phải khẩn trương sản xuất bom khinh khí hay không?" Về phương diện kỹ thuật, họ đồng ý có lẽ có thể làm được nhưng về phương diện quân sự, cả nước Nga chỉ có hai mục tiêu lớn đủ để dùng bom khinh khí, Moscow và Leningrad. Quan trọng hơn, họ nhấn mạnh chế tạo loại bom này sẽ làm tổn thương rất nhiều uy tín của Hoa Kỳ. Rabi và Fermi viết:

"Sự tàn phá của thứ khí giới này không có giới hạn khiến cho sự hiện hữu cùng sở hữu cách thức chế tạo nó là một hiểm họa cho toàn thể nhân loại. Nhìn dưới bất cứ ánh sáng nào nó cũng là một tai họa. Vì những lý do này, chúng tôi tin rằng điều quan trọng là Tổng Thống Hoa Kỳ phải loan báo cho dân chúng Hoa Nếu chế tạo bom nguyên tử là một việc làm thiếu đạo đức nhưng cần thiết thì, đối với nhiều nhà

khoa học, chế tạo bom khinh khí là một điều nghịch lý và vô luân. Cuối tháng 10 năm 1949, Ủy Ban Năng Lực Nguyên Tử, với Oppenheimer chủ tọa, nhóm họp để trả lời câu hỏi: "Hoa Kỳ có phải khẩn trương sản xuất bom khinh khí hay không?" Về phương diện kỹ thuật, họ đồng ý có lẽ có thể làm được nhưng về phương diện quân sự, cả nước Nga chỉ có hai mục tiêu lớn đủ để dùng bom khinh khí, Moscow và Leningrad. Quan trọng hơn, họ nhấn mạnh chế tạo loại bom này sẽ làm tổn thương rất nhiều uy tín của Hoa Kỳ. Rabi và Fermi viết:

"Sự tàn phá của thứ khí giới này không có giới hạn khiến cho sự hiện hữu cùng sở hữu cách thức chế tạo nó là một hiểm họa cho toàn thể nhân loại. Nhìn dưới bất cứ ánh sáng nào nó cũng là một tai họa. Vì những lý do này, chúng tôi tin rằng điều quan trọng là Tổng Thống Hoa Kỳ phải loan báo cho dân chúng Hoa Kỳ cùng toàn thế giới biết, trên nguyên tắc đạo đức cơ bản, khởi sự phát triển thứ khí giới này là một sự sai lầm."

Bethe viết những lời kêu gọi thống thiết trên Scientific American: "... tôi tin rằng ta sẽ mất nhiều hơn là chỉ đời sống của ta trong một chiến tranh dùng bom-H, thực ra ta sẽ mất cả tự do lẫn giá trị con người, mất toàn vẹn đến độ ta không thể lấy lại được trong một thời gian dài, lâu không biết bao nhiêu."

Đó là những người trực tiếp chế tạo bom nguyên tử, giờ đây họ từ chối không tham dự việc chế tạo bom-H. Sự chiến thắng của lẽ phải và ôn hòa thọ chừng ba tháng. Tất nhiên nhóm người năng động, thường được gọi đùa là "supermen" – Teller, Lawrence, Alvarez, ... – không ngồi yên. Họ làm việc với Không Quân cùng những nhân vật trong chính giới tin tưởng tuyệt đối ở chỗ đứng cao của kỹ thuật Hoa Kỳ. Được thêm một cú sốc nữa họ sẽ thành công. Ngày 27 tháng 1 năm 1950, họ có cú sốc đó: cảnh sát Anh tiết lộ Klaus Fuchs là gián điệp của Nga. Fuchs là một nhà khoa học có quốc tịch Anh, người đã tham dự hầu hết những khảo cứu và hội họp then chốt, kể cả những họp bàn về bom-H. Ngày 31 tháng 1, Tổng Thống Truman làm một trong quyết định lớn nhất của lịch sử, ông long trọng tuyên bố: "Tôi đã ra lệnh cho Ủy Ban Năng Lực Nguyên Tử tiếp tục nghiên cứu mọi khía cạnh của vũ khí nguyên tử, kể cả bom khinh khí." Cuộc chạy đua chính thức bắt đầu.

Ngày 31 tháng 10 năm 1952 Hoa Kỳ cho nổ quả bom-H đầu tiên, mệnh danh là Mike, trên một đảo nhỏ Elugelab ngoài khơi Thái Bình Dương. Mike đào một cái hố dài non hai cây số và rộng chừng 50 mét; đảo Elugelab biến mất. Mike có sức mạnh chừng ba triệu tấn TNT. Thật ra Mike chưa thể gọi là một quả bom, vì nó như một nhà máy làm lạnh nhỏ để giữ *tritium,* chất đồng vị của khinh khí; cả hệ thống nặng chừng 65 tấn. Trong khi các chuyên gia hãy còn đang cấp tốc làm một quả bom "thật", một loại bom "khô", dùng chất đồng vị của *lithium* thay vì *tritium,* thì tin tức đến từ Nga làm mọi người sửng sốt. Ngày 8 tháng 8 năm 1953, Malenkov, người kế vị Stalin, tuyên bố "Hoa Kỳ không còn độc quyền sản xuất bom-H." Bốn ngày sau, qua những phóng xạ thu lượm được, người ta nhận biết đó là một bom "khô", có nghĩa là Hoa Kỳ bị trực tiếp đe dọa bằng bom-H và chỉ có thể trả đũa được bằng bom nguyên tử!

Năm 1954, Hoa Kỳ cho nổ quả bom "thật", tương đương với chừng 20 triệu tấn TNT, rồi bom của Khrushchev, chừng 50 triệu tấn. Vân vân.

*

Lạm dụng chữ "nếu", nếu thế này, nếu thế nọ, thì sẽ không có lịch sử; tuy nhiên có một vài điều đáng để ta suy nghĩ. Có một thời các nhà khoa học, trực tiếp hay gián tiếp, liên hệ đến việc làm bom như Einstein, Bohr, Szilard, v.v. được phong tặng các tính từ "ngây thơ," "ngờ nghệch" (naive) hay tệ hơn nữa. Với cuộc chạy đua chế tạo vũ khí nguyên tử trong ba chục năm trời như ta biết, những đề nghị viển vông, "ngờ nghệch" như của Bohr có trọng lượng hơn là giá trị người ta dành cho nó. Tệ lắm đi nữa thì trong cái thế giới không tưởng ấy cũng không thể có tới hơn ba mươi ngàn vũ khí nguyên tử như thế giới ngày nay đang sở hữu, hơn hai mươi năm sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Trong số những vũ khí đó có những quả bom có thể mạnh tới 5000 lần quả bom ném xuống Hiroshima; suy đoán từ những thử nghiệm của Hoa Kỳ ở ngoài khơi Thái Bình Dương, cho nổ một quả bom ở thành phố Nữu Ước dù chỉ mạnh bằng một phần mười cũng thừa đủ để khiến cho bán đảo Manhattan cùng các vùng phụ cận biến khỏi mặt trái đất.

NGUYỄN HÀ TUỆ

HẠ HUYỀN

Vầng trăng ấy đã ngàn thu
Nguồn mơ còn lại mấy tờ thư phai
Gửi về đâu những dấu hài
Tóc huyền ai thả theo lời thơ bay
Hồn trăng trên ngọn lau gầy
Hắt hiu sông nước sương đầy bến không
Mây trôi thuyền lạc muôn trùng
Mênh mang thiên cổ một mùng viễn khơi
Tiếng kêu thương nỗi ngậm ngùi
Trăng tà núi lặng không lời vọng âm.

HUỲNH LIỄU NGẠN

TA VỚI NGƯỜI HAI NẺO MỘNG MÀ THÔI!

rồi cũng đến một chân mây xuôi ngược
con đường đi qua lại cũng vô chừng
người vội vã thổi hương lòng nghiêng lệch
mà mưa mai nắng quái cũng vô cùng
sao tiếng nói không âm vang ghềnh thác
để ngươi rồi bèo giạt với hoa trôi
người lỡ dở một khung trời xa bến
mà mưa mai nắng quái cứ luân hồi
tôi ở lại với trăng tàn nắng xế
lùa mây về trên đỉnh ngọn sao tua
cứ thêu thùa thêm ngàn hoa nội cỏ
một nẻo đời hai nẻo mộng se sua.

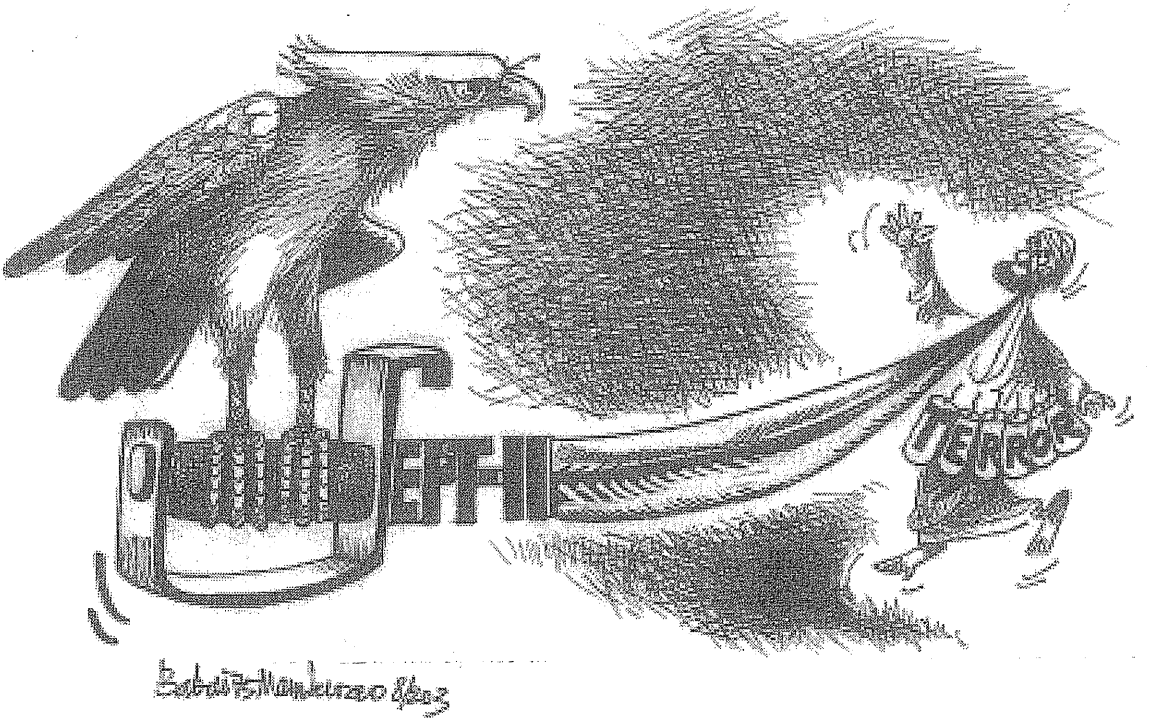

Trúc Lâm Thiền Viện.com

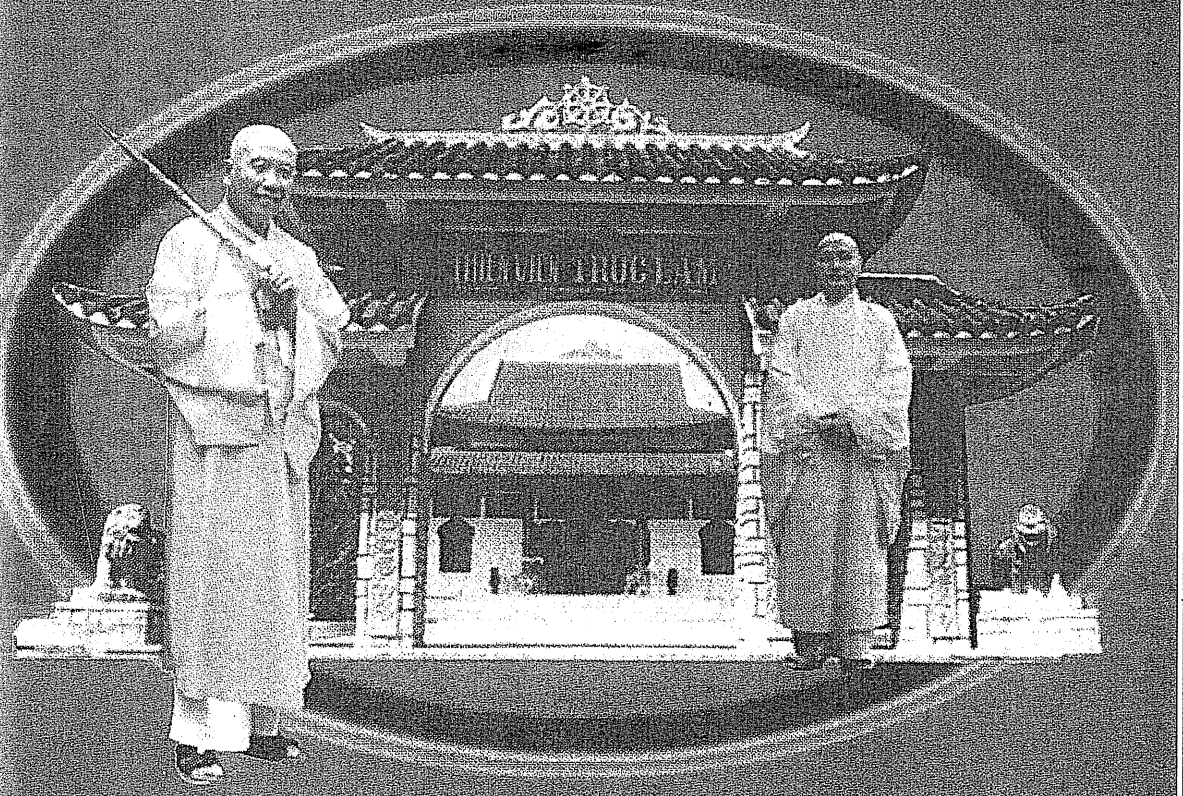

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo *Đối cảnh vô tâm*
Không hẹt hai bên *Hằng sống với lẽ thật*

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** ***(714) 891-6742***

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim